

**KINH ĐẠI THỪA NHẬP LĂNG GIÀ**  
Phụng Dịch theo bản đời Đường của Ngài Thiệt Xoa Nan Đà



**Ns. TRÍ HẢI**

*Nguồn*

*<http://www.buddhahome.net>*

*Chuyển sang ebook 21-6-2009*

*Người thực hiện : Nam Thiên – [namthien@gmail.com](mailto:namthien@gmail.com)*

*[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)*

Mục Lục

QUYỂN MỘT

CHƯƠNG I VUA LĂNG GIÀ THỪA HỎI

CHƯƠNG II THỰC HÀNH TẤT CẢ PHÁP

Tiết I

QUYỂN HAI

Tiết II - THỰC HÀNH TẤT CẢ PHÁP

QUYỂN BA

CHƯƠNG II

Tiết III - TU TẬP HẾT THẢY PHÁP

QUYỂN BỐN

CHƯƠNG III VÔ THƯỜNG (anityatiparivatro Màmattriyah)

Tiết I

QUYỂN NĂM

CHƯƠNG III VÔ THƯỜNG

CHƯƠNG IV HIỆN CHỨNG

CHƯƠNG V NHƯ LAI THƯỜNG HAY VÔ THƯỜNG

QUYỂN SÁU

CHƯƠNG VII PHÂM BIẾN HÓA

CHƯƠNG VIII CẤM ĂN THỊT

CHƯƠNG IX ĐÀ LA NI  
CHƯƠNG X KỆ TỤNG - PHẦN THỨ NHẤT  
QUYỀN BẢY  
CHƯƠNG X KỆ TỤNG - PHẦN THỨ NHÌ

**QUYỀN MỘT**

**CHƯƠNG I**  
**VUA LĂNG GIÀ THƯA HỎI**

Như vậy tôi nghe, vào thời gian Phật cùng chúng đại tỳ kheo và đại Bồ tát ở trong thành Lăng già trên đỉnh núi Ma la dà bên biển lớn. Các vị này đều đã thông đạt năm pháp, ba tự tính, tám thức, hai vô ngã, hiểu rõ nghĩa cảnh giới do tự tâm hiện, dạo chơi trong vô số tam muội, tự tại, mười lực và sáu thần thông. Tuy hiện đủ loại hình và phương tiện để điều phục chúng sinh, kỳ thực các Ngài xuất thân từ các cõi Phật, được chư Phật lấy nước cam lộ rưới đầu. Bồ tát Đại Huệ là bậc thượng thủ.

Bảy giờ đức Thế Tôn thuyết pháp trong cung vua Ròng biển đã quá bảy ngày. Ngài từ trong biển lớn đi ra, có vô lượng trời rồng, Phạm vương, Đế Thích - những vị hộ trì thế gian- cung đón. Đức Như lai đưa mắt nhìn thành Lăng già trên đỉnh Ma la dà sơn, mỉm cười nói: "Các bậc Ứng chính đẳng giác ngày xưa cũng đều ở trong thành này diễn nói Pháp mà thánh trí đã chứng. Đó không phải cảnh giới ngoại đạo có thể suy lường, không phải cảnh giới của thanh văn duyên giác. Nay Như lai cũng khai thị pháp này cho La bà vương (Ravana)." Khi ấy La bà na, vua loài Dạ xoa, nhờ thần lực Phật, nghe được âm thanh lời ngài, từ xa biết Như lai đã ra khỏi cung vua Ròng biển, có các vị hộ thế trời, rồng, Phạm vương, Đế Thích vây quanh. Nhìn sóng biển, Như lai quán sát A lại gia thức của chúng sinh không khác gì biển lớn bị gió hoàn cảnh thổi động, làm cho sóng thức nổi dậy. La bà na lòng vui mừng nói: "Ta hãy đến thỉnh đức Như lai vào thành Lăng già, để ta cùng các loài trời, người trong đêm tối dài được lợi ích lớn." Nói xong cùng quyền thuộc đi xe hoa đến chỗ Phật, đến nơi xuống xe nhiễu quanh Phật ba vòng, thổi các thứ âm nhạc để cúng dường Như lai. Các nhạc khí đều nạm ngọc nhân đà la màu xanh, ngọc lưu ly..., được bọc trong các thượng y vô giá. Âm thanh vi diệu mỹ lệ, tiết điệu hòa nhịp theo lời kệ ca ngợi Phật:

Tâm Phật là kho tàng chân lý

Vô ngã, lia kiến chấp nhiễm ô  
Nguyện Phật vì chúng con diễn nói  
Chỗ sở tri thánh trí đã tường  
Báo thân do thiện pháp tích thành  
Trí giác ngộ nên thường an lạc  
Ngưỡng mong đấng Biến hóa tự tại  
Vào thành Lăng già diễn pháp sâu  
Chư Phật cùng Bồ tát xưa lâu  
Cũng từng ở thành này nói pháp  
Chúng con loài dạ xoa hết thảy  
Nguyện một lòng nghe Pháp cao sâu.

La bà na, chúa tể thành Lăng già, sau khi đã ca bài tán Phật theo âm điệu Đô ta ka (Totaka), còn hát bài tụng như sau:

Thế Tôn trong bảy ngày  
Ở trong biên Ma kiệt  
Sau ra khỏi Long cung  
Ung dung lên bờ này  
Con và các thể nữ  
Cùng quyến thuộc dạ xoa  
Thân đà, Xa Thích na  
Cùng các vị thông tuệ  
Đều sẽ dùng thần lực

Mà đến chỗ Như lai  
Lần lượt xuống xe báu  
Lễ kính đức Thế tôn  
Lại nhờ uy thần Phật  
Trước Phật xưng tên mình:  
Con là vua La sát  
La bà na mười đầu  
Nay đi đến chỗ Phật  
Xin Phật thấu nhận con  
Và tất cả chúng sinh  
Ở trong thành Lãng già  
Vô lượng Phật quá khứ  
Đều lên đỉnh núi báu  
Trong thành Lãng già này  
Mà nói pháp sở chứng  
Thế tôn cũng nên vậy  
Ở núi báu trang nghiêm  
Chúng bò tất vây quanh  
Xin nói pháp thanh tịnh  
Chúng con nhân ngày nay  
Cùng chúng ở Lãng già

Một lòng cung kính nghe  
Pháp tự chúng ly ngôn  
Con nhớ đời quá khứ  
Vô lượng các đức Phật  
Có Bồ tát nhiều quanh  
Cũng nói kinh Lăng già  
Kinh nhập Lăng già này  
Phật xưa đều khen ngợi  
Nguyện Phật nay cũng thể  
Vì chúng sinh khai diễn  
Xin Phật vì xót thương  
Vô lượng chúng Dạ xoa  
Hãy vào thành nghiêm báu  
Nói pháp môn vi diệu  
Thành Lăng già đẹp này  
Trang hoàng bằng châu báu  
Vách không bằng đất, đá  
Lướì giảng bằng trân bảo  
Các chúng Dạ xoa đây  
Xưa từng cúng dường Phật  
Tu hành lìa các lỗi

Thường rõ chỗ chúng tri  
Các dạ xoa nam nữ  
Khao khát pháp đại thừa  
Tự tin theo Pháp ấy  
Và thích khiến người tin  
Nguyện xin đấng vô thượng  
Vì các chúng La sát  
Và quyến thuộc Lung nhĩ  
Mà đến nơi thành này  
Con từ xưa đến nay  
Siêng cúng dường chư Phật  
Nguyện nghe pháp tự chúng  
Đạo đại thừa cứu cánh  
Xin Phật thương xót con  
Và các chúng Dạ xoa  
Cùng các hàng con Phật  
Mà vào trong thành này  
Đây cung điện thể nữ  
Và các chuỗi anh lạc.  
Vườn vô ưu khả ái  
Xin Phật thương nạp thọ

Đề phụng Phật, Bồ tát

Không gì con không xả

Ngay cả đến thân này

Xin Phật thương nạp thọ.

Đức Thế Tôn nghe lời trên, liền dạy: "Này Dạ xoa vương, các đấng đại đạo sư đời quá khứ đều thương xót người, nhận lời thỉnh cầu của người mà đến núi báu này, nói pháp tự chứng. Chư Phật đời vị lai cũng thế. Đây là chỗ ở của những bậc tu thiền quán sâu xa đã biến hiện ra pháp lạc. Ta và các bồ tát vì thương xót sẽ nhận lời cầu thỉnh của người." Nói xong, Phật ngồi im lặng. Vua La bà na liền đem xe kết hoa đẹp của mình để cúng Phật. Phật ngồi lên xe, vua và các bồ tát tuần tự theo sau. Có vô lượng thể nữ ca hát tán thán để đón mừng Phật vào thành. Sau khi vào thành, vua La bà na cùng quyền thuộc lại dùng các thứ vi diệu để cúng dường. Đồng nam đồng nữ trong chúng Dạ xoa lấy lưới báu cúng dường Phật, vua La bà na cúng Phật và Bồ tát các chuỗi anh lạc đeo cổ. Sau khi nhận các phẩm vật cúng dường, chư vị Bồ tát lần lượt nói cảnh giới cao thâm mà các ngài đã thân chứng. La bà na vương và quyền thuộc lại cúng dường bồ tát Đại huệ và khuyến thỉnh như sau:

Tôi và các đại sĩ

Muốn hỏi đức Thế Tôn

Các cảnh giới tự chứng

Của tất cả Như lai

Tôi cùng chúng dạ xoa

Và các bồ tát này

Một lòng nguyện xin nghe

Nên đồng thanh khuyến thỉnh

Ngài là bậc tối thắng

Trong các bậc tu hành

Và thuyết pháp lợi sinh

Tôi một lòng cung kính

Xin ngài vì chúng tôi

Mà thỉnh vấn như lai

Pháp tự chúng thanh tịnh

Cứu cánh vào Phật địa

Lìa tất cả làm lỗi

Của ngoại đạo, nhị thừa.

Bấy giờ trong núi ấy, đức Thế Tôn dùng thần lực hóa ra muôn ngàn núi báu, lại dùng trăm ngàn vạn ức báu vật của chư thiên mà trang hoàng. Trên đỉnh mỗi ngọn núi đều có thân Phật hiện, trước mỗi thân Phật đều có vua La bà na và hội chúng. Tất cả cõi nước trong mười phương đều xuất hiện, trong mỗi cõi nước đều có đức Như lai, trước mỗi đức Phật đều có vua La bà na cùng quyến thuộc, vườn A du già, thành Lăng già trang nghiêm... Mỗi nơi đều có Bồ tát Đại huệ thưa hỏi Phật. Phật khai thị cảnh giới tự chứng cho chúng hội. Sau khi dùng muôn ngàn âm thanh vi diệu để diễn nói kinh này, Phật cùng chúng Bồ tát tan biến vào hư không. Khi chỉ thấy còn lại một mình mình trong cung điện, vua La bà na nghĩ: "Vậy, người đang nhìn mọi sự đây là ai? Ai đã nghe thuyết pháp? Ai thấy? Thấy gì? Phật và rừng núi báu trong thành biến đi đâu? Đây là mộng chăng? Hay là ảo giác? Hay cảnh biến hóa của loài càn thất bà? Hay vì ta nhắm mắt? Hay là nắng quán đèn lòa? Đây là ảo mộng, như con của thạch nữ? Như ảo giác vòng lửa quay?" Lại nghĩ: "Bản tính của vạn pháp đều như vậy, chỉ là cảnh giới do tự tâm phân biệt. Kẻ phàm phu mê hoặc không thể hiểu thấu. Kỳ thực, không có thấy và bị thấy, không người năng thuyết cũng không pháp sở thuyết. Thấy Phật nghe Pháp đều là phân biệt. Những người thấy các pháp như trên không thể thấy được Phật, không sinh phân biệt mới gọi là thấy Phật." Khi ấy chúa tể thành Lăng già bỗng nhiên khai ngộ, lìa ô nhiễm của tự tâm, chúng được vạn pháp chỉ do tâm biến hiện; an trú cảnh giới vô phân biệt. Nhờ những thiện căn đã trồng lâu xa về trước, ông được cái thấy "như thật" đối với hết thảy pháp. Ông không còn lệ thuộc người khác để giác ngộ, có thể dùng trí quán sát các pháp một cách sáng suốt, xa lìa hết thảy ước đoán, tà giải, trở thành một bậc thầy trong các bậc đại tu hành. Có năng lực một thân hiện ra



nhiều thân, thấy suốt các phương tiện, biết rõ đặc điểm từng giai đoạn tu hành (địa), thường ưa xa lìa tâm, ý, ý thức, cắt đứt ba kiến "tương tục", lìa chấp trước của ngoại đạo. Tự tâm ông biết mình đã vào kho tàng Như lai, hướng đến Phật địa. La bà na bỗng nghe giữa hư không trong cung điện có tiếng nói: "Hay thay, đại vương ! Như chỗ ông đã học, các bậc tu hành cũng học như thế, thấy như thế. Tất cả các đức Như lai cũng thấy như thế. Nếu thấy (các pháp) khác thế, là đoạn kiến. Ông phải xa lìa tâm, ý, ý thức, nên siêng quán sát hết thấy các pháp, nên tu nội hạnh, chớ đắm trước ngoại cảnh, chớ sa vào những pháp tu, những lối giải thích, những cảnh giới, những phép định của nhị thừa ngoại đạo. Chớ ham thích bàn chơi, đàm tiếu, chớ khởi các kiến chấp của phái Vi đà (chấp tự ngã), chớ say đắm an nhàn của vương vị, chớ ở trong những định thuộc về lục định v.v.. Làm như thế là thực hành hạnh của bậc chân tu, có thể phá biện luận của người khác, có thể diệt trừ ác kiến, có thể xả bỏ hết thấy ngã kiến chấp trước, có thể dùng diệu tuệ để chuyển thức sở y, có thể tu đạo đại thừa của Bồ tát, có thể thâm nhập cảnh giới tự chứng của Như lai. Ông nên siêng tu học thêm như vậy, để các pháp sở đắc càng thêm thanh tịnh. Hãy khéo tu Tam muội và Tam ma bát đế (samàpatti), chớ tham đắm cảnh giới mà nhị thừa, ngoại đạo cho là vui thù thắng, vì phân biệt theo phạm phu. Ngoại đạo chấp ngã kiến, có ngã tướng, vương mặc Thật (dravya), Đức, (Cầu na, guna). Nhị thừa thấy thật có "vô minh duyên hành" nên từ "Tính không" sinh loạn tướng phân biệt. Lãng già vương, Pháp này là đạo đại thừa rất thù thắng, có thể khiến ông thành tựu "Thánh trí tự chứng", được thọ đời tốt đẹp trong ba cõi. Lãng già vương, các ngoại đạo chấp trước ngã, lập các dị luận, không thể diễn nói xa lìa chấp trước, chỉ thấy nghĩa "hai" của thức tính. Hay thay, Lãng già vương, hãy tư duy nghĩa này như ông tư duy, tư duy như thế chính là thấy Phật ."

Bấy giờ Lãng già vương lại nghĩ: "Xin cho con lại được chiêm ngưỡng Như lai. Như lai Thế tôn vốn tự tại trong các phép quán, lìa pháp ngoại đạo, có thể diễn nói cảnh giới của Thánh trí tự chứng, vượt ngoài ứng thân hóa thân, an trú trong chính định của Như lai, chứng nhập được pháp lạc tam muội. Ngài là đáng "Đại quán hạnh sư", là đáng Đại ai mãn, đã đốt hết lửa phiền não và phân biệt, được các chúng Phật tử vây quanh, đáng hiểu thấu tâm chúng sinh, đáng Biến khắp các cõi, đáng Nhất thiết trí, xa lìa hết thấy sự tướng phân biệt. Con nay xin được thấy lại năng lực đại thần thông của Như lai. Khi được thấy Như lai, nguyện cho con đạt được pháp chưa đạt, không thối chuyển pháp đã đạt, lìa các phân biệt, an trú trong pháp lạc tam muội, tăng trưởng đầy đủ Như lai trí." Đức Phật biết Lãng già vương sẽ chứng Vô sinh pháp nhẫn, vì thương xót nên lại thị hiện sắc thân, biến mọi vật trở lại như trước. Vua mười đầu thấy lại những gì đã từng thấy: rất nhiều sơn thành

trang hoàng bằng đủ thứ châu báu, trong mỗi thành đều có đức Phật 32 tướng nghiêm thân, lại tự thấy thân mình và Đại huệ ở trước mỗi đức Phật, có chúng Dạ xoa vây quanh, đang nói các pháp sở hành của bậc Tự chứng trí, lại thấy cõi nước của mười phương Phật. Tất cả các sự vật đều hiện như trước không sai khác.

Bấy giờ đức Thế tôn từ xa dùng tuệ nhãn quan sát khắp hội chúng rồi bỗng vui mừng cười lớn như sư tử vương. Từ giữa đôi lông mày, đôi vé, hông, lưng, cổ cho đến từ vai, cánh tay, đầu chũm vạn, từ mỗi lỗ chân lông trên thân ngài, đều phóng muôn vàn hào quang đẹp, như ráng cầu vồng, như tia mặt trời, lại như ngọn lửa mạnh nổi lên vào thời kiếp tận. Lúc ấy trong hư không, Phạm vương, Đế Thích, Tứ thiên vương từ xa cũng thấy Như lai ngồi như núi Tu di trên đỉnh Lăng già sơn vui mừng cười lớn. Chư Bồ tát và các chúng loài trời đều nghĩ: "Như lai Thế Tôn vốn tự tại trước mọi pháp, nay bởi nhân duyên gì bỗng lại vui mừng cười lớn, thân tỏa hào quang, lặng im không động, an trú trong cảnh tự chứng, nhập pháp lạc tam muội, như sư tử vương nhìn quanh bốn hướng, nhìn La bà na, nghĩ đến các pháp như thật?" Khi ấy Bồ tát Đại huệ trước vì lời thỉnh của La bà na, sau vì biết rõ tâm các Bồ tát trong hội chúng, lại biết chúng sinh đời sau những kẻ bám vào ngữ ngôn văn tự, ôm giữ hạnh nhị thừa ngoại đạo sẽ mê lầm nghĩ: "Thế Tôn đã xa lìa cảnh giới của thức phân biệt, thế thì vì có gì mà vui mừng cười lớn?" Chính vì muốn trừ nghi hoặc cho hạng này, nên Bồ tát hỏi Phật. Phật đáp:

" Hay thay, Đại huệ! Hay thay, Đại huệ ! Ông quán sát thế gian, vì thương xót chúng sinh bị trói buộc trong các quan niệm sai lầm về ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai, muốn cho chúng sinh được khai ngộ mà hỏi ta. Những người trí thường đặt câu hỏi vì lợi mình lợi người như vậy. Nay Đại huệ, Lăng già vương đây đã từng hỏi tất cả các đức Như lai trong quá khứ hai nghĩa Ứng cúng và Chính đẳng giác (A la hán và Phật), nay cũng muốn hỏi, và trong đời vị lai cũng thế. Các chỗ khác nhau giữa hai nghĩa ấy, hết thảy nhị thừa, ngoại đạo đều không thể suy lường." Đức Như lai biết Lăng già vương muốn hỏi nghĩa này nên dạy:

Này Lăng già vương, ông muốn hỏi gì cứ hỏi. Ta sẽ phân biệt giải thích cho ông, thỏa mãn mong cầu của ông, khiến ông hoan hỷ, có thể dùng trí tuệ tư duy quán sát để lìa phân biệt, biết rõ các giai đoạn tu hành. Ông sẽ tu tập đối trị các pháp, chứng nghĩa chân thật, nhập pháp lạc tam muội, được chư Phật nhiếp thọ, an trú trong pháp lạc xa ma địa (samapatti), xa lìa lỗi lầm của định nhị thừa, an trú các cấp bậc Bồ tát: Bất động, Thiện huệ, Pháp vân. Ông sẽ như thật rõ biết các pháp vô ngã, sẽ được ngồi trong hoa sen báu, được

chư Phật lấy nước tam muội rưới đầu, đượ vô số Bồ tát ở trong sen báu vây quanh, cùng chúng hội đều hướng nhìn ông. Các cảnh giới như thế không thể nghĩ bàn. Ông sẽ sinh khởi các hạnh Nhất hạnh và Nhất phương tiện. Ông quyết định sẽ đạt những điều bất tư nghì như thế trong quả vị Như lai, sẽ tùy cơ cảm chúng sinh mà ứng hiện thân tướng. Những gì ông sẽ đạt, hàng nhị thừa, ngoại đạo, Phạm vương, Đế Thích, Tứ thiên vương đều chưa từng thấy.

Được Phật cho phép, Lăng già vương rời chỗ ngồi trên đỉnh núi báu thanh tịnh trang nghiêm như hoa sen lớn đứng dậy, với chúng thể nữ vây quanh, hóa ra vô lượng hoa đủ màu, các loại hương như hương bột, hương thoa, tràng phan, dù lọng, quang bôi (?), anh lạc cùng các đồ trang sức thắm diệu khác thế gian chưa từng nghe. Lại biến hóa ra rất nhiều nhạc khí mà dục giới có, các nhạc khí vượt hơn nhạc khí cõi trời, rồng, nhạc thần, cùng hết thảy thế gian, các nhạc khí mà chư Phật mười phương đều thấy. Lại hóa các lưới báu che khắp chư Phật, Bồ tát. Lại hiện các thứ y phục mỹ lệ, dựng tràng phan để cúng dường Như lai. Xong La bà na liền bay lên hư không cách bảy cây đa la, rưới xuống các lễ vật cúng dường, trỗi nhạc, rồi từ trên không xuống, ngồi ở đỉnh núi sen báu tỏa ánh sáng như mặt trời, vui mừng cung kính bạch: "Con nay muốn hỏi Như lai hai nghĩa. Hai nghĩa này con đã từng hỏi các đức Như lai Ứng chính đẳng giác trong quá khứ. Chư Phật xưa cũng đã nhân lời cầu thỉnh của con mà trình bày. Nay con muốn hỏi lại nghĩa ấy, xin đức Như lai nói rõ cho con. Bạch Thế tôn, hai nghĩa ấy được các đức Như lai biến hóa chứ không phải Phật căn bản (Phật Pháp thân) tuyên thuyết. Phật căn bản thì chỉ nói cảnh giới của pháp lạc tam muội chứ không nói những cảnh giới do hư vọng phân biệt. Hay thay đức Thế Tôn tự tại đối với các pháp, xin ngài rũ lòng thương xót nói hai nghĩa này, hết thảy hàng con Phật đều có lòng muốn nghe." Khi ấy đức Thế Tôn bảo vua :

Ông cứ hỏi, ta sẽ nói cho.

Vua Dạ xoa liền mang thêm các thứ mũ báu và anh lạc, các đồ trang sức để trang nghiêm thân rồi nói:

Như lai thường dạy : "Pháp còn phải xả, huống hồ phi pháp." Bạch Thế Tôn, làm sao xả hai thứ pháp ấy? Pháp là gì, phi pháp là gì? Làm sao có hai pháp để xả? Có hai pháp tức đã sa vào tướng phân biệt giữa hữu thể và vô thể (svabhàvàbhàva) giữa thị và phi (abhautibhautika). Tất cả đây đều là phân biệt, không thể biết được tướng vô sai biệt của A lại da thức. Như khi thấy vòng lông (mao luân) trong hư không mà cho có thật, (sự phân biệt) đó

không phải là cảnh giới của tịnh trí. Pháp tính vốn như vậy, làm sao có thể xả (pháp hay phi pháp) ?

Phật dạy:

Lăng già vương, ông không thấy sự tán hoại vô thường của các vật như bình, v.v.. hay sao ? Phàm phu thấy những pháp ấy liền sinh phân biệt. Ông không biết sự khác nhau giữa pháp và phi pháp sao ? Đây là do phàm phu phân biệt, không phải là cái thấy của bậc chứng trí. Phàm phu sa vào sự phân biệt tướng, các bậc đã chứng thì không thế. Nay Lăng già vương, như khi thiêu đốt cung điện, vườn rừng, thấy các ngọn lửa, tính lửa vẫn là một, nhưng do sức cháy của các nơi phát ra ngọn lửa mà lửa có dài ngắn to nhỏ khác nhau. Sao ông không biết tướng sai biệt giữa pháp và phi pháp? Nay Lăng già vương, như một hạt giống sinh mộng, thân nhỏ, cành, lá cho đến hoa quả, sai biệt vô cùng; ngoại pháp như thế, nội pháp cũng vậy. Do vô minh làm duyên sinh uân, giới, xứ cùng hết thấy pháp trong ba cõi, thọ sinh vào các đường, có khổ lạc, tốt, xấu, nói, im, đi, nghỉ đều khác nhau. Lại như tướng của các thứ chỉ là một, song theo cảnh giới mà có trên, giữa, dưới, uế, sạch, thiện, ác v.v.. không đồng. Nay Lăng già vương, không những các pháp như trên có sai biệt, mà các bậc tu hành khi tu quán hạnh cũng thấy trong các hạnh nội chứng của mình có các tướng sai biệt, hưởng chi pháp với phi pháp mà không phân biệt hay sao? Nay Lăng già vương, pháp cùng phi pháp khác nhau, nên biết đây là do phân biệt các tướng mà ra. Lăng già vương ! Pháp là gì? Ấy là những pháp mà nhị thừa ngoại đạo do hư vọng phân biệt cho là có, thật, làm nhân cho các pháp. Những pháp như vậy cần phải xa lìa, chớ nắm giữ tướng để sinh phân biệt, thấy các pháp do tự tâm biến mà cho là thật. Thấy được pháp tính của tự tâm, ấy gọi là không chấp trước. Các vật như cái bình v.v.. mà phàm phu chấp vốn không tự tính, những người tu quán hạnh lấy tỷ bát xá na (vipassana-quán) như thật quán sát, gọi là xả các pháp. Nay Lăng già vương, phi pháp là sao? Ấy là các pháp không có tự tính, không tướng, lìa phân biệt; người thấy như thật thì cảnh giới dù có dù không đều không khởi quan niệm, ấy gọi là xả phi pháp. Lại nữa, phi pháp ấy là như sừng thỏ, con của thạch nữ v.v.. đều không tính không tướng, không thể phân biệt, cần phải xa lìa. Phi pháp này tuy không tính không tướng, mà thế gian vẫn có danh từ, không phải như cái bình v.v.. có thể cầm nắm. Các pháp có tướng phân biệt như bình, và không tướng như lông rùa, đều phải xả bỏ, ấy gọi là xả pháp cùng xả phi pháp. Lăng già vương, những chỗ ông hỏi trước ta đã nói xong. Nay Lăng già vương, cái quá khứ ông nói đó chỉ là phân biệt, vị lai cũng là phân biệt, vì ta (hiện tại) cũng như các đức Như lai kia. Lăng già vương, pháp của chư Phật nói đều xa lìa phân biệt, đã ra khỏi

hết thấy hí luận, không như sắc tướng có thể phân biệt, chỉ có trí mới chứng nhập được mà thôi. Chính vì muốn cho chúng sinh an vui mà chư Như lai mới diễn nói pháp, dùng trí vô tướng mà nói, gọi là Như lai. Bởi đức Như lai lấy trí làm thể, lấy trí làm thân, nên Như lai không phân biệt cũng không thể bị phân biệt. Không thể lấy tướng ngã, nhân, chúng sinh... mà phân biệt Như lai. Vì sao? Bởi vì ý thức do cảnh mà khởi rồi bám lấy sắc, hình, tướng. Cho nên (Như lai) xa lìa năng phân biệt cũng như sở phân biệt. Nay Lăng già vương, thí như chúng sinh trong bức tranh màu trên vách không có giác tri, chúng sinh ở thế gian cũng vậy, không có nghiệp, báo. Pháp Phật cũng thế, không có nghe, không có nói. Nay Lăng già vương, chúng sinh ở thế gian cũng như cảnh biến hóa, phạm phu ngoại đạo không thấu đạt nghĩa này. Lăng già vương, thấy được như thế gọi là chính kiến, thấy khác gọi là phân biệt kiến, vì phân biệt nên bám giữ nhị nghĩa. Lăng già vương này, ví như có người tự thấy bóng mình trong gương nước, dưới ánh trăng, nghe tiếng mình âm hưởng trong hang núi, bèn sinh phân biệt mà khởi sự bám víu. Đây cũng vậy, pháp, phi pháp chỉ là phân biệt, vì phân biệt nên không thể xa lìa; chỉ tăng trưởng hư vọng, không được an tĩnh. An tĩnh ấy nghĩa là nhất duyên (ekàgra), nhất duyên ấy là tam muội tối thắng, từ đó có thể phát sinh Thánh trí tự chứng, lấy Như lai tạng làm cảnh giới.

## **CHƯƠNG II** **THỰC HÀNH TẤT CẢ PHÁP**

### **Tiết I**

Đại Huệ Bồ tát cùng Ma đề Bồ tát những vị đã viếng các cõi Phật, bấy giờ nương uy thần Phật, từ chỗ ngồi đứng dậy, trật vai áo bên phải, gối phải quỳ xuống đất, chắp tay hướng Phật cung kính nói bài tụng:

Thế gian lìa sinh diệt

Như hoa đóm hư không

Trí không chấp có, không

Hưng khởi tâm đại bi

Vạn pháp đều như huyễn

Xa lìa tâm và thức  
Trí không chấp có không  
Hung khởi tâm đại bi  
Thế gian thường như mộng  
Xa lìa cả đoạn, thường  
Trí không chấp hữu, vô  
Hung khởi tâm đại bi  
Không có Phật niết bàn  
Không Niết bàn cho Phật  
Lìa biết và bị biết  
Lìa hữu cùng phi hữu  
Pháp thân như huyễn mộng  
Có gì để ngợi khen  
Biết vô tính vô sinh  
Ấy mới là khen Phật  
Phật không căn, cảnh, tướng  
Không thấy là thấy Phật  
Làm sao trước Mâu ni  
Mà khởi sự khen chê  
Ai ở trước Mâu ni  
Sinh thanh tịnh, xa lìa

Kẻ ấy đời này, sau

Lìa chấp, không chỗ thấy.

Nói kệ tán Phật xong, Đại Huệ Bồ tát tự xưng tên:

Con tên là Đại Huệ

Thông đạt pháp đại thừa

Xin đem trăm tám nghĩa

Kính hỏi đáng Vô thượng.

Nghe lời ấy, đáng Thế gian giải nhìn khắp hội chúng rồi dạy rằng:

Các người hàng con Phật

Nay cứ tự do hỏi

Ta sẽ nói cho người

Cảnh giới đã tự chứng.

Được Phật chấp thuận, Đại Huệ Bồ tát đánh lễ dưới chân ngài xong, thưa hỏi bằng kệ tụng như sau:

Do đâu suy lường sinh?

Làm sao sạch suy lường?

Do đâu mê hoặc sinh?

Làm sao hết mê hoặc?

Sao gọi là Phật tử

Cùng thứ lớp vô ảnh (nirabhāsa)?

Do đâu hóa cõi nước

Các tướng và ngoại đạo?

Giải thoát đến nơi nào?

Ai bị trói, ai mở?

Cảnh giới thiên ra sao?

Tại sao có ba thừa?

Nhân duyên gì sinh pháp?

Cái gì nhân gì quả?

Ai nói lia bốn nghĩa?

Do đâu các cõi sinh?

Sao gọi định vô sắc?

Sao gọi Diệt tận định?

Thế nào là tướng diệt?

Làm sao từ định giác?

Vì sao sinh hoạt động?

Thân đi, đứng nắm giữ?

Làm sao thấy sự vật?

Làm sao vào các "địa"?

Làm sao có Phật tử?

Ai phá được ba cõi?

Ở đâu, thân ra sao?

Sinh và trú nơi nào?

Làm sao đặng thần thông



Tự tại và chính định?  
Tâm tam muội ra sao?  
Nguyện Phật vì con nói  
Sao gọi là tàng thức?  
Sao gọi là ý thức?  
Làm sao các kiến khởi?  
Làm sao các kiến diệt?  
Tính, phi tính là gì?  
Vì sao nói duy tâm?  
Vì sao kiến lập tướng?  
Sao gọi là Vô ngã?  
Sao là không chúng sinh?  
Sao là tùy tục nói?  
Làm sao để khởi khởi  
Thường kiến và đoạn kiến?  
Sao Phật cùng ngoại đạo  
Tướng vốn không khác nhau?  
Làm sao đời vị lai  
Có các bộ phái sinh?  
Sao gọi là Tính không?  
Sao gọi sát na diệt?

Thai tạng từ đâu sinh?

Sao thế gian bất động?

Vì sao bảo cuộc đời

Như huyễn, lại như mộng

Như thành Càn thất bà

Như ánh nước sa mạc

Như vùng trăng đáy nước?

"Bồ đề phần" là sao?

"Giác phần" từ đâu khởi?

Vì sao cõi nước loạn?

Vì sao hữu kiến sinh?

Làm sao biết thế pháp?

Làm sao lìa văn tự?

Sao là "như không hoa"?

Không sinh cũng không diệt?

Chân như có mấy loại?

"Độ tâm" có mấy loại?

Sao là như hư không?

Sao là lìa phân biệt?

Và thứ tự các "địa"?

Sao là được vô ảnh?

Sao là hai vô ngã?

Sao là hết sở tri?

Thánh trí có mấy loại?

Có mấy loại giới pháp

Phật chế cho chúng sinh?

Ngọc báu dòng tôn quý

Từ đâu mà xuất hiện?

Ai sinh ra ngôn ngữ

Chúng sinh và các vật?

Năm minh và kỹ thuật

Ai làm cho sáng tỏ?

Kệ tụng (gàthà) có mấy loại?

Trường hàng có mấy thứ?

Đạo lý mấy bất đồng?

Giải thích bao sai biệt?

Ăn uống ấy ai làm?

Ái dục vì sao khởi?

Sao gọi Chuyển luân vương

Cho đến các tiểu vương?

Làm sao vua giữ nước?

Chúng trời có mấy loại?

Đất, mặt trời, trăng, sao

Các thứ ấy thế nào?

Giải thoát có mấy loại?

Mấy loại thầy tu hành?

Sao gọi A xà lê?

Đệ tử bao nhiêu hạng?

Như lai có mấy loại?

Chuyện tiền thân ra sao ?

Chúng ma và dị giáo ?

Mỗi thứ có bao nhiêu ?

Tự tính bao sai biệt ?

Tâm có bao nhiêu loại ?

Giả lập nghĩa là gì ?

Xin Phật giải thích cho

Từ đâu sinh mây gió ?

Niệm, trí vì sao có ?

Bụi, bờ, cây hàng lớp

Các thứ ấy ai làm ?

Những thú vật voi ngựa

Nhân gì bị bắt giữ ?

Sao có người hèn xấu ?

Xin Phật giải cho con

Sao gọi là sáu thời ?

Nhất xiển đề do đâu ?

Gái, trai và bất nam ?

Do đâu mà sinh khởi ?

Sao là tu tiến bộ ?

Sao là tu thụt lùi ?

Thầy du già mấy hạng

Dạy người tu pháp ấy?

Chúng sinh sinh các đường

Hình sắc, tướng ra sao?

Giàu có, rất an ổn

Ấy là do nhân gì?

Sao có dòng Thích ca?

Sao có dòng Cam giá?

Tiên nhân khổ hạnh lâu

Ấy do ai chỉ giáo ?

Làm sao Phật Thế Tôn

Hiện thân khắp các cõi

Chúng Phật tử vây quanh

Đủ các loài sai biệt ?

Vì sao không ăn thịt?

Nhân gì dạy bỏ thịt?

Các chúng sinh ăn thịt

Do nhân gì mà ăn?

Sao có các cõi nước

Trông như hình trời trăng

Tu di và hoa sen

Chữ vạn, tượng sư tử?

Sao có các cõi nước

Như lưới trời Đế Thích

Lật úp hoặc nằm nghiêng

Mà thành các món báu?

Sao có các cõi nước

Như nhật nguyệt không dơ

Hoặc như hình hoa quả,

Ổng sáo, trống eo nhỏ?

Phật Biến hóa là gì (Nirmànikabuddha)?

Và phật Dị thực sinh?(Vipàkajabuddha)

Cùng phật Chân như trí (Tathàtànàabuddha)?

Xin giải thích cho con.

Vì sao ở Dục giới

Không thành Đẳng chính giác?

Sao ở Sắc cứu cánh (Akanistha)?

Lìa nhiễm được trí tuệ ?

Ai sẽ giữ chính pháp?

Phật trụ thế bao lâu?

Chính pháp trụ dài, ngắn?

Tất đàn có mấy loại?

Kiến chấp có bao nhiêu?

Vì sao lập luận tạng?

Cho đến các Tỳ kheo

Hết thầy các Phật tử

Độc giác và Thanh văn

Làm sao chuyển các thức?

Làm sao được vô tướng?

Làm sao được Thế thông?

Làm sao được xuất thế ?

Lại vì nhân duyên gì

Tâm ở trong bảy địa?

Tăng già có mấy loại?

Sao gọi là phá tăng?

Làm sao vì chúng sinh

Rộng nói phương cứu liệu?

Cớ gì Đại mâu ni

Nói lên lời như vậy:

"Ca diếp, Câu lưu tôn

Câu na hàm là ta?"

Cớ gì nói đoạn thường?

Và nói ngã, vô ngã?

Sao không thường nói thật:

"Hết thảy do tâm tạo"?

Sao có rùng nam nữ

Ha lê (Haritaki), am ma la (amalivana)?

Kê la bà (Kailasa), Luân viên (Cakravada)?

Cho đến núi kim cương (vajra)

Trong các chỗ ấy có

Vô lượng báu trang nghiêm

Tiên nhân, càn thất bà

Tất cả đều sung mãn

Đấy do nhân duyên gì?

Xin Phật vì con nói.



Nghe những lời hỏi về pháp môn tối thượng, pháp môn đại thừa "tâm Phật" vì điều ấy, đức Thế Tôn liền bảo: "Hay thay, Đại huệ ! Hãy lắng nghe, lắng nghe. Như chỗ ông hỏi, ta sẽ lần lượt nói." Và ngài nói kệ tụng:

Sinh cùng với không sinh

Niết bàn và vô tướng

Lưu chuyển, vô tự tính

Ba la mật, phật tử

Thanh văn, Bích chi Phật

Ngoại đạo, hạnh vô sắc

Tu di cùng biển núi

Cù lao, các cõi đất

Tinh tú và nhật nguyệt

Chúng trời, a tu la

Giải thoát và thần thông

Thiền định và tam muội

Diệt và các thân tức

Bồ đề phần, Bát chính

Thiền cùng vô lượng tâm

Các uẩn cùng đến, đi

Cho đến diệt tận định

Tâm sinh khởi nói năng

Tâm, ý, thức, vô ngã

Năm pháp, ba tự tính  
Phân biệt, bị phân biệt  
Hai loại kiến năng sở  
Cội nguồn của các thừa  
Vàng, ma ni, trân châu  
Dòng họ lớn, xiển đề  
Nước hỗn loạn, một Phật  
Trí, trí chướng, đắc hướng  
Chúng sinh, có cùng không  
Voi, ngựa, thú, nhân gì  
Vì sao bị bắt giữ  
Vì sao nhân, thí dụ  
Tương ưng thành tất đàn ?  
Sở tác và năng tác  
Núi rừng và mê hoặc?  
Lý chân thật "như thị"  
Duy tâm, không cảnh giới ?  
Các địa không thứ lớp  
Không tướng, chuyển sở y?  
Y phương, các nghệ thuật  
Kỹ thuật, cùng năm minh ?

Tu di và núi, đất  
Biển, trời trăng bao lớn ?  
Chúng sinh thượng, trung, hạ  
Mỗi thân bao vi trần ?  
Mỗi cung có mấy trữu?  
Câu lô xá mấy cung ?  
Nửa do tuần? Do tuần?  
Lông, thỏ và bụi cửa ?  
Mỗi thân bao vi trần ?  
Rận, lông dê, bột mạch?  
Nửa đầu và một đầu  
Gồm bao nhiêu hạt lúa?  
Một học và mười học  
Mười vạn và thiên ức  
Cho đến tầm bà la (Vimvara: 10 triệu)  
Mỗi món số bao nhiêu?  
Mấy trần (anu) thành giới tử (sarsapa)?  
Mấy giới tử thành thảo tử?  
Lại có mấy thảo tử  
Mới thành một hạt đậu (màsa)?  
Mấy hạt đậu thành thù (Dharana)?

Mấy thù là một lượng (Karsa)?

Mấy lượng thành một cân (pala)?

Mấy cân thành tu di (meru)?

Đấy những điều nên hỏi

Vì sao hỏi chuyện khác?

Thanh văn, Bích chi Phật

Các Phật và Bồ tát

Số lượng thân bao nhiêu?

Mỗi thân mấy vi trần?

Lửa, gió có mấy trần?

Mỗi căn có mấy trần?

Lông mày, lỗ chân lông

Mấy trần thành mỗi thứ?

Các sự việc như thế

Sao không đem hỏi ta.

Vì sao được giàu có?

Sao là chuyển luân vương?

Làm sao vua giữ nước?

Làm sao được giải thoát?

Thế nào là Trường hàng?

Dâm dục và ăn uống?

Thế nào rùng nam nữ?  
Các núi, kim cương son?  
Nhu huyễn, mộng, ảo ảnh?  
Mây do từ đâu sinh?  
Thời tiết làm sao có?  
Nhân gì có mùi vị?  
Nam, nữ và bất nam  
Phật, bồ tát trang nghiêm?  
Sao có các núi đẹp  
Tiên càn thất trang hoàng?  
Giải thoát đến chỗ nào?  
Ai bị trói? Ai mở?  
Sao là cảnh giới thiên?  
Biến hóa và ngoại đạo?  
Sao là vô nhân tác?  
Sao là hữu nhân tác?  
Sao là chuyển các kiến?  
Sao là khởi suy lường?  
Làm sao sạch suy lường?  
Hoạt động từ đâu sinh?  
Sao gọi là chuyển khứ?

Sao là dứt các tướng?

Sao là sinh tam muội?

Phá ba cõi là ai?

Chỗ nào, thân ra sao?

Sao gọi là không ngã?

Sao là theo tục nói?

Ông hỏi tướng ra sao?

Sao gọi là phi ngã?

Sao gọi là thai tạng

Cùng các chi phần khác?

Sao là thấy đoạn thường?

Sao là tâm một cảnh?

Sao là trí ngôn thuyết?

Giới, dòng họ, Phật tử?

Lý luận và giải thích?

Sao là thầy, đệ tử?

Tính chúng sinh sai khác?

Ăn uống và hư không?

Thông minh, ma, giả lập?

Vì sao hàng cây bầy?

Các câu hỏi như thế

Nhân gì hết thấy nước  
Các loại tướng không đồng?  
Có cõi hình ống tiêu  
Trống eo cùng hoa quả  
Có chỗ không ánh sáng  
Tiên nhân khổ hạnh lâu  
Hoặc có giòng họ quý  
Khiến chúng sinh tôn trọng  
Hoặc có kẻ hạ tiện  
Bị người khác khinh khi?  
Vì sao trong cõi dục  
Tu hành khó thành Phật?  
Ở cõi sắc cứu cánh  
Mới thành đấng chính giác?  
Vì sao người thế gian  
Lại có được thần thông?  
Sao gọi là tỳ kheo?  
Sao gọi là Tăng già?  
Sao là Hóa, Báo Phật?  
Phật trí tuệ chân như?  
Làm sao khiến tâm mình

An trú trong bảy "địa"?

Nghĩa này và các nghĩa

Ông nay đều hỏi ta

Như Phật trước đã nói

Đủ một trăm tám câu

Mỗi mỗi tương tương ung

Xa lìa các lỗi chấp

Lại lìa pháp thế tục

Do ngôn ngữ mà thành

Ta nay vì ông nói

Phật tử khá lắng nghe.

Khi ấy Bồ tát Đại huệ bạch Phật :

Bạch Thế Tôn! Sao là 108 câu?

Phật dạy:

Này Đại huệ ! Cái gọi là sinh cú (mệnh đề về sinh) phi sinh, thường phi thường, tướng phi tướng, trú dị phi trú dị, sát na phi sát na, tự tính phi tự tính, không phi không, đoạn phi đoạn, tâm phi tâm, trung phi trung, duyên phi duyên, nhân phi nhân, phiền não phi phiền não, ái phi ái, phương tiện phi phương tiện, thiện xảo phi thiện xảo, thanh tịnh phi thanh tịnh, tương ung phi tương ung, thí dụ phi thí dụ, đệ tử phi đệ tử, sư phi sư, chủng tính phi chủng tính, tam thừa phi tam thừa, vô ảnh tượng phi vô ảnh tượng, nguyện phi nguyện, tam luận phi tam luận, tiêu tướng phi tiêu tướng, hữu phi hữu, vô phi vô, câu phi câu, tự chứng thánh trí phi tự chứng thánh trí, hiện pháp lạc phi hiện pháp lạc, sát phi sát, trần phi trần, nước phi nước, cung phi cung, dòng giống lớn phi dòng giống lớn, xú lậu phi xú lậu, thần thông phi thần thông, hư không phi hư không, mây phi mây, mỹ thuật phi mỹ thuật, kỹ



thuật phi kỹ thuật, gió phi gió, đất phi đất, tâm phi tâm, giả lập phi giả lập, thể tính phi thể tính, uẩn phi uẩn, chúng sinh phi chúng sinh, giác phi giác, Niết bàn phi Niết bàn, hiểu biết phi hiểu biết, ngoại đạo phi ngoại đạo, hỗn loạn phi hỗn loạn, huyền phi huyền, mộng phi mộng, lửa phi lửa, ảnh tượng phi ảnh tượng, vòng lửa phi vòng lửa, Càn thành phi Càn thành, trời phi trời, ăn uống phi ăn uống, dâm dục phi dâm dục, thấy phi thấy, đáo bỉ ngạn phi đáo bỉ ngạn, thành phi thành, nhật nguyệt tinh tú phi nhật nguyệt tinh tú, đế phi đế, quả phi quả, diệt phi diệt, diệt khởi phi diệt khởi, y phương phi y phương, tướng phi tướng, chi phần phi chi phần, thiên phi thiên, mê phi mê, hiện phi hiện, hộ phi hộ, dòng họ phi dòng họ, tiên phi tiên, vua phi vua, nhiếp thọ phi nhiếp thọ, quý phi quý, ký ức phi ký ức, nhất xiển đề phi nhất xiển đề, nữ nam bất nam phi nữ nam bất nam, mùi vị phi mùi vị, tác phi tác, thân phi thân, suy lường phi suy lường, động phi động, căn phi căn, hữu vi phi hữu vi, nhân quả phi nhân quả, sắc cứu cánh phi sắc cứu cánh, thời tiết phi thời tiết, cây dây phi cây dây, sự vật phi sự vật, diễn thuyết phi diễn thuyết, quyết định phi quyết định, luật tạng phi luật tạng, tỳ kheo phi tỳ kheo, trụ trì phi trụ trì, văn tự phi văn tự. Nay Đại huệ ! 108 nghĩa này đều là những gì Phật quá khứ đã nói.

Đại huệ Bồ tát bạch Phật:

Bạch Thế Tôn ! Các thức có mấy thứ sinh trú diệt ?

Phật dạy:

Đại huệ, các thức có hai thứ sinh trú diệt, không phải dùng suy lường đo tính mà biết được. Ấy là tương tục sinh và tướng sinh, tương tục trú và tướng trú, tương tục diệt và tướng diệt. Các thức có ba tướng: chuyển tướng, nghiệp tướng, chân tướng. Đại huệ ! Thức nói rộng có 8 thức, lược nói thì có hai: hiện thức và phân biệt sự thức. Đại huệ ! Như trong gương sáng các hình sắc đều hiện rõ, hiện thức cũng thế. Đại huệ! Hiện thức và phân biệt sự thức, hai thức này không khác nhau, chúng làm nhân cho nhau. Hiện thức lấy sự biến hóa "bất tư nghì huân" làm nhân, phân biệt sự thức lấy sự phân biệt cảnh giới và tập khí hý luận từ vô thỉ làm nhân. Đại huệ ! Những tập khí hư vọng phân biệt của thức a lại da diệt thì hết thấy căn thức diệt, ấy gọi là tướng diệt. Đại huệ ! Tương tục diệt ấy là nhân sở y diệt cùng sở duyên diệt thì tương tục cũng diệt. Nhân sở y là tập khí hý luận hư vọng, sở duyên là cảnh giới do tự tâm thấy và phân biệt thành. Đại huệ ! Thí như nắm bùn và vi trần không khác nhau, cũng không phải là một. Vàng và đồ trang sức cũng thế. Đại Huệ, nếu bùn và vi trần khác nhau thì đáng lẽ bùn không do vi trần hợp

thành, nên nói không khác. Nếu nắm bùn và vi trần không khác, thì đáng ra không thể phân biệt nắm bùn với vi trần. Đại huệ ! Chuyển thức và tạng thức nếu khác nhau, thì tạng thức không thể làm nhân cho các chuyển thức. Nếu không khác thì khi chuyển thức diệt, lẽ ra tạng thức cũng diệt luôn, song kỳ thật chân tướng của tạng thức không diệt. Đại huệ ! Chân tướng của tạng thức không diệt, chỉ có nghiệp tướng của nó diệt. Nếu chân tướng diệt thì tạng thức cũng diệt hay sao? Nếu tạng thức diệt, thì không khác gì thuyết đoạn diệt của ngoại đạo. Đại huệ ! Ngoại đạo lập thuyết thế này: cái thức tương tục nắm giữ cảnh giới diệt thì thức tương tục từ vô thủy cũng diệt. Đại huệ ! Những người ngoại đạo bảo thức tương tục do một tác giả tạo ra chứ không nói nhân thức do sắc, hình, ánh sáng hòa hợp mà sinh; chỉ nói tác giả làm nhân sinh ra. Tác giả ấy là gì? Họ kể ra Thắng tính (Pradhàna), trạng phủ (purusa), Tự tại (Is'vara), Thời (kàla) và vi trần (anu) là những pháp năng tác. Lại nữa, này Đại huệ! có bảy món tự tính, ấy là Tập (Samudaya), Tính (Bhàva), Tướng (Laksana), Đại chủng (Mahàbhàta), nhân (hetu), duyên (pratyaya), Thành (nispatti). Và nữa, này Đại huệ, có bảy thứ đệ nhất nghĩa, là: Tâm sở hành (cittagocara), Trí sở hành (Jnànagocara), nhị kiến sở hành (Drstidvayagocara), siêu nhị kiến sở hành (Drstidvayàtikràntagocara), siêu tử địa sở hành, Như lai sở hành, Như lai tự chứng thánh trí sở hành (Tathàgatasyapratyàtma- gatigocarah). Này Đại huệ, ấy là pháp tự tại, tâm đệ nhất nghĩa của tất cả Như lai Ứng Chính đẳng giác trong ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai, dùng tâm này mà thành tựu các pháp tối thượng của Như lai ở thế gian và xuất thế gian, dùng tuệ nhãn của bậc thánh mà thể nhập các tự tướng và cộng tướng, thấy đều an lập. Những gì các bậc ấy an lập không đồng với chỗ lập thuyết của ngoại đạo ác kiến. Đại huệ ! Sao gọi là ác kiến ngoại đạo? Ấy là không biết rằng cảnh giới vốn do tự tâm phân biệt mà hiện, đối tự tính đệ nhất nghĩa mà chấp có, không, khởi ra ngôn thuyết. Đại huệ ! Ta nay sẽ nói, nếu biết rõ cảnh giới là như huyễn, do tự tâm hiện, thì sẽ diệt khổ vì vọng tưởng ba cõi, diệt các vô tri, ái, nghiệp, duyên. Đại huệ, có những bà la môn và sa môn vọng chấp cái vốn không và cho rằng những pháp hiện ở ngoài y theo nhân quả, thời gian mà trú, hoặc cho rằng uẩn giới xứ theo duyên mà sinh, trú, sau khi hiện hữu thì hoại diệt. Đại huệ ! Quan niệm của những người kia đối với các pháp như tương tục, tác dụng, sinh diệt, hiện hữu, Niết bàn, đạo, nghiệp, quả, đế ... đều là lý luận phá hoại, đoạn diệt. Vì sao? Bởi vì họ không đạt được hiện pháp (pratyaksa), không thấy căn bản. Đại huệ ! Thí như chiếc bình vỡ không thể làm được việc của nó, lại như hạt giống cháy không thể sinh mầm, đây cũng thế. Nếu các pháp uẩn giới xứ đã hiện sẽ diệt, nên biết đấy tất không phải tương tục sinh, vì chúng không có nhân, chỉ có tự tâm hư vọng thấy thành. Lại nữa, Đại huệ ! Nếu thức vốn không, do ba duyên hợp mà sinh, thì đáng lẽ rùa cũng sinh lông,

cát sẽ sinh dầu; như vậy Tôn (pratijñà) của người hồng, vì trái với nghĩa quyết định (niyama); những gì lập ra tất sẽ thành vô dụng. Đại huệ ! Ba pháp hợp làm duyên là do tính nhân quả mà nói, và như vậy có (những pháp như) hiện tại quá khứ vị lai, hữu và vô. Nếu họ cứ ở trên lập trường lý giáo (yuktyàgama) ấy, thì những gì họ chứng minh sẽ là do luận lý, lý giáo của họ, vì ký ức những quan niệm sai lầm sẽ mãi mãi huân tập họ (theo bản Suzuki). Đại huệ ! Kẻ phạm phu ngu dốt bị ác kiến cắn rủa, tà kiến mê hoặc, vô trí mà vọng nói là Nhất thiết trí. Đại huệ ! Lại có các sa môn, bà la môn, quán hết thấy pháp không tự tính, như mây giữa hư không, như vòng lửa quay, như thành biến hóa của loài Càn thất bà, như huyễn hóa, như ảo ảnh, như trăng dưới nước, như cảnh chiêm bao, tất cả đều không ngoài tâm, chỉ vì cái thấy hư vọng từ vô thi mà chấp thật có cảnh giới bên ngoài. Quán như thế rồi, họ bật dứt các duyên phân biệt, xa lìa danh nghĩa mà vọng tâm ôm giữ, biết rằng thân, tài sản và nhà cửa, tất cả đều là cảnh giới tạng thức, không có năng sở, không có sinh, trụ, diệt, họ thường tư duy như thế không rời. Đại huệ ! Những đại Bồ tát ấy không lâu sẽ xem bình đẳng giữa sinh tử và Niết bàn (samsàranirvāna), được hạnh đại bi phương tiện không cần dụng công, quán sát chúng sinh như huyễn như hóa, như hình ảnh theo duyên mà sinh, biết ngoài tâm không có các cảnh giới. Các vị ấy sẽ thực hành đạo vô tướng, dần tiến lên các "địa", an trú trong chính định, hiểu rõ ba cõi do tâm, chứng được định Như huyễn (Màyopamasamādhi), tuyệt dứt các ảnh tượng, thành tựu trí tuệ, chứng pháp vô sinh, nhập định kim cương dụ (vajravimbopama), sẽ được Phật thân (Tathàgatakāya). Nhưng vị ấy sẽ thường trú trong Như như (Tathāta) mà khởi các thần thông biến hóa, trang sức bằng tự tại, trí tuệ, phương tiện để dạo chơi các cõi Phật, xa lìa các ngoại đạo. Tâm, ý, thức, lần lượt chuyển y mà thành tựu thân Như lai. Đại huệ ! Các vị đại Bồ tát muốn được thân Phật, phải xa lìa uẩn giới xứ, vì đây là các pháp do nhân duyên sinh, xa lìa các pháp sinh, trú, diệt, phân biệt, hí luận. Chỉ nên chú tâm quán sát ba cõi là do tập khí hư vọng từ vô thi khởi lên, tư duy Phật địa vốn vô tướng, vô sinh, là thánh pháp tự chứng. Như thế sẽ được tâm tự tại, hạnh không cần dụng công, như ngọc ma ni hiện đủ thứ hình sắc, đạt lý duy tâm, tuần tự nhập vào các địa. Bởi thế, này Đại huệ, các bậc đại Bồ tát nên siêng tu học chân lý tự chứng này.

## QUYÊN HAI

### Tiết II - THỰC HÀNH TẤT CẢ PHÁP

Bấy giờ Bồ tát Đại huệ lại bạch Phật rằng:

Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn vì con nói về các pháp môn vi diệu : Tâm, ý, ý thức (cittamanomanovijnàna), 5 pháp, ba tự tính (Svabhàvas), tướng (Laksanas). Đây là những gì mà chư Phật, Bồ tát - những vị đã thâm nhập cảnh giới tự tâm, lìa các hành tướng - xem là nghĩa chân thật, là nòng cốt của Phật giáo. Xin Thế Tôn thuận theo chư Phật quá khứ, vì chúng Bồ tát trong núi này mà diễn nói cảnh giới của pháp thân, như những làn sóng của biển tạng thức.

Phật bảo Bồ tát Đại huệ :

Có bốn loại nhân duyên chuyển nhãn thức. Bốn nhân duyên ấy là gì? Ấy bởi không biết sự vật do tự tâm hiện nên khởi sự nắm giữ; bởi tập khí hư vọng từ vô thi chấp trước sắc tướng, bởi bản tính của thức vốn như vậy, bởi ưa nhìn sắc tướng. Đại huệ! Vì bốn duyên ấy nên thức a lại da giống như nước lũ sinh những luồng sóng thức. Về các thức khác cũng vậy. Ở nơi tất cả căn, vi trần, lỗ chân lông v.v.. chuyển thức hoặc sinh liền, như gương sáng hiện sắc hình, hoặc sinh từ từ, như gió mạnh thổi trên biển lớn. Biển Tâm cũng vậy, bị gió cảnh giới thổi làm nổi dậy những làn sóng thức, nổi nhau không cùng. Đại huệ ! Nhân, sở tác và tướng không phải một cũng không phải khác; nghiệp tướng cùng sinh tướng tương quan ràng buộc chặt chẽ. Vì không biết tự tính của sắc (thanh hương vị xúc) nên nắm chuyển thức hoạt động. Đại huệ ! Cùng với năm thức này, do nhận thức các cảnh tướng khác nhau mà ý thức sinh khởi. Nhưng các thức ấy không nghĩ "Chúng ta đồng thời làm nhân cho nhau" mà lại khởi các cảnh giới do tự tâm hiện, rồi phân biệt chấp trước đồng thời phát sinh, chứ thật ra không có những tướng riêng biệt tự rõ biết đối tượng của mình. Đại huệ ! Các bậc tu hành nhập chính định, vì sức mạnh tập quán nổi lên một cách vi tế khó biết, nên nghĩ là "Ta đã nhập tam muội diệt các thức." Song kỳ thực họ nhập tam muội chưa diệt các thức, vì chưa diệt các tập khí; chỉ vì họ không chấp lấy các cảnh nên họ gọi là thức diệt. Đại huệ, hành tướng của tạng thức rất vi tế, trừ chư Phật và Bồ tát đã an trú trong các địa, ngoài ra năng lực định, tuệ của nhị thừa ngoại đạo không thể biết. Chỉ có những bậc tu hành như thật, dùng trí tuệ biết rõ tướng các giai đoạn tu hành, thông đạt nghĩa lý, rộng tu các thiện căn ở vô lượng cõi Phật, không lầm phân biệt những cảnh do tự tâm thấy... mới có thể biết được. Đại huệ ! Các bậc tu hành ưa ở chỗ núi rừng, tu các bậc cao, vừa, hay thấp, có thể thấy hành tướng của tự tâm, được chư Phật với Tam muội tự tại thần thông lấy nước cam lộ rưới đầu, Bồ tát vây quanh, biết rõ các cảnh giới do tâm, ý, ý thức làm nên, vượt được biển lớn vô trí (ajnàna), sinh tử, ái nghiệp. Bởi thế các ông nên gần gũi chư Phật Bồ tát, các vị thiện tri thức tu hành như thật."

Thế Tôn lại nói bài kệ:  
Như ba đào biển lớn  
Đều do gió mạnh thổi  
Sóng lớn khua biển, ngòi  
Không lúc nào dừng nghỉ  
Biển Tạng thức thường bị  
Gió cảnh giới lay động  
Khiến những luồng sóng thức  
Múa nhảy mà chuyển sinh  
Các màu xanh cùng đỏ  
Muối, mật và thạch nhũ  
Hoa, trái, ánh trời, trăng  
Không khác, không không khác  
Nên biết cũng như thế  
Ý và bảy loại thức  
Như biển cùng ba đào  
Do tâm hòa hiệp sinh  
Thí như nước biển động  
Chuyển các luồng sóng lớn  
Tạng thức cũng như thế  
Sinh ra các loại thức

Tâm ý cùng ý thức

Là nói về mặt tướng

Tướng tám thức không khác

Không năng tướng sở tướng

Như biển cùng ba đào

Hai thứ không khác nhau

Các thức tâm cũng thể

Cũng không thể khác được

Tâm hay chứa các nghiệp

Ý tập hợp đủ thứ

Liễu biệt gọi ý thức

Đôi hiện cảnh có năm.

Khi ấy Bồ tát Đại huệ hỏi Phật bằng bài tụng:

Các sắc tượng xanh đỏ

Hiện nơi thức chúng sinh

Vì sao như sóng biển ?

Xin Phật thương nói rõ.

Đức Thế Tôn đáp :

Các sắc tượng xanh đỏ

Trong sóng vốn không có

Nói tâm khởi các tướng

Đề khai ngộ phàm phu  
Chứ thật vốn không khởi  
Tâm vốn lia "nắm giữ"  
Năng thủ và sở thủ  
Cũng như sóng nước kia  
Thân, nhà cửa, tư tài  
Hiện nơi thức chúng sinh  
Nên thấy có sinh khởi  
Cùng sóng không sai khác.

Đại huệ lại nói bài tụng:

"Tính sóng" của biển cả  
Cuộn cuộn dễ phân biệt  
Tạng thức khởi như thế  
Vì sao không hay biết?

Thế Tôn đáp:

A lại gia như biển  
Chuyển thức như sóng lớn  
Là ví dụ khai diễn  
Cho phàm phu vô trí.

Đại huệ lại nói bài tụng:

Thí như mặt trời hiện

Trên dưới đều soi chiếu  
Phật ngọn đèn của đời  
Cũng nên vì bọn ngu  
Nói nghĩa lý chân thật  
Đã hay mở bày pháp  
Vì sao không nói thẳng?  
Thế Tôn đáp:  
Nếu nói nghĩa chân thật  
Tâm kia không chân thật  
Ví như sóng đại dương  
Bóng trong gương, cảnh mộng  
Đồng thời mà hiển hiện  
Cảnh giới tâm cũng thế  
Vì điều kiện không đủ  
Nên tuần tự chỉ ra  
Mạt na chấp hiện thức  
Ý thức nhận thức ý  
Năm thức rõ hiện cảnh  
Không thứ lớp nhất định  
Thí như người họa sư  
Và học trò họa sư



Hòa màu vẽ các hình  
Ta dạy cũng như thế  
Họa không có trong màu  
Trong bút hay trong vải  
Vì làm vui chúng sinh  
Tạo các hình tươi đẹp  
Nói ra tất biến đổi  
Chân lý lia vẫn tự  
Thật pháp ta an trú  
Để nói cho bậc tu  
Chỗ tự chứng chân thật  
Lia phân biệt năng sở  
Đấy vì Bồ tát nói  
Người ngu khởi phân biệt.  
Các pháp đều như huyễn  
Đối tượng không thể có  
Nói những thứ như vậy  
Tùy việc mà biến đổi  
Giáo lý không phù hợp  
Không phải là giáo lý  
Ví như đối bệnh nhân

Lương y tùy cho thuốc

Như lai vì chúng sinh

Tùy căn cơ nói pháp

Chỗ chúng trí sở hành

Của đáng đời nương tựa

Không phải cảnh ngoại đạo

Hay của hàng Thanh văn.

Lại nữa, Đại huệ ! Nếu Bồ tát đại hữu tình muốn biết rõ cảnh giới phân biệt năng thủ sở thủ đều do tự tâm hiện, thì hãy xa lìa sự huyên não, hôn trầm, ngủ gật; đầu đêm giữa đêm và cuối đêm nên siêng gia công tu tập, xa lìa tụ hội, nghe tà luận ngoại đạo và các pháp nhị thừa, phân biệt các tướng do tự tâm bày đặt. Lại nữa, này Đại huệ ! Khi bậc đại Bồ tát đã an trú trong tâm trí tuệ, hãy siêng tu học ba tướng của thánh trí cao cả. Ba tướng ấy là gì? ấy là tướng "vô ảnh tượng" (Nirabhāsālakṣaṇa), tướng "nhất thiết chư Phật nguyện trì" (Sarvabuddha-svapranidhāradhisthānalakṣaṇa), tướng "Tự chứng Thánh trí sở thú" (pratyātmāryajñāna-gatilakṣaṇa) (chỗ thú hướng của bậc tự chứng thánh trí). Những vị tu hành khi đạt được các tướng ấy rồi, liền xả bỏ tướng "lừa què" của trí tuệ (khanjagardabha), vào địa thứ 8 của Bồ tát, đối với ba tướng ấy tu hành không gián đoạn. Đại huệ ! Tướng vô ảnh tượng là sao? Là kết quả đạt được do tu tập các pháp nhị thừa ngoại đạo. Tướng "Hết thấy chư Phật nguyện trì" là sao? Là do bốn nguyện gia trì của chư Phật mà sinh. Tướng "Chỗ hướng đến của bậc tự chứng thánh trí" là sao? Là do không giữ hết thấy pháp tướng mà thành tựu các thân tam muội như huyễn, đạt đến Phật địa. Đại huệ ! ấy là ba tướng của Thánh trí cao thượng. Nếu được tướng ấy tức là đạt đến cảnh giới của Thánh trí tự chứng. Ông và các Bồ tát nên siêng tu học."

Khi ấy Đại huệ Bồ tát nhờ uy thần của Phật, biết được ý nghĩ của các Bồ tát trong hội chúng, liền bạch Phật:

Xin Thế Tôn vì chúng con nói rõ thánh trí đối với việc phân biệt 108 câu như thế nào? Hết thấy chư Như lai, Ứng cúng, chính biến giác đều vì các Bồ tát rơi vào tự tướng cộng tướng mà phân tích bản chất và sự sai biệt của những vọng chấp. Biết được nghĩa ấy rồi, tất sẽ thanh tịnh được hai phép

quán vô ngã, sáng tỏ các giai đoạn tu hành, vượt trên pháp lạc của định nhị thừa ngoại đạo, thấy được cảnh giới không thể nghĩ bàn của chư Như lai. Khi ấy Bồ tát sẽ rất ráo xa lìa ba tự tính, năm pháp, dùng trí tuệ của pháp thân Phật mà tự trang nghiêm, thâm nhập cảnh giới như huyễn. Các vị ấy sẽ thành tựu thân Như lai ở các cõi Đâu suất đà (Tusitabhavana), Sắc cứu cánh (Akanis-thàlaya).

Phật dạy:

Này Đại huệ ! Có một hạng ngoại đạo thấy vạn pháp theo nhân mà diệt, liền sinh phân biệt rằng thỏ không sừng, khởi "chấp không". Ví như sừng thỏ vốn không có, hết thấy pháp cũng thế. Lại có hạng ngoại đạo chấp "đại chúng" (bhūta), cầu na (guna) vi trần (anu) v.v.. hình lượng phân vị đều khác nhau, nên đã chấp thỏ không sừng, lại theo đó mà tưởng trâu có sừng. Đại huệ ! Những kẻ ấy lạc vào nhị kiên, không rõ duy tâm, chỉ làm tăng trưởng sự phân biệt nơi tự tâm. Đại huệ ! Thân, tài sản, khí thể gian v.v.. tất cả đều do phân biệt mà hiện. Đại huệ ! Nên biết sừng thỏ vốn lìa có và không, các pháp khác cũng thế, chớ sinh phân biệt. Vì sao sừng thỏ lìa hữu vô ? Vì các nhân đối đãi nhau vậy. Phân chẻ sừng trâu cho đến thành vi trần để tìm thể tính của nó rốt cuộc vẫn không nắm được. Tư duy của Thánh trí xa lìa kiến chấp ấy, bởi thế không nên phân biệt.

Đại huệ Bồ tát lại bạch Phật:

Bạch Thế Tôn ! Phải chăng vì vọng kiến khởi ra tướng, rồi những người (phàm phu) kia mới so sánh phỏng đoán, vọng chấp không?

Phật dạy:

Không phải vì đối với tướng do phân biệt khởi mà nói là không. Vì sao? Những người kia lấy phân biệt làm sinh nhân, lấy sự phân biệt sừng làm chỗ nương của nhân ấy. Chỗ nương cho nhân ấy vốn lìa khác và không khác. Không phải do đối đãi mà chứng minh rằng sừng thỏ không có. Đại huệ ! Nếu sự phân biệt kia khác với sừng thỏ, thì tất không phải do sừng làm nhân. Nếu nó không khác, tất phải do sừng khởi. Đại huệ ! Chia tách sừng trâu cho đến thành cực vi mà tìm sừng cũng không có, còn khác với sừng nói không sừng thì sự phân biệt ấy tất phi lý. Cả hai (sừng trâu và sừng thỏ) đều không, thì cái gì đối đãi với cái gì? Nếu sự đối đãi đã bất thành, chỉ đối với có mà nói sừng thỏ là không thì không nên phân biệt, vì không phải chính nhân vậy. Những người luận hữu, luận vô, chấp có chấp không, cả hai đều không thành. Đại huệ! Lại có những người ngoại đạo thấy sắc, hình trạng, hư

không phân định rõ ràng nên sinh chấp rằng sắc khác hư không, khởi phân biệt. Đại huệ ! Hư không chính là sắc, thuộc vào sắc. Đại huệ ! Sắc là hư không, vì nương sắc mà có hư không, nương hư không mà có sắc. Để lập ranh giới giữa sắc, không, nên biết như thế. Đại huệ! Khi các đại khởi sinh vũ trụ, tự tướng của chúng khác nhau, không ở trong hư không, không phải chúng không có hư không. Đại huệ ! Sừng thỏ cũng vậy, chính vì đối đãi với sừng trâu mà nói thỏ không sừng. Đại huệ ! Phân tích sừng trâu cho đến vi trần, lại tách chỗ vi trần kia ra thì tướng của vi trần cũng không hiện. Vậy đối đãi với cái gì mà nói vi trần là không? Với các vật khác cũng thế. Nay Đại huệ ! Hãy xa lìa những phân biệt về sừng thỏ sừng trâu, hư không cùng sắc... Ông và các đại Bồ tát nên thường quán sát các tướng phân biệt do tự tâm thấy, ở các cõi hãy vì Phật tử mà nói pháp tu quán sát tự tâm."

Bấy giờ Thế Tôn nói bài tụng:

Vật tâm thấy vốn không

Chỉ do tâm mà khởi

Thân, tài vật, chỗ ở

Là bóng Tạng thức hiện

Tâm, ý, thức, tự tính

Năm pháp, hai vô ngã

Đều rốt ráo thanh tịnh

Đấy điều chư Phật nói

Dài ngắn cùng nương nhau

Xoay vần sinh lẫn nhau

Do có mà nói không

Nhân không mà nói có

Phân tích đến vi trần

Không khởi phân biệt sắc

Chỉ do tâm vọng lập

Kẻ ác kiến không tin

Đây không phải ngoại đạo

Hay Thanh văn đã nói

Mà chính đáng cứu đời

Nói cảnh đã thân chúng.

Bấy giờ Bồ tát Đại huệ, vì muốn thanh tịnh tâm hiện lưu nên bạch Phật:

Làm sao thanh tịnh tự tâm hiện lưu (dòng tư tưởng tuôn chảy không ngừng) của chúng sinh? Sự thanh tịnh ấy có thứ lớp hay ngay tức thì?

Phật dạy:

- Này Đại huệ! thanh tịnh dần dần, không phải tức khắc. Như trái am la (âmraphala, xoài) chín lần, không chín ngay. Chư Như lai làm cho dòng tâm thức chúng sinh thanh tịnh cũng thế, dần dần chứ không tức khắc. Như người thợ gốm làm các vật dần thành hình, không phải tức khắc. Chư Như lai tịnh dòng tâm thức chúng sinh cũng thế, tuần tự không tức thì. Như đất lớn sinh thảo mộc cũng sinh từ từ, không sinh lập tức, chư Phật thanh tịnh dòng tâm thức tuôn chảy nơi chúng sinh cũng thế, tuần tự không phải tức thì. Đại huệ! Thí như người học âm nhạc, đọc sách, vẽ, hoặc các thứ kỹ thuật, dần dần mà thành tài chứ không tức khắc, chư Phật thanh tịnh dòng tâm thức chảy xiết của chúng sinh cũng thế, không phải ngay tức thì. Ví như gương lớn hiện ngay các vật không phân biệt, chư Như lai làm thanh tịnh dòng tâm thức của chúng sinh cũng vậy, làm hiện tức khắc hết thấy cảnh giới vô tướng không phân biệt. Như vầng nhật nguyệt soi chiếu tất cả sắc hình tượng cùng một lúc, chư Phật làm thanh tịnh tập quán lỗi lầm nơi tự tâm chúng sinh cũng thế, lập tức vì chúng sinh thị hiện cảnh giới trí tuệ bất khả tư nghì của chư Như lai. Như tạng thức hiện ngay một lúc hết thấy cảnh giới: quốc độ, thân, tài sản; Báo Phật cũng thế (nisyandabuddha) ở cõi Sắc cứu cánh, thường tức khắc thành tựu chúng sinh, khiến chúng tu các hạnh. Như Pháp tính Phật (Dharmatàbuddha) tức khắc hiện Báo Phật và ánh sáng quang minh của Hóa Phật (Nirmànbuddha); Thánh trí tự chứng cũng vậy, hiện ngay các pháp tướng làm ánh sáng chiếu soi, khiến lia hết tà kiến về có và không. Lại nữa, Đại huệ, đức Phật từ pháp tính lưu xuất

(dharmatànisyandabuddha) nói tự tướng cộng tướng của hết thầy pháp, các tướng do tập khí làm nhân (vàsanàhetu) do tự tâm hiện, các tướng do vọng chấp sinh... đều là các tướng huyễn hóa lệ thuộc lẫn nhau, không có tự tính. Những gì chúng sinh chấp thật có đều không thể nắm giữ (bất khả đắc). Lại nữa, Đại huệ ! Tính vọng kế (parikatantrasvabhàva) là do chấp trước vào tính duyên khởi mà sinh. Đại huệ ! Thí như thầy phù thủy dùng huyễn thuật lấy cỏ cây ngói gạch tạo ra bao nhiêu hình tượng chúng sinh, khiến cho người thấy liền phân biệt các sự vật, mà kỳ thật không có gì. Đại huệ ! Đây cũng vậy. Do thói quen cố chấp cảnh giới là thật, nên trong các pháp do duyên khởi lại có ra các tướng vì vọng chấp mà hiện, ấy gọi là phát sinh vọng kế. Đại huệ! Đây là pháp tướng mà chư Phật pháp tính đã nói. Đại huệ, Phật Pháp tính kiến lập các cảnh giới của tự chứng trí, liả tướng do tự tâm hiện. Đại huệ ! Hóa Phật nói các pháp: Bồ thí, trì giới, tinh tấn, nhẫn nhục, thiền định, trí tuệ, uẩn, giới, xứ, cùng các phương pháp giải thoát các hành tướng của thức, kiến lập sai biệt, vượt trên kiến chấp của ngoại đạo, siêu việt hạnh vô sắc. Lại nữa, Đại huệ ! Phật pháp tính không vin vào đâu cả, xa liả hết thầy các tướng: sở duyên, sở tác, căn, lượng... không phải cảnh giới mà phạm phu, nhị thừa và ngoại đạo ưa chấp ngã thường quan niệm. Bởi thế, Đại huệ, ông nên siêng tu học cảnh giới thù thắng của bậc Tự chứng Thánh trí, nên mau xa liả các tướng do tự tâm hiện, do kiến chấp phân biệt. Lại nữa, Đại huệ ! Thanh văn thừa có hai tướng sai biệt, ấy là tướng Tự chứng Thánh trí thù thắng, và tướng phân biệt chấp trước tự tính. Sao gọi là tướng "Tự chứng Thánh trí thù thắng" (pratyàtmàryàdhi- gamavisesalaksana)? Ấy là nhân thấy rõ cảnh giới các đế khổ, không, vô thường, vô ngã, mà liả ham muốn, trở nên vắng lặng; biết rõ một cách chân thật các tướng bất hoại ở ngoài uẩn, giới, xứ hoặc tự hoặc cộng, nên tâm trụ vào một chỗ. Khi tâm đã an trú vào một cảnh thì sẽ được các đạo quả thiền định, giải thoát, tam muội... mà được hạnh viễn ly. Họ an trú trong pháp lạc của cảnh giới do Thánh trí tự chứng, song vẫn chưa liả được tập khí và những hình thái "biến dị sinh tử" khó nghĩ bàn, nên gọi là tướng Tự chứng thánh trí của Thanh văn thừa. Các bậc đại Bồ tát tuy cũng được cảnh giới Thánh trí tự chứng ấy, nhưng vì thương xót chúng sinh, giữ tròn bản nguyện nên không thể chứng pháp môn tịch diệt cùng pháp lạc tam muội. Các đại Bồ tát không tu học pháp lạc tự chứng thánh trí ấy. Đại huệ ! sao gọi là tướng "phân biệt chấp trước tự tính"? Ấy là biết các pháp như cứng, ẩm, động, xanh, vàng, đỏ, trắng vv.. đều không do một tác giả sinh, nhưng lại y cứ vào sự giảng dạy, lý luận mà có tự tướng cộng tướng và khởi phân biệt chấp trước, ấy gọi là tướng phân biệt của Thanh văn. Các vị đại Bồ tát đối với các pháp ấy nên biết, nên xa liả kiến chấp nhân vô ngã, nhập vào tướng "pháp vô ngã" dần dần an trú trong các địa vị tu hành.

## Bồ tát Đại huệ bạch Phật

Bạch Thế Tôn ! Như lai nói cảnh giới đệ nhất nghĩa của Thánh trí tự chứng là "Thường còn, không thể nghĩ bàn", há không giống với ngoại đạo bảo đấng Tạo hóa của họ cũng thường còn, không thể nghĩ bàn đấy hay sao?

Đại huệ ! Đấy không phải là tướng thường bất tư nghì mà đấng tạo hóa ngoại đạo có. Vì sao? Bởi vì, Đại huệ, tướng thường bất tư nghì của ngoại đạo là do tự tướng, không do nhân thành. Đã do tự tướng, thì lấy gì chứng minh cái thường bất tư nghì? Đại huệ ! Cái thường bất tư nghì của ngoại đạo nói nếu do tự tướng thì tất nó hữu thường, song vì lấy đấng tạo hóa làm nhân nên không thành thường bất tư nghì. Đại huệ ! Đệ nhất nghĩa thường bất tư nghì của ta, xa lìa có, không. Nó có đặc tính riêng của nó vì là cảnh giới do thánh trí tự chứng. Nó do đệ nhất nghĩa làm nhân nên có nhân. Nó lìa có, không, nên không phải là tác giả. Vì nó như hư không, tịch diệt của Niết bàn, nên thường bất tư nghì của ta nói không giống với chỗ tranh luận của ngoại đạo. Đại huệ này, cái thường bất tư nghì của ta là chân lý do thánh trí chứng Như lai tự chứng, nên Bồ tát hãy siêng tu học. Lại nữa, Đại huệ, nghĩa thường bất tư nghì của ngoại đạo là nhân trái với vô thường mà nói thường, không phải do tự tướng. Đại huệ ! Nghĩa thường bất tư nghì của ngoại đạo là do thấy các pháp sinh ra có rồi hoàn không, bởi đó vô thường, so đấy mà nói thường. Ta cũng thấy các pháp sinh ra có rồi lại không, bởi đó vô thường, nhưng không vì thế mà nói nghĩa thường. Đại huệ ! Nếu ngoại đạo lấy tướng nguyên nhân mà thành thường bất tư nghì, thì tướng nguyên nhân ấy vốn không có, cũng như sừng thỏ; cái thường bất tư nghì chỉ là phân biệt, chỉ có trên danh từ. Vì sao? Vì cái nhân ấy cũng như sừng thỏ, không có đặc tính của tự nhân vậy. Đại huệ ! Thường bất tư nghì của ta lấy tự chứng làm nhân, không lấy pháp bên ngoài có rồi hoàn không - vô thường - mà làm nhân. Ngoại đạo, trái lại, chưa từng biết tướng của tự nhân thường bất tư nghì, mà thường ở bên ngoài cảnh giới của Thánh trí tự chứng.

Lại nữa, Đại huệ ! Các hàng Thanh văn vì sợ sinh tử, vọng tưởng, khổ (samsàravikalpadukkha) mà cầu Niết bàn, không biết tất cả tướng sai biệt giữa Niết bàn sinh tử đều do hư vọng phân biệt mà có, chứ thật vốn không. Thanh văn vọng chấp rằng trong tương lai các căn, cảnh đều diệt, cho đó là Niết bàn, mà không biết cảnh giới của trí tự chứng, là chuyển tạng thức bị hạn cuộc thành Đại Niết bàn. Những người ngu kia nói có 3 thừa, không nói ngoài tâm không cảnh. Những người ấy không biết cảnh giới tự tâm mà chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai đều nói, lại chấp trước cảnh ngoài tâm, nên thường trôi lăn không cùng trong sinh tử. Lại nữa, Đại huệ ! Chư Như lai vì

sao nói hết thấy pháp quá khứ hiện tại vị lai không sinh (anutpanna) ? Vì cảnh do tự tâm thấy đều không có tự tính, lia có không, nên nói vô sinh, như sừng thỏ, sừng ngựa v.v.. mà phạm phu vọng chấp. Cảnh giới vô sinh này là cảnh của bậc Tự chứng trí, không phải của hạng ngu phu phân biệt nhị nguyên. Đại huệ ! Thân, tài sản, khí thể gian, v.v.. tất cả đều là bóng dáng của tạng thức, năng thủ sở thủ (grāhyagrāhaka) đồng hiện khởi. Hàng ngu phu theo hai kiến chấp về sinh, trú, diệt, mà vọng khởi phân biệt hữu, vô. Đại huệ ! Ông nên siêng năng tu học nghĩa này.

Lại nữa, này Đại huệ ! Có năm loại chủng tính là: Chủng tính Thanh Văn, chủng tính Duyên giác, chủng tính Như lai, chủng tính bất định và vô chủng tính. Đại huệ ! Sao biết được là chủng tính Thanh văn thừa? Những người khi nghe nói tự tướng, cộng tướng, uân, giới, xứ, hoặc biết hoặc chứng, thì lông tóc dựng ngược, khao khát tu tập; nhưng đối với lý duyên khởi thì không thích quán sát, nên biết đây là chủng tính Thanh văn thừa. Những người ấy khi đã thấy chỗ mình chứng được, ở vào địa thứ năm thứ sáu, thì dứt được trói buộc của phiền não song chưa đoạn được tập khí phiền não. Họ vẫn vướng vào "bất tư nghì tử" - cái chết không thể nghĩ bàn. Tiếng rống như sư tử của họ là: "Sinh đã tận, phạm hạnh đã hoàn thành, việc nên làm đã xong, không còn thọ thân sau." Họ tu tập "nhân vô ngã" sinh tâm cho mình đã đạt Niết bàn.

Đại huệ ! Lại có chúng sinh cầu chứng Niết bàn, tự nói đã biết tướng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả, cho đây là Niết bàn. Lại có những người nói: Thấy các pháp thấy đều do nguyên nhân sinh ra, đó là Niết bàn. Đại huệ ! Những kẻ ấy không giải thoát, vì chưa thể thấy pháp vô ngã vậy. Đó là chủng tính Thanh văn thừa, ngoại đạo, chưa giải thoát mà cho mình đã giải thoát. Ông hãy siêng tu tập xả bỏ ác kiến này. Đại huệ ! Sao biết được chủng tính duyên giác thừa? Ấy là những người khi nghe nói 12 nhân duyên thì lông tóc dựng đứng, động lòng rơi lụy, xa lìa huyên não, không đam mê gì nữa. Khi nghe nói hiện các thứ thân hoặc tụ hoặc tán, các việc thần thông biến hóa, thì tâm họ tin chịu, không phản đối. Nên biết đây là chủng tính Duyên giác; hãy nói pháp Duyên giác thừa cho họ. Đại huệ ! Các pháp mà chủng tính Như lai thừa chứng được thuộc ba loại: Ấy là pháp "tự tính vô tự tính", pháp "nội thân tự chứng Thánh trí" và pháp "thấy hết thấy các cõi Phật ở ngoài." Đại huệ ! Nếu có người nghe nói mỗi mỗi pháp này cho đến pháp "thân, nhà cửa, tài sản đều do tự tâm hiện," nghe nói cảnh giới không thể nghĩ bàn của thức a lại gia mà không sợ, không kinh khiếp hãi hùng, nên biết người ấy thuộc chủng tính Như lai. Đại huệ ! Bất định chủng tính là gì? Ấy là khi nghe nói về ba thừa trên đây đều có thể khởi phát lòng tin, muốn tu học. Đại huệ ! Ta



vì các hạng người mà so sánh các giai đoạn tu tập, nói các chủng tính, vì muốn khiến họ an trú trong cảnh giới vô ảnh tượng nên kiến lập như thế. Đại huệ ! Những người Thanh văn an trú trong pháp lạc tam muội, nếu chứng được thức bị duyên của mình, thấy được pháp vô ngã, sạch tập khí phiền não, thì rốt cuộc cũng sẽ được thân Như lai." Thế Tôn liền nói bài tụng:

Quả Dự lưu, Nhất lai

Bất hoàn, A la hán

Những thánh nhân như thế

Tâm họ đều mê hoặc

Ba thừa ta lập ra

Một thừa đến không thừa

Vì kẻ ngu trí nhỏ

Vì bậc Thánh ưa tịch

Pháp môn đệ nhất nghĩa

Xa lìa cả hai chấp

Trong chỗ vô cảnh giới

Làm sao lập ba thừa?

Các thiên cùng vô lượng

Vô sắc tam ma đề (àrùpya samadhi)

Cho đến diệt thọ tưởng

Đều không ở ngoài tâm.

Lại nữa Đại huệ, tại sao hạng Nhất xiển đề (Icchantika) đối với pháp giải thoát không sinh vui thích? Đại huệ ! Vì họ đã bỏ mất hết căn lành, hoặc vì từ vô thủy đã khởi nguyện độ chúng sinh. Sao gọi là bỏ mất hết căn lành? Ấy là những người chê bai các tạng kinh của Bồ tát, cho rằng không hợp với

Khế kinh, với sự điều phục và giải thoát. Như vậy là đoạn hết căn lành, không nhập niết bàn được. Sao gọi là từ vô thi vì chúng sinh khởi nguyện? Ấy là những Bồ tát dùng phương tiện bản nguyện, nguyện cho hết thảy chúng sinh đều vào Niết bàn, nếu còn một chúng sinh chưa vào thì Bồ tát cũng không vào. Hạng này cũng ở trong đường của Nhất xiển đề, không có tướng của chủng tính Niết bàn.

Đại huệ Bồ tát bạch Phật:

Bạch Thế Tôn ! Trong hai hạng đó rốt cùng ai không vào Niết bàn?

Phật dạy:

Những Bồ tát Nhất xiển đề kia vì biết rõ hết thảy pháp xưa nay vốn là Niết bàn, nên rốt cuộc không nhập. Song hạng Nhất xiển đề đã bỏ các thiện căn thì hoặc sẽ nhờ uy lực Phật, hoặc có khi phát sinh thiện căn. Vì sao? Vì Phật không bao giờ bỏ rơi một chúng sinh nào. Cho nên chỉ có Bồ tát Nhất xiển đề là không nhập Niết bàn. Lại nữa Đại huệ ! Bồ tát đại hữu tình nên biết rõ tướng của 3 tự tính (svabhàva). Ba tự tính ấy là gì? Ấy là vọng kế, duyên khởi và viên thành. Đại huệ, vọng kế tự tính là do tướng sinh. Sao là do tướng sinh? Ấy là nương theo các sự tướng duyên khởi hiện ra các chủng loại mà sinh chấp trước, so đo. Đại huệ ! Sự kế trước ấy sinh hai thứ vọng kế tính, ấy là những gì chư Như lai diễn nói: danh tướng kế trước và sự tướng kế trước. Sự tướng kế trước là chấp các pháp trong và ngoài cho là thật có, danh tướng kế trước là đối các pháp trong và ngoài ấy, chấp có tự tướng cộng tướng. Ấy là hai thứ vọng kế. Đại huệ ! Do duyên sở y mà khởi lên, ấy gọi là tính duyên khởi. Sao gọi là viên thành tự tính? (Parnispannasvabhàva) Ấy là chân như mà đấng tự chứng Thánh trí đạt được, lìa hết thảy danh tướng, sự tướng. Đại huệ! đấy là tự tính viên thành, Như lai tạng tâm.

Đức Thế Tôn bèn nói bài tụng:

Phân biệt danh tướng

Là tướng tự tính

Chính trí chân như

Là tính viên thành.

Đại huệ ! đây là pháp môn quán sát 5 pháp, hai tự tính, là cảnh giới của bậc Tự chứng thánh trí. Ông cùng các Bồ tát đại hữu tình nên siêng tu học. Lại nữa, này Đại huệ, Bồ tát nên quán sát hai tướng vô ngã. Hai tướng ấy là gì? Là tướng nhân vô ngã, tướng pháp vô ngã. Đại huệ, sao gọi là tướng nhân vô ngã? Ấy là uẩn, xứ, giới, lìa ngã, ngã sở, vì ngu si và ái nghiệp mà sinh các thức như nhãn v.v.. Do sắc, thanh... mà sinh chấp trước. Lại thân và khí thể gian mà tự tâm thấy đều do tạng tâm biến hiện, từng giây phút tiếp nhau biến hoại không ngừng. Như dòng sông, như hạt giống, như ánh đèn, như gió qua mau, như mây nổi. Nó động chuyển không an như vượn khi, ưa chỗ dơ ứ như ruồi nhặng, không biết chán đủ như lửa mạnh. Nó lấy tập quán tà ác từ vô thủy làm nhân, nên trôi lăn các cõi không ngừng như bánh xe kéo nước, cuốn theo các loại thân hình, như cây chết do mãnh lực bùa chú mà cử động, lại như người gỗ do máy mà chuyển động. Nếu biết rõ tướng của tự thân là như vậy, thì gọi là trí "nhân vô ngã" (Putgalarairàtnyajnàra). Đại huệ ! Sao gọi là trí pháp vô ngã? Ấy là biết uẩn, giới, xứ là tính vọng chấp. Nguyên uẩn, giới, xứ vốn lìa ngã, ngã sở, chỉ vì sợi dây trói buộc của ái và nghiệp tích tụ làm duyên cho nhau mà sinh khởi, không có tác giả. Uẩn giới xứ cũng thế, lìa tự tướng cộng tướng. Những hiện tượng giả dối đủ loại hiện ra chỉ có phàm phu mới phân biệt, thánh giả thì không. Quán sát các pháp như vậy nên lìa tâm, ý, ý thức, 5 pháp, 3 tự tính, ấy gọi là trí pháp vô ngã của Bồ tát đại hữu tình. Khi được trí ấy thì biết không có cảnh giới, hiểu rõ tướng các giai đoạn tu hành. Bồ tát liền nhập sơ địa, tâm sinh vui mừng, tuân tự tiến dần lên đến bậc Thiện huệ và Pháp vân. Các việc phải làm đều thành tựu, ở địa vị ấy có hoa sen báu lớn cùng các báu trang nghiêm, trên hoa có cung điện báu hình hoa sen, do Bồ tát tu pháp môn như huyễn mà thành tựu. Bồ tát ngồi trên hoa sen được các Bồ tát đồng hàng vây quanh, được chư Phật từ các cõi Phật đưa tay rưới đầu bằng nước cam lồ như rưới cho con vua chuyển luân. Khi vượt qua giai đoạn cuối cùng của Bồ tát địa, Bồ tát thành tựu pháp thân tự tại của Như lai. Đại huệ ! ấy gọi là tướng "thấy pháp vô ngã". Ông và các Bồ tát nên siêng tu học.

Bấy giờ Đại huệ Bồ tát lại bạch Phật rằng:

Bạch đức Thế Tôn, xin vì con giảng nói tướng lập và phá (samàropàpavàdalaksana) khiến con cùng các Bồ tát lìa các kiến chấp ấy, mau được Vô thượng bồ đề. Khi ấy, con sẽ phá được sự chấp thường (lập) và chấp đoạn (phá), đối với chính pháp không sinh hủy báng.

Phật nhân lời thưa thỉnh của Đại huệ bồ tát mà nói bài kệ tụng như sau:

Thân, tài vật, chỗ ở

Đều là bóng của tâm

Phàm phu không biết được

Khởi kiến lập, bác bỏ

Mọi pháp do tâm khởi

Lìa tâm không có được.

Đức Thế Tôn muốn nói rõ lại nghĩa ấy, bảo Bồ tát Đại huệ :

Có 4 kiến lập (cho là có, những cái vốn là không), đó là không tướng lập có tướng, không kiến lập có kiến, không nhân lập có nhân, không tính lập có tính. Đại huệ ! Còn hủy báng (phá) là sao? Ấy là các pháp do tà kiến lập ra đều không tự tính, vì không khéo quán sát nên sinh hủy báng (chối bỏ). Đây là tướng kiến lập và hủy báng (xác định cùng phủ định). Này Đại huệ ! Sao gọi là không tướng lập có tướng? Ấy là tự tướng, cộng tướng của uẩn, giới, xứ vốn không, mà lại sinh ra kẻ chấp cho nó như thế này, không thế khác. Những phân biệt ấy đều do ác tập từ vô thủy sinh ra. Đây gọi là không tướng lập có tướng. Sao gọi là không kiến lập có kiến? Ấy là từ uẩn giới xứ, đặt ra các quan niệm ngã, nhân, chúng sinh v.v.. Sao gọi là không nhân lập có nhân? Ấy gọi là sơ thức (prāgvijnāna) trước kia vốn vô nhân, bất sinh, sơ thức ấy vốn không, mà sau vì mắt, sắc, ánh sáng, niệm v.v.. làm nhân như huyền sinh, sinh rồi có, có rồi hoàn diệt. Ấy là không nhân lập có nhân. Sao gọi là không tính lập có tính? Ấy là chấp trước các pháp vốn vô tác như hư không, Niết bàn không phải thường diệt. Đại huệ ! Những pháp này lìa tính phi tính, hết thấy pháp đối với có và không chỉ như bụi lông, sừng thỏ, ngựa... Ấy là không tính lập có tính. Đại huệ ! Kiến lập và bác bỏ đều do kẻ phàm phu không hiểu duy tâm tạo, nên sinh phân biệt. Bậc thánh không làm thế. Các ông nên quán sát để xa lìa kiến chấp ấy. Này Đại huệ, Bồ tát khi đã biết rõ tâm, ý, ý thức, 5 pháp, 3 tự tính, 2 vô ngã, thì sẽ vì chúng sinh, hiện các loại thân hình, như ngọc ma ni hiện các màu tùy tâm. Các Bồ tát ấy đi vào các Phật hội, nghe Phật dạy các pháp như huyền như mộng, như bóng, như hình trong gương, như trăng đáy nước, xa lìa sinh diệt, đoạn thường. Không ở trong đường Thanh văn và Bích chi Phật, nghe xong chư Bồ tát ấy thành tựu vô lượng trăm ngàn ức na do tha định. Được các định ấy rồi, họ du hành khắp các cõi Phật, cúng dường chư Phật, sinh lên các cõi trời để làm sáng tỏ ngôi Tam bảo. Họ hiện thân Phật vì đại chúng Thanh văn Bồ tát mà

nói pháp duy tâm khiến xa lìa các chấp hữu, vô. Bây giờ Thế Tôn nói bài tụng:

Phật tử hay quán thấy

Thế gian không ngoài tâm

Hiện ra đủ loại thân

Việc làm không ngăn ngại

Sức thần thông tự tại

Tất cả đều viên thành.

Bồ tát Đại huệ lại thỉnh Phật:

Xin Thế Tôn vì con nói tướng không, vô sinh, vô nhị, vô tự tính của vạn pháp. Con và các Bồ tát ngộ được tướng ấy, sẽ lìa phân biệt hữu vô, mau thành Vô thượng bồ đề.

Phật dạy:

Hãy nghe kỹ, ta sẽ nói cho ông. Đại huệ ! "Không" ấy là tính vọng chấp. Đại huệ ! Vì chấp trước, vọng kể nơi tự tính nên nói không, vô sinh, vô nhị, vô tự tính. Đại huệ ! Lược nói tính không có bảy: tướng không, tự tính không, vô hành không, hành không, nhất thiết pháp bất khả thuyết không, đệ nhất nghĩa thánh đế không, bỉ bỉ không. Tướng không là tự tướng cộng tướng của tất cả pháp đều không, chỉ xoay vần tích tụ đối đãi lẫn nhau mà hiện ra, nếu phân tích đến cùng thì không có gì. Không tự sinh, không tha sinh không vừa tự vừa tha, rốt ráo bất sinh. Tự tướng cộng tướng không sinh cũng không trú, nên gọi hết thảy pháp tự tướng vốn không. Sao gọi là tự tính không? Ấy là hết thảy pháp tự tính vốn không sinh, nên gọi là tự tính không. Sao gọi là vô hành không? Là các uẩn bản lai vắng lặng, không hành động tạo tác, nên gọi là vô hành không. Sao là hành không? Là các uẩn do nghiệp và nhân hòa hợp mà sinh, lìa ngã, ngã sở, nên gọi là hành không. Sao là nhất thiết pháp bất khả thuyết không? Là tự tính của hết thảy các vọng chấp không thể nói hết, nên gọi là bất khả thuyết không. Sao là đệ nhất nghĩa thánh trí đại không? Là khi được tự chứng thánh trí, thì lìa được tất cả tập khí làm lạc, kiến chấp. Ấy gọi là đệ nhất nghĩa thánh trí đại không. Sao là bỉ bỉ không? Là cái này không cái kia (emptiness of mutual non-existence -

Suzuki). Thí như trong giảng đường không có quạ, ngựa, trâu, dê, v.v.. ta nói giảng đường kia không, không phải là không có chúng tỳ kheo. Đại huệ, không phải là phòng không có tự tính của phòng, không phải tỳ kheo không có tự tính của tỳ kheo, không phải các nơi khác không có quạ, ngựa, trâu, dê. Nay Đại huệ, tự tướng cộng tướng của các pháp đều nương nhau mà có, nhưng thực chất là không nên gọi là bí bí không.

Lại nữa Đại huệ, vô sinh là trí thể không sinh, chứ không phải là bất sinh, trừ khi ở trong định. Vì vô sinh nên theo ý nghĩa sâu xa chính là vô tự tính. Đại huệ, hết thấy pháp không tự tính, vì không sát na nào ở yên, vừa trông thấy, nó đã đổi khác, nên gọi là vô tự tính. Sao là không hai tướng? Đại huệ ! Như sáng tối, ngắn dài, đen trắng, đều đối đãi nhau mà lập, một mình thì không thành. Đại huệ ! Không phải ngoài sinh tử có Niết bàn, không phải ngoài Niết bàn có sinh tử, sinh tử và Niết bàn không phải là hai tướng đối nghịch. Như sinh tử và Niết bàn, hết thấy pháp đều như vậy, ấy gọi là không hai tướng. Đại huệ này, các tướng không, vô sinh, không hai, vô tự tính, ông nên siêng tu học. Khi ấy Thế Tôn lại nói bài tụng:

Ta thường nói pháp "không"

Xa lìa hẳn đoạn, thường

Sinh tử như huyễn mộng

Mà nghiệp cũng không tan

Hư không và Niết bàn

Hai diệt cũng như thế

Phàm phu vọng phân biệt

Thánh giả lìa hữu, vô.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo Đại huệ Bồ tát:

Đại huệ ! Tướng không, vô sinh, không hai, vô tự tính ấy, có thể tìm thấy trong kinh của chư Phật nói. Đại huệ ! Kinh tùy thuận tâm chúng sinh mà nói, nhưng chân lý không nằm trong lời. Thí như những con thú bị quáng nắng tưởng thấy nước mà thật không có nước, những gì các kinh nói cũng thế, chỉ thuận theo phân biệt của ngu phu, khiến chúng sinh hoan hỷ, đều

không phải là các pháp hiển bày chỗ chứng chân thật của Thánh trí. Đại huệ, hãy theo nghĩa, không nên bám vào lời.

Đại huệ Bồ tát bạch Phật:

Bạch đức Thế Tôn ! Trong kinh nói bản tính Như lai tạng vốn thanh tịnh, hằng tồn không dứt, không biến dịch, đủ 32 tướng, ở trong tất cả thân chúng sinh, bị quán trong lớp áo dơ uế của uẩn giới xứ, bị ô nhiễm vì tham, nhuế, si... và sự phân biệt hư vọng, như ngọc vô giá bọc trong áo dơ. Ngoại đạo thì nói ngã là tác giả thường trú, là câu na (guna, đức), tự tại, bất diệt. Như lai tạng mà Thế Tôn dạy không phải giống như Ngã của ngoại đạo sao?

Phật dạy:

Này Đại huệ ! Như lai tạng do ta nói không giống ngã ngoại đạo nói. Đại huệ ! Như lai dùng các nghĩa tính không, thật tế, Niết bàn, bất sinh, vô tướng, vô nguyên v.v.. mà diễn tả Như lai tạng. Vì muốn ngu phu lìa sợ hãi đối với vô ngã mà nói pháp môn Như lai tạng, vô phân biệt, vô ảnh tượng. Các Bồ tát vị lai, hiện tại không nên do đó mà chấp ngã. Đại huệ ! Thí như thợ gốm do đất sét, nhân công, nước gỗ, mà làm ra các vật dụng, Như lai cũng thế, vì để giảng dạy pháp môn viên ly hết thấy tướng phân biệt, vô ngã, mà phải dùng trí tuệ phương tiện khéo, sử dụng các danh từ khác nhau như khi thì nói Như lai tạng, khi thì nói vô ngã v.v... Đại huệ ! Ta nói Như lai tạng là để nhiếp phục ngoại đạo chấp ngã, khiến lìa tà kiến, thâm nhập 3 giải thoát, mau chứng Vô thượng Bồ đề. Vì thế Như lai tạng mà chư Phật nói không giống với Ngã của ngoại đạo. Muốn xa lìa tà kiến ngoại đạo, ông nên biết nghĩa Như lai tạng là vô ngã. Khi ấy Thế Tôn nói bài tụng:

Uẩn tương tục và người

Các duyên và vi trần

Thắng, tự tại, tác giả

Đều do tâm phân biệt.

Bồ tát Đại huệ quán chúng sinh đời vị lai mà hỏi Phật rằng:

Bạch Thế Tôn, xin vì con nói pháp tu đầy đủ để thành tựu bậc đại tu hành như các Bồ tát đại hữu tình.

Phật dạy:

Đại huệ ! Bồ tát đại hữu tình đủ 4 điều kiện thì thành bậc đại tu hành, ấy là:

1. Quán sát cảnh tự tâm hiện. 2. Xa lìa kiến chấp sinh, trú, diệt. 3. Biết rõ các pháp do tâm sinh vốn không có tự tính. 4. Chuyên cầu tự chứng thánh trí. Nếu các bồ tát thành tựu bốn pháp ấy thì gọi là bậc đại tu hành. Đại huệ ! Sao là quán sát cảnh tự tâm hiện? Là quán 3 cõi không ngoài tâm, lìa ngã, ngã sở, không có hành động tạo tác, không đến đi, chỉ do tập khí chấp trước từ vô thủy huân thành. Bồ tát quán sát cảnh tự tâm hiện như thế. Đại huệ ! Sao gọi là lìa cái thấy sinh trú diệt? Ấy là quán sát hết thấy pháp như huyễn mộng sinh, không tự sinh, không cộng sinh, không tự tha cùng sinh, chỉ do tự tâm hiện. Thấy ngoại vật không thực có, thấy các thức không sinh, các duyên không tích tụ, thấy do phân biệt mà có ra ba cõi. Quán sát như thế, hoặc ở trong hoặc ở ngoài, các pháp đều bất khả đắc, biết rõ không có thể tính chân thật, nên xa lìa kiến chấp về sinh, chứng tính như huyễn. Khi ấy Bồ tát liền được vô sinh pháp nhẫn, an trú địa thứ 8, hiểu rõ tâm, ý, thức, 5 pháp, 3 tự tính, 2 vô ngã, chuyên thức sở y, được thân ý sinh.

Đại huệ nói:

Bạch Thế Tôn! Sao gọi là thân ý sinh?

Đại huệ ! Thân ý sinh nghĩa là, như ý đi rất mau, không bị chướng ngại, gọi là thân ý sinh. Nay Đại huệ ! Thí như tâm ý nhớ đến các sự vật đã thấy được trước kia ở cách ngoài vô lượng trăm ngàn do tuần, niệm niệm nối tiếp không dứt liền đi đến chỗ ấy, không bị thân và sông núi đá tường ngăn ngại. Thân ý sinh cũng thế, được năng lực "như huyễn tam muội" thần thông tự tại, các tướng trang nghiêm, nhớ đến lời nguyện thành tựu chúng sinh nên liền đi nhanh như ý mà sinh vào tất cả Thánh chúng. Ấy gọi là Bồ tát được xa lìa sinh, trú, diệt. Đại huệ ! Sao là quán sát các pháp bên ngoài đều không tính? Ấy là quán hết thấy pháp như ảo tượng, như chiêm bao, như mao luận. Do hí luận, chấp trước, tập khí hư vọng từ vô thủy làm nhân. Quán sát tất cả pháp đều thế, rồi chuyên cầu Thánh trí tự chứng. Đại huệ ! Ấy gọi là Bồ tát đủ 4 pháp thành bậc đại tu hành. Ông nên theo đó siêng năng tu học. Đại huệ Bồ tát lại bạch:

Nguyện xin Thế Tôn vì con nói nhân duyên của hết thấy các pháp, khiến con và các Bồ tát liễu đạt nghĩa ấy, sẽ xa biên chấp hữu, vô, không vọng chấp các pháp sinh từ từ hay sinh lập tức.



Phật dạy:

Đại huệ ! Hết thấy các pháp do duyên sinh khởi. Có hai thứ duyên, trong và ngoài. Ngoài là các duyên như đất sét, nước, gậy, dây, nhân công v.v.. làm thành cái bình. Như bình làm bằng đất sét, hay vải làm bằng sợi tơ, hay tấm thảm làm bằng cỏ, hay mầm sinh từ hạt giống, "gia ua" sinh từ sữa ... tất cả đều như vậy, gọi là duyên bên ngoài. Trong là vô minh, ái, nghiệp v.v.. sinh các pháp uẩn, giới, xứ ấy là duyên bên trong. Đây là do ngu phu phân biệt mà thành có. Đại huệ, nhân có 6 thứ : 1. Đương hữu, 2. Tương thuộc, 3. Tướng, 4. Năng tác. 5. Hiện liễu, 6. Quán đãi. "Đương hữu" là các pháp trong ngoài làm nhân sinh ra quả. "Tương thuộc" là các pháp trong ngoài làm duyên sinh ra quả, các chủng tử uẩn v.v.. "Tướng" là làm cho các tướng không gián đoạn, sinh ra quả tương tục. "Năng tác" là nhân tối thắng để sinh quả như chuyển luân vương. "Hiện liễu" là khi phân biệt sinh, làm cho cảnh tượng hiện rõ như đèn soi các vật. "Quán đãi" là khi hoại diệt thì tương tục cũng dứt, không còn sinh vọng tưởng. Đại huệ ! Đây là do ngu phu tự phân biệt, không phải sinh từ từ cũng không phải sinh tức khắc. Tại sao, nếu như sinh tức khắc thì thành ra năng tác và sở tác không khác nhau, không thể tìm tướng "nhân" của nó. Còn nếu sinh từ từ thì tìm cái thể của nó không được, như chưa sinh con sao gọi là cha? Người lý luận cho rằng vì các nhân duyên (hetipratyaya), sở duyên duyên (arambanapratyaya) vô gián duyên (nirantarapratyaya), tăng thượng duyên (adhipatipratyaya) v.v.. sở sinh, năng sinh lệ thuộc lẫn nhau, nên theo thứ tự sinh dần. Lý ấy không vững, đều là vọng tình chấp trước. Đại huệ ! Dần dần hay tức khắc đều không sinh, chỉ có tâm hiện ra thân, tài sản v.v.. Ngoài tự tướng cộng tướng ra không có tính, chỉ vì các thức khởi, các kiến tự phân biệt mà thôi. Đại huệ, do đây ông nên xa lìa các kiến chấp tiệm sinh hay đốn sinh, đối với các tướng do nhân duyên hòa hợp thành.

Khi ấy đức Thế Tôn nói bài tụng:

Hết thấy pháp không sinh

Lại cũng không có diệt

Trong các thứ duyên kia

Phân biệt tướng sinh diệt

Không ngăn các duyên hội

Diệt cùng sinh như thế  
Mà phải dứt vọng tình  
Của phàm ngu chấp trước  
Hữu, vô của duyên sinh  
Đều rốt ráo không sinh  
Tập khí mê chuyển tâm  
Do đó ba cõi hiện  
Bản lai không vật sinh  
Lại cũng không có diệt  
Quán các pháp hữu vi  
Đều như hoa đóm sinh  
Liã năng thủ sở thủ  
Và kiến chấp sai lầm  
Không năng sinh sở sinh  
Lại cũng không nhân duyên  
Chỉ thuận theo thế tục  
Mà nói có sinh diệt.

## **QUYỂN BA**

### ***CHƯƠNG II***

#### **Tiết III - TU TẬP HẾT THẢY PHÁP**

Bấy giờ Đại huệ Bồ tát bạch Phật:

Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn vì con nói pháp môn tinh yếu của sự phân biệt ngôn thuyết, để con và chư Bồ tát đại hữu tình biết rõ điều ấy, thông đạt hai nghĩa năng thuyết sở thuyết, mau thành vô thượng bồ đề, khiến các chúng sinh được thanh tịnh đối với hai nghĩa ấy.

Phật dạy:

Đại huệ ! Có 4 thứ ngôn thuyết, ấy là: 1. Lời do tướng, 2. Lời do mộng, 3. Lời do chấp trước lỗi lầm, 4. Lời do vô thị vọng tưởng. Đại huệ ! Lời do tướng là lời nói do chấp văn tự và do phân biệt sắc tướng. Lời do mộng là lời nói do mộng thấy các cảnh, khi tỉnh nhớ lại, không theo cảnh thật có. Lời do chấp trước lỗi lầm là nhớ lại oán thù và những việc đã làm, rồi nói. Lời do vô thị vọng tưởng là lời nói do tập khí vọng chấp từ vô thị ưa hí luận. Đó là 4 thứ ngôn thuyết.

Đại huệ bạch:

Bạch Thế Tôn! Xin vì con nói các hành tướng của ngôn ngữ ở nơi nào, vì duyên có gì, tại sao khởi phân biệt?

Phật dạy:

Đại huệ ! Do đầu, ngực, yết hầu, lỗ mũi, môi, răng, lưỡi hòa hiệp khởi ra lời nói.

Đại huệ :

Bạch Thế Tôn! Ngôn ngữ là khác (anyà) hay không khác (anayà) với phân biệt?

Phật dạy:

Đại huệ ! Không khác cũng không không khác. Vì sao? Phân biệt làm nhân khởi ra ngôn ngữ vậy. Nếu khác, thì lời nói không thể làm nhân cho ngôn ngữ; nhưng nếu không khác, thì lời nói không thể diễn đạt ý nghĩa. Bởi thế mà nói không khác cũng không không khác.

Đại huệ :

Bạch Thế Tôn! Lời nói là đệ nhất nghĩa, hay cái được diễn đạt bằng lời là đệ nhất nghĩa?

Phật dạy:

Không phải lời cũng không phải cái được diễn bằng lời. Vì sao? Đệ nhất nghĩa là cảnh giới an lạc của bậc thánh, không thể chỉ do lời nói mà vào được, cho nên lời không phải là đệ nhất nghĩa. Đệ nhất nghĩa là cảnh mà Thánh trí tự chứng ở bên trong, không phải cảnh giới của lời và của trí phân biệt. Lời không thể chỉ rõ cảnh giới ấy. Đại huệ ! Lời nói là do nhân duyên sinh, có sinh diệt, giao động, xoay chuyển, cái gì do duyên sinh và có xoay chuyển thì không thể làm rõ đệ nhất nghĩa. Đệ nhất nghĩa không có tướng tự tha, ngôn ngữ có tướng nên không thể chỉ rõ đệ nhất nghĩa. Đệ nhất nghĩa là chỉ có ở tự tâm, mọi tướng bên ngoài đều không, nên ngôn ngữ phân biệt không thể chỉ rõ. Bởi thế, này Đại huệ ! Ông nên xa lìa ngôn ngữ phân biệt.

Bấy giờ Thế Tôn lại nói bài tụng:

Các pháp không tự tính

Cũng không có ngữ ngôn

Không thấy nghĩa không không

Nên ngu phu luân chuyển

Hết thấy pháp không tính

Lìa ngôn ngữ phân biệt

Các hữu là như huyễn

Không sinh tử, Niết bàn

Như vua cùng trưởng giả

Vì khiến các con vui

Trước chỉ cái tương tự

Sau cho cái như thật

Ta nay cũng như thế

Trước nói pháp tương tự

Về sau mới tuyên bố

Pháp tự chúng, thật tế.

Bồ tát Đại huệ bạch:

Xin Phật vì con nói nghĩa lia nhất dị (ekatvanyatva), cùng không cùng (ubhayanobhaya), hữu vô (nastyastitva), phi hữu vô (naivastinanasti), thường vô thường (nityanitya) v.v.. Những điều mà các ngoại đạo không thể nói, những cảnh giới của Thánh trí tự chúng. Khi hiểu được, con sẽ viễn ly vọng chấp tự tướng cộng tướng, nhập cảnh giới chân thật đệ nhất nghĩa, tuần tự được các địa, vào quả vị Như Lai. Do nguyện lực con sẽ không cần dụng công mà hiện khắp vô biên cảnh giới như ngọc ma ni, vì liễu tri tất cả pháp đều do tự tâm phân biệt. Khi được nghe Phật dạy, con và các Bồ tát đối với những pháp ấy sẽ lia chấp tự tính, lia các kiến chấp tự tướng cộng tướng, mau chúng Vô thượng bồ đề, khiến chúng sinh được đầy đủ các công đức.

Phật dạy:

Đại huệ ! Hay thay, lành thay ! Ông vì thương xót chúng sinh mà hỏi ta nghĩa ấy, vì lợi ích nhiều người, vì an lạc nhiều người. Đại huệ ! Kẻ phàm phu vô trí không biết duy tâm, do tập quán hư vọng mà chấp ngoại vật, phân biệt các tính một, khác, có, không, không có, không không, thường, vô thường v.v... Đại huệ ! Như con thú vì con khát hành hạ, do bóng nắng mà tưởng tượng nước, mê hoặc chạy theo, không biết đây chẳng phải nước. Kẻ phàm phu cũng vậy, do huân tập hý luận phân biệt từ vô thi, do ba độc thiêu đốt tâm nên ưa cảnh giới sắc, thấy có sinh, trú, diệt, chấp thủ pháp trong ngoài, sa vào các chấp trước một, khác v.v.. Đại huệ ! Như thành Càn thất bà không phải thành cũng không phải phi thành, kẻ vô trí vì thói quen chấp trước vào hạt giống "thành" từ vô thi, nên tưởng có thành. Ngoại đạo cũng vậy. Vì vọng tưởng từ vô thi nung nấu, nên không hiểu rõ cảnh tự tâm hiện, bám vào các ngôn thuyết một, khác v.v.. Đại huệ ! Thí như có người nằm mộng thấy trai, gái, voi, ngựa, xe, kẻ bộ hành, thành ấp, vườn rừng ... các thứ trang nghiêm. Khi tỉnh nhớ lại cảnh kia vốn không phải chuyện thật. Đại huệ ! Ý ông thế nào? Người như thế có khôn ngoan không?

Bạch Thế Tôn không!

Đại huệ ! Ngoại đạo cũng thế. Do ác kiến ngôn ngữ không rõ duy tâm, chấp trước các quan niệm một, khác, hữu, vô v.v.. Nay Đại huệ ! Thí như tượng vẽ không có chỗ cao, thấp, kẻ ngu lầm thấy tượng có cao thấp. Các ngoại

đạo đời sau cũng vậy, do ác kiến huân tập, vọng tâm tăng trưởng, nên chấp một, khác v.v...mà tự hại, hại người. Đối với thuyết lìa hữu vô, vô sinh thì xem là chuyện không tưởng, chúng bài bác nhân quả, triệt hết căn lành. Nên biết những kẻ phân biệt có, không, khởi các tướng tự, tha như thế sẽ đọa vào địa ngục. Muốn cầu pháp thù thắng, ông hãy xa lìa. Đại huệ, thí như những người đau mắt thấy hoa đốm (mao luân) bèn gọi nhau: "Thật là việc hiếm có, đẹp tuyệt!" Kỳ thật hoa đốm ấy lìa có không, thấy và bị thấy. Ngoại đạo cũng thế, ác kiến phân biệt một, khác, cùng, không cùng v.v.. phải báng chính pháp, tự chôn mình, chôn người. Đại huệ, thí như vòng lửa thật không phải vòng, kẻ ngu mới chấp, không phải bậc trí. Ngoại đạo cũng thế, vì ác kiến chấp trước một, khác, cùng, không cùng...nên khởi sinh các pháp. Đại huệ ! Thí như bọt nước giống ngọc pha lê, kẻ ngu chấp thật chạy theo lượm nhặt. Nhưng bọt nước kia vốn lìa ngọc và phi ngọc. Nay Đại huệ ! Khi thành lập 3 lượng (hiện lượng, tỉ lượng và phi lượng) thì Thánh trí tự chứng xa lìa được hai tự tính (y tha, biên kế). Đại huệ ! Người tu hành khi chuyển được tâm, ý, thức, năng thủ, sở thủ, an trú pháp tự chứng ở Như lai địa, thì không khởi các tướng có, không. Đại huệ ! Người tu hành nếu khởi những chấp hữu, vô tức đã chấp các tướng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả. Đại huệ ! Hết thấy tự tướng và cộng tướng của các pháp đều do hóa thân Phật nói, không phải pháp thân Phật nói. Đại huệ ! Hóa thân Phật nói thì chỉ thuận theo kiến chấp của ngu phu, không phải khai thị pháp lạc tam muội của Thánh trí tự chứng. Đại huệ ! Thí như trong nước có bóng cây, bóng ấy không phải bóng hay phi bóng, không phải không bóng hay không phi bóng. Ngoại đạo cũng thế, vì ác tà kiến huân tập, không rõ tự tâm hiện, nên sinh các phân biệt một, khác v.v.. Đại huệ ! Thí như gương sáng không phân biệt, tùy duyên mà hiện các hình bóng, những bóng kia không phải bóng hay phi bóng, mà lại được thấy ra là bóng với phi bóng, là do người ngu phân biệt, sinh tướng về bóng. Ngoại đạo cũng thế, đôi các hình bóng do tự tâm hiện, lại khởi chấp các tướng một, khác, cùng, không cùng. Đại huệ ! Thí như tiếng vang do các âm thanh của gió, nước, người v.v.. hòa hiệp mà có, tiếng vang ấy không có cũng không không, vì được nghe như tiếng mà thực không phải tiếng. Ngoại đạo cũng thế, do sự huân tập phân biệt của tự tâm, nên khởi các kiến chấp một, khác, cùng, không cùng. Đại huệ ! Thí như ở trên đất không có cây cỏ, ánh trời chiếu làm nên những làn sóng nắng. Những làn sóng kia không phải có cũng không phải không, vì là đảo tướng, không phải tướng. Kẻ phàm ngu cũng vậy, do tập khí sai lầm từ vô thủy, nên ở trong pháp tính do thánh trí chứng lại có sinh, trụ, diệt, một, khác, có, không, cùng, không cùng v.v.. Đại huệ! Thí như người gỗ hay thầy ma nhờ bùa lực của Tỳ xá xá (Pi'sàca) mà cử động chuyển xoay không ngừng, kẻ vô trí xem là thật. Phàm phu ngu si cũng thế, hùa theo ngoại đạo khởi ác tà kiến, vọng chấp một, khác v.v.. Bởi

thế, Đại huệ ! Ông nên ở trong pháp Tự chứng xa lìa hết thấy phân biệt sinh, trụ, diệt, hữu, vô, cùng, không cùng v.v..

Bây giờ Thế Tôn lại nói bài tụng:

Các thức âm có năm

Như bóng cây trong nước

Cái thấy như huyễn mộng

Không nên vọng phân biệt

Ba cõi như ảo tượng

Huyễn mộng và mao luân (hoa đóm)

Nếu quán được như thế

Hoàn toàn được giải thoát

Như bóng nắng mùa hè

Kích động mê loạn tâm

Thú khát chấp là nước

Mà thật không phải nước

Chủng tử thức cũng vậy

Chuyển động thấy cảnh giới

Như mắt thấy không hoa

Ngu phu sinh mê đắm

Từ vô tử sinh tử

Trói buộc trong chấp trước

Nay phải nên xả bỏ

Như người bị diệt tận  
Như vật huyền, như máy  
Như mây, mộng, điện, chớp  
Quán sát đời như thế  
Dứt sạch ba tương tục  
Trong ấy không có gì  
Như ảo tượng hư không  
Biết các pháp như thế  
Thì hết sở tri chướng  
Năm uẩn như hoa đóm  
Không nên vọng phân biệt  
Chỉ là tên bày đặt  
Tìm tướng bất khả đắc  
Như bức vẽ xóa tóc  
Như mộng, thành nhạc thần  
Vòng lửa và ảo tượng  
Thật không mà thấy có  
Như vậy thường, vô thường  
Một, khác, cùng, không cùng  
Do trí buộc vô thi  
Ngu phu vọng phân biệt



Gương sáng, mắt pha lê

Ma ni ngọc đẹp báu

Trong đó hiện bóng hình

Kỳ thật không gì có

Tâm thức cũng như vậy

Hiện khắp các sắc tướng

Như mộng, như bóng nước

Lại như con Thạch nữ.

Lại nữa Đại huệ ! Pháp chư Phật nói lia bốn cú nghĩa là lập bác, một khác, cùng không cùng, có không... Đại huệ ! Pháp Phật lấy tứ đế, duyên khởi, diệt đạo, giải thoát làm đầu, không tương ưng với những pháp như thắng tính (praktri), Tự tại (Isvara), Túc tác (không nhân), tự nhiên, vi trần v.v.. Đại huệ ! Pháp Phật nói là để thanh tịnh hai thứ chướng ngại là trí chướng và hoặc chướng, khiến dần an trú trong 108 cú về pháp vô tướng, mà phân biệt rõ các thừa cũng như thương chủ khéo hướng dẫn người. Lại nữa Đại huệ ! có 4 loại thiền : 1. Thiền ngu phu (Halopacàrikadhyàna). 2. Thiền quán sát nghĩa (Arthapravicayadhyàna). 3. Thiền phan duyên chân như (Tathatàlambanadhyàna). 4. Thiền như lai (Tathàgatadhyàna). Đại huệ ! Thiền ngu phu là những người tu hạnh thanh văn, duyên giác biết nhân vô ngã, thấy thân mình thân người chỉ là bộ xương ráp lại, đều là tướng vô thường, khổ, bất tịnh. Quán sát như thế kiên trì không bỏ, dần đạt đến định vô tướng diệt, ấy là thiền ngu phu. Sao là thiền quán sát nghĩa? Ấy là khi biết rõ nhân vô ngã trên phương diện tự tướng, cộng tướng rồi, còn xa lia chấp ngoại đạo cho mọi pháp là tự sinh tha sinh, tự tha sinh, thuận theo nghĩa pháp vô ngã của Bồ tát địa mà quán sát, ấy là thiền quán sát nghĩa. Sao gọi là thiền phan duyên chân như ? Ấy là, nếu phân biệt có hai vô ngã tức là vọng niệm, nếu biết như thật thì niệm kia không khởi, ấy gọi là thiền phan duyên chân như. Sao gọi là Như lai thiền? ấy là pháp lạc tam muội khi vào Phật địa, an trú trong cảnh giới của Tự chứng thánh trí, vì chúng sinh mà làm các việc không thể nghĩ bàn. Bây giờ Thế Tôn lại nói bài tụng:

Thiền của hàng ngu phu

Thiền quán sát nghĩa tướng

Thiền phan duyên chân như

Thiền Như lai thanh tịnh

Kẻ tu hành trong định

Quán thấy bóng nhật nguyệt

Ba đầu ma thâm hiểm (padmapàtala)

Lừa hư không, tranh vẽ

Các hình tướng như thế

Liên sa pháp ngoại đạo

Lại đọa vào cảnh giới

Thanh văn, Bích chi Phật

Xa lìa tất cả đày

An trú vô sở duyên

Tức có thể thâm nhập

Tướng như như chân thật

Ở mười phương quốc độ

Vô lượng các đức Phật

Liên đưa tay quang minh

Mà xoa đầu người ấy.

Bấy giờ Đại huệ bạch Phật:

Bạch Thế Tôn ! Pháp Niết bàn mà chư Phật Như lai nói là những pháp gì?

Phật dạy:

Khi tập khí và tự tính của các thức cùng thói tà kiến của tạng thức, ý và ý thức được chuyển hoá, thì ta và chư Phật gọi đó là Niết bàn, tức là cảnh giới tính không của các pháp. Lại nữa này Đại huệ ! Niết bàn là cảnh giới của thánh trí tự chứng, xa lìa đoạn, thường, hữu, vô. Sao gọi là phi thường? Là lìa phân biệt tự tướng cộng tướng. Sao là phi đoạn? Vì đây là sở hành của hết thảy các bậc tự chứng thánh trí trong cả ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai. Lại nữa, Đại huệ ! đại Niết bàn không phải hoại không phải chết, nếu chết sẽ sinh lại, nếu hoại sẽ thành ra hữu vi. Cho nên Niết bàn không hoại không chết, đây là chỗ những bậc tu hành đạt đến. Lại nữa, Đại huệ, Niết bàn không xả, không đắc, không đoạn, không thường, không một, không khác, nên gọi là Niết bàn. Lại nữa, Đại huệ ! Thanh văn duyên giác biết rõ tự tướng cộng tướng, xa lìa huyên não, không sinh điên đảo, không khởi phân biệt, do đó liền sinh tướng là Niết bàn. Lại nữa, Đại huệ ! Có hai loại tướng của tự tính, ấy là : 1. Tướng chấp trước tự tính ngôn thuyết. 2. Tướng chấp trước tự tính các pháp. "Tướng chấp trước tự tính ngôn thuyết" là do chấp trước hý luận, và tập khí ngôn thuyết từ vô thi mà khởi lên; "Tướng chấp trước tự tính các pháp" là bởi không biết vạn pháp do tự tâm hiện, mà khởi lên. Lại nữa, này Đại huệ ! Chư Phật có hai thứ gia trì để nâng đỡ các Bồ tát, khiến các Bồ tát này đánh lễ chân Phật thỉnh hỏi các nghĩa lý. Hai thứ gia trì ấy là khiến cho Bồ tát nhập tam muội, và hiện thân trước Bồ tát đưa tay lấy nước cam lộ rưới đầu. Đại huệ ! Chư Bồ tát sơ địa nhờ chư Phật nâng đỡ mà nhập định "Đại thừa quang minh". Nhập định ấy xong, chư Phật mười phương đều hiện thân trước mặt nói lời ủy dụ, như trường hợp Bồ tát Kim Cương Tạng và các đại Bồ tát khác, những vị đã thành tựu đức tướng. Đại huệ ! Những Bồ tát ấy nhờ Phật nâng đỡ mà nhập tam muội xong, lại nhờ thiện căn tích tụ từ trăm ngàn đời kiếp mà tuần tự tiến lên các địa, thông đạt được cái gì nên làm cái gì không nên (dịch theo Suzuki). Bồ tát ấy lên bực Pháp vân địa, ở trong cung điện đẹp hình hoa sen lớn, ngồi trên tòa báu, được các Bồ tát đồng hàng vây quanh. Đầu vị ấy đội mão ngọc, thân tỏa ánh sáng như ánh vàng ròng của hoa chiêm bặc, như mặt trăng tròn, chiếu hào quang lớn. Chư Phật mười phương duỗi bàn tay hoa sen tới chỗ ngồi của những Bồ tát này mà rưới đầu với nước cam lộ. Như thái tử con vua chuyển luân nhờ được quán đánh mà được tự tại, những Bồ tát này cũng thế. Ấy là hai thứ gia trì. Các đại Bồ tát nhờ hai thứ gia trì này mà diện kiến được hết thảy chư Phật. Nếu không nhờ gia trì thì không diện kiến được. Lại nữa, Đại huệ ! các Bồ tát mà nhập được tam muội, hiện thân thông nói pháp, tất cả ấy đều nhờ hai lực gia trì của chư Phật. Đại huệ ! Nếu Bồ tát lìa sự gia trì của Phật mà thuyết pháp được, thì phàm phu cũng có thể nói pháp. Đại huệ! Nơi

Như lai đến, nhờ lực gia trì của Như lai mà hết thấy núi rừng, cỏ cây, thành quách, cung điện và các nhạc khí đều phô diễn pháp âm, hương chi loài hữu tình. Những kẻ điếc, mù, câm, ngọng, đều được lia khổ mà giải thoát. Đại huệ ! Năng lực gia trì của Như lai có những tác dụng rộng lớn như vậy.

Đại huệ Bồ tát bạch:

Vì sao Như lai phải dùng năng lực gia trì để khiến các Bồ tát nhập tam muội, và đạt các địa vị cao ?

Phật dạy:

Này Đại huệ ! Vì muốn khiến các Bồ tát xa lìa phiền não và nghiệp, khiến khỏi sa vào hàng thanh văn, khiến mau vào Như lai địa, khiến tăng trưởng các pháp đã chứng. Này Đại huệ! Nếu không có sự nâng đỡ của Như lai thì các bồ tát ấy sẽ sa vào ma cảnh của ngoại đạo, Thanh văn, không được Vô thượng bồ đề.

Đức Thế Tôn lại nói bài tụng:

Như lai nguyện thanh tịnh

Có lực gia trì lớn

Ở sơ địa, thập địa

Cho tam muội, rưới đầu.

Đại huệ Bồ tát lại bạch:

Bạch Thế Tôn! Nghĩa Duyên khởi Phật nói là, các pháp do có sự xúc tác mà sinh khởi, không phải tự sinh khởi. Ngoại đạo cũng nói Thắng tính, Tự tại (Isvara), Thời (kala), ngã, vi trần, sinh ra các pháp. Như vậy, đức Thế Tôn chỉ dùng danh từ khác, chứ ý nghĩa có khác gì thuyết ngoại đạo? Bạch Thế Tôn! Ngoại đạo nói do tác giả mà từ không sinh có, Thế Tôn cũng nói do nhân duyên mà hết thấy pháp vốn không nay sinh, sinh rồi hoàn diệt. Như chỗ Phật nói, vô minh duyên hành cho đến lão tử, thuyết này là thuyết không nhân, không phải thuyết hữu nhân. Theo như Thế tôn dạy: "Vì cái này có nên cái kia có," nếu đây là đồng thời tạo thành, không phải kế tục đối đãi nhau, thì nghĩa ấy không đúng. Cho nên thuyết của ngoại đạo hay hơn, không phải thuyết của Như lai hay hơn. Vì sao? Ngoại đạo nói nhân không

do duyên sinh mà có sinh kết quả. Thế Tôn nói quả đối đãi với nhân, nhân lại đối đãi với nhân khác, xoay vần như thế, thành cái lỗi "vô cùng". Lại "Cái này có nên cái kia có" tức là không nhân.

Phật dạy:

Đại huệ ! Ta thấu rõ các pháp chỉ do tâm hiện, không năng thủ sở thủ, nên nói "Vì cái này có nên cái kia có", đây không phải là lỗi không nhân. Đại huệ ! Nếu không rõ các pháp đều do tâm hiện, cho là có năng thủ sở thủ, chấp trước cảnh ngoài hoặc có hoặc không, thì đây là lỗi của kẻ chấp, không phải thuyết duyên sinh của ta.

Đại huệ Bồ tát lại bạch:

Thế Tôn đã có ngôn thuyết tất phải có các pháp, nếu không có các pháp thì ngôn thuyết do đâu mà khởi?

Đại huệ ! Tuy không có pháp cũng có ngôn thuyết được. Vậy ông không thấy lông rùa sừng thỏ, con của thạch nữ v.v.. thế gian vẫn nói. Đại huệ ! Những pháp kia phi có phi không, mà cũng có ngôn thuyết vậy. Đại huệ ! Như chỗ ông nói, vì có ngôn thuyết nên có các pháp, luận ấy không thành. Đại huệ ! Không phải hết thấy các cõi Phật đều có ngôn thuyết, ngôn thuyết chỉ là giả lập. Đại huệ ! Có cõi Phật trùng mắt mà khai thị pháp, hoặc ra dấu, hoặc nhướn mày, hoặc động con ngươi, hoặc mỉm cười, hoặc ngáp, hoặc tăng hấn, hoặc nhớ nghĩ, hoặc rùng mình... dùng những cách ấy mà khai thị pháp. Đại huệ ! Trong các cõi Phật, như cõi Bất thuận (animisa-lokadhatu), cõi Diệu hương (Gandhaskandha-dhatu), cõi Phổ hiền (Samantabhadra), chỉ nhìn trùng, không chớp mắt mà khiến các Bồ tát được vô sinh pháp nhẫn (anutpattikadharmaksanti) cùng các tam muội thù thắng. Đại huệ ! Không phải do ngôn ngữ mà các pháp trong thế giới này có; ruồi, kiến v.v.. sâu bọ, tuy không ngôn thuyết mà vẫn thành tựu được các công việc của chúng.

Thế Tôn lại nói bài tụng:

Như sừng thỏ, hư không

Cùng con của Thạch nữ

Không có mà có lời

Pháp vọng chấp cũng vậy

Trong nhân duyên hòa hợp

Ngu phu vọng chấp sinh

Không khéo rõ như thật

Nên trôi lăn ba cõi.

Khi ấy Đại huệ Bồ tát lại bạch Phật:

Bạch Thế Tôn ! Thế Tôn dạy âm thanh là thường còn, do đâu mà nói như vậy? (Nityasatda)

Đại huệ ! Do nơi vọng pháp (bhranti) mà nói, vì các vọng chấp ấy Thánh nhân cũng có, nhưng Thánh nhân không điên đảo. Đại huệ, thí như bóng nắng, vòng lửa, tóc rũ, thành càn thất bà, mộng huyễn, bóng trong gương... Những người vô trí sinh giải thích điên đảo, người có trí thì không, nhưng không phải chúng không hiện. Đại huệ ! Khi vọng pháp hiện lên, có muôn sai ngàn biệt, nhưng không phải vô thường. Vì sao? Vì lìa hữu vô vậy. Sao là lìa hữu vô? Vì hết thấy ngu phu có đủ thứ sai biệt, như nước sông Hằng vừa được thấy vừa được không thấy: Ngạ quỷ không thấy nên không thể nói là có, những loài khác thấy, nên không thể nói là không. Bậc thánh đối các pháp hư vọng như thể xa lìa kiến chấp điên đảo. Đại huệ ! Vọng pháp là thường còn vì tướng nó không có sai biệt. Không phải các vọng pháp có tướng (sai biệt) mà vì phân biệt nên có sai khác. Bởi thế nên nói thể của vọng pháp là thường. Đại huệ ! Làm sao gọi là được chân thật của vọng pháp? Ấy là bậc thánh đối vọng pháp không khởi giác điên đảo, không điên đảo. Nếu có một ít lý tưởng nơi vọng pháp tất không phải là thánh trí, đấy là hí luận của ngu phu. Đại huệ ! Nếu phân biệt vọng pháp là điên đảo, không điên đảo, ấy là thành tựu hai thứ chủng tính : 1.Thánh chủng tính (àryagotra). 2. Phạm thiên chủng tính (Bàlapthagjanagotra). Đại huệ! Thánh chủng tính lại có 3 : Thanh văn, duyên giác, Phật. Đại huệ ! Sao gọi là ngu phu phân biệt vọng pháp sinh ra chủng tính Thanh văn? Ấy là chấp tự tướng cộng tướng. Đại huệ ! Sao lại nói ngu phu phân biệt vọng pháp mà thành chủng tính Duyên giác? Ấy là khi chấp trước tự tướng, cộng tướng, rồi xa lìa huyên não. Đại huệ ! Sao là người trí phân biệt vọng pháp mà được thành tựu chủng tính Phật thừa? Ấy là liễu đạt các pháp đều do tự tâm phân biệt, ngoài tâm không có pháp. Đại huệ ! Có những người ngu phân biệt các thứ sự vật của vọng pháp, rồi cả quyết thể này với không thể nọ, ấy là thành tựu chủng tính sinh tử. Đại huệ ! Các sự vật thuộc vọng pháp kia không phải thị vật cũng không phải phi vật. Đại huệ ! Những bậc trí, nhờ đã làm một cuộc

cách mạng trong tâm, ý, thức, tập khí (tà ác), 3 tự tính, 3 pháp, nên nói các vọng pháp ấy tức là chân như. Cho nên nói chân như là tâm giải thoát. Ta nay khai thị rõ ràng nghĩa ấy; lìa phân biệt là lìa hết thảy các phân biệt.

Đại huệ Bồ tát bạch Phật:

Bạch Thế Tôn, cái vọng pháp nói đó là có hay không?

Vọng pháp ấy cũng như cái huyền vốn không có chấp trước, nếu nó có tướng chấp trước thì nó không thể chuyển được, và như vậy tức là lý duyên khởi không khác gì thuyết "tác giả sinh" của ngoại đạo.

Đại huệ lại nói:

Nếu các vọng pháp đồng với huyền, tất nó sẽ làm nhân cho những vọng pháp khác.

Phật dạy:

Đại huệ ! Không phải các huyền sự làm nhân cho vọng hoặc, vì các huyền không sinh ra cái lỗi lầm, vì các huyền sự không có tính phân biệt. Đại huệ ! Phạm huyền sự là do bùa chú của người mà sinh, không phải do tập khí lỗi lầm của phân biệt mà sinh. Cho nên huyền sự không sinh lỗi lầm. Đại huệ ! Những pháp mê lầm chỉ là chấp trước của tâm kẻ ngu, không phải pháp của bậc Thánh.

Bấy giờ Thế Tôn nói bài tụng :

Thánh không thấy vọng pháp

Trong đó cũng không thật

Vì vọng tức là chân

Trong ấy cũng chân thật

Nếu xa lìa vọng pháp

Mà có tướng sinh ra

Đấy lại tức là vọng

Như lừa, chưa thanh tịnh.

Lại nữa, Đại huệ! Huyền không phải là không, vì nó tương tự với không huyền nên nói tất cả pháp đều như huyền.

Đại huệ nói:

Bạch Thế Tôn! Có phải do sự chấp trước các huyền tướng mà nói hết thấy pháp như huyền? Hay vì do nơi các tướng điên đảo của sự chấp trước ấy mà nói như huyền? Bạch Thế Tôn! Không phải hết thấy các pháp đều như huyền cả. Vì sao? Thấy các sắc tướng không có gì là không nhân. Bạch Thế Tôn, nếu hết thấy đều không do nhân mà hiện các sắc tướng, thì các tướng ấy mới như huyền. Vậy nên, bạch Thế Tôn, không thể nói do chấp trước các huyền tướng mà nói hết thấy pháp đều tương tự với huyền.

Phật dạy:

Đại huệ ! Không phải do chấp các huyền tướng mà nói hết thấy pháp như huyền. Đại huệ ! Vì hết thấy pháp không thật, mau diệt như làn chớp nên nói là như huyền. Đại huệ ! Thí như làn chớp vừa thấy đã mất, phàm phu ở thế gian đều thấy, cũng thế, tất cả pháp đều do tự tâm phân biệt tự tướng cộng tướng mà ra, vì không biết quán sát thật ra không có gì, mà lại vọng chấp các sắc tướng.

Khi ấy Thế Tôn nói bài tụng:

Hư huyền, không tương tự

Cũng không có các pháp

Không thật, mau như chớp

Nên biết là như huyền.

Bồ tát Đại huệ lại bạch:

Bạch Thế Tôn, như Phật nói trước kia, hết thấy pháp đều không sinh. Nay lại nói như huyền, có phải là trước sau nói có mâu thuẫn nhau chăng?

Đại huệ ! Không mâu thuẫn, vì sao? Ta biết rõ chỗ sinh chính là vô sinh, chỉ vì tự tâm thấy ra như thế. Tất cả pháp ngoài hoặc có hoặc không đều thấy là



vô sinh, vì chúng vốn không sinh. Đại huệ ! Vì muốn xa lìa thuyết do nhân sinh của ngoại đạo nên ta nói các pháp không sinh. Đại huệ! Ngoại đạo thì nhau chấn hưng tà kiến, nói do có, không, sinh ra các pháp, không cho là do chính sự chấp trước phân biệt của mình. Đại huệ ! ta nói các pháp không có, vô sinh, nên gọi là vô sinh. Đại huệ ! Khi nói các pháp có là vì muốn khiến các đệ tử biết do nghiệp có sinh tử để ngăn ngừa đoạn kiến (cho rằng không có gì cả). Đại huệ! Như lai nói các tướng như huyễn là để khiến lìa chấp cho rằng các tướng có tự tính, vì phàm phu sa đọa vào ác kiến tham dục, không rõ các pháp đều do tự tâm hiện. Vì muốn chúng lìa chấp trước vào các tướng do nhân duyên sinh khởi, nên nói các pháp như huyễn như mộng. Các người ngu chấp trước ác kiến, lừa dối mình, người, không thể thấy rõ chỗ như thật trú (yathabhùtāvasthàna) của hết thảy pháp. Đại huệ ! Thấy chỗ như thật trú của hết thảy pháp nghĩa là hiểu rõ "do tâm hiện".

Bấy giờ Thế Tôn nói bài tụng:

Không tác nên không sinh

Có pháp có sinh tử

Hiểu rõ thấy đều huyễn

Đối tượng, không phân biệt.

Lại này Đại huệ ! Nay ta sẽ nói tướng trạng của danh, cú, văn. Các Bồ tát quán tướng ấy, hiểu rõ nghĩa, sẽ mau thành tựu vô thượng bồ đề, lại có thể khai ngộ cho hết thảy chúng sinh. Đại huệ! Danh thân là gì ? Ấy là do sự đặt tên, tên tức là thân, nên gọi là danh thân. Cú thân có khả năng làm rõ nghĩa quyết định rõ ràng. Văn thân là từ đó mà thành tên gọi và câu văn. Lại này Đại huệ ! Cú thân là sự đầy đủ ý nghĩa diễn đạt trong một câu. Danh thân là tên của các chữ khác nhau, như từ chữ a đến chữ ha (Akāra - Hakāra). Văn thân là dài ngắn cao thấp. Lại, cú thân là như dấu chân người, súc vật v.v.. để lại trên ngã tư đường, danh là thuộc vào 4 uẩn vô hình nên dùng tên gọi. Văn là tự tướng của danh, vì nhờ văn mà rõ. Ấy là thân của danh, cú văn. Ông hãy tu tập tướng của danh cú văn ấy.

Rồi Thế Tôn nói bài kệ:

Thân của chữ và câu

Cùng thân văn sai khác

Phàm ngu chấp vào đây

Như voi sa bùn sâu.

Lại nữa, Đại huệ ! Trong đời vị lai có những hạng tà trí theo lối ngu ác, lia pháp như thật, vì thấy các tướng một, khác, cùng, không cùng. Khi được người trí hỏi thì họ đáp: "Hỏi thế này không đúng: sắc v.v.. và vô thường là một hay khác?" Cũng thế, Niết bàn và các uẩn (skandhas), tướng, sở tướng, y, sở y, tạo, sở tạo, kiến, sở kiến, đất, vi trần, trí và kẻ trí... là một hay khác? Các câu hỏi như thế về những tướng sai khác của hiện hữu nối tiếp nhau dựa từ vấn đề này đến vấn đề khác không cùng tận. Những người bị hỏi về những vấn đề không thể nói như thế, sẽ trả lời rằng đức Như lai đã gạt qua một bên những vấn đề đó, cho là bất khả thuyết. Tuy nhiên, những người mê lầm kia không thể hiểu ý nghĩa những gì họ nghe (từ Phật) vì họ thiếu trí giác. Các đức Như lai chính đẳng giác không giải thích những việc ấy cho tất cả, bởi vì muốn cho chúng khỏi kinh sợ. Đại huệ ! không nói những điều bất thuyết (vyàhritàni) là vì muốn cho những người ngoại đạo ra khỏi tà kiến về "Tác giả" . Đại huệ ! ngoại đạo chấp có tác giả, bảo rằng "Mạng với thân là một hay khác ?" Những lời như vậy gọi là lời vô ký (avyàktravàda). Các việc không thể diễn đạt mà ngoại đạo nói không phải là giáo lý ta, lia năng thủ sở thủ, không khởi phân biệt. Sao có sự gạt sang một bên? Nay Đại huệ ! Nếu có chấp năng thủ sở thủ, tức không hiểu mọi vật đều do tự tâm thấy, nên gạt sang một bên. Đại huệ ! Chư Phật Như lai dùng 4 ký luận để nói pháp cho chúng sinh. Đại huệ ! Có những luận ta sẽ nói vào một thời khác, vì căn cơ chúng sinh chưa thuần thực nên chưa nói.

Lại này Đại huệ ! Vì sao hết thấy pháp không sinh? Vì lia năng tác sở tác, không có tác giả. Vì sao hết thấy pháp không tự tính? Vì bậc thánh (chứng trí) quán tự tướng và cộng tướng đều không thể có. Vì sao hết thấy pháp không đến, đi ? Vì các tự tướng cộng tướng không từ đâu đến cũng không đi đến đâu. Sao lại hết thấy pháp không diệt? Vì hết thấy pháp không tính, tướng, bất khả đắc. Vì sao nói hết thấy pháp vô thường? Vì các tướng khởi lên đều có đặc tính vô thường. Vì sao nói hết thấy pháp thường? Vì các tướng khởi tức không khởi, không có gì cả. Cái tính vô thường vốn thường nên ta nói hết thấy pháp thường." Rồi Thế Tôn nói bài tụng :

Nhất hướng và phản vấn

Phân biệt cùng đáp thẳng

Bốn cách nói như thế

Phá phục các ngoại đạo

Số luận và thắng luận

Nói sinh từ có, không

Các thứ thuyết như vậy

Tất cả đều vô ký

Vì khi trí quán sát

Thể tính chúng không có

Bất khả thuyết như vậy

Nên nói không tự tính.

Khi ấy Bồ tát Đại huệ bạch:

Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn vì con nói về bậc Tu đà hoàn và những đặc tính của quả vị ấy. Con và các Bồ tát đại hữu tình nhờ nghe nghĩa ấy sẽ biết rõ các phương tiện để chứng những quả vị Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm, A la hán. Biết nghĩa ấy rồi con sẽ diễn nói lại cho chúng sinh, khiến chúng chứng được hai vô ngã, trừ sạch hai chướng ngại, dần thông đạt đặc tính các địa, được cảnh giới trí tuệ không thể nghĩ bàn của Như lai, như ngọc ma ni nhiều màu, khiến khắp chúng sinh đều được lợi ích.

Phật dạy:

Đại huệ ! Hãy lắng nghe, ta sẽ nói.

Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Đại huệ ! Bậc Tu đà hoàn, và Tư đà hàm có 3 cấp bậc khác nhau, là hạ, trung, thượng. Bậc hạ là còn sinh lại trong các cõi bảy lần, bậc trung còn sinh ba lần, năm lần, bậc thượng thì ngay đời này đã nhập Niết bàn. Đại huệ ! Ba hạng người ấy đã cắt đứt 3 món kết sử (Samyojana) là thân kiến (sathàyadrsti) nghi (Vicikitsà), giới cấm thủ (silavratapasà mar'sa), lần lần tiến lên đắc quả A la hán. Đại huệ ! Thân kiến có hai loại, ấy là câu sinh và phân biệt. Phân biệt thân kiến là, như do duyên khởi có vọng chấp về ba cõi. Đại huệ! Thí như do tính duyên khởi mà sinh các chấp trước vào vọng kế

(tướng tượng sai lầm). Các pháp ấy chỉ là tướng do phân biệt sai lầm sinh ra, chúng lia hữu và vô, cũng không phải là cũng có cũng không. Kẻ phàm phu ngu si chấp cần, như con thú khát tướng tượng ra nước. Đại huệ ! Đây là kiến chấp về một cái ngã riêng biệt mà do không có trí tuệ, vị ấy đã tích tập từ lâu đời, đến khi thấy được nhân vô ngã thì xa lia được. Đại huệ ! Câu sinh thân kiến là quan sát khắp thân mình và thân người, các tướng uẩn vô sắc như thọ, tướng v.v.. và sắc do tứ đại tạo, các đại ấy làm nhân cho nhau, nên không có cái gọi là sắc uẩn (theo Suzuki trang 102) quán như vậy rồi thấy rõ quan niệm hữu, vô là một quan niệm phiến diện về chân lý, liền xa lia hữu vô. Vì đã xả thân kiến nên không sinh tham dục. Đó gọi là tướng thân kiến. Đại huệ ! Nghi tướng là khi rõ thấy tướng các pháp sở chứng, và khi hai kiến chấp và phân biệt thân nói trên đã đoạn trừ, thì không còn sinh hoài nghi gì đối với chính pháp của Phật, lại cũng không có ý tưởng theo một bậc thầy nào khác vì (phân biệt) tịnh, bất tịnh. Đây gọi là nghi tướng (mà bậc Dự lưu từ bỏ được.) Đại huệ ! Vì sao Tu đà hoàn không giữ giới cấm? Vì đã thấy rõ tướng khổ của mọi chỗ thọ sinh, cho nên không giữ. Giữ giới là vì kẻ phàm phu ngu tham trước dục lạc thế tục ở trong các cõi cho nên mới khổ hạnh giữ giới nguyện sinh vào các cõi vui. Bậc tu đà hoàn không giữ tướng ấy, chỉ vì cầu chứng được pháp vô lậu, vô phân biệt, rất thù thắng mà tu hành các giới phẩm. Ấy gọi là tướng giới cấm thủ. Đại huệ ! Bậc Tu đà hoàn xả ba kết nên lia tham sân si. Đại huệ Bồ tát bạch:

Tham có nhiều món. Xả những món tham nào?

Đại huệ ! Xả các tham dục triền miên về nữ sắc, vì thấy rõ cái vui hiện tại sẽ sinh các khổ về sau, lại vì đã được pháp lạc tam muội thù thắng, nên xả cái tham ấy, không phải xả cái tham Niết bàn. Đại huệ ! Sao gọi là quả Tư đà hàm? Ấy là vì không rõ tướng của sắc, khởi phân biệt về sắc, khi sinh trở lại một lần trong đời, khéo tu các thiền định, dứt các khổ mà thực hiện Niết bàn. Ấy gọi là Tư đà hàm. Đại huệ ! Sao gọi là quả A na hàm? Ấy là cũng thấy hữu, vô của các sắc tướng quá khứ, hiện tại, vị lai, nhưng các phân biệt lỗi lầm không do mắt mà khởi, vĩnh viễn xa lia các ràng buộc, không trở lại, ấy gọi là A na hàm. Đại huệ ! A la hán ấy là, đã thành tựu tất cả thiền tam muội, giải thoát, các lực, thần thông, đã dứt trừ vĩnh viễn các phiền não, khổ, phân biệt, ấy gọi là A la hán.

Đại huệ bạch:

Bạch Thế Tôn! A la hán có 3 hạng là: Một mực cầu tịch, thôi nguyện bồ đề, do Phật biến hóa. Đây Phật muốn dạy A la hán nào?

Đại huệ ! Đây nói về hạng A la hán cầu tịch diệt, không phải hai hạng kia. Đây Đại huệ ! Hai hạng kia là những người đã phát nguyện thực hành phương tiện thiện xảo và những người muốn trang nghiêm hội chúng của Phật mà hóa sinh. Đây Đại huệ ! Họ ở chỗ hư dối mà nói các pháp, nghĩa là họ đã lìa các việc như chứng quả, thiền, thiền giả cùng các các bậc thiền, và vì biết rằng thế giới này không gì khác hơn là do tâm thấy, họ giảng về quả đạt được (cho tất cả chúng sinh). Đây Đại huệ ! Nếu Tu đà hoàn nghĩ thế này: " Ta đã lìa các trói buộc", như vậy tức có hai lỗi, lỗi sa vào ngã kiến, và lỗi không đoạn các trói buộc. Lại nữa, đây Đại huệ ! Nếu vượt khỏi các bậc thiền, các món vô lượng và vô sắc giới, thì hãy xa lìa các tướng do tự tâm thấy. Đại huệ ! Diệt tướng định và diệt thọ định không thể siêu việt được cảnh do tự tâm thấy, vì vẫn chưa lìa được tự tâm vậy.

Thế Tôn lại nói bài tụng:

Các thiền cùng vô lượng

Vô sắc tam ma đề

Cùng định diệt tướng thọ

Ngoài tâm không thể có

Quả Dự lưu, Nhất lai

Bất hoàn, A la hán

Các thánh nhân như thế

Đều nương cọng tâm có

Thiền giả duyên nơi thiền

Dứt hoặc, thấy chân thường

Đầy đều là vọng tưởng

Biết rõ tất giải thoát.

Lại đây Đại huệ ! Có 2 món giác trí, ấy là : 1. Trí quán sát (pravicayabudhi) và 2. Trí thủ tướng phân biệt chấp trước kiến lập (vikalpalaksanagràhàbhinive'sapratisthàpika-budhi) Trí quán sát là quán hết

thầy pháp lìa bốn câu, bất khả đắc. Bốn câu là gì? Ấy là một khác, câu bất câu, hữu vô, thường vô thường. Lìa bốn trường hợp ấy về các pháp gọi là lìa hết thầy pháp. Đại huệ ! Ông nên tu học quán các pháp như thế. Sao gọi là trí thủ tướng phân biệt chấp trước kiến lập? Ấy là đối với các đại cứng, âm, âm, động, bám giữ tướng, chấp trước hư không, vọng phân biệt, dùng tôn, nhân, dụ (pratijna-hetu-drstanta) mà vọng cho là có, ấy là trí thủ tướng phân biệt chấp trước kiến lập. Đây là hai món tướng giác trí. Bạc Bồ tát đại hữu tình biết các tướng ấy của trí, liền có thể thông đạt nhân pháp đều vô ngã, dùng trí vô tướng khéo quán sát các địa, giải và thành, nhập vào sơ địa, được 100 thứ định, dùng tam muội thù thắng thấy được trăm Phật trăm Bồ tát, biết các chuyện trước và sau 100 kiếp, hào quang chiếu sáng 100 cõi Phật, khéo rõ biết tướng của các địa vị cao tốt, dùng nguyện lực thù thắng mà biến hiện tự tại, đến cõi Pháp vân, được Phật quán đánh, vào các cõi Phật theo 10 nguyện vô tận mà giáo hóa chúng sinh được thành tựu, làm các sự ứng hiện không ngừng, mà vẫn thường an trú trong pháp lạc tam muội thù thắng của cảnh giới Thánh trí tự chứng. Lại nữa, Đại huệ ! Bồ tát đại hữu tình nên rõ biết các sắc do tứ đại tạo. Rõ biết thế nào? Đại huệ ! Bồ tát đại hữu tình nên quán thế này: Các đại chủng kia thật ra vốn không sinh, vì ba cõi chỉ là phân biệt, chỉ có tâm hiện, không có ngoại vật. Quán sát như thế liền xa lìa tính của các sắc do tứ đại tạo, vượt ngoài tứ cú, lìa ngã, ngã sở, an trú chỗ như thật, thành tựu tướng vô sinh. Đại huệ ! các đại chủng kia làm sao tạo sắc? Đại huệ ! Ấy là đại chủng do hư vọng phân biệt cho là ướt, nảy sinh ra nước bên trong và bên ngoài, đại chủng được phân biệt là mãnh liệt sinh ra lửa bên trong và ngoài, đại chủng phân biệt là động sinh ra gió trong và ngoài, đại chủng được cho là phân đoạn các hình sắc sinh ra đất và không gian bên trong và ngoài. Lìa hư không, do chấp trước các tà đế nên có sự nhóm họp của năm uẩn, sinh ra các đại chủng và các sắc do đại chủng tạo. Đại huệ ! Thực là do sự chấp trước cảnh giới và ngôn thuyết làm nhân khởi, ở các cõi tiếp nối thọ sinh. Đại huệ ! Các đại tạo sắc v.v.. (được cho là) có các đại chủng làm nhân, tuy nhiên những đại chủng này là phi hữu. Bởi vì, Đại huệ ! Về những vật có hình tướng, chỗ ở, tác dụng, v.v.. người ta có thể nói chúng do sự phối hợp của nhiều phần tử sinh quả khác nhau, nhưng về những sự vật không hình tướng đặc biệt thì không thể nói. Bởi lẽ ấy Đại huệ, những đại chủng và sở tạo sắc đều là phân biệt của ngoại đạo, không phải thuyết của ta. Lại nữa, Đại huệ ! Nay ta sẽ nói thể tướng của năm uẩn là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Đại huệ ! Sắc là 4 đại và sở tạo sắc. Những thứ này tướng đều khác nhau. Thọ v.v.. không có sắc. Đại huệ ! Nhưng các uẩn vô sắc không thể đếm được có bốn, vì nó như hư không. Đại huệ, ví như hư không vượt ngoài số đếm và tướng, nhưng do phân biệt mà nói đây là hư không, các uẩn vô sắc cũng thế, lìa số đếm và tướng, lìa hữu, vô v.v.. bốn cú. Số

đếm là do phàm phu nói, không phải thánh giả. Các bậc thánh chỉ nói như huyễn làm ra, giả lập, lia khác và không khác, như mộng với bóng, không có tướng riêng biệt. Vì không hiểu cảnh giới của thánh trí nên thấy có các uẩn phân biệt trước mắt, ấy là tướng tự tính của các uẩn. Đại huệ ! những phân biệt như vậy ông nên xa lìa, xa lìa đó rồi liền nói các pháp tịch diệt thanh tịnh, được pháp vô ngã, nhập "viễn hành địa" (dùramyamà), thành tựu vô lượng tam muội tự tại, được thân "ý sinh", các định như huyễn, các lực thần thông tự tại đều đầy đủ, như đất lớn lợi ích khắp quần sinh. Lại này Đại huệ ! Niết bàn có 4 thứ. Bốn thứ ấy là gì? ấy là

Niết bàn các pháp tự tính vô tính (Bhàvasvabhàvabhàvanirvana)

Niết bàn các tướng tính vô tính (Laksanavicitrabhàvabhàvanirvana),

Niết bàn giác tự tướng tính vô tính (Svalaksanabhàvabhàvabodhanirvana)

Niết bàn đoạn tự tướng cộng tướng các uẩn.

(skandhànàmsvasàmànyalaksanasamtatiprabandhabyucchedanirvana)

Đại huệ ! Bốn thứ Niết bàn này là nghĩa của ngoại đạo, không phải do ta nói. Đại huệ ! Điều ta nói là, các thức phân biệt nóng v.v... diệt gọi là Niết bàn.

Đại huệ Bồ tát bạch:

Bạch Thế Tôn ! Vậy chớ Thế Tôn không lập có 8 thức đấy hay sao?

Ta có lập.

Nếu đã lập thì sao chỉ nói ý thức diệt mà không nói 7 thức kia diệt?

Đại huệ ! Do ý thức làm nhân cùng các sở duyên mà sinh 7 thức kia. Đại huệ ! Khi ý thức phân biệt khởi chấp trước, liền sinh các tập khí nuôi dưỡng tạng thức. Mạt na thức cùng ngã, ngã sở mà nó chấp trước tính toán đều nương tạng thức mà có, không có thể tướng riêng biệt. Tạng thức làm nhân và duyên cho nó, chấp trước các cảnh giới do tự tâm hiện, nên toàn thể hệ thống tâm thức đắp đổi làm nhân lẫn nhau. Đại huệ ! Thí như sóng biển, cảnh do tự tâm hiện cũng bị ngọn gió cảnh giới thổi mà có ra sinh diệt. Bởi thế, khi ý thức diệt thì bảy thức kia cũng diệt. Bây giờ Thế Tôn nói bài tụng:

Ta không chấp tự tính

Cùng các tướng đã làm

Hết phân biệt cảnh giới

Thế gọi là Niết bàn

Ý thức nhân của tâm

Tâm làm nhân, sở duyên

Cho cảnh giới của ý

Các thức từ đó sinh

Như thác nước tuôn chảy

Sóng lớn tất không khởi

Cũng thế ý thức diệt

Thì các thức không sinh.

Lại nữa, Đại huệ ! Ta sẽ nói tướng sai biệt của tự tính vọng kế (parikalpitasvabhāvaprābhedanīlakṣaṇa) khiến ông và các Bồ tát biết nghĩa ấy mà vượt ngoài các vọng tướng, chứng cảnh giới của Thánh trí, biết được các pháp ngoại đạo, xa lìa phân biệt năng thủ sở thủ, đối các tướng y tha khởi (paratantra), không còn sinh bám víu vọng chấp. Đại huệ ! Sao gọi là những tướng sai biệt của vọng kế? Ấy là phân biệt ngôn thuyết (abhi-lāpavikalpa), phân biệt sở thuyết (abhidheyavikalpa) phân biệt tướng (lakṣanavikalpa, phân biệt tài, phân biệt tự tính (svabhāva) phân biệt nhân (hetu), phân biệt kiến (drsti), phân biệt lý (yukti), phân biệt sinh (utpāda), phân biệt bất sinh (anupāda), phân biệt tương thuộc (sambandha), phân biệt phược giải (bandhābandha). Đại huệ ! Ấy là các tướng sai biệt của vọng kế. Sao là phân biệt ngôn thuyết? Ấy là chấp trước các tiếng lời hay đẹp. Sao là phân biệt ý nghĩa? Là chấp rằng thật có những sự vật như đã được nói ra cho rằng đây là cảnh mà thánh trí đã chứng và theo đó mà nói, ấy là phân biệt sở thuyết (ý nghĩa). Sao gọi là phân biệt tướng? Ấy là chấp vào các sự vật đã được diễn đạt, như con thú khát tướng tượng ra nước, phân biệt các tướng cứng, ẩm, ấm, động. Ấy là phân biệt tướng. Sao gọi là phân biệt tài? Là bám giữ các thứ tiền tài vàng bạc vv.. các thứ báu vật, mà nói ra ngôn thuyết. Sao là phân biệt tự tính? Ấy là dùng ác kiến mà phân biệt như thế này: đây là tự



tính, nhất định không phải những cái khác. Sao gọi là phân biệt nhân? Là đối với nhân duyên, khởi phân biệt có không. Sao là phân biệt kiến? Ấy là sự chấp trước ác kiến của ngoại đạo, chấp có không, khác không khác, cùng không cùng v.v.. Sao là phân biệt lý? Ấy là chấp có tướng ngã, ngã sở mà sinh ngôn thuyết. Sao là phân biệt sinh? Ấy là kể các pháp hoặc có hoặc không do nhân duyên mà sinh. Sao là phân biệt bất sinh? Ấy là chấp rằng tất cả bản lai không sinh. Sao gọi là phân biệt tương thuộc? Ấy là đây và đó y cứ vào nhau, hỗ tương hệ thuộc, như vàng và dây vàng. Sao là phân biệt phược giải? Ấy là chấp do có cái trói buộc mà có cái bị trói buộc, như dùng sợi dây mà cột rồi lại mở. Ấy là phân biệt trói mở. Đại huệ ! đây là những tướng sai biệt của vọng kế, hết thấy phàm ngu đều chấp trước vào đó hoặc chấp có hoặc chấp không. Đại huệ, ở nơi pháp duyên khởi chấp các tự tính vọng kế, như thấy những huyễn vật khác nhau mà phân biệt vật này huyễn vật kia khác với huyễn (Suzuki 112). Đại huệ ! Huyễn và các vật không phải một cũng không phải khác. Nếu khác thì huyễn không làm nhân cho các sự vật. Nếu là một thì huyễn và các vật đáng lẽ không khác nhau, nhưng vì có khác nên biết không phải là một. Đại huệ ! Ông và các Bồ tát không nên do huyễn mà sinh chấp trước hữu vô. Bây giờ Thế tôn lại nói bài tụng:

Tâm bị cảnh trói buộc

Do đó có giác tướng

Nơi vô tướng cao thượng

Trí tuệ bình đẳng sinh

Theo vọng kế thì có

Theo duyên khởi tất không

Vọng kế tức mê hoặc

Duyên khởi lìa phân biệt

Các thứ phân biệt sinh

Đều huyễn, không thành tựu

Các tướng trạng chỉ hiện

Vọng phân biệt, không chân

Các tướng ấy là lỗi

Do tâm trói buộc sinh

Kẻ vọng chấp không hiểu

Phân biệt pháp duyên khởi

Các tính vọng kể ấy

Đều tức là duyên khởi

Vọng kể có nhiều loại

Trong duyên khởi phân biệt

Thế tục, đê nhất nghĩa

Thứ ba không nhân sinh

Vọng kể là thế tục

Dứt vọng tức thánh cảnh

Như kẻ tu quán hạnh

Nơi một, hiện các tướng

Kỳ thật không có gì

Tướng vọng kể cũng vậy

Như mắt bị đau màn

Vọng tưởng thấy các màu

Màu không sắc phi sắc

Không hiểu duyên khởi vậy

Như vàng lia cầu bản  
Như nước lia bùn dơ  
Như hư không không mây  
Sạch vọng tưởng cũng thế  
Vọng chấp vốn là không  
Theo duyên khởi thì có  
Kiến lập và bác bỏ  
Đều do phân biệt sinh  
Nếu không tính vọng kế  
Mà có các duyên khởi  
Không pháp mà có pháp  
Pháp có từ không sinh  
do nhân nơi vọng kế  
Mà có các duyên khởi  
Tướng, nên thường theo nhau  
Mà sinh ra vọng kế  
Vì duyên khởi nương vọng  
Rốt ráo không thật có  
Khi thanh tịnh hiển bày  
Gọi là đệ nhất nghĩa  
Vọng kế có mười hai

Duyên khởi có sáu thứ  
Cảnh tự chứng chân như  
thì không có sai biệt  
Chân lý là năm pháp  
Cùng với ba tự tính  
Người tu hành quán đầy  
Không làm trái chân như  
Do nơi tướng duyên khởi  
Vọng chấp các thứ danh  
Tướng các vọng kể kia  
Có ra từ duyên khởi  
Trí tuệ khéo quán sát  
Không duyên, không vọng kể  
Trong chân như không vật  
Làm sao phân biệt sinh  
Trí viên thành nếu có  
Tất phải lìa hữu vô  
Đã xa lìa hữu vô  
Làm sao có hai tính  
Vọng kể thành hai tính  
Hai tính do an lập

Phân biệt thấy các tướng  
Thanh tịnh là thánh hạnh  
Các tướng của vọng kể  
Trong duyên khởi phân biệt  
Nếu phân biệt khác thế  
Là sa luận ngoại đạo  
Vì cái thấy sai lầm  
Vọng chấp vào cảnh vọng  
Lìa hai thứ chấp ấy  
Gọi là pháp chân thật.

Đại huệ Bồ tát bạch Phật:

Bạch Thế Tôn xin vì con nói các hành tướng tự chứng thánh trí và hành tướng của Nhất thừa, con và các Bồ tát được hiểu rõ chỗ ấy sẽ không còn tùy kể khác mà giác ngộ.

Phật dạy:

Ông hãy nghe kỹ, ta sẽ nói cho.

Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Đại huệ ! Bồ tát đại hữu tình y nơi thánh giáo, không phân biệt, nên ở một mình chỗ vắng lặng tu quán nội tâm, không do kẻ khác mà ngộ, lìa kiến phân biệt, dần tiến lên Phật địa, tu hạnh như thế gọi là hành tướng của Tự chứng thánh trí. Sao gọi là hành tướng của nhất thừa? Ấy là chúng được đạo Nhất thừa vậy. Sao gọi là biết đạo nhất thừa? Là lìa phân biệt năng thủ sở thủ, an trú trong như thật. Đại huệ ! Đạo nhất thừa này ngoài Như lai, ngoại đạo, nhị thừa, phạm vương v.v.. không thể đạt đến.

Bạch Thế Tôn ! Vì sao nói có 3 thừa mà không nói một thừa?

Đại huệ ! Vì thanh văn, duyên giác không có pháp để tự Niết bàn, nên ta không nói một thừa, vì những kẻ kia thường nương theo lời Như lai dạy mà hàng phục, xa lìa, nhờ tu hành như vậy mà được giải thoát, không phải tự chứng đắc. Lại những người kia chưa thể trừ được chướng ngại của trí và tập khí của nghiệp, chưa giác ngộ được pháp vô ngã, chưa thoát khỏi bất tư nghì biến dị tử, cho nên ta nói có 3 thừa. Nếu những kẻ kia hay trừ được hết các tập khí lỗi lầm, giác ngộ pháp vô ngã, liền xa lìa sự mê say trong định để giác ngộ cảnh giới vô lậu, ở trong các cảnh giới vô lậu cao thượng xuất thế gian mà tu các công đức, đầy đủ các phương tiện, được pháp thân tự tại không thể nghĩ bàn.

Bây giờ Thế Tôn nói bài tụng:

Thiên thừa cùng phạm thừa

Thanh văn, Duyên giác thừa

Chư Phật Như lai thừa

Các thừa mà ta nói

Nếu còn chứa tâm khởi

Các thừa chưa rốt ráo

Khi tâm "bị chuyển" diệt

Không có thừa, thừa giả

(xe và người ngồi xe)

Không có thừa độc lập

Nên ta gọi nhất thừa

Vì nhiếp phục kẻ ngu

Nói các thừa sai biệt

Giải thoát có ba thứ

Là lìa các phiền não

Cùng với pháp vô ngã  
Trí bình đẳng giải thoát.  
Thí như gỗ trong nước  
Theo làn sóng bỗng bênh  
Tâm Thanh vẫn cũng thế  
Bị gió tương thổi động  
Tuy hết khởi phiền não  
Tập khí kia vẫn chuyển  
Say vì rượu tam muội  
Chấp trước cảnh vô lậu  
Không phải đường cứu cánh  
Lại cũng không thôi chuyển  
Được thân tam muội rồi  
Hết kiếp vẫn chưa tỉnh  
Như người say bí tử  
Nhả rượu liền tỉnh ngộ  
Thanh vẫn cũng như vậy  
Giác rồi sẽ thành Phật.

## QUYỂN BỐN

### CHƯƠNG III

#### VÔ THƯỜNG (*anityatiparivatro Màmattriyah*)

#### Tiết I

Bấy giờ Phật bảo Đại huệ Bồ tát đại hữu tình:

Nay ta sẽ vì ông nói các tướng sai biệt của thân do ý sinh. Ông hãy nghe kỹ, khéo suy nghĩ.

Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Này Đại huệ ! Thân do ý sinh có 3 loại, ấy là: 1. Nhập tam muội ý sinh thân là thân do nhập pháp lạc tam muội mà thành. 2. Giác pháp tự tính ý sinh thân, là thân do biết rõ tự tính các pháp mà thành. 3. Chung loại câu sinh vô tác hành ý sinh thân, là thân sinh ra theo đủ các loài nhưng không có tác hành. Các bậc tu hành nhập sơ địa rồi dần chứng được các thân ấy. Đại huệ ! Sao gọi là thân do nhập pháp lạc tam muội thành? Ấy là , ở các địa thứ 3, 4, 5, không tam muội lìa hết thấy phân biệt, tâm tịch nhiên bất động, biến tâm không khởi sóng chuyển thức, hiểu rõ các cảnh tượng đều do tâm hiện, thật ra không có gì, ấy là thân do nhập pháp lạc tam muội mà sinh. Sao là thân "Giác pháp tự tính"? Ấy là ở địa thứ 8 liễu tri các pháp như huyền, không tướng, tâm chuyển các thức sở y, an trú định như huyền và các định khác, có thể hiện vô lượng thần thông tự tại, như hoa nở, mau như ý khởi, như huyền như mộng như bóng như hình, không phải do tứ đại tạo mà giống như do tứ đại tạo, các sắc tướng trang nghiêm đầy đủ, vào khắp các cõi Phật, hiểu rõ tự tính các pháp, ấy cũng là thân do giác ngộ tự tính các pháp mà sinh. Sao gọi là thân "chung loại câu sinh vô tác hành"? Ấy là hiểu rõ tướng các pháp do chư Phật chứng đắc. Đại huệ ! Ông nên siêng quán sát ba loại thân ấy. Bấy giờ Thế Tôn lại nói bài tụng:

Đại thừa ta không thừa

Không tiếng cũng không lời

Không chân lý, giải thoát

Cũng không cảnh, vô tướng



Nhưng thừa ma ha diển

Tam ma đề tự tại

Các loại thân ý sinh

Hoa tự tại trang nghiêm.

Đại huệ lại bạch Phật:

Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn nói có năm nghiệp vô gián (pancānantanya). Năm nghiệp ấy là gì, mà nếu làm thì đọa liền vào A tỳ địa ngục?

Ông hãy nghe, ta sẽ nói cho.

Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Năm tội vô gián là: giết mẹ, giết cha, giết A la hán, phá hòa hiệp tăng, ôm lòng ác độc gây đổ máu thân Phật. Đại huệ ! Sao gọi là mẹ chúng sinh? Ấy là ái dục đưa đến sinh sản cùng ham vui v.v.. đều như mẹ nuôi dưỡng tất cả. Cha là gì? Là vô minh khiến sinh vào sáu xóm làng (dục giới); cắt đứt hai cội gốc ấy gọi là giết cha mẹ. Sao là giết A la hán? Ấy là các tùy miên xem như kẻ thù, như độc của chuột sinh, tận diệt chúng gọi là giết A la hán. Sao là phá hòa hiệp tăng? Là các tướng khác nhau của các uẩn nhóm họp, đoạn trừ chúng gọi là phá hòa hiệp tăng. Sao gọi là ác tâm gây đổ máu thân Phật? Là thân 8 thức vọng sinh tư duy hiểu biết, thấy có tự tướng cộng tướng ngoài tâm, dùng tâm vô lậu, ba giải thoát mà diệt trừ thân Phật 8 thức, ấy gọi là ác tâm đổ máu thân Phật. Đại huệ! ấy là năm tội vô gián bên trong, nếu có người làm, liền có sự vô gián của hiện chứng thật pháp. Lại nữa, Đại huệ này ! Ta sẽ nói cho ông năm tội vô gián ở ngoài, khiến ông và các Bồ tát nghe xong đời sau không sinh nghi hoặc. Sao gọi là năm vô gián ở ngoài? Là nghe các tội vô gián nói trong các kinh khác, nếu có tác giả, thì không thể hiện chứng được ba giải thoát, chỉ trừ Như lai, các đại Bồ tát và đại thanh văn. Thấy những người tạo nghiệp vô gián, vì muốn khiến họ sửa lỗi nên dùng thần thông chỉ ra các việc đồng như vậy. Những kẻ kia liền sám hối mà được giải thoát. Đấy đều là hóa hiện, không thật có. Nếu có kẻ thực sự tạo nghiệp vô gián, thì suốt đời Phật không hiện thân cho họ giải thoát, chỉ trừ khi họ giác ngộ được thân, tài sản, chỗ ở đều do tâm tạo, lìa kiến chấp phân biệt ngã, ngã sở hoặc đời sau thọ sinh các nơi khác gặp thiện tri thức lìa được lỗi lầm phân biệt.

Thế Tôn lại nói bài tụng:

Tham ái gọi là mẹ

Vô minh ấy là cha

Thức rõ nơi cảnh giới

Thì đây gọi là Phật

Tùy miên là La hán

Các uẩn, hòa hiệp tăng

Đoạn các vô gián ấy

Gọi là nghiệp vô gián.

Bấy giờ Đại huệ Bồ tát lại bạch Phật rằng:

Bạch Thế Tôn ! Xin vì con nói thể tính của chư Phật.

Đại huệ ! hiểu rõ hai vô ngã, trừ hai chướng ngại, lìa hai chết, dứt hai phiền não, ấy là thể tính Phật. Đại huệ ! Thanh văn duyên giác được các pháp ấy rồi cũng gọi là Phật. Ta vì nghĩa ấy mà chỉ nói một thừa.

Khi ấy Thế Tôn nói bài tụng:

Biết rõ hai vô ngã

Trừ hai chướng hai não

Cùng bất tư nghì tử

Nên gọi là Như lai.

Đại huệ Bồ tát lại bạch Phật:

Bạch Thế Tôn! Như lai do mật ý gì mà nói cùng đại chúng những lời này: Ta là hết thấy Phật quá khứ, và nói trăm ngàn chuyện tiền thân: Ta vào thời ấy làm vua Đánh sinh, làm voi lớn, làm chim Anh vũ, Nguyệt quang, Diệu nhãn v.v..

Đại huệ ! Đức Như lai ứng chính đẳng giá, do nơi bí mật tứ bình đẳng mà nói với đại chúng những lời như vậy: Ta thuở xưa làm Phật câu lưu tôn, Phật câu na hàm mâu ni, Phật ca điếp. Sao gọi là bốn? ấy là 1. Tự bình đẳng, 2. Ngữ bình đẳng, 3. thân bình đẳng, 4. pháp bình đẳng. Sao gọi là tự bình đẳng? Ấy là: Ta gọi là Phật, tất cả các đức Như lai cũng gọi là Phật. Danh tự không khác nên gọi là tự bình đẳng. Ngữ bình đẳng là, ta nói được 64 phạm âm, chư Như lai cũng vậy, phạm âm như tiếng Ca lãng tần già không tăng không giảm không sai biệt, nên gọi là ngữ bình đẳng. Thân bình đẳng là ta với chư Phật, pháp thân sắc tướng cùng các tướng tốt tướng phụ đều không khác, chỉ trừ khi vì điều phục các loài chúng sinh mà thị hiện các loại thân khác nhau, ấy là thân bình đẳng. Pháp bình đẳng là, ta và chư Phật đồng chứng 37 pháp bồ đề phần. Cho nên Như lai Ứng chính đẳng giác nói với đại chúng những lời như vậy. Khi ấy Thế Tôn nói bài tụng:

Ca điếp, Câu lưu tôn

Câu na hàm là ta

Do bốn thứ bình đẳng

Mà nói lời như vậy.

Đại huệ Bồ tát lại bạch:

Bạch Thế Tôn ! Thế tôn dạy: Khoảng thời gian từ đêm thành đạo cho đến khi nhập niết bàn ta không hề nói một chữ, không đã nói cũng không sẽ nói, vì không nói ấy mới là Phật nói". Bạch Thế Tôn ! Do mật ý gì mà dạy lời ấy?

Do hai pháp bí mật mà nói lời ấy. Hai pháp ấy là gì? Là tự chứng pháp (pratyamadharma) và bản trú pháp (pauranasthitidharma). Sao gọi là tự chứng pháp? Ấy là pháp chư Phật chứng ta cũng chứng hết như vậy không thêm bớt, cảnh giới của tự chứng trí vốn lià tướng ngôn thuyết, tướng phân biệt, tướng danh tự. Sao gọi là bản trú pháp? ấy là, bản tính pháp giống như vàng trong mỏ, dù Phật có ra đời hay không có ra đời, pháp vẫn ở ngôi vị của pháp, pháp giới pháp tính đều thường trú. Đại huệ ! Thí như có người đi trong khoảng đồng rộng, thấy có con đường cũ bằng phẳng dẫn vào một ngôi cổ thành, liền theo đường ấy vào nghỉ ngơi vui thú. Đại huệ ! Ý ông nghĩ sao? người kia có làm ra con đường ấy và các thứ trong thành chăng?

Bạch Thế Tôn, không !

Đại huệ ! Chân như và pháp tính thường trú mà ta cùng các Phật chứng được cũng như vậy, cho nên nói từ khi thành Phật cho đến khi Niết bàn, ta không nói một lời nào, không đã nói cũng không sẽ nói.

Khi ấy Thế Tôn lại nói bài tụng:

Từ đêm thành chính giác

Đến đêm vào Niết bàn

Giữa hai thời gian ấy

Ta đều không nói gì

Pháp bản trú tự chứng

Nên nói mật ngữ này

Ta cùng chư Như lai

Không có chút sai biệt.

Đại huệ Bồ tát lại bạch:

Bạch Thế Tôn ! Xin nói tướng hữu vô của hết thầy pháp, khiến con và các Bồ tát lìa tướng ấy, mau được vô thượng chính đẳng chính giác.

Phật dạy:

Hãy nghe kỹ, ta sẽ nói cho.

Xin nghe, bạch Thế Tôn.

Đại huệ ! Đa số chúng sinh ở thế gian đọa vào hai kiến chấp là chấp có (astitvani'srita) và chấp không (nastitvani'srita). Vì đọa vào hai kiến chấp ấy nên không xuất ly mà tướng đã xuất ly. Hữu kiến là sao? Là chấp thật có nhân duyên sinh ra các pháp, không phải không thật có, thật có các pháp do nhân duyên sinh, không phải là không nhân duyên sinh. Đại huệ ! Nói như thế tức là nói không nhân. Sao là vô kiến? Ấy là nhân có tham, sân, si nhưng vọng chấp cái làm nhân cho tham v.v.. là phi thực (Suzuki,125). Đại huệ! Lại có kẻ phân biệt có tướng mà không nhận có các pháp. Có kẻ thấy Phật,

duyên giác, thanh văn không có tính tham sân si nên chấp những tính ấy không thật có. Đại huệ ! Trong số đó ai là kẻ bị hoại (vaina'sika)?

Bach Thế Tôn, ấy là kẻ công nhận có tính tham, sân, si nhưng sau lại chấp là không.

Hay thay ! Ông đã đáp đúng lời ta. Người ấy không những chỉ bị hoại vì quan niệm không có tham sân si, mà còn phá hoại Phật, thanh văn, Duyên giác. Vì sao? Vì phiền não ở trong và ngoài đều bất khả đắc, vì thể tính của nó không khác cũng không đồng. Đại huệ ! Tham sân si dù trong hay ngoài đều bất khả đắc, vì nó không có thể tính, không thể nắm bắt. Thanh văn, Duyên giác, Như lai bản tính là giải thoát, vì trong họ không có tính trói buộc hay làm nhân cho trói buộc. Đại huệ ! Nếu có tính trói buộc và làm nhân cho trói buộc tất là có cái bị trói buộc, nói như vậy gọi là kẻ phá hoại.

Đây gọi là tướng vô và tướng hữu. Ta do mật ý ấy mà nói: Thà có ngã kiến to như núi tu di, không thà chấp không, ôm giữ tăng thượng mạn. Khởi chấp không như vậy là kẻ phá hoại, sa vào tự tướng cộng tướng, vui say trong kiến chấp ấy không hiểu các pháp do tự tâm hiện, vì không hiểu cho nên thấy có pháp ngoài, các tướng uẩn, giới, xứ sai biệt xoay chuyển sát na vô thường nói tiếp lưu chuyển rồi lại diệt. Vì hư vọng phân biệt, lia văn tự (liã kinh điển) cũng thành kẻ phá hoại. Thế Tôn lại nói bài tụng:

Hữu, vô là hai bên

Cho đến tâm tạo tác

Trừ sạch tạo tác ấy

Tâm bình đẳng tịch diệt

Không nắm giữ cảnh giới

Không diệt, không có gì

Có chân như diệu vật

Như cảnh giới chư Thánh

Vốn không mà có sinh

Sinh rồi lại diệt mất  
Nhân duyên có cùng không  
Kẻ ấy không trú pháp (ta)  
Không do ngoại đạo, Phật  
Không do ta, chúng khác  
Do nơi duyên mà có  
Làm sao mà được "không"  
Hữu do duyên mà thành  
Ai muốn được là không  
Ác kiến nói có sinh  
Vọng tưởng chấp có, không  
Nếu biết không gì sinh  
Cũng không có gì diệt  
Thấy thế gian rỗng lặng  
Hữu vô đều xa lìa.

Bấy giờ Bồ tát Đại huệ lại bạch:

Bạch Thế Tôn ! Xin Thế Tôn vì chúng con nói tướng của các tông thú, con và chư Bồ tát đạt được nghĩa ấy, sẽ không theo những giải thích sai lầm của ngoại đạo, mau được vô thượng chính đẳng chính giác.

Hãy nghe kỹ, ta sẽ nói cho ông.

Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Đại huệ ! Hết thấy hàng nhị thừa và Bồ tát có hai thứ tướng tông pháp, ấy là  
1. Tông thú pháp tướng (siddhàntanayalaksana) 2. Ngôn thuyết pháp tướng

(De'sanānāyalaksana). Tông thú pháp tướng là tướng sở chứng thù thắng, lìa phân biệt văn tự ngữ ngôn, nhập cảnh giới vô lậu, thành tựu các hạnh của địa vị mình, vượt lên trên hết thấy những tri giác bất chính, hàng phục ma, ngoại đạo, phát sinh ánh sáng trí tuệ. Ấy gọi là tông thú pháp tướng.

Ngôn thuyết pháp tướng là nói các giáo pháp thuộc 9 bộ loại, lìa các tướng một, khác, có không, dùng phương tiện khéo léo tùy tâm chúng sinh mà làm cho họ hiểu được pháp này, ấy gọi là ngôn thuyết pháp tướng. Ông và các bồ tát nên siêng tu học. Bây giờ Thế Tôn lại nói bài tụng:

Tông thú cùng ngôn thuyết

Tự chứng và giáo pháp

Nếu hay biết rõ được

Không theo người giải bày

Như kẻ ngu phân biệt

Không phải tướng chân thật

Kia há không cầu độ?

Không một pháp có được

Quan sát các hữu vi

Sinh diệt và tương tục

Tăng trưởng hai kiến chấp

Điên đảo không biết gì

Niết bàn lìa tâm ý

Chỉ một pháp đây thật

Quán thế gian hư dối

Như huyễn, mộng, bẹ chuối

Không có tham nhuế si

Lại cũng không có người

Do ái sinh các uẩn

Như cảnh trong chiêm bao.

Bấy giờ Đại huệ Bồ tát ma ha tát lại bạch Phật rằng:

Bạch Thế Tôn ! Xin vì con nói tướng "hư vọng phân biệt" (Abhùtapariokalpa), hư vọng phân biệt này vì sao sinh? Làm sao sinh? Cái gì và do ai sinh? Sao gọi là hư vọng phân biệt?

Phật dạy:

Đại huệ, hay thay ! hay thay ! Ông vì thương xót thế gian, trời, người mà hỏi nghĩa ấy, vì lợi ích cho nhiều người, vì an lạc cho nhiều người. Ông hãy lắng nghe kỹ, khéo suy nghĩ. Ta sẽ nói cho ông.

Đại huệ bạch: "Xin vâng!"

Phật dạy:

Này Đại huệ ! Hết thấy chúng sinh đối ngoại cảnh, không hiểu rõ tự tâm hiện, lại chấp năng thủ, sở thủ, chấp trước hư dối, khởi các phân biệt, sa vào các kiến chấp có và không; tăng trưởng tập khí vọng kiến của ngoại đạo. Khi tâm và các tâm sở tương ưng nhóm khởi, họ liền chấp các nghĩa bên ngoài đều có; chấp ngã, ngã sở; đó gọi là hư vọng phân biệt.

Đại huệ bạch Phật:

Bạch Thế Tôn, nếu quả như Thế Tôn dạy, các pháp bên ngoài tính vốn lia có không, siêu việt các quan niệm (kiến chấp), thì đệ nhất nghĩa đế cũng vậy, lia các hạn lượng tông, nhân, dụ. Bạch Thế Tôn ! Vì sao với các pháp khác thì nói khởi phân biệt, mà với đệ nhất nghĩa thì lại không? Phải chăng lời Thế tôn dạy có trái lý, vì một nơi nói khởi, một nơi không nói khởi. Thế tôn lại nói cái thấy hữu, vô là sa vào hư vọng phân biệt. Ví như huyễn sự, không thật có; phân biệt cũng thế, lia các tướng hữu vô. Sao nói là đọa vào hai kiến? Thuyết này lại không đọa vào kiến chấp của thế gian đó sao?



Phật dạy:

Đại huệ ! Phân biệt không sinh không diệt. Vì sao? Vì không khởi tướng phân biệt có, không, vì các pháp thấy bên ngoài đều không có, vì hiểu rõ tự tâm hiện. Chỉ vì ngu phu phân biệt các pháp của tự tâm, bám vào các tướng, mà nói như thế, khiến họ biết những gì thấy đó đều là tự tâm, đoạn trừ các kiến chấp đăm trước ngã, ngã sở, lia các ác nhân duyên năng tác sở tác, giác ngộ duy tâm, chuyển được ý lạc (?) (cittas'raya), hiểu rõ các địa vị, vào cảnh giới Phật, xả bỏ các kiến về 5 pháp, 3 tự tính. Do đó ta nói do hư vọng phân biệt chấp trước mà sinh các pháp tự tâm hiện và các cảnh giới. Nếu biết rõ "như thật" liền được giải thoát.

Bây giờ Thế Tôn lại nói bài tụng:

Các nhân cùng với duyên

Do đó sinh thế gian

Cùng bốn cú tương ưng

Không biết pháp của ta

Thê lia có, lia không

Lia câu và bất câu

Vì sao các người ngu

Phân biệt nhân duyên khởi

Không có cũng không không

Không vừa không vừa có

Quán thế gian như vậy

Chuyển tâm, chúng vô ngã

Hết thấy pháp không sinh

Vì do duyên khởi vậy

Kết quả của các duyên  
Kết quả thì không sinh  
Quả không tự sinh quả  
Có hai quả là sai  
Vì không có hai quả  
Không thể có tính có  
Quán các pháp hữu vi  
Lìa năng duyên sở duyên  
Nhất định chỉ là tâm  
Nên ta nói tâm lượng  
Lượng là chỗ tự tính  
Xa cả hai duyên pháp  
Được cứu cánh thanh tịnh  
Nên ta nói tâm lượng  
Ngã là tên bày đặt  
Thật ra không thể có  
Các uẩn là giả danh  
Cũng đều không phải thật  
Có bốn thứ bình đẳng  
Tướng, nhân cùng sở sinh  
Vô ngã là thứ bốn.

Kẻ tu hành quán sát  
Lìa hết thấy các kiến  
Cùng phân biệt năng sở  
Không được cũng không sinh  
Ta nói là tâm lượng (mind noun)  
Không có cũng không không  
Không, có đều xa lìa  
Tâm xa lìa cũng bỏ  
Ta nói là tâm lượng  
Chân như, không, thật tế  
Niết bàn cùng pháp giới  
Các loại thân ý sinh  
Ta nói là tâm lượng  
Vọng tưởng tập khí buộc  
Các pháp do tâm sinh  
Chúng sinh chấp ngoài có  
Ta nói là tâm lượng  
Cái thấy ngoài không có  
Chỉ tâm hiện các pháp  
Thân, tài sản, chỗ ở  
Ta nói là tâm lượng.

Bấy giờ Đại huệ Bồ tát đại hữu tình lại bạch Phật rằng:

Như lai có nói: Như ta đã nói, ông và các Bồ tát không nên căn cứ vào lời mà phải nắm lấy ý nghĩa. Bạch Thế Tôn ! Vì sao không nên nương lời mà giữ nghĩa. Lời (ngữ) là sao? Nghĩa là sao?

Này Đại huệ ! Lời là do tập khí phân biệt làm nhân; do yết hầu, lưỡi môi, quai hàm mà phát ra các âm thanh, lời nói, đàm luận với nhau; ấy gọi là ngữ. Còn "nghĩa" là gì? Bồ tát đại hữu tình ở một mình nơi chỗ thanh tịnh, lấy trí tuệ văn tư tu, suy nghĩ quán sát hướng về Niết bàn, cảnh giới của tự trí, chuyển đổi các tập khí, thực hành các hành tướng của các địa, ấy gọi là nghĩa. Lại nữa, này Đại huệ ! Bồ tát đại hữu tình rành lời và nghĩa, biết lời và nghĩa không một không khác; và nghĩa đối với lời cũng lại như vậy. Nếu nghĩa khác lời; thì nó sẽ không nhân lời mà rõ nghĩa; nhưng do nơi lời mà thấy được ý, như đèn chiếu rõ hình sắc. Đại huệ ! Ví như có người cầm đèn soi các vật biết vật này như thế ở chỗ như thế. Bồ tát đại hữu tình cũng vậy; do ngọn đèn lời mà đi vào cảnh giới tự chứng, lìa ngôn thuyết. Lại này Đại huệ ! Nếu có người y theo lời nói mà nắm ý nghĩa về Niết bàn bất sinh, bất diệt, về tam thừa, nhất thừa, 5 pháp, 8 thức, 3 tự tính v.v.. tất người ấy sẽ sinh kiến chấp hoặc có hoặc không, thấy có các sự vật khác nhau liền khởi phân biệt, như thấy huyền sự cho là thật. Ấy là cái thấy của phàm phu, không phải của bậc thánh hiền.

Khi ấy Thế Tôn lại nói bài kệ:

Nếu theo lời giữ nghĩa

Mà kiến lập các pháp

Vì những kiến lập ấy

Chết sa vào địa ngục

Trong uân không có ngã

Uân không phải là ngã

Không phân biệt như thế

Lại chẳng phải không có

Như kẻ ngu phân biệt

Hết thấy đều có tính

Nếu thấy được như vậy

Tức là thấy chân lý

Tất cả pháp nhiễm tịnh

Đều không có thể tính

Không như chúng được thấy

Cũng không phải là không.

Lại nữa, Đại huệ ! Ta sẽ vì ông nói tướng trí thức (Jnānavijñānakajñāna), ông cùng các Bồ tát đại hữu tình nếu hiểu rõ tướng của trí thức liền mau được vô thượng chính đẳng chính giác. Nay Đại huệ ! Trí có ba loại, ấy là : 1. Thế gian trí (Lautikajñāna) 2. Xuất thế gian trí (Lokottarajñāna), 3. Xuất thế gian thượng thượng trí (Lokottaratamajñāna). Sao gọi là thế gian trí? Ấy là chấp hết thấy các pháp có, không của ngoại đạo, phàm ngu. Sao gọi là xuất thế gian trí? Ấy là các chấp trước tự tướng (ngã), cộng tướng (ngã sở, nhân sinh, vũ trụ) của hàng nhị thừa. Sao là xuất thế gian thượng thượng trí? Ấy là chư Phật Bồ tát quán tất cả pháp đều không tướng, không sinh, không diệt, không phải có, không phải không, chứng pháp vô ngã, nhập Như lai địa. Nay Đại huệ ! Lại có ba loại trí, ấy là: 1. Trí tự tướng cộng tướng trí (svasānānyalaksanāvadhāra-kajñāna); 2. Trí sinh diệt trí (utpāda-vuauāvadhāra-kajñāna); 3. Trí bất sinh bất diệt trí (Anutpādānirodhāvadhāra-kajñāna). Lại nay Đại huệ ! Sinh diệt là thức, không sinh diệt là trí, thức thì sa vào nhị nguyên tướng vô tướng, cùng các thứ sai biệt làm nhân cho nhau, trí thì lia tướng và vô tướng, lia nhân hữu, vô. Có các tướng tích tập ấy là thức, không tích tập tướng ấy là trí. Bám trước vào cảnh giới ấy là thức, không bám trước cảnh giới ấy là trí. Do ba hòa hiệp tương ưng mà sinh là thức, vô ngại tự tính là trí. Tướng "có thể nắm được" là thức, tướng "không thể nắm được" là trí, vì đây là cảnh giới thánh trí tự chứng, như trăng trong nước không vào không ra vậy.

Bấy giờ Thế Tôn lại nói bài tụng:

Nhóm chứa nghiệp là tâm

Quán sát pháp là trí  
Tuệ hay chứng vô tướng  
Được tự tại uy quang  
Bị cảnh buộc là tâm  
Tướng "giác" sinh là trí  
Cảnh thù thắng, vô tướng  
Trí tuệ do đây sinh  
Tâm, ý cùng với thức  
Lià các tướng phân biệt  
Được pháp vô phân biệt  
Bồ tát, phi thanh văn  
Nhãn thù thắng tịch diệt  
Trí Như lai thanh tịnh  
Hay sinh các thắng nghĩa  
Xa lià các sở hành  
(samudàcàra - varijitam)  
Ta có ba loại trí  
Bậc thánh hay sáng rõ  
Phân biệt được các tướng  
Mở bày hết thấy pháp  
Trí ta lià các tướng

Siêu việt nơi nhị thừa

Cùng các hạng thanh văn

Trí Như lai vô cấu

Vì hiểu rõ duy tâm.

Lại nữa, này Đại huệ ! Các ngoại đạo có 9 loại kiến về chuyển biến, ấy là: 1. Hình chuyển biến. 2. tướng chuyển biến (Laksana), 3. Nhân chuyển biến (hetu), 4. Tương ứng chuyển biến (yukti), 5. Kiến chuyển biến (drsti), 6. Sinh chuyển biến (utpada) 7. Vật chuyển biến (Bhava) 8. Duyên minh liễu chuyển biến (pratyayabhivyakti), 9. sở tác minh liễu chuyển biến (kriyabhivyakti). Tất cả ngoại đạo do quan niệm ấy mà khởi các luận về chuyển biến dựa trên có và không. Hình chuyển biến là thấy hình thể thay đổi như vàng làm đồ trang sức; như các thứ vòng, xuyên, chuỗi đeo cổ không giống nhau, hình trạng có sai khác nhưng thể không khác. Hết thấy pháp biến đổi cũng như thế. Các pháp mà ngoại đạo chấp trước đều không "như vậy" cũng không "khác vậy". Nên biết chỉ do phân biệt mà các pháp biến hóa; như ván là do sữa, rượu là do trái chín. Ngoại đạo nói ở đây có biến hóa, mà kỳ thật không "có" cũng không "không", vì do tự tâm thấy, không có vật bên ngoài. Như thế đều là phạm phu mê muội, do tập khí phân biệt của mình sinh ra, chứ thật không có một pháp nào hoặc sinh hoặc diệt; như do mộng huyễn thấy có các sắc tướng, như nói con của người thạch nữ có sống chết.

Bấy giờ Thế Tôn lại nói bài tụng:

Hình tùy thời biến chuyển

Đại chủng cùng các căn

Thân trung hữu (antarabhava) sinh dần

Vọng tưởng, không minh trí

Chư Phật không phân biệt

Duyên khởi cùng thế gian

Thế gian do duyên khởi

Như thành Càn thất bà.

Lúc ấy Đại huệ Bồ tát đại hữu tình lại bạch Phật:

Bạch Thế Tôn! Xin Như lai vì con giải nói nghĩa thâm mật (samdhyatrha) cùng giải nghĩa tướng (parimocanàtrha) nơi hết thấy pháp, khiến con cùng các Bồ tát đại hữu tình biết rõ sự sai biệt giữa trói buộc và giải thoát, chúng con sẽ biết những phương tiện thiện xảo về hai tướng ấy, và sẽ không còn chấp lời giữ nghĩa. Khi chúng con biết rõ nghĩa trói buộc (thâm mật) là gì và sự giải thoát của các pháp là gì, chúng con sẽ diệt trừ sự phân biệt lời và chữ; và nhờ trí tuệ, chúng con được nhập các cõi Phật và các hội chúng; được ân thần thông, tự tại tổng trì, được giác tuệ, an trú trong mười nguyện vô tận, không cần dụng công biến hóa các thân, hào quang chiếu sáng như trời trăng, ngọc ma ni, đất nước lửa gió, an trú ở các địa, lia kiến chấp phân biệt; biết các pháp đều như huyễn, mộng; nhập quả vị Như lai, hóa độ khắp chúng sinh; khiến họ biết các pháp hư dối không thật, lia hữu vô, đoạn cái chấp sinh, diệt, không chấp trước vào ngôn thuyết, khiến chuyển thức sở y.

Phật dạy:

Hãy lắng nghe, ta sẽ nói cho ông. Nay Đại huệ ! Sự chấp trước ăn sâu (abhinivésasamdhi) đối với hết thấy các pháp y lời mà nắm ý thật là không cùng. Ấy là: chấp trước tướng (lakasanàbhivivésa); chấp trước duyên (pratyañbhi) chấp trước hữu phi hữu (bhàvabhàbhinivesa); chấp trước sinh phi sinh, chấp trước diệt phi diệt chấp trước thừa phi thừa; chấp trước vi vô vi; chấp trước địa và tự tướng của địa, chấp trước vào chính sự phân biệt và vào cái hiện chứng (that arising from enlighthenment), chấp trước vào tướng hữu vô của các tông ngoại đạo, chấp trước 3 thừa, 1 thừa... Nay Đại huệ ! Các loại chấp trước sâu xa ấy thật vô lượng, đều do phạm phu tự phân biệt rồi bám lấy. Những phân biệt ấy như tầm làm kén, lấy tơ vọng tưởng tự quán mình, quán người, chấp chặt hữu vô, ham muốn chằng chịt kiên cố. Nay Đại huệ ! Nhưng thật ở đây không có tướng ăn sâu hay không ăn sâu; vì Bồ tát đại hữu tình thấy các pháp đều ở trong tịch tịnh, không phân biệt. Nếu rõ biết các pháp chỉ do tâm thấy (thì thấy) ngoại pháp hoặc không hoặc có đều đồng một tướng, rồi theo đó quán sát các chấp sâu xa phân biệt hoặc có hoặc không, thấy đều vắng lặng; nên nói không có tướng chấp sâu dày với không sâu dày. Đại huệ ! Ở đây không có sự trói buộc cũng không có sự giải thoát, chỉ những người không rõ chân thật mới thấy có trói buộc, có giải thoát. Vì sao? Vì hết thấy các pháp dù có dù không, thể tính của nó muốn tìm cũng không thấy được. Lại nay Đại huệ ! Kẻ phạm phu ngu muội có 3 thứ trói



buộc thâm sâu, ấy là tham, sân, si, do đó mà có yêu thích đời sau cùng ham muốn, vui mừng. Sự ràng buộc thâm sâu này khiến chúng sinh tiếp tục sinh trong 5 đường; nếu dây ràng buộc này đứt, thì không thấy đâu là tướng ràng buộc hay không ràng buộc. Lại nữa, Đại huệ này ! nếu có sự chấp trước vào 3 duyên hòa hiệp, các thức bị ràng buộc sâu xa lần lượt khởi lên; và vì có chấp trước nên có trói buộc sâu xa. Nếu thấy 3 giải thoát, là 3 thức hòa hiệp, thì hết thấy các trói buộc tất không sinh. Bây giờ Thế Tôn lại nói bài tụng

Phân biệt cái không thật

Ấy là tướng buộc ràng

Nếu biết được như thật

Các trói buộc đều đứt

Phàm ngu không rõ được

Theo lời mà thủ nghĩa

Như tầm ở trong kén

Vọng tưởng tự buộc ràng.

Đại huệ Bồ tát đại hữu tình lại bạch Phật:

Bạch Thế Tôn ! Như Thế Tôn dạy, các pháp đều do phân biệt của tâm thức, không có tự tính; đây chỉ là vọng kế (tưởng tượng sai lầm) mà thôi. Bạch Thế Tôn! Nếu chỉ do vọng chấp, không thật có các pháp thì có phải các pháp nhiễm hoặc tịnh đều là không? (phải chăng không có gì nhiễm hay tịnh?)

Phật dạy:

Đại huệ ! Chính thế, chính thế ! Như ông nói, phàm phu phân biệt các pháp, nhưng pháp tính không có như vậy; đây chỉ là vọng chấp, không gì có thật tính. Song các bậc thánh lấy tuệ nhãn của thánh mà thấy biết như thật có tự tính các pháp.

Đại huệ bạch :

Nếu các bậc thánh dùng tuệ nhãn của mình mà thấy có tự tính các pháp, không phải thiên nhãn hay nhục nhãn, không giống như chỗ phân biệt của

hạng phàm ngu, thì bạch Thế Tôn, làm sao hạng này lìa được phân biệt, vì họ không thể nào nhận biết thánh pháp (āryabhāvavastu)? Bạch Thế Tôn ! Những người kia không điên đảo cũng không không điên đảo. Vì sao? Vì họ không thấy những pháp mà thánh nhân thấy. Vì cái thấy của thánh nhân lìa tướng hữu vô, nên thánh cũng không phân biệt như sự phân biệt của phàm phu, vì không phải là cảnh giới của mình. Bậc thánh cũng thấy có tự tính các pháp - như vọng chấp mà hiện, vì không nói có nhân cùng không nhân, nên họ cũng sa vào kiến chấp tự tính các pháp vậy. Bạch Thế Tôn ! Các cảnh giới khác đã không đồng với cảnh này (của Thánh), như vậy thành lỗi "vô cùng", vì như thế cái gì lập thành tự tính các pháp hóa ra không thể biết được. Bạch Thế Tôn ! Những gì do phân biệt mà có, không thể là tự tính của các pháp. Thế thì sao trong khi đã bảo sự vật có ra là do vọng chấp phân biệt, lại còn nói rằng chúng thật không phải như người ta phân biệt? (Tại sao tự tính các pháp đã nói là không do phân biệt, lại nói do phân biệt mà có các pháp?) Bạch Thế Tôn ! (Đã đành) sự phân biệt khác nhau nên các pháp cũng sai khác, vì nhân không giống nhau. Nhưng tại sao các pháp đều do phân biệt, mà chỉ cái phân biệt của phàm ngu là không "như thật". Và Thế Tôn lại còn nói: "Vì muốn khiến chúng sinh xả bỏ các phân biệt nên ta nói các pháp do phân biệt thấy, không phải là pháp "như thị". Bạch Thế Tôn! Vì sao đã muốn chúng sinh lìa các pháp do kiến hữu vô chấp trước, mà còn chấp cảnh giới của Thánh trí, sa vào hữu kiến? Vì sao không nói pháp tịch tịnh không vô, mà nói tự tính của thánh trí?

Phật dạy:

Đại huệ ! Không phải là ta không nói pháp tịch tịnh, cũng không phải ta sa vào hữu kiến vì đã nói tự tính của thánh trí. Ta vì chúng sinh từ vô thì chấp trước nơi "hữu", nên nói có cảnh giới ở trong tịch tịnh, khiến chúng nghe rồi không sinh hoảng sợ, có thể như thật chứng pháp không tịch, lìa các mê loạn, đi vào lý duy thức, biết các pháp hữu vô ở bên ngoài đều do tâm thấy, ngộ được 3 giải thoát, được ấn như thật, thấy tự tính của pháp, rõ cảnh giới thánh, xa lìa hết thấy chấp trước hữu vô. Lại, này Đại huệ ! Các Bồ tát đại hữu tình không nên lập thuyết rằng "hết thấy pháp không sinh" lời ấy tự nó đã hỏng. Vì sao? Vì tôn kia có đối đãi mà sinh vậy. Lại vì tôn kia tức đã lọt vào trong số "hết thấy pháp", cái tướng không sinh cũng không sinh. Lại vì tôn kia do các phần làm thành. Lại vì các pháp hữu, vô của tôn kia cũng đều không sinh, tôn ấy lọt vào trong số các pháp, nên tướng hữu vô cũng không sinh. Bởi thế "hết thấy pháp không sinh" thuyết ấy tự hỏng, không nên lập như thế, vì có nhiều lỗi lầm trong các phần của tam đoạn luận, lại có nhiều nhân khác nhau lẫn lộn trong đó. Cũng như thuyết (các pháp) không sinh,

thuyết cho rằng "các pháp đều không, vô tự tính" cũng lại như vậy. Đại huệ ! Bồ tát đại hữu tình nên nói hết thấy pháp như huyền như mộng, vì vừa được thấy cũng vừa không được thấy, vì hết thấy đều là mê loạn, trừ phi vì bọn ngu phu sợ hãi. Đại huệ! Kẻ phàm phu ngu muội sa vào kiến chấp hữu, vô, chớ nên làm cho chúng hoảng hốt xa lìa đại thừa."

Bây giờ Thế Tôn lại nói bài tụng:

Không tự tính, không thuyết

Không sự, không chỗ y (S. Alaya)

Phàm ngu phân biệt quấy

Ác giác như thầy ma

"Hết thấy pháp không sinh"

Do ngoại đạo thành lập

Nhưng thuyết kia có sinh

Vì không do duyên thành

Hết thấy pháp không sinh

Kẻ trí không phân biệt

Tôn kia do nhân sinh

Nói thế tức là hỏng

Ví như mắt có màn

Vọng tưởng thấy hoa đóm

Các pháp cũng như vậy

Phàm ngu vọng phân biệt

Ba cõi chỉ giả danh

Mà không có thật thể  
Do giả ấy bày ra  
Liên phân biệt suy lường  
Các sự tướng giả danh  
Làm loạn động tâm thức  
Con Phật tất vượt qua  
Đạo nơi vô phân biệt  
Không nước chấp có nước  
Đều do khát mà sinh  
Ngu thấy pháp cũng vậy  
Bậc thánh thì không thể  
Thánh nhân thấy thanh tịnh  
Sinh nơi ba giải thoát.  
Xa lìa cảnh sinh diệt  
Thường du cảnh vô tướng  
Kẻ tu cảnh vô tướng  
Thì cái "vô" cũng không  
Hữu vô đều bình đẳng  
Cho nên sinh quả thánh  
Làm sao hết "pháp hữu"  
Làm sao được bình đẳng

Nếu tâm không rõ pháp

Trong ngoài đều loạn động

Rõ rồi liền bình đẳng

Tướng loạn khi ấy diệt.

Đại huệ Bồ tát đại hữu tình lại bạch Phật

Bạch Thế Tôn ! Như Phật đã dạy: Nếu biết cảnh giới chỉ là giả danh, đều bất khả đắc, tất không có sở thủ, vì không sở thủ nên cũng không có năng thủ, cả năng thủ sở thủ đều không, nên không khởi phân biệt, ấy gọi là trí . Bạch Thế Tôn! Vì sao mà trí kia không được cảnh? Có phải vì không rõ nghĩa một, khác, tự tướng, cộng tướng của hết thấy pháp mà nói là "không được"? Hay vì các pháp tự tướng cộng tướng nhiều thứ không giống nhau, che lấp lẫn nhau mà "không được"? Hay vì núi cao tường đá, vì hàng rào, màn, rèm làm chướng ngại che lấp mà nói là "không được"? Hay vì quá xa, quá gần, quá già quá bé, các giác quan (căn) mù tối không đầy đủ mà gọi là "không được"? Nếu vì không rõ biết nghĩa một, khác, tự tướng cộng tướng của các pháp mà nói là không được, thì đây không gọi là trí mà đúng là vô trí, vì có cảnh giới mà không biết được. Nếu vì các pháp có tự tướng cộng tướng không đồng, che lấp lẫn nhau mà "không được", thì đây cũng là phi trí (ajnana); vì biết nơi cảnh giới mới gọi là trí chứ không phải không biết (mà gọi là trí). Nếu vì bị núi cao tường đá, hàng rào, rèm, màn che lấp hay vì quá xa quá gần, già, bé, mù, tối mà không biết, thì đó cũng là phi trí, vì có cảnh giới mà trí không đầy đủ nên không biết.

Phật dạy:

Đại huệ ! Cái thật trí ở đây không phải như ông nói. Chỗ ta nói không phải nói sự ẩn che; ta nói cảnh giới chỉ là giả danh bất khả đắc, vì biết rõ do tự tâm thấy, các pháp bên ngoài có hoặc không, trí tuệ hoàn toàn không chấp. Vì không chấp nên sở tri chướng không khởi, nhập vào ba giải thoát, trí và thể đều quên; không phải như hết thấy phạm phu vì tập khí hí luận từ vô thi chấp trước pháp ngoài hoặc có hoặc không, chấp các hình tướng... Biết như thế gọi là không biết, không hiểu các pháp do tâm hiện, chấp ngã, ngã sở, trí phân biệt cảnh, không biết ngoại cảnh vừa có vừa không, vì tâm những kẻ ấy ở trong đoạn kiến. Vì khiến chúng xa lìa các phân biệt như thế, nên nói hết thấy pháp do tâm kiến lập.

Bấy giờ Thế Tôn lại nói bài tụng:

Nếu có các sở duyên

Trí tuệ không quán thấy

Đấy là ngu, không trí

Ấy là vọng chấp trước

Vô biên tướng lấp nhau

Chướng ngại cùng xa, gần

Trí tuệ không thấy được

Đấy gọi là tà kiến

Già, bé, các căn tối

Mà thật có cảnh giới

Không thể sinh trí tuệ

Ấy gọi là tà kiến.

Lại nữa, Đại huệ ! Kẻ ngu si phạm phu bị mê hoặc từ vô thi vì sự hư dối, tà kiến, phân biệt, không hiểu pháp như thật và ngôn ngữ bàn về pháp ấy, chấp trước vào các tướng ở ngoài tâm và những lời thuyết pháp phương tiện; không thể tu tập pháp chân thật thanh tịnh lìa tứ cú.

Đại huệ bạch:

Chính thế, bạch Thế Tôn, chính như Thế Tôn dạy. Nguyện xin Thế Tôn vì con nói pháp như thật (siddhàntanaya) và pháp ngôn thuyết (désanànaya), khiến con cùng các Bồ tát đại hữu tình hiểu rành rẽ hai pháp này, không bị lung lạc vì ngoại đạo và nhị thừa. Phật dạy:

Ông hãy lắng nghe, lắng nghe. Ta sẽ nói cho ông. Nay Đại huệ ! Chư Như lai trong ba đời có hai thứ pháp, ấy là pháp ngôn thuyết và pháp như thật. Ngôn thuyết pháp là tùy theo tâm của chúng sinh mà nói những giáo lý phương tiện khác nhau. Pháp như thật là người tu hành lìa phân biệt các

pháp do tâm hiện, không sa vào hý luận một, khác, cùng, không cùng; siêu việt hết thấy tâm, ý, ý thức; ở nơi cảnh giới của Thánh trí tự chứng, lia các kiến chấp về nhân duyên, tương ưng; hết thấy ngoại đạo, thanh văn, duyên giác, những người sa vào nhị biên đều không thể biết được, ấy gọi là pháp như thật. Hai thứ pháp ấy, ông cùng các bồ tát đại hữu tình nên khéo tu học.

Bấy giờ Thế Tôn lại nói bài tụng:

Ta nói hai thứ pháp

"Ngôn giáo" và " như thật"

Giáo pháp cho phàm phu

Thật pháp bậc tu hành.

Lúc bấy giờ Đại huệ Bồ tát đại hữu tình lại bạch Phật:

Bạch Thế Tôn ! Có lần Như lai dạy rằng Lô ca gia đà (Lokàyatika - Thế luận) nói các chú thuật (mantrapratibhàna) chỉ thu được tài lợi chứ không được pháp lợi, vì không được pháp lợi nên không đáng gán gũ thừa sự cúng dường. Vì sao Thế Tôn dạy như vậy?

Phật dạy:

Đại huệ ! Các luận văn của Lô ca gia đà chỉ tô điểm lời văn làm mê cuồng kẻ phàm ngu, tùy thuận thế gian mà hư vọng nói, không đúng nghĩa, không xứng lý, không thể chứng nhập cảnh giới chân thật, không thể hiểu rõ hết thấy các pháp, thường sa vào nhị biên, tự mình đã mất chính đạo, lại còn khiến người khác mất, luân hồi qua các đường tà mãi mãi không ra được. Vì sao? Vì không hiểu các pháp do tâm hiện, chấp vào cảnh ngoài tăng thêm phân biệt. Cho nên ta nói thế luận trau dồi câu, lời, lý lẽ, thí dụ, chỉ lừa bịp kẻ ngu, không thể giải thoát được các hoạn nạn sinh, già, bệnh, chết, sầu khổ. Nay Đại huệ ! Thích đề hoàn nhân (Indra) rộng giải thích các luận, và chính ông cũng tạo nhiều bộ luận (and was himself the author of a work on sound - Suzuki, p150). Kẻ Thế luận kia có một đệ tử hóa hiện làm thân con rồng đi đến cung trời Đế thích, rồi lập một luận tôn (mệnh đề) và thách Đế thích rằng: "Này Kiều thi ca, tôi cùng ông tranh luận, nếu ông thua, tôi sẽ phá xe một ngàn cỗ của ông, nếu tôi thua, tôi sẽ cắt hết những cái đầu của tôi để chịu phạt. Nói xong, bèn dùng phương pháp biện luận đánh bại Đế thích, phá xe một ngàn cỗ. Đế thích phải trở xuống lại cõi thế. Đại huệ !

Ngôn luận thế gian (lokàyatika) có đầy đủ nhân, dụ, đến có thể hiện hình làm rỗng, dùng văn từ đẹp mà mê hoặc loài trời cùng A tu la, khiến họ chấp trước vào các kiến sinh, diệt v.v.. huông chi là loài người. Bởi thế Đại huệ, ông không nên thân cận thừa sự cúng dường, vì những kẻ kia có thể làm sinh nhân khổ. Đại huệ ! Thế luận chỉ nói cảnh giới do thân chứng biết. Nay Đại huệ ! Thế luận có trăm ngàn câu lời, trong đời vị lai ác kiến trái nhau, tà chúng phân tán, tách ra thành nhiều bộ, mỗi bộ một lý thuyết riêng. Đại huệ ! Không phải các ngoại đạo khác có thể lập giáo, chỉ có Lô ca gia dùng trăm ngàn câu, rộng nói vô lượng luận cứ (reasonings) sai biệt, không phải lý như thật. Lại chính họ cũng không biết đây là pháp làm mê hoặc thế nhân.

Khi ấy Đại huệ Bồ tát nói:

Bạch Thế Tôn ! Nếu các luận do Lô ca gia tạo - đủ các văn tự nguyên nhân, thí dụ trau chuốt - không phải là pháp như thật, chỉ do Lô ca gia chấp trước vào lý thuyết của mình, nêu luận ấy gọi là ngoại đạo thì Thế Tôn cũng có nói các sự việc thế gian, nghĩa là có dùng các món văn, câu, ngôn từ mà rộng nói cho chúng hội trời, người ở khắp các cõi nước trong mười phương tụ đến, không phải là pháp của tự trí đã chứng được. Vậy thì Thế Tôn cũng nói đồng như ngoại đạo chẳng.

Phật dạy:

Đại huệ ! Ta không dạy thế luận (lokàyata) cũng không dạy đến, đi (àvavyrya). Ta nói các pháp không đến không đi (cf. S. I teach that which is not coming and going). Nay Đại huệ ! Đến, ấy là nhóm tụ, sinh trưởng. Đi, ấy là diệt, không đến không đi, ấy tức là không sinh không diệt. Vì sao? Vì ta không chấp vào hữu vô của ngoại pháp, vì biết chỉ do tự tâm, không thấy hai thủ, không sinh phân biệt cảnh giới của các tướng, nhập vào pháp môn không, vô tướng, vô nguyện mà được giải thoát. Đại huệ ! Ta nhớ có lần ta ở lại một nơi nào đó, có kẻ Thế luận bà la môn đến, thốt nhiên hỏi ta: "Cồ đàm ! Có phải hết thảy đều được tạo nên chăng?" Ta đáp: "Này bà la môn, nếu hết thảy được tạo ấy là thế luận (materialism) đầu tiên." Người ấy lại hỏi: "Tất cả đều không được tạo chăng?" Ta đáp: "Tất cả đều không được tạo, đây là thế luận thứ hai." Người kia lại hỏi: "Tất cả là thường chăng? Vô thường chăng? Sinh chăng? Không sinh chăng?" Ta đáp: "Đây là thế luận thứ sáu." Người kia lại hỏi: "Tất cả là một chăng? Là khác chăng? Là cùng (câu) chăng? Không cùng (bất câu) chăng? Tất cả đều do các nhân duyên mà sinh chăng?" Ta đáp: "Đó là Thế luận thứ mười một." Người kia hỏi nữa: "Hết thảy đều có thể giải thích (hữu ký - Vyāktra) chăng? Có linh hồn



chăng? Có thể giới này chẳng? Không có thể giới này chẳng? Có giải thoát chẳng? Không có giải thoát chẳng? Tất cả đều là sát na (chóng qua - momentary) chẳng? Không sát na chẳng? Hư không, Niết bàn cùng phi trạch diệt (Aprati samkhyànirodha) là được tạo tác chẳng? Không được tạo tác chẳng? Có trung hữu (antābhava) chẳng? Không có trung hữu chẳng?" Ta đáp rằng: "Này bà la môn, tất cả đó đều là thế luận của ông, không phải thuyết của ta. Bà la môn ! Ta nói do các tập khí hý luận từ vô thủy mà sinh ba cõi, không hiểu rõ chỉ do tự tâm thấy, còn ngoại pháp bị chấp thủ đó thật không thể nắm bắt (bất khả đắc). Theo thuyết ngoại đạo, thì linh hồn (ngã), căn, cảnh cả ba hòa hiệp sinh. Ta không nói có nhân, cũng không nói không nhân, chỉ y theo năng thủ sở thủ của vọng tâm mà nói duyên khởi, không phải cái mà ông cùng những người thủ trước nơi linh hồn có thể hiểu thấu." Đại huệ ! Hư không, Niết bàn cùng phi trạch diệt chỉ có con số 3, vốn không có thể tính, huống nữa là nói tác cùng phi tác (được tạo hay không được tạo). Đại huệ ! Khi ấy người thế luận bà la môn lại hỏi ta rằng: "Do vô minh, ái nghiệp làm nhân duyên mà có tam giới chẳng? Hay là không nhân chẳng?" Ta đáp: "Đấy hai câu ấy cũng là thế luận. Này bà la môn ! cho đến có một chút gì động lưu phân biệt của tâm thức đối với ngoại cảnh đều là thế luận." Này Đại huệ ! Khi ấy người bà la môn lại hỏi ta rằng: "Có gì không phải là thế luận chẳng? Tất cả những luận từ các thứ văn, câu, nhân, dụ trau chuốt của ngoại đạo, không có gì là không do từ trong pháp của ta mà ra." Ta đáp: "Có. Không phải là những gì ông tin vào, chứ không phải là mọi người không chấp nhận; không phải không nói tương ứng với các thứ văn các nghĩa lý, cũng không phải không tương ứng" Người kia lại hỏi: "Có một luận nào không phải là thế luận mà được thế gian chấp thuận chẳng?" Ta nói: "Có; nhưng không phải là cái mà ông cùng hết thảy ngoại đạo có thể biết. Vì sao? Vì (các ông) hư vọng phân biệt, chấp trước sự vật bên ngoài. Nếu hiểu được các pháp hữu, vô đều do tự tâm thấy, không sinh phân biệt, không ôm giữ ngoại cảnh, an trú trong cảnh "tự xứ" (cf. Suz.154) "tự xứ trú" thì không khởi phân biệt. Đấy là pháp ta, không thuộc về người. Này bà la môn ! Nói tóm lại bất cứ chỗ nào tâm thức có qua, lại, diệt, sinh, có cầu mong, bám víu, đối với sự vật có tham ái, đối với quan điểm có chấp trước, đều là thế luận của ông, không phải pháp ta." Này Đại huệ ! Kẻ thế luận bà la môn đã hỏi như thế, ta đã đáp như thế. Người kia không hỏi ta về thật pháp của ta, mà im lặng bỏ đi, nghĩ như vậy: "Sa môn Cù đàm không có gì đáng tôn trọng, nói hết thảy pháp không sinh không tướng không nhân không duyên, chỉ do tự tâm phân biệt thấy, nếu hiểu được như thế thì không sinh phân biệt." Đại huệ ! Ông nay cũng hỏi ta nghĩa ấy: Vì sao một người gần gũi Thế luận chỉ được tài lợi, không được pháp lợi (Dharmasamgraha).

Đại huệ bạch:

Bạch Thế Tôn, tài và pháp mà Thế Tôn dạy ấy có nghĩa là gì?

Phật đáp:

Hay lắm ! Ông vì chúng sinh đời sau mà suy nghĩ nghĩa ấy. Ông hãy lắng nghe, lắng nghe. Ta sẽ nói cho ông. Đại huệ này, tài là cái gì có thể sờ được, nhận được, cầm nắm ôm giữ được, ném được, khiến người ta bám víu ngoại cảnh, sa vào nhị nguyên, tăng trưởng tham ái, sinh lão bệnh tử buồn lo khổ não; ta và chư Phật gọi đó là tài lợi, do gần gũi thế luận mà thâm nhập. Sao gọi là pháp lợi? Ấy là hiểu rõ pháp chỉ là tâm, thấy được hai vô ngã, không nắm giữ tướng, không phân biệt; biết rõ các giai đoạn tu hành, lià tâm, ý, thức, được chư Phật lấy nước cam lộ rưới đầu, nhận và làm đầy đủ mười nguyên vô tận, được tự tại đối với tất cả pháp, đây gọi là pháp lợi, vì không sa vào kiến chấp, hý luận, phân biệt nhị nguyên. Này Đại huệ! Thế luận của ngoại đạo khiến kẻ ngu sa vào hai bên là thường và đoạn. Chấp nhận thuyết vô nhân (Ahetuvàda) là thường kiến (Sàsvatadrsti); cho rằng các nhân đều hoại diệt là đoạn kiến (ucchedadrsti). Không thấy có sinh trú diệt, ta gọi là được pháp lợi. Đây là sự khác nhau giữa tài và pháp; ông cùng các bồ tát đại hữu tình hãy siêng quán sát.

Thế Tôn lại nói bài tụng:

Điều phục, nhiếp chúng sinh

Lấy giới hàng phục ác

Trí tuệ diệt kiến chấp

Giải thoát được tăng trưởng

Các tà thuyết ngoại đạo

Đều là luận thế gian

Vọng chấp tác, sở tác

Không thể tự chứng thành

Chỉ có thuyết của ta

Không chấp trước năng, sở

Nói ra cho đệ tử

Để chúng lìa thế luận

Pháp năng thủ, sở thủ

Ngoài tâm không thể có

Cả hai do tâm hiện

Đoạn, thường bất khả đắc

Chỉ một mảy động tâm

Đó đều là thế luận

Người không khởi phân biệt

Mới thấy rõ tự tâm

"Đến" là do thấy có

"Đi" là do thấy "không"

Hiểu thấu rõ đến, đi

Không khởi sinh phân biệt

Hữu thường cùng vô thường

Được tạo, không được tạo

Cõi này và cõi khác

Đều là pháp thế gian.

Đại huệ Bồ tát đại hữu tình lại bạch Phật:

Bạch Thế Tôn, những pháp gì là Niết bàn mà các ngoại đạo phân biệt?

Phật dạy:

Đại huệ ! Niết bàn theo các ngoại đạo phân biệt đều không phù hợp với tướng của Niết bàn. Ông hãy lắng nghe, ta sẽ nói. Đại huệ ! Hoặc có ngoại đạo nói: Thấy các pháp vô thường nên không tham cảnh giới, uẩn giới xứ đều diệt, tâm tâm sở không hiện ra, không nhớ nghĩ cảnh quá, hiện, vị lai, như ngọn đèn tắt, như hạt giống hoại, như lửa đã tàn, không ôm giữ không dính mắc, không sinh các phân biệt... cho đó là Niết bàn. Nay Đại huệ ! Không phải vì thấy hoại mà gọi là Niết bàn.

Có người cho rằng Niết bàn là đi đến một nơi khác, chỗ lìa cái tướng về cảnh giới, như gió ngừng lại. Có người cho rằng Niết bàn là không thấy có người biết và pháp bị biết. Có người cho rằng Niết bàn là không khởi kiến chấp phân biệt thường, vô thường. Có người lại bảo: "Phân biệt các tướng làm phát sinh ra khổ", mà không biết tướng do tự tâm hiện. Vì không biết nên sợ hãi tướng, cầu cái vô tướng, sinh ham thích sâu xa (cái vô tướng), chấp đó là Niết bàn. Có người biết rõ các pháp nội, ngoại tự tướng cộng tướng trong quá khứ, hiện tại, vị lai đều có tự tính không hoại diệt, tướng đó là Niết bàn. Có người chấp rằng ta, người, chúng sinh và thọ mạng cùng hết thấy pháp không có gì hoại diệt, tướng đấy là Niết bàn. Lại có hàng ngoại đạo không trí tuệ, chấp có thân ngã (Prakti, primary substance), sĩ phu (supreme soul), "Thật", câu na (guna) xoay vần biến hóa làm ra muôn vật; cho đó là Niết bàn. Lại có ngoại đạo cho Niết bàn là chấm dứt phước cùng phi phước. Có kẻ chấp không do trí tuệ mà các phiền não dứt. Có kẻ chấp Tự tại (Isvara) là đáng tác giả chân thật, là Niết bàn. Có kẻ chấp chúng sinh xoay vần sinh lẫn nhau, cho đó là nhân, ngoài ra không có nhân khác. Vì những kẻ ngu không hiểu rõ nên chấp đấy là Niết bàn. Có kẻ chấp rằng đạt đến đúng đường ấy là Niết bàn. Có kẻ chấp Niết bàn là khi có sự hòa hiệp giữa Câu na và chủ thể của câu na, giữa tính một và khác, cùng và không cùng. Có kẻ chấp mọi vật do tự nhiên sinh (Suz. dịch: Có kẻ cho Niết bàn là thấy mọi vật đều tồn tại do bản chất của riêng chúng.) như sắc lông sặc sỡ của chim không tước, hay cái bén nhọn của gai góc, hay chỗ sinh báu vật thì có các thứ báu, những vật như vậy do ai tạo đâu? Liền chấp tự nhiên sinh, lấy đó làm Niết bàn. Hoặc chấp hiểu rõ 25 đế (tattvas) là được Niết bàn. Lại có kẻ nói giữ được 6 hạnh gìn giữ chúng sinh là được Niết bàn. Lại có người cho rằng Thời sinh ra thế gian, vậy Thời tức là Niết bàn. Hoặc chấp các vật "có" là Niết bàn, hoặc chấp không vật là Niết bàn, lại có kẻ chấp mọi vật hữu, vô đều là Niết bàn, hoặc chấp các vật và Niết bàn không khác nhau, đấy là Niết bàn. Nay Đại huệ ! Lại có những người nói khác với những gì ngoại đạo nói, dùng nhất thiết trí và âm thanh của sư tử rống mà nói, hiểu thấu

được cảnh duy tâm, không giữ cảnh ngoài, xa lìa bốn cú (àtuskotika), an trú nơi "như thật" (yathabhùta), không sa vào nhị nguyên, lìa năng thủ sở thủ, không rơi vào các lượng (đo lường), không bám trước chân thật, an trú nơi pháp hiện chứng của thánh trí, ngộ hai vô ngã, lìa hai phiền não, sạch hai chướng, lần lượt tu các địa Bồ tát, nhập vào Phật địa, được các định như huyền v.v.. vĩnh viễn siêu việt tâm, ý, ý thức gọi là được Niết bàn. Đây Đại huệ ! Những ngoại đạo kia chấp trước hư vọng, không đúng lý, chấp những điều mà bậc trí lìa bỏ, đều là đọa vào hai bên mà tưởng Niết bàn. Nơi đây không ở không ra, ngoại đạo kia đều do thuyết của mình mà sinh vọng giác, trái ngược với lý, không thành cái gì; chỉ khiến tâm ý dong ruổi qua lại tán loạn, rốt ráo không được Niết bàn. Ông và các Bồ tát nên xa lìa.

Thế Tôn nói bài tụng:

Ngoại đạo nói Niết bàn

Mỗi mỗi đều sai biệt

Đây chỉ là vọng tưởng

Không phải phương giải thoát

Xa lìa các phương tiện

Không đến cảnh vô phược

Vọng sinh tưởng giải thoát

Mà thật không giải thoát

Các thuyết của ngoại đạo

Đều chấp thủ khác nhau

Họ không được giải thoát

Ngu si vọng phân biệt

Hết thấy ngoại đạo si

Vọng thấy tác, sở tác

Chấp trước luận hữu vô  
Nên không được giải thoát  
Phàm ngu ưa phân biệt  
Không sinh trí chân thật  
Ngôn thuyết gốc ba cõi  
Chân thật nhân diệt khổ  
Thí như bóng trong gương  
Chỉ hiện mà không thực  
Trong tập khí, gương tâm  
Phàm ngu thấy có hai  
Không hiểu duy tâm hiện  
Nên khởi hai phân biệt  
Nếu biết chỉ là tâm  
Thì phân biệt không sinh  
Tâm tức là các tướng  
(nhưng) lìa tướng, sở tướng  
Như kẻ ngu phân biệt  
Tuy thấy mà không thấy  
Ba cõi do phân biệt  
Ngoại cảnh toàn không có  
Vọng tưởng hiện các thứ

Kẻ phàm ngu không biết  
Các kinh nói khác nhau  
Chỉ khác trên danh tự  
Nhưng là nơi ngữ ngôn  
Thì không thể nắm nghĩa.

## QUYỂN NĂM

### *CHƯƠNG III* *VÔ THƯỜNG*

Bấy giờ Đại huệ Bồ tát đại hữu tình lại bạch Phật:

Bạch Thế Tôn ! xin Thế Tôn giảng cho con tính tự giác của Như lai (Tathàgata), Ứng chính đẳng giác, khiến con cùng các Bồ tát đại hữu tình hiểu rành rẽ rồi tự giác ngộ, giúp người giác ngộ.

Phật dạy:

Đại huệ ! Như ông hỏi, ta sẽ nói cho ông.

Đại huệ nói:

Vâng, bạch Thế Tôn ! Đấng Như lai, ứng cúng chính đẳng giác là được tạo thành hay không được tạo thành, là quả hay nhân, là tướng (predicating) hay là sở tướng (predicated), là thuyết hay sở thuyết (an expression or what is expressed), là giác (knowledge) hay sở giác (that which is knowable...) tất cả những điều ấy, Như lai đều như thế hay đều không như thế?

Phật dạy:

Đại huệ! Đấng Như lai ứng chính đẳng giác không phải tác (created) cũng không phải phi tác, không phải quả không phải nhân, không phải tướng không phải sở tướng, không phải thuyết không phải sở thuyết, không phải giác không phải sở giác. Vì sao? Vì những điều như thế đều bị mắc vào lỗi nhị nguyên. Nay Đại huệ ! Nếu Như lai là được tạo thành (tác) tức là vô

thường, nếu vô thường thì hết thấy pháp được tạo tác đều là Như lai cả, điều ấy ta cùng chư Phật không chấp nhận. Nếu Như lai không được tạo tác tức là không có thể tính, thì hóa ra tất cả những phương tiện tu hành (để chứng quả) thành không, vô ích, giống như sừng thỏ, con của thạch nữ, vì không do nhân tạo thành. Nếu không phải nhân không phải quả tức không có không không; nếu không có không không tức vượt ngoài tứ cú. Nói tứ cú nghĩa là chỉ thuận theo thế gian mà có ngôn thuyết. Nếu vượt ngoài tứ cú, chỉ có ngôn thuyết mà thôi thì khác nào con của thạch nữ. Đại huệ ! Con của thạch nữ chỉ có ngôn thuyết không ở trong tứ cú, vì không ở trong tứ cú nên không thể suy lường. Những người có trí tuệ nên biết như vậy đối với nghĩa của tất cả những lập luận về Như lai. Nay Đại huệ ! Như lai có nói "các pháp là vô ngã" (nirātmanah sarvadharmāh), vì trong các pháp không có tính ngã nên nói là vô ngã, chứ không phải là không có tự tính các pháp. Nên biết những cú nghĩa về Như lai cũng thế. Nay Đại huệ ! Thí như trâu không có tính ngựa, ngựa không có tính trâu, chứ không phải là không có tự tính. Hết thấy các pháp cũng vậy; không có tự tướng, không có mà có (phi phi hữu tức hữu ?), không phải là chỗ phàm phu có thể biết. Vì sao không biết? Vì phân biệt vậy. Hết thấy pháp không sinh, hết thấy pháp không tự tính, tất cũng như vậy. Nay Đại huệ ! Như lai và uẩn không khác, không không khác. Nếu không khác tức vô thường, vì các uẩn là được tạo. Nếu khác thì như hai sừng trâu có chỗ khác và cũng có chỗ không khác vậy. Vì hai sừng trông giống nhau nên không khác, cái ngắn cái dài nên có khác. Như sừng bên phải khác sừng bên trái, sừng trái khác sừng phải, ngắn dài không đồng sắc tướng cũng khác, nhưng cũng không khác.

Uẩn, giới xứ v.v.. cũng vậy, hết thấy pháp đều như vậy. Đại huệ! Như lai ấy là y chỗ giải thoát mà nói, Như lai và giải thoát không khác cũng không không khác. Nếu khác, thì Như lai tức tương ưng với sắc tướng, mà tương ưng sắc tướng tức là vô thường. Nếu không khác, thì lẽ ra không thấy các sai biệt trong những người tu hành nhưng thật thì có sai biệt, nên không phải là không khác.

Trí và sở trí (cái biết và pháp được biết) cũng thế, không khác cũng không không khác. Nếu không khác không không khác tức là không phải thường cũng không phải vô thường, không phải tác, không sở tác, không phải hữu vi cũng không phải vô vi, không phải giác không phải sở giác, không phải tướng không phải sở tướng, không phải uẩn không phải khác uẩn, không phải thuyết không phải sở thuyết, không phải một không phải khác, không phải cùng nhau không phải không cùng nhau. Vì nghĩa ấy nên siêu việt hết thấy suy lường. Vì siêu việt suy lường nên chỉ có trên danh tự, vì chỉ có trên



danh tự nên không có sinh, vì không có sinh nên không có diệt, vì không có diệt nên như hư không. Nay Đại huệ! Hư không không phải tác (nhân) cũng không phải sở tác (quả). Vì không phải nhân không phải quả nên xa lìa phan duyên (Nirālambya), vì xa lìa phan duyên nên vượt ra ngoài hết thảy những pháp hí luận. Vượt ngoài hết thảy pháp hí luận ấy là Như lai. Như lai chính là thể Chính đẳng giác. Chính đẳng giác ấy là viễn ly tất cả căn, cảnh giới."

Bấy giờ Thế tôn lại nói bài tụng:

Vượt ngoài căn suy lường

Không phải quả hay nhân

Tướng hay là sở tướng

Tất cả đều xa lìa

Uẩn, duyên, cùng chính giác

Một, khác, không ai thấy

Đã không có ai thấy

Sao còn sinh phân biệt

Không phải tác, sở tác

Không nhân, không không nhân

Không uẩn, không lìa uẩn

Cũng không lìa các vật

Không phải có pháp thể

Như phân biệt kia thấy

Lại không phải là không

Các pháp tính như vậy

Đôi có thành ra không

Đối với "không" nên có  
Không đã không thể giữ  
Có cũng không nên nói  
Không rõ ngã vô ngã  
Chỉ chấp nơi danh từ  
Kẻ kia chìm nhị biên  
Hoại mình, hoại thế gian  
Nếu hay thấy pháp này  
Liên lia hết các lỗi  
Đó gọi là chính quán  
Không hủy báng Đạo sư.

Đại huệ Bồ tát đại hữu tình lại bạch Phật:

Bạch Thế tôn! Như trong kinh Phật dạy đức Như lai không phải chịu sự sinh, diệt, và Thế tôn lại dạy Bất sinh bất diệt ấy cũng là một tên gọi khác để chỉ Như lai. Bạch Thế tôn! Xin Thế tôn chỉ dạy. Cái lẽ bất sinh bất diệt ấy tức là vô pháp (non-entity), sao lại nói đây là tên khác của Như lai. Như Thế tôn dạy : "Hết thấy pháp không sinh không diệt", nên biết đó tức là sa vào các kiến chấp hữu, vô. Nếu pháp không sinh tức không thể giữ, không có một chút pháp nào cả thì ai là Như lai? Xin Thế tôn giảng rõ.

Phật dạy:

- Hãy lắng nghe, ta sẽ nói. Nay Đại huệ! Ta nói Như lai không phải là vô pháp, lại không phải là thân nhận (nhiếp thủ) các pháp bất sinh bất diệt, cũng không đối đãi nhân duyên (để xuất hiện), cũng không phải là vô nghĩa. Ta nói vô sinh tức là một tên khác cho "pháp thân do ý sinh" (manomayadharmakàya) của Như lai. Hết thấy ngoại đạo Thanh văn Duyên giác, Bồ tát thất địa không rõ nghĩa ấy. Đại huệ! Thí như Đế thích (sakra), đất, hư không, cho đến chân tay, tùy theo mỗi vật, mỗi thứ đều có nhiều tên. Không phải vì có nhiều tên mà thành ra có nhiều thể, hay thành vô thể. Đại

huệ! Ta cũng như thế, ở nơi thế giới Ta bà này, có ba a tăng kỳ trăm ngàn danh hiệu, những kẻ phàm ngu tuy nghe tuy nói mà không biết đây là tên khác của Như lai. Trong số ấy có người hoặc nhận ta là Như lai, có người cho ta là bậc Vô sư (Svayambhù), hay đấng Đạo sư (Nàyaka), hay đấng Thắng đạo (Vinàyaka), Phổ đạo (Parinàyaka), hay Phật, hay Nguru vương hay Phạm vương (Brahman), hay Tùy hữu (Visnu), hay Tự tại (Isvara), hay đấng Thắng giả (Pradhàna), hay đấng Ca tỳ la (Kapila), hay đấng Chân thật biên (Bhùtàn-ta), đấng Vô tận (Ariskta?), đấng Đoan tướng (Nemina?); hoặc có kẻ cho ta như là thân gió, thân lửa, hay đấng Câu tỳ la, hay mặt trăng, hay mặt trời, hay như vì vua, hay như tiên nhân, hay như đấng Thức ca (suka) hay như Nhân đà la (Indra), như sao, như sức mạnh lớn, như nước, như cái vô diệt, như cái không sinh, như Tính không, như Chân như (Tathatà), như Đế (satyatà), Thật tính (Bhùtatà), Thật tế (Shùtakoti), Pháp giới (Dharmadhātu), Niết bàn, thường trụ, Bình đẳng, Vô nhị, Vô tướng, Tịch diệt, Cụ tướng, Nhân duyên, Phật tính, Giáo đạo, Giải thoát, Đạo lộ, Nhất thể trí, Đấng Tối thắng (Jina), đấng Ý thành thân... hết thấy những tên như thế, đây ba a tăng kỳ trăm ngàn danh hiệu, không tăng không giảm. Trong thế giới này cùng các thế giới khác, có những kẻ biết ta như trăng trong nước không vào không ra, nhưng hạng phàm ngu tâm bị chìm đắm nơi nhị biên không thể hiểu thấu, mà cũng tôn trọng cúng dường thừa sự, không khéo giải danh tự cú nghĩa, chấp ngôn giáo, mê muội đối với lẽ chân thật, cho rằng vô sinh vô diệt tức là không thể tính, mà không biết đây là một danh hiệu khác của Phật như Nhân đà la, Đế kiệt la v.v.. Vì tin nơi ngôn giáo, mê muội chân thật, ở hết thấy pháp đều y theo lời (bhùta) mà nắm ý nghĩa (atrha), nên những kẻ phàm ngu kia nói: "Nghĩa chính là lời, nghĩa và lời không khác. Vì sao? Vì nghĩa không có thể tính (nên không thể khác với lời. Suz. 166). Kẻ ấy không hiểu rõ tự tính của ngôn âm; cho rằng ngôn tức là nghĩa, không có thể tính riêng biệt cho nghĩa. Đại huệ! Kẻ kia ngu si không biết rằng ngôn thuyết thì có sinh diệt, còn nghĩa thì không sinh diệt. Đại huệ! Hết thấy ngôn thuyết đều sa vào văn tự, còn nghĩa thì không (sa vào), vì lìa có và không, không sinh, không thể tính. Đại huệ! Như lai không nói pháp sa vào văn tự, vì hữu và vô của văn tự đều bất khả đắc. Đại huệ! Nếu có người nói những pháp sa vào văn tự, ấy là pháp hư dối. Vì sao? Vì tự tính của các pháp lìa văn tự. Cho nên, này Đại huệ! Trong kinh ta nói : "Ta cùng chư Phật và Bồ tát không nói một chữ không đáp một tiếng nào. Vì sao? Vì hết thấy pháp lìa văn tự. Nhưng không phải là ta không thuận theo nghĩa mà phân biệt nói. Đại huệ! Nếu không nói thì giáo pháp phải đứt đoạn, giáo pháp đoạn đứt thì không có thanh văn, duyên giác, bồ tát, chư Phật. Nếu tất cả đều không thì ai nói pháp và nói cho ai? Bởi thế, Đại huệ này, Bồ tát đại hữu tình không nên chấp trước nơi văn tự, mà phải tùy nghi thuyết pháp. Ta

cùng chư Phật đều tùy những thứ phiền não, ưa muốn và hiểu biết không đồng của chúng sinh mà khai diễn cho chúng, khiến chúng biết các pháp đều do tâm hiện, không có cảnh ngoài, xả bỏ hai phân biệt, chuyển hóa tâm, ý thức; chứ không phải vì chúng mà nói pháp do thánh trí tự chứng (Su. có thêm một đoạn). Đại huệ! Bồ tát đại hữu tình nên theo nghĩa, chớ theo văn tự, theo văn tự thì đọa vào ác kiến; chấp trước chủ trương của mình mà khởi ngôn thuyết, không thể hiểu rõ các pháp tướng văn từ chương cú, đã tự hại còn hại người, không thể khiến tâm người giải ngộ. Nếu khéo biết rõ hết thấy pháp tướng, văn từ cú nghĩa đều thông, thì có thể khiến tự mình thọ cái vui vô tướng, mà còn giúp người an trú đại thừa. Nếu khiến được người an trú đại thừa thì liền được hết thấy chư Phật Thanh văn Duyên giác cùng chư Bồ tát thâm nhận. Nếu được chư Phật, thanh văn... thâm nhận thì có thể thâm nhận hết thấy chúng sinh, có thể thâm nhận hết thấy chính pháp. Nếu nhiếp thọ được hết thấy chính pháp thì không làm đứt đoạn hạt giống Phật (Budhavamsa). Nếu không đoạn giống Phật thì được chỗ thù thắng tốt đẹp. Đại huệ! Bồ tát đại hữu tình sinh chỗ tốt đẹp thù thắng, muốn chúng sinh an trú Đại thừa, dùng mười lực tự tại hiện các hình tướng, tùy căn cơ của họ mà nói pháp chân thật. Chân thật pháp ấy là không hai, không phân biệt, không đến không đi, hết thấy hí luận đều bật dứt. Cho nên, này Đại huệ! Thiện nam, thiện nữ không nên y lời mà chấp nghĩa. Vì sao? Vì pháp chân thật lia văn tự. Đại huệ! Thí dụ có người dùng ngón tay chỉ sự vật, đứa bé con chỉ nhìn ngón tay không nhìn vật. Kẻ phạm phu ngu si cũng vậy, theo nơi ngón tay ngôn thuyết mà sinh chấp trước, thậm chí đến chết cũng không xả bỏ được ngón tay văn tự để nắm đệ nhất nghĩa. Đại huệ! Thí như con nít mới sinh đáng phải ăn đồ chín; có người không biết rành cách nấu chín, mà cho nó ăn đồ sống tất phát cuồng loạn. Bất sinh bất diệt cũng thế, không tu phương tiện tất là không tốt. Vì thế hãy nên khéo tu phương tiện, chớ theo ngôn thuyết như nhìn đầu ngón tay. Đại huệ! Nghĩa chân thật vốn vi diệu tịch tịnh, ấy là nhân của Niết bàn. Ngôn thuyết thì cùng với vọng tưởng mà khiến người trôi lăn trong sinh tử. Đại huệ! Thật nghĩa là do nghe nhiều mà được, nghe nhiều là rành nghĩa không phải rành lời. Người rành nghĩa không theo ác kiến ngoại đạo, tự mình không theo, cũng khiến người không theo. Ấy gọi là nghe nhiều nơi nghĩa, kẻ muốn cầu nghĩa nên gần gũi hạng người này và xa lìa những kẻ chấp trước văn tự.

Đại huệ bồ tát đại hữu tình nương thân lực Phật mà bạch:

Bạch Thế tôn! Như lai diễn nói bất sinh bất diệt không có gì là kỳ lạ đặc biệt. Vì sao? Hết thấy ngoại đạo cũng nói đáng "Tạo tác tác giả" không sinh không diệt; Thế tôn cũng nói hư không Niết bàn cùng phi sát diệt

(Amatisamkhyànirodha) là bất sinh bất diệt. Ngoại đạo nói đấng tác giả làm nhân duyên sinh ra thế gian, Thế tôn cũng nói vô minh ái nghiệp sinh ra các thế gian. Cả hai thuyết đều nói nhân duyên sinh, chỉ khác trên danh từ. Vì nhân duyên của các vật bên ngoài cũng thế. Cho nên thuyết của Phật và của ngoại đạo không có sai biệt. Ngoại đạo nói : "Vi trần, thắng diệu (pradhàna) Tự tại (Isvara), Sinh chủ (Prajapati) v.v.. 9 thứ (Navadravya) như vậy là bất sinh bất diệt. Thế tôn cũng nói hết thấy pháp không sinh không diệt; có hay không đều bất khả đắc. Bạch Thế tôn! Các đại chúng không hoại, vì tự tính của chúng không sinh không diệt, lan khắp các cõi mà vẫn không mất tự tính. Bạch Thế tôn! Tuy phân biệt thì có biến đổi chút ít, song hết thấy những điều Như lai dạy không có gì là ngoại đạo không đã nói rồi. Cho nên Phật pháp cũng giống như ngoại đạo. Nếu không giống thì xin Phật diễn bày cho con thuyết của Phật hơn ngoại đạo ở chỗ nào. Nếu không có sai biệt thì ngoại đạo tức là Phật; vì họ cũng nói bất sinh bất diệt vậy. Thế tôn thường dạy trong một thế giới không có nhiều Phật, nhưng theo đây thì có.

Phật dạy:

Đại huệ! Chỗ ta nói không sinh không diệt không đồng với bất sinh bất diệt của ngoại đạo, cũng không đồng với luận của họ về sinh và vô thường (dịch theo Sz.) Vì sao? Thuyết của ngoại đạo là có thật tính không sinh không biến đổi. Ta không sa vào hữu, vô như vậy. Pháp ta nói không hữu không vô, lìa sinh lìa diệt. Sao là phi vô? Vì như thấy các hình sắc huyền mộng. Sao gọi là phi hữu? Vì tự tính của sắc tướng không phải có, nhưng nó đồng thời vừa được thấy vừa không được thấy, vừa được nắm giữ vừa không được nắm giữ. Cho nên ta nói hết thấy pháp không phải có không phải không. Nếu biết rõ tất cả chỉ do tự tâm thấy, thì liền an trú tự tính, không sinh phân biệt, các việc tạo tác ở thế gian sẽ đều chấm dứt. Phân biệt ấy là việc của phàm phu, không phải hiền thánh. Đại huệ! Vọng tâm phân biệt cảnh giới không thật, như người huyền cùng người huyền buôn bán ra vào trong thành Càn thất bà, tâm mê phân biệt cho là có thật. Những chuyện kẻ phàm ngu thấy như sinh bất sinh, hữu vi vô vi cũng thế, như người huyền sinh, người huyền diệt. Người huyền thật ra không sinh không diệt. Các pháp cũng vậy, lìa sinh diệt. Này Đại huệ! Kẻ phàm phu hư vọng khởi quan niệm sinh diệt, thánh nhân không vậy. Nói hư vọng nghĩa là không như pháp tính, khởi kiến chấp điên đảo. Điên đảo kiến là chấp pháp có thể tính, không thấy được chỗ vắng lặng. Vì không thấy vắng lặng nên không thể xa lìa hư vọng phân biệt. Cho nên, này Đại huệ! Cái thấy vô tướng là thù thắng, không phải cái thấy có tướng. Tướng là nhân của sinh, nếu không có tướng tất không có phân biệt. Không sinh không diệt ấy là Niết bàn. Đại huệ! Nói Niết bàn ấy nghĩa là

thấy chỗ "như thật" xa lìa các pháp tâm và tâm sở phân biệt, được thánh trí nội chứng của Như lai. Ta nói đây là Niết bàn tịch tịnh.

Bấy giờ Thế tôn lại nói bài tụng:

Đề trừ chấp có sinh

Thành lập nghĩa không sinh

Ta nói luận vô nhân

Kẻ ngu không hiểu được

Hết thấy pháp không sinh

Cũng không là vô pháp

Như Càn thành, huyễn mộng

Tuy có mà không nhân

Không, vô sinh, vô tính

Có gì mà ta nói?

Lìa các duyên hòa hợp

Kẻ trí không hay thấy

Vì thế nên ta nói

Không vô sinh vô tính

Mỗi mỗi duyên hòa hợp

Chỉ hiện chứ không có

Phân tích không hòa hợp

Không như ngoại đạo thấy

Như mộng và tóc rũ ? (thùy phát)

Huyền sự cùng Càn thành  
Không nhân mà vọng thấy  
Thế sự cũng như vậy  
Chiết phục luận hữu nhân  
Bày rõ lý vô sinh  
Nghĩa vô sinh nếu còn  
Pháp nhãn thường không diệt  
Ta nói luận vô nhân  
Ngoại đạo đều sợ hãi  
Làm sao, và nhân đâu  
Lại vì sao mà sinh  
Hòa hiệp ở chỗ nào  
Mà lập vô nhân luận?  
Quán sát pháp hữu vi  
Không nhân không vô nhân  
Nên luận sinh diệt kia  
Do đó mà bị phá  
Vì vô nên không sinh  
Hay vì đôi các duyên?  
Hay có tên không nghĩa  
Nguyện Phật vì con nói

Vô pháp không bất sinh  
Cũng không phải chờ duyên  
Không phải tên của vật  
Cũng không tên, không nghĩa  
Không thuộc của ngoại đạo  
Thanh văn cùng Duyên giác  
Cùng Bồ tát thập trụ  
Ấy là vô sinh tướng  
Xa lìa các nhân duyên  
không có người năng tác  
Chỉ do tâm kiến lập  
Ta nói là vô sinh  
Các pháp không nhân sinh  
Không không cũng không có  
Lìa năng sở, phân biệt  
Ta nói là vô sinh  
Ngoài tâm không có gì  
Lại lìa nơi hai tính  
Y tha và vọng kế  
(paratantra, parikalpita)  
Như thế chuyển sở y



Đấy ta nói vô sinh  
Ngoại vật có cùng không  
Tâm không sở thủ gì  
Tất cả kiến đều đoạn  
Ta gọi là vô sinh  
Cú nghĩa "không, vô tính"  
Nghĩa nó đều như vậy  
Không vì không nói không  
Vô sinh nên nói không  
Nhân duyên cùng tụ hội  
Cho nên có sinh diệt  
Nếu nhân duyên phân tán  
Sinh diệt tất không có  
Nếu lia các nhân duyên  
Thì tuyệt không có pháp  
Tính một cùng tính khác  
Do phạm ngu phân biệt  
(Vô hữu bất sinh pháp)  
Hữu, vô không sinh pháp  
Câu, phi cũng như vậy  
Chỉ trừ khi duyên hợp

Trong ấy thấy khởi diệt  
Theo tục giả ngôn thuyết  
Nói vòng móc nhân duyên  
Nếu lia vòng nhân duyên  
Nghĩa "sinh" (samkalà) bất khả đắc  
Ta nói chỉ vòng câu  
Không sinh nói bất sinh  
Lìa các lỗi ngoại đạo  
Phàm ngu không thể hiểu  
Lìa vòng xích nhân duyên  
Mà riêng có pháp sinh  
Ấy là luận vô nhân  
Phá hoại nghĩa câu tở  
Nhu đèn hay chiếu vật  
Vòng xích nếu như thế  
Đấy tức lìa vòng xích  
Mà riêng có các pháp  
Vô sinh tức vô tính  
Thê tính như hư không  
Lìa duyên sinh tìm pháp  
Là kẻ ngu phân biệt

Lại có loại vô sinh  
Do bậc thánh chứng được  
Sinh kia không phải sinh  
Ấy là vô sinh hẳn  
Nếu biết cả thế gian  
Đều chỉ là vòng xích  
Và không gì khác hơn  
Kẻ ấy tâm được định.  
Vô minh cùng ái nghiệp  
Là kèm tỏa bên trong  
Các đại, bần, bánh xe  
Là câu tỏa bên ngoài.  
Nếu nói có pháp khác  
Cũng do nhân duyên sinh  
Ngoài nghĩa vòng xích này  
Đây không phải giáo lý.  
Sinh pháp nếu phi hữu  
Ai nhận ra nhân duyên ?  
Vì các pháp sinh nhau  
Nên gọi là nhân duyên  
Tĩnh cứng, ướt, ấm, động

Do phàm ngu phân biệt  
Chỉ có duyên, không pháp  
Nên nói vô tự tính  
Nhu lương y trị bệnh  
Nguyên tắc không sai khác  
Nhưng vì bệnh không đồng  
Liều thuốc có khác nhau  
Ta vì các chúng sinh  
Diệt trừ bệnh phiền não  
Biết căn cơ mạnh yếu  
Diễn nói các pháp môn  
Phiền não không phải khác  
Mà sinh ra các pháp  
Chỉ có một đại thừa  
Bát chính đạo trong mắt.

Đại huệ Bồ tát đại hữu tình bạch Phật:

Bạch Thế tôn hết thấy ngoại đạo vọng nói vô thường; Thế tôn cũng nói các hành là vô thường, là pháp phải chịu sinh diệt. Thuyết ấy con không hiểu là tà hay chính? Vô thường có mấy thứ?

Phật dạy:

Đại huệ! Ngoại đạo nói có 7 thứ vô thường, không phải pháp của ta. Bảy thứ ấy là: 1. Có người cho rằng có sinh khởi rồi xả bỏ, gọi là vô thường, vì sinh rồi bất sinh nên nói là tính vô thường. 2. Lại có kẻ nói hình biến hoại là vô thường. 3. Có kẻ nói sắc là vô thường. 4. Có kẻ nói cái biến dị của sắc là vô

thường. Hết thấy các pháp nối nhau không dứt, khiến cái thể tự nhiên biến đổi và diệt; như trước là sữa sau biến thành gia ua, sự biến dịch ấy tuy không thấy được song nó chính là yếu tố hủy diệt nằm ngay trong mọi sự vật. 5. Có kẻ nói các vật có ra là vô thường. 6. Có kẻ cho hữu phi hữu (existence, non-existence) là vô thường. 7. Có kẻ nói bất sinh là vô thường ở khắp trong mọi pháp. Trong số những quan điểm ấy, hữu phi hữu vô thường (Bhàvabhàvànityatà), nghĩa là các tướng năng tạo sở tạo đều hoại diệt, còn tự tính của đại chúng thì bản lai không khởi. Bất sinh vô thường (Anutpàdànityatà) là các pháp thường, vô thường v.v.. đều không có. Như thế hết thấy đều không có gì sinh; cho đến phân tách thành vi trần cũng không thấy gì. Vì không sinh khởi nên nói là vô sinh. Đây gọi là "bất sinh vô thường". Nếu không hiểu nghĩa ấy tức sa vào nghĩa "sinh vô thường" của ngoại đạo, nghĩa là ở chỗ không phải thường không phải vô thường mà tự sinh ra phân biệt. Nghĩa ấy thế nào? Nghĩa là có một vật gọi là vô thường tự nó không bị hoại diệt, nhưng có thể hoại các pháp. Nếu không có cái vô thường hoại hết các pháp, thì rốt cuộc pháp sẽ bất diệt, thành không có (vô hữu) (như chiếc gậy hay hòn đá, hay như một cái búa đập nát mọi vật khác mà tự nó thì không hoại, ở đây cũng vậy). Đại huệ! (đây là nghĩa của ngoại đạo nhưng) vô thường và hết thấy các pháp ta thấy trước mắt thì không thấy đâu là sai biệt năng tác sở tác, để nói được rằng đây là vô thường, còn đây là cái bị vô thường nó hoại diệt. Vậy thành ra năng tác sở tác đều thường cả mới phải, vì không thấy cái nhân khiến cho các pháp thành ra phi hữu. Đại huệ! Về các pháp bị hoại diệt thật ra có nhân, nhưng phiền một nỗi là không phải chỗ phạm ngu hiểu được. Đại huệ, nhân khác không thể sinh ra quả khác, nếu sinh được, thì hết thấy các pháp đều sinh lẫn nhau, pháp này pháp kia năng sinh sở sinh đều không khác nhau gì cả. Nhưng hiện thấy có khác. Làm sao dị nhân sinh dị quả? Đại huệ! Nếu có một pháp (objective existence) gọi là vô thường thì cũng đồng với cái sở tác (kết quả) và thành ra tự nó cũng vô thường, vì vô thường cho nên các pháp vô thường đây đều là thường cả. Đại huệ! Nếu tính vô thường ở trong các pháp, thì đáng cùng các pháp sa vào ba giai đoạn quá khứ, hiện tại, vị lai, cùng với sắc quá khứ mà diệt, cùng vị lai không sinh, hiện tại cùng hoại.

Các ngoại đạo cho rằng thể tính của bốn đại là không hoại, tức là bốn đại khác với sắc do bốn đại tạo, vì lìa khác với không khác; tự tính của nó cũng không hoại diệt. Đại huệ! Những pháp năng tạo, sở tạo trong ba cõi không có gì là không phải tướng sinh, trụ, diệt, làm sao có riêng một tính vô thường có thể sinh ra các vật mà tự nó không diệt? Thuyết cho rằng đầu tạo sau diệt nên gọi là vô thường (pràrambhavinivttryanityatà) cũng không vững, vì các đại chúng khác nhau không thể tạo lẫn nhau; không phải mỗi đại tự tạo, vì

không có cái khác ở trong nó; cũng không cùng tạo vì trái nhau. Cho nên biết không phải "thủy - tạo vô thường" Hình trạng hoại vô thường (tribhavadittamàtra) ấy là không phải hoại năng tạo cùng sở tạo nhưng hình trạng hoại. Nghĩa ấy thế nào? Ấy là chẻ tách "sắc" cho tới vi trần, chỉ diệt cái hình trạng dài ngắn v.v.. đã thấy. Chứ không diệt cái sắc thể năng tạo sở tạo. Kiến này sa vào số luận (Sàmkhyavadà) "Sắc tức là vô thường" (Rùpam evàñityam) ấy có nghĩa hình trạng là vô thường, không phải tính tứ đại là vô thường. Nếu tính đại chung cũng vô thường thì tất là không có thể giới. Không có thể giới nên biết ấy là sa vào kiến chấp của Thế luận thấy hết thấy pháp do tự tướng sinh chỉ có trên ngôn thuyết. Chuyển biến vô thường (Vikàràityatà) ấy là sắc chủng (rùpa) (hay hình thức) biến đổi chứ không phải đại chung (tứ đại) biến đổi. Thí như lấy vàng làm các món trang sức, các món này có biến đổi nhưng vàng thì không. Đây cũng vậy. Đại huệ! Các kiến ngoại đạo như thế hư vọng phân biệt về vô thường. Họ nói như vậy: "Lửa không thể đốt cháy tự tướng của nó, mà chỉ phân tán ra. Nếu nó có thể thiêu đốt được, tức thì năng tạo sở tạo đều đoạn diệt." Đại huệ! Ta nói các pháp không "thường" không "vô thường". Vì sao? Vì không chấp pháp ngoài, vì ba cõi chỉ là tâm (Tribhavadittamàtra), vì không nói tới các tướng, vì các sai biệt của đại chung tính đều không sinh không diệt, không có năng tạo sở tạo, vì năng thủ sở thủ đều do phân biệt khởi, vì biết hai tính thủ (năng sở) đúng như thật, vì hiểu rõ duy tâm hiện, vì lìa hai kiến chấp hữu vô của ngoại đạo, lìa kiến hữu vô nên không phân biệt năng tạo sở tạo. Đại huệ! Các pháp thế gian, xuất thế gian, và xuất thế gian thượng thượng chỉ là tự tâm, không thường, không vô thường; không hiểu rõ như thế sẽ sa vào hai biên kiến ngoại đạo. Đại huệ! Ngoại đạo không rõ biết ba pháp ấy do phân biệt nên khởi ngôn thuyết chấp trước tính vô thường. Đại huệ! Cảnh giới ngữ ngôn phân biệt của ba pháp này không phải chỗ phạm phu biết được.

Thế tôn lại nói bài tụng:

Trước tạo rồi sau xả

Hình trạng có chuyển biến

Các sắc vật vô thường

Ngoại đạo vọng phân biệt

Các pháp không hoại diệt

Tự tính đại thường trú

Các kiến chấp ngoại đạo  
Nói thế là vô thường  
Các chúng ngoại đạo kia  
Đều nói : "Không sinh diệt"  
"Các tính đại tự thường  
Cái gì là vô thường?"  
Năng thủ và sở thủ  
Hết thấy đều là tâm  
Hai thứ do tâm hiện  
Không có ngã, ngã sở  
Các pháp như Phạm thiên  
Ta nói chỉ là tâm  
Nếu lìa xa nơi tâm  
Hết thấy không có được.

#### ***CHƯƠNG IV HIỆN CHỨNG***

Bấy giờ Đại huệ Bồ tát đại hữu tình lại bạch Phật:

Bạch Thế tôn! Xin vì con nói tướng "Nhập diệt thứ đệ tương tục" (Nirodhakramànusamdhilaksana) của hết thấy Thanh văn Duyên giác, khiến con cùng các Bồ tát đại hữu tình khéo biết tướng ấy khỏi bị mê hoặc bởi lạc thú "diệt tận định" (nirodhasukkasamàpatti), không sa vào lầm lẫn của nhị thừa, ngoại đạo.

Phật dạy:

Hãy lắng nghe, lắng nghe. Ta sẽ nói cho ông rõ. Nay Đại huệ! Bồ tát đại hữu tình đến địa thứ 6, cùng Thanh văn Duyên giác nhập diệt định, Bồ tát địa thứ 7 niệm niệm thường nhập vì đã lìa bỏ quan niệm về tự tính của các pháp. Nhị thừa thì không thể. Nhị thừa còn hữu tác (something effect-producing), đọa năng thủ sở thủ; không đạt đến tướng vô sai biệt của các pháp; (họ chỉ nhờ) hiểu rõ tự tướng cộng tướng của pháp thiện, bất thiện mà vào diệt định, nên không hiện tiền thường nhập. Đại huệ! Bồ tát ở Bát địa, Thanh văn, Duyên giác, đã diệt các tướng phân biệt của tâm, ý, ý thức. Từ sơ địa cho đến lục địa, họ quán sát hết thấy ba cõi đều chỉ do tâm, ý, ý thức tự phân biệt khởi, lìa ngã, ngã sở, không thấy các tướng ngoài. Kẻ phàm ngu không biết được vì lầm lỗi huân tập từ vô thủy đến nay. Từ nơi tự tâm biến ra tướng năng thủ sở thủ rồi sinh chấp trước. Đại huệ! Tam muội của bát địa Bồ tát đạt được cũng như Niết bàn của thanh văn Duyên giác, nhưng nhờ Phật lực gia trì nên Bồ tát ở trong tam muội không nhập Niết bàn, nếu không có sự gia trì ấy thì Bồ tát không hóa độ chúng sinh, không hoàn thành Như lai địa, lại còn đoạn dứt giống Phật. Bởi thế nên Phật vì Bồ tát mà nói các công đức lớn không thể nghĩ bàn của Như lai, khiến họ rớt cuộc không nhập Niết bàn, Thanh văn Duyên giác tham đắm pháp lạc tam muội, ở trong đó sinh tướng là Niết bàn. Đại huệ! Bồ tát thất địa khéo quán sát tâm, ý, ý thức, các chấp ngã, ngã sở, vô ngã của nhân, pháp, các tự tướng cộng tướng, sinh diệt, được chắc chắn rành rẽ về tứ vô ngại biện (catuhpratisamvid), ở trong tam muội mà được tự tại, dần vào các "địa" đầy đủ các Bồ đề phần. Đại huệ! Ta sợ các Bồ tát không hiểu rõ tự tướng, cộng tướng, không biết thứ lớp các địa mà phải sa vào ác kiến nên nói như vậy. Đại huệ! Thật ra không có gì sinh hay diệt; các địa lần lượt qua lại trong ba giới đều do tâm thấy, nhưng kẻ phàm ngu không hiểu rõ nên ta và chư Phật mới nói như vậy. Đại huệ! Thanh văn, Duyên giác cho đến Bồ tát ở Bát địa, vì pháp lạc tam muội làm say mê hôn ám, chưa hiểu rõ tất cả chỉ do tâm hiện, bị tự tướng cộng tướng ràng buộc che lấp tâm, dính mắc hai vô ngã, tướng đó là Niết bàn, không phải trí tuệ vắng lặng tịch diệt. Đại huệ! Các Bồ tát đại hữu tình khi thấy sự vui của Tam muội tịch diệt, thì liền nhớ đến bản nguyện đại bi, tu tập đầy đủ mười nguyện vô tận; vì lẽ ấy họ không nhập Niết bàn ngay; vì nhập Niết bàn thì không sinh quả, lìa năng thủ sở thủ; liễu đạt duy tâm, nơi hết thấy pháp không phân biệt, không sa vào tâm, ý, ý thức, vào các chấp trước tính, tướng của pháp ngoài. Tuy nhiên không phải là họ không khởi các chính nhân Phật pháp, tùy theo việc làm của trí tuệ mà khởi như vậy, được địa tự chứng của Như lai. Đại huệ! Thí như người chiêm bao thấy mình tìm hết cách để sang sông, nhưng chưa sang thì đã tỉnh ngủ. Tỉnh rồi suy nghĩ về những việc đã



thấy, tự hỏi không biết đây là thật hay vọng? Rồi lại tự nhủ rằng : "Không thật cũng không vọng, như thế chỉ là những tập khí phân biệt của thấy nghe hay biết tích tụ lại, lia có và không, chỉ là những sự việc hiện trong ý thức lúc chiêm bao mà thôi." Đại huệ! Bồ tát đại hữu tình cũng vậy, từ sơ địa cho đến thất địa, cho đến vào bát địa được vô phân biệt, thấy hết thấy pháp như huyền như mộng, lia năng thủ sở thủ, thấy công năng rộng lớn của tâm và tâm sở, siêng tu phật pháp, ai chưa chứng thì khiến được chứng, lia các vọng tưởng phân biệt của tâm, ý, ý thức, chứng "vô sinh nhẫn". Niết bàn mà Bồ tát chứng được ấy không phải là hoại diệt. Đại huệ! Trong đệ nhất nghĩa không có thứ lớp cũng không tương tục, xa lia hết thấy cảnh giới phân biệt, ấy gọi là pháp tịch diệt.

Bấy giờ Thế tôn lại nói bài tụng:

Các trụ cùng phật địa

Duy tâm không ảnh tượng

Đây là điều chư Phật

Đã đang và sẽ nói

Bấy địa đâu còn tâm

Bấy địa không ảnh tượng

Chín và mười còn trụ

Trên đó chỉ ta được.

Tự chứng và thanh tịnh

Đây là địa của ta

Thắng xứ của Ma hê (mahesvara)

Sắc cứu cánh (Akanistha) trang nghiêm

Thí như lửa lớn tụ

Ánh sáng nó bùng phát

Hóa hiện ra ba cõi  
Vui vẻ mà trong mát  
Có thể giới đang hóa  
Nơi đây nói các thừa  
Đều là địa Như lai  
Thập địa cũng là sơ  
Sơ cũng là bát địa  
Cửu địa là đệ thất  
Thất địa lại như bát  
Đệ nhị là đệ tam  
Đệ tứ là đệ ngũ  
Đệ tam là đệ lục  
Không tướng đâu thứ lớp.

## **CHƯƠNG V** **NHƯ LAI THƯỜNG HAY VÔ THƯỜNG**

Bấy giờ Đại huệ Bồ tát đại hữu tình lại bạch Phật rằng:

Bạch Thế tôn! Đức Như lai Ứng chính đẳng giác là thường hay vô thường?

Phật dạy:

Đại huệ! Đức Như lai Ứng chính đẳng giác không thường, cũng không vô thường. Vì sao? Vì cả hai quan niệm ấy đều lỗi. Sao là lỗi? Đại huệ! Nếu nói Như lai là thường, thì bị lỗi năng tác; hết thấy ngoại đạo nói năng tác là

thường. Nếu Như lai là vô thường, thì bị lỗi sở tác, đồng với các uẩn có tướng (qualifying) và sở tướng (qualified), rốt cuộc sẽ đoạn diệt thành không có. Thế mà Như lai thì thật không đoạn diệt. Đại huệ! Nếu Như lai cũng vô thường như tất cả các vật được tạo tác như bình, áo v.v.. thì hóa ra bao nhiêu sự tu phước trí đều thành không, vô ích. Lại nữa, nếu vậy các pháp được tạo đều là Như lai cả, vì nhân không khác nhau. Cho nên Như lai không thường không vô thường. Lại, này Đại huệ! Như lai không phải thường; nếu là thường, thì như hư không không đợi nhân mới thành. Đại huệ! Thí như hư không không thường không vô thường. Vì sao? Vì lia các lỗi thường, vô thường, một, khác, cùng, không cùng (bothness, not-bothness - câu bất câu) v.v.. Lại nữa Đại huệ! Như lai không thường, nếu là thường, thì tức không sinh, đồng như sừng thỏ, sừng ngựa, sừng cá, sừng rắn v.v..

Tuy nhiên, này Đại huệ! Trong một nghĩa khác thì có thể nói Như lai là thường. Vì sao? Vì trí hiện chứng là thường pháp. Chứng trí là thường nên Như lai cũng thường. Đại huệ! Tự tính của pháp, chỗ ở của pháp, và ngôi vị của pháp (pháp tính pháp trụ pháp vị) mà chư Phật chứng được, dù Như lai có hiện ra đời hay không, pháp ấy vẫn thường trụ không dời đổi, ở nơi các pháp sở đắc của hết thảy nhị thừa ngoại đạo, chứ không phải là không có gì. Tuy nhiên đây không phải điều phàm ngu biết được. Đại huệ! Như lai ấy là do pháp tính nội chứng thanh tịnh mà có tên gọi ấy, không phải do tập quán hư vọng về tâm, ý, ý thức, uẩn giới xứ mà có. Hết thảy ba cõi đều do hư vọng phân biệt sinh, Như lai không do hư vọng phân biệt sinh. Đại huệ! Nếu có hai (duality) thì có thường và vô thường. Nhưng Như lai không hai, vì chứng hết thảy pháp không sinh; cho nên không thường không vô thường. Đại huệ! cho đến có một chút nào ngôn thuyết khởi, đều sa vào lỗi thường hoặc vô thường. Bởi thế nên trừ tiệt hai cái "biết" phân biệt, chớ để chút nào còn sót.

Bấy giờ Thế tôn lại nói bài kệ:

Xa lìa thường vô thường

Mà hiện thường vô thường

Thường quán Phật như thế

Không khởi sinh ác kiến

Nếu thường hoặc vô thường

Tu tập đều vô ích  
Để trừ giác phân biệt  
Không nói thường vô thường  
Cho đến lập thuyết gì  
Hết thấy đều làm loạn  
Nếu thấy do tự tâm  
Thì không còn tranh cãi.

## CHƯƠNG SÁT NA PHẨM

## VI

Bấy giờ Đại huệ Bồ tát đại hữu tình lại bạch Phật:

Bạch Thế tôn! Xin vì con nói tướng sinh diệt của uẩn, giới, xứ. Nếu không có ngã thì ai sinh, sai diệt? Vì các phàm phu bám nơi sinh diệt, không cầu hết khổ, không chứng Niết bàn.

Phật dạy:

Đại huệ! Hãy nghe kỹ. Ta sẽ nói cho ông. Nay Đại huệ! Trong Như lai tạng có nhân thiện lẫn bất thiện, có thể tạo ra đời sống ở tất cả các cõi, như người đóng tuồng biến hiện các cõi, lia ngã ngã sở, vì không biết thế nên ba duyên (cha, mẹ, và nghiệp) hòa hợp mà có quả sinh. Ngoại đạo không hiểu, chấp là có tác giả. Những gì do tập khí hư ngụy từ vô thi tích tụ lại gọi là tạng thức, sinh ra thất thức là chỗ ở của vô minh, như biển lớn bỗng nổi ba đào mà thể tướng của nó (nước) vẫn liên tục thường trú, không gián đoạn. Tạng thức cũng thế, bản tính thanh tịnh lia lỗi vô thường, lia lý luận về ngã, còn bày thất kia: ý, ý thức v.v.. thì niệm niệm sinh diệt; lấy vọng tưởng làm nhân, cảnh tướng làm duyên hòa hiệp mà sinh, không hiểu sắc v.v.. do tự tâm hiện, chấp trước danh tướng sinh khởi những lạc thọ khổ thọ. Danh tướng ràng

buộc đã do tham mà sinh ra, lại sinh khởi tham hoặc làm nhân, hoặc làm duyên. Khi các thủ căn (sự chấp trước) diệt không còn tương tục sinh những phân biệt khổ lạc, thì hành giả hoặc được diệt định hoặc được tứ thiền, hoặc khéo thâm nhập các chân lý giải thoát, bèn vọng sinh tưởng mình đã giải thoát; mà kỳ thật chưa xả chưa chuyển được cái gọi là tạng thức ở trong Như lai tạng. Nếu không có tạng thức thì 7 thức kia đều diệt. Vì sao? Vì tạng thức là nhân và duyên sinh ra các thức kia. Nhưng đây không phải là cảnh giới mà hàng tu hành theo ngoại đạo nhị thừa biết được; vì họ chỉ biết tính "nhân vô ngã" chỉ giữ tự tướng cộng tướng của uẩn giới xứ. Nếu thấy được 5 pháp, 3 tự tính của Như lai tạng, các pháp đều vô ngã, tùy thứ lớp các địa lần lần chuyển đổi tạng thức đến chỗ tịch diệt, thì sẽ không bị ác kiến ngoại đạo lay chuyển, an trú "bất động địa", được 10 thứ pháp lạc tam muội. Nhờ năng lực tam muội của chư Phật gia trì, hành giả quán sát các pháp bất tư nghì của Phật và nguyện lực xưa kia của mình, không trú nơi thật tế (biên giới của thực tại) và pháp lạc tam muội, được trí tự chứng, không giống như nhị thừa ngoại đạo; được 10 con đường dẫn đến giòng thánh, được thân ý sinh, lia các hành nghiệp. Bởi thế, này Đại huệ! Bồ tát đại hữu tình muốn được thắng pháp, phải nên thanh tịnh Như lai tạng gọi là tạng thức. Đại huệ! Nếu không có Như lai tạng tên là tạng thức đó thì tất không có sinh diệt. Cho nên người tu hành tuy thấy pháp lạc của sự an trú trong cảnh nội giới mà vẫn không xả bỏ, đồng mãnh tinh tấn. Đại huệ! Tạng thức Như lai tạng ấy bản tính thanh tịnh, chỉ vì bị khách trần nhiễm ô mà thành bất tịnh. Hết thấy nhị thừa ngoại đạo ước đoán mà khởi kiến chấp không thể biện chứng được. Như lai thì thấy rõ ràng phân minh ở nơi đó, như thấy trái am ma lật ở trong lòng tay (amalaka). Đại huệ! Ta vì Thắng man Phu nhân (Srimaladevi) cùng các Bồ tát Thâm diệu tịnh trí (sksmanipunavisudhabudhi-bodhisattva) mà nói Như lai tạng tên Tạng thức cùng 7 thức đồng khởi, khiến hàng Thanh văn thấy rõ pháp vô ngã. Này Đại huệ! Cảnh giới nói cho Thắng man phu nhân nghe là cảnh giới thật, không phải cảnh của nhị thừa ngoại đạo. Đại huệ! Tạng thức Như lai tạng này là cảnh giới Phật, cũng là chỗ đi của những tịnh trí Bồ tát như ông, những người hiểu biết theo nghĩa lý. Đây không phải là chỗ hiểu của hết thấy ngoại đạo nhị thừa chấp trước văn tự. Cho nên ông cùng các Bồ tát đại hữu tình ở nơi thức tạng của Như lai tạng nên siêng năng quán sát, chớ có mới nghe qua bèn tưởng là đủ rồi.

Bấy giờ Thế tôn lại nói bài tụng:

Như lai tạng sâu xa

Gắn liền với bảy thức

Hai thứ chấp trước sinh  
Hiểu rõ liền xa lìa  
Do vô thi huân tập  
Như bóng hiện trong tâm  
Nếu quán sát như thật  
Thì tướng cảnh không có  
Kẻ ngu nhìn ngón chỉ  
Thấy ngón không thấy trắng  
Kẻ chấp trước vẫn tự  
Không thấy lý của ta  
Tâm như người đạo diễn  
Mặt nạ kẻ làm hề  
Sáu thức kia bầu bạn  
Tạo tán tuồng thế gian.

Khi ấy Đại huệ Bồ tát bạch Phật:

Bạch Thế tôn! Xin vì con nói các sai biệt của 5 pháp, 3 tự tính, 8 thức cùng 2 vô ngã. Con cùng các Bồ tát đại hữu tình biết rõ điều ấy rồi, dần tu các địa, đầy đủ các pháp Phật, đạt được quả vị tự chứng của Như lai.

Phật dạy:

Ông hãy lắng nghe, Ta sẽ nói. Đây Đại huệ! 5 pháp, 3 tự tính, 8 thức, 2 vô ngã ấy nghĩa là: danh (màna), tướng (mimitta), phân biệt (vikalpa), chính trí (sanyagnàna), như như (tathatà). Nếu người tu hành quán sát pháp này, thì được vào cảnh giới tự chứng của Như lai, xa lìa các kiến chấp thường đoạn, hữu vô v.v., được pháp lạc tam muội sâu xa. Đại huệ! Kẻ phàm ngu không

hiểu 5 pháp, 3 tự tính, 8 thức, 2 vô ngã, nơi cảnh do tâm hiện thấy có ngoại vật mà khởi phân biệt. Thánh nhân không thế.

Đại huệ bạch Phật:

- Bạch Thế tôn! Vì sao không hiểu mà khởi phân biệt?

Phật dạy:

Đại huệ! Kẻ phàm ngu không biết danh chỉ là cái giả lập, tâm theo đó lưu động thấy các tướng, chấp ngã, ngã sở, nhiễm trước đối với sắc, che lấp chương ngại thánh trí, khởi lên tham sân si, tạo tác ác nghiệp như tầm kéo kén, vọng tưởng tự trói buộc mình, đọa vào các nẻo của biên lớn sinh tử, như bánh xe đạp nước tuần hoàn không dứt, không biết pháp như huyền như ảo tượng như trăng trong nước, chỉ do tự tâm hiện, do vọng phân biệt khởi, lia năng thủ sở thủ cùng sinh, trú, diệt. (Nhưng kẻ phàm ngu lại) cho rằng do tự tại, thời tiết, vi trần, thăng tính mà sinh, vì họ chạy theo danh, tướng. Đại huệ! Trong đây "tướng" có nghĩa là cái do nhãn thức thấy gọi là sắc, do nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý thức mà có gọi là thanh, hương, vị, xúc, pháp. Tất cả đó ta gọi là tướng; nghĩa là phân biệt đây là voi, ngựa xe, bộ hành, nam nữ v.v.. chứ không gì khác; làm rõ cái tướng của chúng. Ấy gọi là phân biệt. "Chính trí" là quán sát thấy rõ tính và tướng chỉ do hỗ tương đối đãi mà có, không thật, chỉ là khách, nên thức tâm không khởi vì không đoan không thường, không theo chỗ của ngoại đạo nhị thừa. Thế gọi là chính trí. Đại huệ! Bồ tát đại hữu tình dùng chính trí ấy quán sát danh tướng không hữu không vô, xa lia hai ác kiến biên chấp là thêm và bớt. Danh tướng và thức xưa nay không khởi, ta nói pháp ấy là "như như". Đại huệ! Bồ tát đại hữu tình an trú nơi như như được "vô chiếu hiện cảnh" (state of imagelessness), lên "hoan hỉ địa" (pramuditā) lia các cõi của ngoại đạo, vào nơi pháp thuận thực của xuất thế pháp, biết hết thấy các pháp đều như huyền, chứng pháp của Thánh trí tự chứng, lia kiến chấp ước đoán, như thế lần lượt đến "pháp vân địa", khi đến pháp vân rồi sẽ được đầy đủ các lực tam muội, tự tại, thần thông đầy đủ Như lai. Khi thành Như lai rồi, sẽ vì chúng sinh mà hiện thân khắp nơi như trăng trong nước, tùy theo ưa muốn của chúng mà nói pháp, thân được thanh tịnh lia tâm, ý, thức, mang áo giáp mười thế nguyện rộng lớn, đầy đủ thành tựu mười nguyện vô tận, ấy gọi là những điều Bồ tát đại hữu tình thâm hoạch được khi nhập "như như".

Bấy giờ Đại huệ lại bạch Phật:

Bạch Thế tôn, ba tự tính là ở trong năm pháp, hay là có tướng riêng của chúng?

Phật nói:

Đại huệ! Ba tính, tám thức, hai vô ngã đều ở trong năm pháp. Trong số đó, danh và tướng là tính vọng kế (parikalpita; false imagination), vì vọng kế y nơi phân biệt tâm, tâm sở của danh tướng mà khởi lên đồng thời với danh tướng, như mặt trời và ánh sáng chiếu ra là tính duyên khởi. Chính trí và như như không thể hoại, nên gọi là tính viên thành (parinishpanna). Đại huệ! Khi phát sinh chấp trước đối với những pháp do tự tâm hiện, thì tám thức phân biệt khởi. Tướng sai biệt của các pháp đều không thực, chỉ là tính vọng kế (trông tượng). Nếu bỏ được hai thứ ngã chấp, thì trí nhị vô ngã (nhân vô ngã và pháp vô ngã) liền sinh. Đại huệ! Tất cả thanh văn, Duyên giác, Bồ tát, Như lai, các cấp bậc của thánh trí tự chứng, cùng tất cả Phật pháp đều bao gồm trong năm pháp này. Lại nữa, này Đại huệ! Trong năm pháp- tướng, danh, phân biệt, như như, chính trí- thì tướng nghĩa là những gì thấy được, như màu sắc, hình trạng v.v.. mỗi mỗi sai khác. Do các tướng ấy mà lập nên những tên gọi như cái bình là bình, không gì khác, gọi là danh. Bày ra các tên gọi, chỉ rõ các tướng tâm và tâm sở, ấy gọi là phân biệt. Tên gọi và tướng rớt ráo đều không, chỉ do vọng tâm phân biệt, quán sát như thế cho đến khi "cái biết" diệt, ấy gọi là như như. Đại huệ! Tướng (characteristics) của như như là chân thật, quyết định, rớt ráo, căn bản, tự tính, khả đắc. Ấy là tướng như như. Ta cùng các Phật tùy thuận (theo chúng sinh mà có) chứng nhập, như thật tướng của nó mà khai thị diễn nói. Nếu ai theo đó giải ngộ được, lìa chấp đoạn, thường, không sinh phân biệt, nhập cảnh giới tự chứng, ra khỏi cảnh giới của ngoại đạo nhị thừa, ấy gọi là chính trí. Đại huệ! Năm pháp, ba tính, tám thức, hai vô ngã này, tất cả Phật pháp đều bao gồm trong ấy. Đại huệ! Trong những pháp này ông nên lấy trí mà khéo thông, và khuyên người khác thông đạt. Thông đạt rồi thì nhất định không bị kẻ khác lay chuyển.

Bấy giờ Thế tôn nói bài tụng:

Năm pháp ba tự tính

Cùng với tám thứ thức

Và hai thứ vô ngã

Bao quát hết đại thừa



Danh, tướng cùng phân biệt

Gồm trong hai tự tính

Chính trí và như như

Ấy là tướng viên thành.

Đại huệ Bồ tát đại hữu tình lại bạch Phật rằng:

Bạch Thế tôn! Như trong kinh nói, chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại số nhiều như cát sông Hằng. Ấy nghĩa là gì? Nên như lời mà hiểu, hay có ý nghĩa gì khác?

Phật dạy Đại huệ :

Không nên hiểu theo ngôn từ. Đại huệ! Chư Phật ba đời không phải số như cát sông Hằng. Vì sao? Sự tối thắng của Như lai siêu việt thế gian, không gì có thể sánh, không thí dụ gì có thể đạt tới, chỉ lấy ít phần làm thí dụ mà thôi. Ta vì hàng phàm phu ngoại đạo tâm ưa chấp trước thường, vô thường, ác kiến tăng trưởng sinh tử luân hồi, muốn chúng chán ghét xa lìa, phát sinh hy vọng thù thắng mà nói rằng: Phật dễ thành dễ gặp. Nếu nói Phật khó gặp như hoa Ưu đàm (udumbarapuspa) thì những kẻ kia liền thôi chí không siêng năng. Bởi lẽ đó mà ta nói Phật ba đời nhiều như cát sông Hằng. Ta cũng có lần vì những người thọ sự giáo hóa của ta mà nói Phật khó gặp như hoa Ưu đàm. Đại huệ! Chưa ai từng thấy hoa Ưu đàm cũng không ai sẽ thấy, nhưng Như lai thì có người đã thấy và sẽ thấy. Đại huệ! Thí dụ như thế không nói lên được chính chân lý, chân lý là cảnh giới của thánh trí chúng được tự trong tâm mình, thế gian không sánh được, vượt ngoài các thí dụ, hết thấy phàm ngu không tin nhận nổi. Đại huệ! Như lai chân thật vượt qua các tướng do tâm, ý, ý thức quan niệm, không thể lập thí dụ về Như lai. Tuy nhiên đôi lúc cũng vì chúng mà nói rằng Như lai nhiều như cát sông Hằng cũng không mâu thuẫn. Đại huệ! Thí như cát sông Hằng bị cá, voi, ngựa dẫm đạp mà không sinh phân biệt, thường thanh tịnh không dơ, Thánh trí của Như lai cũng như cát sông Hằng, năng lực thần thông tự tại của Như lai cũng như cát ấy, dù bị bọn cá ngoại đạo đến nhiều loạn Phật vẫn không khởi niệm phân biệt. Vì sao? Vì bản nguyện (pūrvapranīhitatva) của Như lai là lấy tam muội lạc để an khắp chúng sinh, như cát sông Hằng không ghét yêu không phân biệt. Đại huệ! Như cát sông Hằng, có đặc tính của đất, đến thời kiếp tận, tất cả đất đai đều bị thiêu hủy nhưng địa đại không bỏ tự tính, vì địa đại thường sinh đồng thời với hỏa đại. Những người ngu nói địa đại bị thiêu hủy nhưng

kỳ thật không thiêu, vì hỏa là nhân của địa. Pháp thân của Như lai cũng thế, như cát sông Hằng, không bao giờ hoại diệt. Đại huệ, cũng như cát sông Hằng không có hạn lượng, ánh sáng của Như lai cũng vậy, vì muốn thành tựu vô lượng chúng sinh, nên chiếu khắp đại hội Phật. Đại huệ! Thí như cát sông Hằng ở luôn trong tự tính "cát" không biến thành các vật khác, Như lai cũng vậy, ở trong thế gian không sinh không diệt, vì cái nhân để thọ sinh đi các cõi đều bị đoạn diệt. Đại huệ! như cát sông Hằng lấy đi không thấy bớt bỏ vào không thấy thêm, chư Phật cũng thế, trí phương tiện khiến chúng sinh thành thực không tăng không giảm. Vì sao? Vì pháp thân của Như lai vốn không thân. Đại huệ! Cái gì có thân thì có hoại diệt. Pháp thân không thân nên không hoại diệt. Đại huệ! Như cát sông Hằng, dù có khổ công ép để lấy dầu suốt đời cũng không được, Như lai cũng thế, tuy vì chúng sinh mà phải chịu các khổ bức bách, vẫn không bao giờ khởi sân nhuế, không bỏ tướng pháp giới, không bỏ hương vị của pháp, không bỏ bản nguyện ban bố hạnh phúc cho chúng sinh, vì Phật có đầy đủ đại từ, đại bi. Nếu ta không khiến cho tất cả chúng sinh vào Niết bàn thì tự ta cũng không vào Niết bàn. Đại huệ! như cát sông Hằng chảy theo nước, không phải nơi không có nước, Như lai cũng vậy, các pháp Như lai nói ra không có gì là không thuận theo giòng Niết bàn, vì thế mà nói chư Phật Như lai như cát sông Hằng.

Đại huệ! "Như lai" nói pháp không theo các đường; "đường" có nghĩa là hoại diệt, biên giới sơ khởi (pūrvakoti: bản tế) của sinh tử không thể biết. Đã không biết được thì làm sao nói "đường". Nay Đại huệ! "thú" có nghĩa là đoạn diệt, kẻ phạm ngu không biết.

Đại huệ Bồ tát lại bạch Phật:

Nếu biên giới sơ khai (bản tế) của sinh tử không thể biết được, thì làm sao chúng sinh ở trong sinh tử giải thoát được?

Phật dạy:

Đại huệ! Khi nhân của tập khí hư dối từ vô thủy bị hoại diệt, biết rõ cảnh ngoài chỉ do tâm hiện, khi phân biệt được chuyển y, đấy gọi là giải thoát, chứ không phải là diệt. Cho nên không thể nói không có biên tế (endlessness). Đại huệ! "Không biên tế" chỉ một tên khác của phân biệt. Đại huệ! lia tâm phân biệt, thì không có chúng sinh. Khi lấy trí quán sát các pháp trong ngoài, thì thấy tri cùng sở tri đều vắng lặng. Đại huệ! Hết thấy pháp đều do tự tâm phân biệt thấy, vì không hiểu rõ nên tâm phân biệt khởi, khi hiểu rõ thì tâm phân biệt diệt.

Bấy giờ Thế tôn lại nói bài tụng:

Quán sát các Đạo sư

Ví như cát sông Hằng

Không hoại cũng không đi

Người ấy tất thấy Phật

Ví như cát sông Hằng

Lìa tất cả các lỗi

Mà thường tùy theo giòng

Phật thể cũng như vậy.

Bấy giờ Đại huệ Bồ tát đại hữu tình lại bạch Phật rằng:

Bạch Thế tôn! Xin giảng nói cho con tướng sát na hoại của hết thủy pháp. Những pháp nào gọi là có sát na?

Phật đáp:

Hãy nghe kỹ, ta sẽ nói. Đại huệ! Hết thủy pháp ấy là : thiện pháp (kusala), bất thiện pháp (akusala), hữu vi pháp (samsktra), vô vi pháp (asamsktra), thế gian pháp, xuất thế gian pháp, hữu lậu pháp, vô lậu pháp (anàsrava), hữu thọ pháp (upàtta), vô thọ pháp (anupàtta). Đại huệ! Nói tóm lại, năm thủ uẩn do nhân là tập khí của tâm, ý, ý thức mà tăng trưởng, kẻ phàm ngu ở nơi đây phân biệt là thiện, bất thiện. Bạc thánh hiện chứng pháp lạc tam muội gọi là thiện vô lậu pháp. Lại nữa, này Đại huệ! Thiện và bất thiện ấy là tám thức. Tám thức ấy là gì? Ấy là Như lai tạng gọi là Tạng thức, mặt na thức, ý thức và năm thức căn. Đại huệ! Năm thức cùng đi với ý thức, những tướng sai biệt thiện bất thiện xoay chuyển nối tiếp nhau không dứt, vô dị thể (alaya) sinh ra, sinh rồi liền diệt, vì không hiểu cảnh do tự tâm hiện nên khi diệt lại có một hệ thống 5 thức khác sinh khởi tiếp theo; ý thức hợp với năm thức ấy mà thu vào các hình tướng sai biệt, không giây nào dừng nghỉ, ta nói đây là pháp sát na. Đại huệ! Như lai tạng gọi là tạng thức cùng đi với các tập khí của Mặt na và các thức kia, ấy là sát na pháp. Nhưng vô lậu tập khí không phải là sát na pháp. Đây không phải là điều những người theo sát na luận

phàm phu có thể hiểu được. Những kẻ kia không biết vừa là sát na vừa không là sát na, nên chấp các pháp vô vi (unmade - asamsktra) cũng hoại diệt như những pháp khác, đọa vào đoạn kiến. Đại huệ! chính năm thức tự chúng không bị lưu chuyển, không phải là nhân khổ lạc, cũng không là nhân Niết bàn. Như lai tạng thì cùng với nhân (tạo nghiệp) mà thọ khổ, vui có sinh diệt, bị bốn tập khí làm mê hoặc ngăn che. Nhưng kẻ phàm ngu bị phân biệt xông đầy tâm thức không hiểu được nên sinh kiến chấp là sát na khởi. Đại huệ! Như vàng, kim cương, xá lợi của Phật, có tính chất đặc biệt không thể tổn hoại. Nếu các pháp chúng đắc có tính sát na diệt, thì thánh nhân lẽ ra không còn là thánh nhân. Nhưng sự thật là bậc thánh không bao giờ mất thánh cách. Như vàng, kim cương, dù trải qua hết kiếp vẫn không giảm cân lượng. Vì sao kẻ phàm ngu không nhận rõ chỗ thâm mật của lời ta nói, lại sinh tưởng sát na đối với tất cả pháp?

Đại huệ Bồ tát bạch Phật rằng:

Bạch Thế tôn! Thế tôn thường dạy nếu đầy đủ sáu pháp ba la mật, sẽ thành chính giác. Sao gọi là sáu pháp? Sao gọi là đầy đủ?

Phật dạy:

Đại huệ! Có ba thứ ba la mật khác nhau, ấy là thế gian, xuất thế gian, và xuất thế gian thượng thượng. Đại huệ! Thế gian ba la mật là phàm phu chấp ngã, ngã sở, chấp thủ nhị biên, cầu được thân ở các cõi, tham sắc thanh hương vị xúc, nên tu các hạnh ba la mật: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, thành tựu được thần thông, sinh vào cõi Phạm thế. Đại huệ! Xuất thế gian ba la mật là Thanh văn Duyên giác chấp trước Niết bàn, mong cầu hỷ lạc cho tự thân mà tu các ba la mật. Đại huệ! Xuất thế gian thượng thượng ba la mật là, Bồ tát đại hữu tình đối với hai pháp của tự tâm, biết rõ chỉ do phân biệt khởi, nên không sinh vọng tưởng, chấp trước, không ôm giữ sắc tướng. Vì muốn lợi lạc chúng sinh, Bồ tát thường tu bố thí Ba la mật. Đối với các cảnh giới không sinh phân biệt, ấy là tu thi la (sila), ba la mật. Thực hành nhẫn nhục không lúc nào khởi phân biệt, biết rõ tự tính năng thủ sở thủ, gọi là sần đề ba la mật. Đầu đêm, giữa đêm, cuối đêm, siêng tu không biếng nhác, tùy thuận chân lý mà hiểu, không sinh phân biệt, ấy gọi là tỳ lê da ba la mật (tinh tấn). Không sinh phân biệt, không khởi kiến chấp Niết bàn theo ngoại đạo, là thiên ba la mật. Dùng trí quán sát mọi pháp, tâm không khởi phân biệt, không sa vào nhị biên, chuyển các thức sở y thành thanh tịnh (a revulsion takes place at the basis) mà không hoại nghiệp trước (while

previous karma is not destroyed), được cảnh giới nội chứng của thánh trí, gọi là bát nhã ba la mật. Khi ấy Thế tôn lại nói bài tụng:

Ngu phân biệt hữu vi

Không, vô thường, sát na

Nghĩa sát na phân biệt

Như sông, đèn, hạt giống

Hết thủy pháp không sinh

Tịch tịnh không sở tác

Các tự tính đều lia

Ấy gọi là sát na

Sinh không dừng liền diệt

Không nói cho phàm ngu

Pháp vô gián tương tục

Phân biệt các cõi khởi

Vô minh chính là nhân

Tâm thức do đó sinh

Khi sắc còn chưa đến

Trung gian trú ở đâu

Vô gián tương tục diệt

Mà có tâm khác khởi

Khi (tâm) không trú sắc

Duyên vào đâu mà sinh

Nếu duyên pháp mà khởi  
Nhân ấy tất hư vọng  
Nhân vọng, thể không thành  
Sao lại sát na diệt?  
Chính thọ của bậc tu  
Kim cương, Xá lợi Phật  
Cùng với Quan âm cung (abhàsvara)  
Là những thứ bất hoại  
Trí Như lai viên mãn  
Chỗ tỳ kheo chứng đắc  
Các pháp tính thường trú  
Sao lại thấy sát na?  
Càn thành, các tướng huyễn  
Vì sao không sát na?  
Đại chúng không thật tính  
Sao lại nói năng tạo?

## **QUYỂN SÁU**

### ***CHƯƠNG VII PHẨM BIẾN HÓA***

Bấy giờ Đại huệ Bồ tát đại hữu tình bạch Phật:  
Bạch Thế tôn! Như lai vì có gì thọ ký cho các bậc A la hán rằng họ sẽ chứng  
Vô thượng chính đẳng chính giác? Vì có gì mà nói rằng chúng sinh không

chứng pháp Bát Niết bàn cũng thành Phật? Lại có gì nói từ khi Như lai mới thành Phật đến khi nhập Niết bàn, trong thời gian đó Phật không nói một chữ nào? Lại nói Như lai thường trú trong định không giác không quán? Lại nói các phật sự đều là hóa tác. Lại nói các thức sát na biến hoại. Lại nói thần Kim cang thường theo hộ vệ. Lại nói giới hạn đầu tiên (primary limit - tiền tế) không thể biết, nhưng có thể biết tịch diệt. Lại nói có ma và các việc (nghiệp) của ma? Lại nói có dư báo, nói chuyện người con gái Bà la môn tên Chiên giá (Cancàmanavikà), người con gái ngoại đạo Tôn đà lợi (Sundarikà) cùng các chuyện (Phật) đi khát thực bát không trở về v.v.. Thế tôn đã có những nghiệp chướng như vậy (Kàrmavarana), làm sao thành được nhất thiết chủng trí (Sarvākāranatā)? Nếu đã thành bậc nhất thiết chủng trí rồi, thì tại sao không lia được những lỗi ấy?

Phật dạy:

Hãy nghe kỹ, ta sẽ nói. Đại huệ ! Ta vì Niết bàn vô dư nên mật khuyến các Bồ tát cõi này và các cõi khác, những vị tu Bồ tát hạnh mà lại cầu Niết bàn Thanh văn, mật khuyến họ xả bỏ tâm ấy siêng tu hạnh lớn. Lại biến ra Hóa Phật và các Hóa thanh văn mà thọ ký từng người, không phải pháp tính Phật làm việc thọ ký ấy. Đại huệ! Phật và nhị thừa không khác, do ở điểm rằng Phật và Thanh văn, Duyên giác đều cùng có một vị giải thoát là đoạn các hoặc chướng, không phải trí chướng (Jneyavarana). Trí chướng thì phải thấy pháp vô ngã mới được thanh tịnh. Phiền não chướng (klesavarana) thì khi thấy nhân vô ngã, ý thức liền xả. Ban đầu phải đoạn tập khí trong tạng thức thì sự giải thoát khỏi pháp chướng mới được vĩnh viễn thanh tịnh. Đại huệ! Ta y nơi pháp thường trú mà nói mật ngữ này, vì không khác với chư phật đời trước và đời sau, cũng nói pháp đầy đủ vẫn tự như thế. Đại huệ! Cái biết chân chính của như lai không có vọng niệm, không đợi tư lự suy nghĩ rồi mới nói, vì Như lai từ lâu đã đoạn bốn tập khí, (kiến, dục, sắc, hữu- DG) là

hai chết (phân đoạn tử và biến dị tử-DG), trừ hai chương ngại (hoặc chương và trí chương- DG). Đại huệ! ý (mạt na) và ý thức của năm thức căn (nhãn nhĩ tỷ thiệt thân- DG), bảy thứ do tập khí làm nhân, ấy là tính sát na, không có vô lậu thiện và cũng không chịu luân hồi. Đại huệ! Như lai tạng chính là nhân của sinh tử lưu chuyển và Niết bàn, của khổ và lạc; kẻ ngu không biết quý chấp là không. Đại huệ! các đức Như lai biến hóa mới thường được Kim cang lực sĩ theo hộ vệ, chứ không phải các đức Phật chân thật. Như lai chân thật vượt ngoài mọi giác quan và đo lường, nhị thừa ngoại đạo không biết được, an trú nơi pháp lạc hiện hữu và đã thành tựu trí nhãn. Bởi thế không cần được Kim cang lực sĩ hộ vệ. Tất cả hóa Phật đều không do nghiệp sinh, không phải Phật cũng không phải phi Phật. Thí như thợ gốm hòa các thứ lại mà làm các đồ vật, hóa Phật cũng thế; đầy đủ các tướng hiện ra để diễn nói pháp, nhưng vẫn không thể nói được cảnh giới do Thánh trí tự chứng mà có.

Lại nữa, Đại huệ! Các kẻ phàm ngu thấy sáu thức diệt mà chấp đoạn kiến, không hiểu rõ Tạng thức thì sinh chấp thường kiến. Đại huệ! Biên giới đầu tiên của vọng tâm phân biệt vốn không tự tính, bất khả đắc. Liạ phân biệt ấy liền được giải thoát, đoạn bốn thứ tập khí, liạ hết thấy lỗi lầm.

Bấy giờ Thế tôn lại nói bài tụng:

Tam thừa cùng không thừa

Không có Phật Niết bàn

Tất thọ ký thành Phật

Nói liạ các lỗi ác

Thành tựu trí cứu cánh

Cùng vô dư niết bàn

Đề dụ kẻ hèn nhát

Theo mạt ý kia nói



Trí sở đắc của Phật  
Diễn nói đạo như thế  
Ở đây không đâu khác  
Nên Phật không Niết bàn  
Các kiến, dục, sắc, hữu  
Bốn tập khí như thế  
Ý thức từ đó sinh  
Tạng, Mạt na ở đó  
Thấy ý thức, năm thức  
Vô thường nên chấp đoạn  
Mê ý, Tạng chấp thường  
Tà trí gọi Niết bàn.

## ***CHƯƠNG VIII*** ***CẤM ĂN THỊT***

Bấy giờ Đại huệ Bồ tát đại hữu tình lại bạch Phật rằng:  
Bạch Thế tôn! Xin vì con nói các công đức và lỗi lầm của việc ăn thịt, không ăn thịt. Con cùng các Bồ tát biết nghĩa ấy rồi sẽ diễn nói cho chúng sinh ăn thịt ở hiện tại, vị lai bị các tập khí huân tập, và khiến họ bỏ vị thịt mà cầu vị pháp, đối với hết thảy mọi loài sinh lòng đại bi, thương như thương con một, ở địa vị Bồ tát, được vô thượng chính đẳng chính giác, hoặc tạm dừng ở nhị thừa rồi cuối cùng cũng thành vô thượng chính đẳng chính giác. Bạch Thế tôn! Những bọn Thế luận khởi kiến hữu vô, chấp trước đoạn, thường mà còn cấm không cho ăn thịt, hưởng hồ đức Như lai Ứng chính đẳng giác, đầy lòng đại bi, thế gian đều nương cậy, mà lại tự cho phép mình và kẻ khác ăn thịt hay sao. Hay thay! Đáng Thế tôn đầy đủ đại bi thương xót thế gian, thường xem chúng sinh như con một, nguyện xin Thế tôn giải nói cho con về những

lỗi lầm và ác độc của sự ăn thịt và những công đức của sự kiêng thịt, khiến con cùng các Bồ tát nghe rồi phụng hành, rộng nói cho người.

Bấy giờ Đại huệ Bồ tát lại nói bài tụng:

Bồ tát đại hữu tình

Chí cầu Vô thượng giác

Rượu thịt cùng tôi hành

Được ăn hay không được

Kẻ ngu tham ăn thịt

Hôi dơ không xiết kể

Đồng như ác thú kia

Làm sao mà ăn được

Kẻ ăn có lỗi gì

Không ăn có đức gì

Xin nguyện đáng Thế tôn

Vì con khai diễn hết.

Khi ấy Phật dạy Bồ tát Đại huệ rằng:

Đại huệ! Hãy nghe, và khéo suy nghĩ. Ta sẽ phân biệt rõ cho ông thấy. Đại huệ! Có vô số lý do khiến Bồ tát thương xót không ăn thịt, ta chỉ nói đôi phần. Đại huệ! Tất cả chúng sinh từ vô thi đến nay không ngừng qua lại trong sinh tử luân hồi, không khỏi có lần làm cha mẹ anh em con cái lẫn nhau, hoặc làm bà con, bè bạn, đây tớ thân yêu... Sang đời khác họ sinh làm thân chim và thú, sao nỡ đem ăn thịt? Đại huệ! Bồ tát đại hữu tình xem chúng sinh như thân mình, nghĩ rằng thịt đều do có mạng sống mà ra, làm sao nỡ ăn? Đại huệ! Bợn quỷ la sát v.v.. nghe ta nói thế này còn bỏ ăn thịt, huống hồ những người thích pháp. Đại huệ! Bồ tát đại hữu tình ở đâu cũng xem chúng sinh là thân thuộc, cho đến nghĩ như con một của mình, nên không ăn tất cả thịt. Đại huệ! những người bán thịt ở góc đường chợ búa

hoặc lấy thịt chó ngựa người trâu bò v.v.. đem bán để cầu lợi, ướ tập như thế làm sao ăn được.

Đại huệ! Hết thầy các thứ thịt đều do máu huyết ô ướ làm ra, người cầu trong sạch sao lại ăn dúng. Đại huệ! chúng sinh khi thấy những người ăn thịt thì sợ hãi, kẻ tu từ tâm sao lại ăn thịt. Đại huệ! Những thợ săn, Chiên đà la (Càndala), những người bắt cá, lưới chim, chó thấy thì sủa, thú vật thấy thì bỏ chạy. Tất cả chúng sinh bay trên không chạy trên đất, sống dưới nước, trông thấy những người kia đều nghĩ : "Tên ấy trông như quỷ la sát, nay đến đây chắc để giết mình." Vì lo giữ mạng sống nên chúng đều chạy tránh. Người ăn thịt cũng vậy. Cho nên Bồ tát vì tu hạnh từ không nên ăn thịt. Đại huệ ! Người ăn thịt thì thân thể hôi hám dơ bẩn, tiếng ác truyền khắp, hiền thánh, người tốt không thân gần, do vậy Bồ tát không nên ăn thịt. Đại huệ! Máu thịt là thứ mà tiên thánh không dùng, nên Bồ tát không ăn thịt. Đại huệ! Lại vì muốn gìn giữ tín tâm của chúng sinh, không để họ chê bai nhạo báng Phật pháp, nên Bồ tát không ăn thịt. Đại huệ! Nếu đệ tử ta ăn thịt, thì người đời sẽ ô m lòng chê bai, nói: "Sa môn tịnh hạnh sao lại từ bỏ vị ăn của chư thiên mà cư xử như ác thú, ăn thịt đầy bụng đi khắp thế gian, khiến chúng sinh cảm thú hoảng sợ, phá hạnh thanh tịnh, lỗi đạo sa môn? Xem đây đủ biết Phật pháp không có hạnh điều phục." Bồ tát thương chúng sinh, muốn giữ cho họ khỏi sinh tâm ấy, nên không ăn thịt. Đại huệ! Khi thịt người cháy thì hơi hôi xông lên, các thứ thịt nướng khác cũng vậy. Cũng cùng là thịt, sao lại có thứ ăn, có thứ không ăn. Cho nên những người vui đạo thanh tịnh không nên ăn thịt. Đại huệ! Các nam nữ thiện tín tu hành thanh tịnh ở dưới cây hay nơi vắng vẻ để an trú tâm từ, trì chú cầu giải thoát, hoặc cầu pháp Đại thừa, nhưng vì ăn thịt mà không đạt được các mục đích trên. Bởi thế Bồ tát muốn lợi mình lợi người không nên ăn thịt. Đại huệ! Người ăn thịt khi trông thấy thịt liền sinh lòng tham ăn ngon. Bồ tát thương nghĩ hết thầy

chúng sinh như thân mình, làm sao thấy thịt mà nghĩ đến chuyện ăn được? Vì thế Bồ tát không nên ăn thịt. Đại huệ! Lại người ăn thịt thì chư thiên xa lánh, hơi miệng thường hôi, ngủ mộng bất an, tinh dậy lo sợ, bị ác quỷ dā xoa hút mất tinh khí, lòng nhiều hoảng sợ, ăn không biết đủ, tăng trưởng bệnh, dễ sinh ghẻ lở, mụn nhọt, thường bị vi trùng đục khoét, không thể sinh tâm chán ghét muốn xa lìa thịt. Đại huệ! Ta thường nói : "Tỳ kheo ăn cái gì cũng nên nghĩ như ăn thịt con." Các thức ăn khác còn thế, thì sao ta lại cho phép đệ tử ăn thịt được? Đại huệ! Thịt không tốt đẹp, không sạch, làm sinh các tội ác, phá hoại các công đức, bị chư thiên, thánh nhân xa lìa, sao ta lại cho phép đệ tử ăn thịt? Kẻ nào nói ta thuận cho ăn thịt chính là phi báng ta vậy. Đại huệ! Thức ăn sạch là lúa gạo, đậu, đại mạch, tiểu mạch, dầu mè, ván sữa, đường. Những loại như thế đều được chư Phật quá khứ cho phép ăn. Những thứ nên ăn ta nói đây là để cho những thiện nam tín nữ trong dòng họ ta, những kẻ có đức tin thanh tịnh, đã trồng căn lành từ lâu đời, không tham trước thân mạng tài sản, xót thương hết thảy như chính thân mình. Ta nói những vật nên ăn cho những người như vậy, chứ không phải cho những kẻ có thói quen độc ác, tính như hổ lang, lòng nặng dục vọng.

Đại huệ! Xưa có quốc vương tên Sư tử sinh (Simhasaydāsa), ưa mùi vị thịt, ăn đủ thứ thịt đến cả thịt người, thần dân không chịu nổi nên làm phản. Cuối cùng vua phải mất nước, chịu khổ não lớn. Đại huệ! Thích đề hoàn nhân đã ở địa vị vua trời, do tập khí ăn thịt đời trước còn lại, nên biến làm chim ưng săn đuổi một con bò câu. Ta lúc ấy làm vua tên Thi tỷ (Sivin), thương xót bò câu nên tự cắt thịt mình để thế mạng cho nó.

Đại huệ! Tập khí còn lại của Đế Thích còn làm khổ chúng sinh, huống gì những kẻ ăn thịt thường xuyên không biết hổ thẹn. Ăn thịt đã tự hại còn hại người, vì thế Bồ tát không nên ăn thịt. Đại huệ! xưa có ông vua cỡi ngựa đi săn, ngựa sợ chạy vào núi hiểm, chôn không người ở, cũng không có lối ra.

Vua gặp một sư tử cái cùng nó hành dâm sinh nhiều con. Trong số con có một trưởng giả rất giàu có tên Ban túc, về sau làm vua thống lĩnh 7 ức nhà, vì quen thói ăn thịt nên không phải thịt thì không ăn. Ban đầu ăn thú vật sau đến ăn người, sinh con trai con gái đều là quỷ la sát, chết tái sinh làm sư tử, sài lang, cọp beo, chim điêu, chim thú v.v.. muốn cầu được thân người còn không được, nói gì đến cầu thoát sinh tử đạt Niết bàn. Đại huệ! Ăn thịt có vô lượng lỗi làm tai hại như thế, nên chấm dứt ăn thịt sẽ được công đức lớn. Kẻ phàm ngu không biết những tổn hại của sự ăn thịt và lợi ích của không ăn. Bởi thế nay ta vì người mà nói rõ. Bất cứ cái gì là thịt đều không nên ăn. Đại huệ ! Người ta sát sinh phần lớn là do có người ăn thịt, nếu không người ăn thì cũng không có việc giết; bởi thế ăn thịt cũng có tội như giết. Quái lạ cho người đời tham đắm vị thịt, thịt người còn ăn huống là thịt chim thú. Vì tham ăn ngon, chúng đặt ra đủ cách giăng lưới bày bẫy khắp nơi, loài dưới nước, loài ở trên đất, loài bay trên không đều bị giết hại, nếu không tự mình ăn thì cũng đem bán để lấy tiền.

Đại huệ ! Thế gian có những kẻ không lòng thương xót, chuyên làm việc tàn bạo như quỷ la sát; khi thấy chúng sinh thân hình béo tốt là nghĩ đến thịt, và bảo "Con vật này ăn được đây." Đại huệ ! Thế gian không có thứ thịt nào không do mình giết hay người giết, lòng mình không nghi là nó bị giết (để có thể ăn được.) Do nghĩa này mà ta cho phép thanh văn ăn thứ thịt như thế. Đại huệ ! Đời sau có những kẻ ngu si xuất gia trong pháp luật của ta, giảng quấy giới luật, làm loạn chính giáo, phỉ báng ta với lời nói ta cho phép ăn thịt và chính ta cũng đã từng ăn. Đại huệ ! Nếu ta cho phép thanh văn ăn thịt, tức ta không phải người an trú tâm từ, người tu quán hạnh, người hành đầu đà, người đi nơi đại thừa; làm sao có thể khuyên thiện nam tín nữ nên xem chúng sinh như con một, nên dứt ăn tất cả thịt? Đại huệ! Có chỗ ta nói cho ăn ba thứ tịnh nhục, đây là để dần dần cấm hẳn, khiến dễ tu học. Nay trong

kinh này, tất cả thịt của con vật tự chết hay bị giết, đều không được ăn. Đại huệ ! Ta chưa bao giờ cho phép đệ tử ăn thịt, cũng không đang cho phép, cũng không sẽ cho phép.

Đại huệ ! Tất cả sự ăn thịt đối với người xuất gia đều là bất tịnh.

Đại huệ ! Nếu có kẻ ngu si phỉ báng ta bằng cách nói Như lai cho phép ăn thịt và chính Như lai cũng đã có ăn, nên biết kẻ ấy bị ác nghiệp buộc ràng, sẽ bị đọa vào những chỗ không lợi lạc. Đại huệ ! Các thánh đệ tử còn không ăn những thứ đoàn thực của phàm phu, huống gì thịt vốn là thức ăn dơ ứ. Đại huệ ! Thanh văn duyên giác bồ tát còn chỉ ăn pháp thực (dharmàhàra) huống gì Như lai. Đại huệ ! Pháp thân Như lai không phải là thân ô tạp. Như lai đã dứt trừ hết phiền não, tẩy sạch hết tập khí, khéo thanh lọc tâm tuệ, đại bi bình đẳng quán khắp chúng sinh như con một; há lại cho phép đệ tử thanh văn ăn thịt con ta sao? Huống nữa là tự ta ăn. Nói như vậy là chuyện không có.

Bấy giờ Thế Tôn lại nói bài tụng:

Đều từng làm thân thuộc

Do các ứ mà thành

Làm khiếp sợ chúng sinh

Nên không được ăn thịt

Tất cả các loại thịt

Hành tội, các thứ rượu

Những vật bất tịnh ấy

Người tu hành lìa xa

Lại thường lìa dầu thoa

Cùng giường có thủng lỗ

Vì các côn trùng nhỏ

Trong đó rất sợ hãi

Ăn (thịt) sinh phóng dật  
Phóng dật sinh tà giác  
Tà giác sinh tham lam  
Bởi vậy không nên ăn  
Vì tà giác sinh tham  
Tâm bị mê vì tham  
Tâm mê tăng ái dục  
Sinh tử không giải thoát  
Vì lợi sát chúng sinh  
Lấy tiền ra mua thịt  
Cả hai đều ác nghiệp  
Chết đọa ngục gào thét  
Không thấy nghe nghi giết  
Ba thứ ấy gọi tịnh  
Vì thịt ấy không có  
Kẻ ăn ta quở trách  
Lại cùng ăn nuốt nhau  
Chết đọa vào ác thú  
hôi dơ và si cuồng  
Bởi thế không nên ăn  
thợ săn, chiên đà la  
Đồ tể, la sát bà  
Sinh trong các hạng ấy  
Là quả báo ăn thịt  
Đã ăn không hổ thẹn  
Đời đời bị si cuồng  
Chư Phật cùng Bồ tát

Thanh văn đều nghi ghét  
Tượng kiếp (Hastikakshya) cùng Đại vân (Mahamegha)  
Niết bàn, ương quật ma (angulimalika)  
Cùng lãng già kinh này  
Ta đều bảo dứt thịt  
Trước nói kiến, văn, nghi  
Để dứt hết thầy thịt  
Vì ác tập cho nên  
Kẻ ngu vọng phân biệt  
Như tham ngăn giải thoát  
Các thịt cũng như thế  
Nếu người có ăn thịt  
Không thể vào thánh đạo  
Chúng sinh đời vị lai  
Nói ngu si về thịt  
Nói "đây tịnh không tội  
Phật cho chúng ta ăn."  
Tịnh thực còn (xem) như thuốc  
Như đói ăn thịt con  
Cho nên kẻ tu hành  
Biết lượng đi xin ăn  
Ăn thịt trái giải thoát  
Cùng trái biểu tượng thánh  
Khiến chúng sinh sợ hãi  
Cho nên không được ăn  
Kẻ an trú từ tâm  
Thường phải nên xa lìa



Sư tử và hổ lang  
Ăn thịt sinh trong đó  
Nếu các thú rợu thịt  
Hết thầy đều không dùng  
Sẽ sinh dòng hiền thánh  
Thịnh vượng, đủ trí tuệ.

## **CHƯƠNG IX** **ĐÀ LA NI**

**(Dhàranìparivatro nàma Navamah)**

Phật dạy Đại huệ Bồ tát đại hữu tình:

Đại huệ ! Chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai vì muốn ủng hộ người thọ trì kinh này, nên diễn nói chú lãng già. Nay ta cũng nói chú ấy, ông nên thọ trì.

Liên nói bài chú:

"Đát điệt tha, đở tra, đở tra, đở tra, đở tra, bát tra. bát tra, cát tra cát tra, a ma lệ, a ma lệ, tỳ ma lệ, tỳ ma lệ, nễ mé né mé, hê mé hê mé, phược mé phược mé, cát lệ cát lệ, yết ra cát lệ, a tra mạt tra, chiết tra đốt tra, kỳ nhã tra tát phỏ tra, cát địa, lạt địa bạt địa, hê mé, hê mé, đê mé, chiết lệ chiết lệ, bát lệ bát lệ, hạn đệ tỳ đệ, án chiết măn ché, đở trà rị đở trà rị, bát trà rị, át kế át kế, hê mé hê mé, đở đở đở đở, lỗ lỗ lỗ lỗ, đở đở đở đở, hỏ đở hỏ đở, hỏ đở hỏ, ta bà ha."

(Tadyathà tutte tutte vutte vutte patte patte katte katte amale amale vimale vimale nime nime hime hime vame vame kale kale atte matte vatte tuttle jnette sputte katte katte latte patte dime dime cale cale pace pace bandhe bandhe ance mance dutare dutare patare patare arkhe arkhe sarkhe sarkhe

cakre cakre dine dine hime hime tu tu tu tu du du du du ru ru ru ru phu phu  
phu phu svàha)

Đại huệ ! Trong đời vị lai, nếu có người thiện nam thiện nữ thọ trì đọc tụng,  
vì người khác mà nói đà la ni này, nên biết những người ấy không bị tất cả  
người, phi nhân, quỷ thần v.v.. động tới. Nếu có người bỗng gặp chuyện dữ,  
mà tụng niệm cho người ấy 108 biến chú này, thì ác ma liền bỏ chạy. Đại  
huệ, ta lại nói cho ông Đà la ni này nữa. (Đức Phật liền nói bài chú):

Đát điệt tha, bát đầu ma đệ bệ, bát đầu mé hế, nê hế mẽ hế nê, lệ chủ la chủ  
lệ, hổ lệ hổ la hổ lệ, sáu lệ sáu lệ, bả lệ bả la bả lệ, sấn đệ tàn đệ, bạn thệ mặt  
đệ, ni la ca lệ, sa bà ha.

(Tadyathà- padma padmadeve - hime hini hine - cu cule culu cule - phale  
phula phule - yule ghule yula yule - ghule ghula ghule - pale pala palemunce  
cchinde bhinde bhannje marde pramarde dikakare svàhà)

Đại huệ ! Nếu có thiện nam thiện nữ thọ trì đọc tụng, vì người diển nói đà la  
ni này, thì sẽ không bị trời, rồng, dạ xoa, nhân và phi nhân v.v.. cùng các ác  
quỷ thần làm hại. Ta vì muốn cấm chỉ các loài la sát mà nói thần chú này.  
Người trì chú này cũng như thọ trì tất cả bộ kinh Nhập lăng già vậy.

## **CHƯƠNG X** **KỆ TỤNG - PHẦN THỨ NHẤT**

Bấy giờ Thế Tôn muốn nói lại các nghĩa rộng trong tu đa la (kinh) này nên  
nói bài kệ:

Các pháp không chắc thật

Đều do phân biệt sinh

Vì phân biệt là không

Bị phân biệt không có

Do hư vọng phân biệt  
Mà có các thức sinh  
Tám, chín thức các món  
Như sóng lớn trong biển  
Tập khí thường tăng trưởng (1)  
Tâm chuyển theo cảnh giới  
Như sắt với nam châm  
Tính chúng sinh sở y  
Xa lìa các suy lường  
Cùng lìa trí, sở tri  
Chuyển y đặng giải thoát  
Được như huyễn tam muội  
Siêu quá nơi thập địa  
Khi quán thấy tâm vương  
Tưởng thức đều xa lìa  
Khi tâm đã chuyển y  
Ấy gọi là thường trụ  
Ở nơi Liên hoa cung  
Khởi ra các huyễn cảnh  
Đã ở cung ấy rồi  
Tự tại không dụng công  
Lợi ích cho chúng sinh  
Như màu ngọc ma ni  
Không hữu vi, vô vi  
Chỉ trừ vọng phân biệt  
Phàm ngu mê chấp giữ  
Như thạch nữ mộng con

Nên biết rằng linh hồn  
Uẩn, giới, các thứ duyên  
Các kiến hữu, phi hữu  
Đều không, vô tự tính  
Ta dùng phương tiện nói  
Nhưng thật không có tướng  
Phàm phu vọng chấp giữ  
Năng tướng cùng sở tướng  
Tất cả biết cùng không  
Tất cả không tất cả  
Do phàm ngu phân biệt  
Phật không giác tự, tha  
Các pháp như mộng huyễn  
Không sinh, không tự tính  
Vì đều là tính không  
Không có, bất khả đắc  
Ta chỉ nói một tính  
Lìa nơi vọng kế chấp  
Tự tính không có hai  
Chỗ làm của các Thánh  
Như tứ đại bệnh suy  
Khắp cõi thấy hoa đóm  
Cái thấy đó không thực  
Thế gian cũng như vậy  
Như huyễn hiện các tượng  
Cây cỏ cùng ngói sỏi  
Mà thật không có gì

Các pháp cũng như vậy  
Không năng thủ sở thủ  
Không trói không bị trói  
Như huyễn như ảo tượng  
Như mộng như hoa đóm  
Nếu muốn thấy chân thật  
Hãy lia phân biệt, thủ  
Nên tu quán chân thật  
Tất không Phật, không nghi  
Thế gian đồng như mộng  
Sắc, của cái đều thế  
Nếu thấy được như vậy  
là tối tôn trên đời  
Ba giới do tâm khởi  
Do mê hoặc thấy có  
Lìa vọng không thế gian  
Biết rồi chuyển nhiệm y  
Sở kiến của phàm ngu  
Vọng chấp có sinh diệt.  
Bậc trí quán như thật  
Không sinh cũng không diệt  
Thường hành "vô phân biệt"  
Xa lìa tâm, tâm pháp  
Trú trời sắc cứu cánh  
Lìa các chỗ lỗi lầm  
Nơi đây thành chính giác  
Đủ thần thông tự tại

Cùng các định thù thắng  
Hóa hiện nơi thành này  
Hóa thân vô lượng ức  
Du khắp hết các cõi  
Khiến ngu phu được nghe  
Nhu hương, khó nghĩ lường  
Xa lìa đầu, giữa cuối  
Lại xa lìa hữu, vô  
Không nhiều mà hiện nhiều  
Không động mà biến khắp  
Nói trong thân chúng sinh  
Tính chân bị che lấp  
Mê hoặc thành huyễn có  
Không phải huyễn bị mê  
Do tâm mê hoặc nên  
Hết thấy đều thành có  
Vì chúng trói buộc nhau  
Tạng thức sinh thế gian  
Nhu thế các thế gian  
Chỉ có giả hiện bày  
Các kiến như thác chảy  
Có ra pháp và người  
Nếu biết được như thế  
Tức là chuyển sở y  
Làm con ta đích thực  
Thành tựu pháp tùy thuận  
Do ngu phu phân biệt

Pháp cứng, ẩm, ẩm, động  
Giả danh không có thật  
Lại không tướng, sở tướng  
Thân hình và các căn  
Đều do tám vật thành  
Phàm ngu chấp sắc tướng  
Thân kia bị lao lung  
Phàm ngu vọng phân biệt  
Nhân duyên hòa hiệp sinh  
không rõ tướng chân thật  
Trôi lăn trong ba cõi  
Các chủng tử trong thức  
Hay hiện cảnh giới tâm  
Do phàm ngu phân biệt  
Vọng chấp nơi hai thủ  
Vô minh cùng ái nghiệp  
Các tâm do đó sinh  
Vì vậy ta biết rõ  
Đó là tính y tha  
Vọng phân biệt có vật  
Mê hoặc các tâm pháp  
Phân biệt kia đều không  
Mê vọng chấp là có  
Tâm bị các duyên buộc  
Sinh khởi nên chúng sinh  
Nếu xa lìa các duyên  
Ta nói không sở kiến

Đã lìa hết các duyên  
Tự tướng và phân biệt  
Trong thân không sinh khởi  
Ta gọi là vô vi  
Tâm sở chúng sinh khởi  
Năng thủ và sở thủ  
Sở kiến đều vô tướng  
Phàm ngu vọng phân biệt  
hiển thị A lại gia  
Tạng thức rất thù thắng  
Lìa năng thủ sở thủ  
Ta nói là chân như  
Trong uẩn không có người  
Không ngã, không chúng sinh  
Sinh chỉ là thức sinh  
Diệt chỉ là thức diệt  
Như tranh có cao thấp  
Tuy thấy mà không thật  
Các pháp cũng như vậy  
Tuy thấy mà không có  
Như thành càn thất bà  
Lại như bóng nắng lò  
Sở kiến thường như vậy  
Trí quán không thể có  
Nhân duyên cùng thí dụ  
Lấy đó mà lập tôn  
Càn thành, mộng, vòng lửa



Ảo tượng, ánh mặt trời  
Nơi lửa, và mao luân  
Lấy đó làm ví dụ  
Để bày nghĩa vô sinh  
Thế phân biệt đều không  
Mê hoặc, như huyễn mộng  
Thấy các loài không sinh  
Ba cõi không sở y  
Trong ngoài cũng như vậy  
Thành tựu vô sinh hẳn  
Được như huyễn tam muội  
Cùng với Ý sinh thân  
Đủ các món thần thông  
Các lực và tự tại  
Các pháp vốn vô sinh  
Không, không có tự tính  
Mê hoặc các nhân duyên  
Nên nói có sinh diệt  
Ngu phu vọng phân biệt  
Lấy tâm hiện ra tâm  
Cùng hiện các ngoại sắc  
Mà thật không có gì  
Nhu định lực quán thấy  
Tượng Phật cùng khớp xương  
Phân chẻ đến đại chủng  
Giả bày ra thế gian  
Thân, tài sản, chỗ ở

Ba pháp làm sở thủ  
Ý thủ và phân biệt  
Ba pháp làm năng thủ  
Mê hoặc cùng vọng kế  
Là phân biệt năng, sở  
Chi theo văn tự, cảnh  
Mà không thấy chân thật  
Hành giả lấy tuệ quán  
Các pháp không tự tính  
Khi ấy trụ vô tướng  
Hết thấy đều dứt bật  
như lấy mực vẽ gà  
Kẻ vô trí vọng thủ  
Thật không có ba thừa  
Phàm ngu không hiểu được  
Nếu thấy các thanh văn  
Cùng với bích chi phật  
Đều là chỗ hóa hiện  
Của Bồ tát đại bi  
Ba cõi chỉ là tâm  
Phân biệt hai tự tính  
Chuyển y lia nhân pháp  
Ấy tức là chân như  
Nhật nguyệt ánh đèn lửa  
Đại chúng và ma ni  
Không phân biệt tác dụng  
Chư phật cũng như vậy

Các pháp như mao luân  
Xa lìa sinh, trụ, diệt  
Lại lìa thường, vô thường  
Nhiễm tịnh cũng như thế  
Như bôi thuốc vào mắt  
Thấy đất thành sắc vàng  
Mà thật trong đất kia  
Vốn không có tướng vàng  
Kẻ ngu cũng như vậy  
Tâm mê loạn vô thi  
Vọng chấp các pháp thật  
Như huyễn như ảo tượng  
Nên quán một chủng tử  
Cùng phi chủng đồng ản  
Một chủng hết thấy chủng  
Gọi các pháp của tâm  
Các chủng tử là một  
Chuyển y thành phi chủng  
Bình đẳng đồng pháp ản  
Tất đều không phân biệt  
Tất cả những chủng tử  
Làm nhân cho các thức  
Sinh các sự phiền não  
Gọi là các chủng tử  
Quán tự tính các pháp  
Mê hoặc không bỏ đời  
Tính vật vốn vô sinh

Biết rõ tức giải thoát  
Bậc định quán thế gian  
Các sắc do tâm khởi  
Vô thi tâm mê hoặc  
Thật không có sắc, tâm  
Nhu huyễn và Càn thành  
Mao luân và ảo tượng  
Không có mà hiện có  
Các pháp cũng như vậy  
Hết thấy pháp không sinh  
Chỉ do mê hoặc thấy  
Đã do mê vọng sinh  
Ngu vọng chấp có hai  
Do các thứ tập khí  
Sinh các làn sóng tâm  
Nếu khi tập khí đoạn  
Sóng tâm không còn khởi  
Tâm duyên các cảnh khởi  
Nhu tranh nường vào vách  
Nếu ở giữa hư không  
Làm sao mà họa được  
Nếu duyên một ít phần  
Khiến tâm kia được sinh  
Tâm đã do duyên khởi  
Nghĩa duy tâm không thành  
Tĩnh tâm vốn thanh tịnh  
Cũng như hư không lặng

Đem tâm mà chấp tâm  
Do tập khí không khác  
Chấp trước tự tâm hiện  
Do tâm mà sinh khởi  
Sở kiến không ngoài tâm  
Nên nói rằng duy tâm  
Tạng thức gọi là tâm  
Tư lương lấy làm ý  
Hay rõ các cảnh giới  
Ấy tức gọi là thức  
Tâm thường là vô ký (avyāktra)  
Ý đủ hai thứ hành  
Hiện tại thức đầy đủ  
Các pháp thiện, bất thiện  
Tu chứng không nhất định  
Các địa vào cõi nước  
Vượt ra ngoài tâm lượng  
An trú không quả tướng  
Các sở kiến hữu, vô  
Cùng với các món tướng  
Đều là do phàm phu  
Điên đảo vọng chấp trước  
Bậc trí li phân biệt  
Sự vật đã trái nhau  
Do tâm không sắc tướng  
Bởi thế vô phân biệt  
Các căn đều như huyễn

Cảnh giới thì như mộng  
Năng tác cùng sở tác  
Hết thấy đều phi hữu  
Tục đế có tất cả  
Đệ nhất nghĩa tuyệt không  
Vô tính của các pháp  
Gọi là đệ nhất nghĩa  
Trong chỗ vô tự tính  
Nhân vì các ngôn thuyết  
Nên có các vật khởi  
Ấy gọi là tục đế  
Nếu không có ngôn thuyết  
Các vật khởi cũng không  
Trong tục đế không có  
Chỉ có lời, không sự  
Pháp điên đảo hư vọng  
Thật ra không có gì  
Nếu đảo là thật có  
Thì vô không tự tính  
Vì hữu không có tính  
Mà pháp điên đảo kia  
Hết thấy các vật có  
đều là bất khả đắc  
Ác tập huân nơi tâm  
Hiện ra đủ các tướng  
Mê hoặc nói ngoài tâm  
vọng thủ các sắc hình

Phân biệt vốn là không  
Nên phân biệt đoạn được  
Vô phân biệt sẽ thấy  
Thật tính, chúng chân không  
Vô minh huân nơi tâm  
Nên thấy các chúng sinh  
Như các voi ngựa huyễn  
Cùng cây lá và vàng  
Như kẻ bị đau mắt  
Mê hoặc thấy mao luân  
Phàm phu cũng như vậy  
Vọng thủ các cảnh giới  
Phân biệt, sở phân biệt  
Cùng người khởi phân biệt  
Chuyên, sở chuyên, nhân chuyên  
Do đó sáu giải thoát  
Do nơi vọng kế nên  
Không địa, không các đế  
Lại không có sát độ  
Hóa Phật và nhị thừa  
Tâm khởi hết thấy pháp  
Hết thấy xứ và thân  
Tâm tính thật vô tướng  
Vô trí thủ các món  
Phân biệt mê hoặc tướng  
Gọi là y tha khởi  
Trong tướng có các tên

Ấy là vì vọng kế  
Các duyên pháp hòa hợp  
Phân biệt thành danh, tướng  
Tất cả đều không sinh  
Gọi là viên thành thật  
Mười phương các sát độ  
Trong chúng sinh, Bồ tát  
Bao nhiêu pháp, Báo Phật  
Hóa thân cùng biến hóa  
Đều từ cực lạc giới  
Của Di đà mà ra  
Ở trong kinh Phương quảng  
Nên biết nghĩa bí mật  
Những gì Phật tử nói  
Cùng của Đạo sư dạy,  
Đều do Hóa thân nói  
Không phải Thật Báo Phật  
Các pháp không từng sinh  
Cũng không phải không có  
Như huyễn, lại như mộng  
Như hóa, như Càn thành  
Các pháp do tâm khởi  
Các pháp do tâm thoát  
Tâm khởi không cách khác  
Tâm diệt cũng như thế  
Vì chúng sinh phân biệt  
Các tướng hư vọng hiện



Duy tâm thật không cảnh  
Lìa phân biệt, giải thoát  
Do phân biệt, hí luận  
Tích tập từ vô thi  
Vì các ác tập huân  
Khởi cảnh hư vọng này  
Các pháp đều không sinh  
do tự tính vọng kế  
Y chỉ nơi duyên khởi  
Chúng sinh mê phân biệt  
Phân biệt không tương ưng  
Thì y tha cũng dứt  
Sở trú rời phân biệt  
Chuyển y tức chân như  
Chớ vọng kế hư vọng  
Vọng kế tức không thật  
Mê hoặc vọng phân biệt  
Năng, sở thủ đều không  
Phân biệt thấy ngoại cảnh  
Ấy là tính vọng kế  
Do hư vọng kế ấy  
Duyên khởi tự tính sinh  
Tà thấy các ngoại cảnh  
Không cảnh chỉ do tâm  
Quán sát đúng như lý  
Năng, sở thủ đều diệt  
Cảnh ngoài thật không có

Tập khí nhiễm ô tâm  
Mà chuyển có tợ cảnh  
Khi diệt hai phân biệt  
Trí tịnh thuộc chân như  
Khởi ra cảnh vô ảnh  
Cảnh thánh khó nghĩ bàn  
Do cha mẹ hòa hiệp  
Nhu gia ua trong bình  
A lại gia, ý đủ  
Khiến tăng trưởng xích, bạch  
Bé thi (pesi) và Trù bào (Ghanàrbuda)  
Các thứ uế nghiệp sinh  
Gió nghiệp tăng bốn đại  
sinh ra như trái chín  
Năm cùng năm và năm  
Sang khiêu có chín lỗ  
Móng, răng, lông đầy đủ  
Đủ rồi bèn sinh ra  
Mới sinh như phân trùng  
Lại như người tỉnh ngủ  
Mắt mở ra thấy sắc  
Phân biệt dần tăng trưởng  
Phân biệt quyết xong rồi  
Các môi răng hòa hiệp  
Bắt đầu phát nói năng  
Nhu giống chim anh vũ  
Thuận chúng sinh ý lạc

Ta lập ra đại thừa  
Không phải chỗ ác kiến  
Ngoại đạo không thể thọ  
Thừa do ta tự chứng  
Không thể suy lường được  
Sau khi Phật diệt độ  
Xin nói ai thọ trì  
Đại huệ ! Ông nên biết  
Sau khi ta Niết bàn  
Đời vị lai sẽ có  
Kẻ thọ trì pháp ta  
Trong xứ Nam Ấn độ  
Tỳ kheo danh đức lớn  
Quyết hiệu là Long thọ  
Hay phá luận hữu, vô  
Trong thế gian làm rõ  
Vô thượng đại thừa ta  
được sơ hoan hỉ địa  
Vãng sinh xứ an lạc  
Trong nghĩa lý duyên khởi  
Hữu vô đều không thành  
Trong duyên tướng tượng vật  
Phân biệt ra có, không  
Kiến ngoại đạo như vậy  
Xa lìa pháp của ta  
Danh tự của các pháp  
Đã nói nhau nhiều đời

Tập (khí) quá khứ, hiện tại  
Xoay vần cùng phân biệt  
Nếu không nói ra tên  
Tất thế gian mê hoặc  
Vì muốn trừ mê hoặc  
Nên lập ra danh ngôn  
Kẻ ngu phân biệt pháp  
Mê hoặc nơi danh tự  
Mê hoặc các duyên sinh  
Ấy là ba phân biệt  
Chấp bắt sinh bắt diệt  
Tự tính như hư không  
Tự tính vốn không có  
Đấy là tướng vọng kế  
Nhu huyễn, bóng, ảo tượng  
Mộng, bóng gương, vòng lửa  
Nhu tiếng vang, Càn thành  
Ấy là y tha khởi  
Chân như, không, bất nhị  
Thật tế cùng pháp tính  
(Bhùtakoti, Dharmatà)  
Đều không có phân biệt  
Ta nói là viên thành  
Ngữ ngôn thuộc về tâm  
Hư vọng sa nhị biên  
Tuệ phân biệt thật đế  
Là tuệ không phân biệt

Nơi người trí mới hiện  
Nơi người ngu không hiện  
Cái hiện nơi trí ấy  
Hết thấy pháp không tướng  
Nhu chuỗi đeo vàng giả  
Kẻ ngu cho là vàng  
Các pháp cũng như vậy  
Ngoại đạo vọng suy lường  
Mọi pháp vô thủy chung  
Ở nơi tướng chân thật  
Thế gian đều vô tác  
Vọng kế không hiểu được  
Các pháp trong quá khứ  
Vị lai cùng hiện tại  
Hết thấy pháp như thế  
Tất cả đều không sinh  
Do các duyên hòa hợp  
Nên nói có các pháp  
Nếu lia sự hòa hợp  
Không sinh cũng không diệt  
Mà các pháp duyên khởi  
Một, khác đều không có  
Lược nói là không sinh  
Nói rộng là không diệt  
Một đàng "bất sinh không"  
Một đàng là "sinh không"  
Bất sinh không là thắng

Sinh không tất diệt hoại  
chân như, không, thật tế  
Niết bàn cùng pháp giới  
Các thứ ý sinh thân  
Ta nói là dị danh  
Nơi các kinh luật luận  
Khởi phân biệt về tịnh  
Nếu không hiểu vô ngã  
Là theo lời, không nghĩa  
Chúng sinh vọng phân biệt  
Sở kiến như sừng thỏ  
Phân biệt tức mê hoặc  
Nhu thú khát đuổi bóng  
do nơi vọng chấp trước  
Mà khởi ra phân biệt  
Nếu lìa nhân vọng kế  
Tức không khởi phân biệt  
Đại phương quảng sâu xa  
Biết các cõi tự tại  
Ta vì Bồ tát nói  
Không phải vì thanh văn  
Ba cõi không, vô thường  
Xa lìa ngã, ngã sở  
Ta vì các Thanh văn  
Nói tổng tướng như thế  
Không trước hết thấy pháp  
Đi một mình tịch tịnh

Tư niệm Bích chi quả  
Ta vì duyên giác nói  
Thân là y tha khởi  
Mê hoặc không tự thấy  
Phân biệt tự tính ngoài  
Mà khiến tâm vọng khởi  
Nhờ chúng, nhờ gia trì  
Do sinh vào các loài  
Do có được trong mộng  
Ấy bốn thứ thân thông  
Thần thông được trong mộng  
Cùng do oai lực Phật  
Hay do sinh các loài  
Đều không phải "báo đặc"  
Do tập khí huân tâm  
Nên bóng tự-vật khởi  
Kẻ phàm ngu chưa hiểu  
Cho nên nói là sinh  
do nơi vọng phân biệt  
Khi còn thấy ngoại tướng  
Thì còn tăng thêm vọng  
Vì không thấy tâm mê  
Vì sao nói có sinh  
Mà không nói sở kiến  
Khi không vật mà thấy  
Nói cho ai? Vì sao?  
Thê tâm vốn thanh tịnh

Ý cùng với các thức  
Do tập khí thường huân  
Mà làm các uế loạn  
Tạng thức xa lìa thân  
Ý bèn tìm đường nẻo  
Thức bày tỏ cảnh giới  
Thấy rồi tham nắm giữ  
Sở kiến đều do tâm  
Ngoại cảnh bất khả đắc  
Nếu tu quán như thế  
Xả vọng đạt chân như  
Cảnh giới của định chứng  
Nghiep cùng oai lực Phật  
Ba thứ bất tư nghi  
Chỗ khó lường của trí  
Quá khứ, vị lai, ngã  
Hư không cùng Niết bàn  
Ta tùy thế tục nói  
Chân đế lìa văn tự  
Nhị thừa cùng ngoại đạo  
Cùng y chi các kiến  
Mê hoặc lý duy tâm  
Vọng phân biệt ngoại cảnh  
La hán, Bích chi Phật  
Cùng với trí giác Phật  
Chủng tử đã thành tựu  
Mộng thấy Phật quán đảnh



Huyễn tâm tịch tịnh đến  
Vì sao nói hữu vô  
Ở đâu, nói cho ai?  
Cớ gì, nguyện Phật giải  
Vì kẻ mê duy tâm  
Ta nói huyễn, hữu, vô  
Khi sinh, diệt tương ưng  
Tướng sở tướng bình đẳng  
Ý thức tên "Phân biệt"  
Cùng với năm thân thức  
Như bóng hình trôi chảy  
Từ tâm khởi chủng tử  
Nếu tâm cùng với ý  
Các thức thân không khởi  
Thì được ý sinh thân  
Lại được đến Phật địa  
Các duyên cùng uẩn, giới  
Tự tướng của nhân, pháp  
đều do tâm bày ra  
Như mộng cùng mao luân  
Quán thế gian huyễn mộng  
Y chỉ nơi chân thật  
Chân thật lia các tướng  
Lại lia nhân tương ưng  
Cảnh chứng của bậc thánh  
Thường trú nơi vô niệm  
Mê hoặc nhân tương ưng

Chấp thể gian làm thật  
Hết thấy hí luận diệt  
Thì mê hoặc không sinh  
Mê theo pháp, phân biệt  
Si tâm thường hiện khởi  
Các pháp không, vô tính  
Nói thường hay vô thường  
Là kiến của "sinh luận" (utpàdavàdin)  
Không phải vô sinh luận (anutpàdavàdin)  
Nhất, dị, câu, bất câu  
Tự nhiên cùng tự tại  
Thời, vi trần, thắng tính  
Duyên, phân biệt thể gian  
Thức là giống sinh tử  
Có giống nên có sinh  
Như họa nương nơi tướng  
Biết rõ tức liền diệt  
Thí như thấy người huyễn  
Mà có sinh tử huyễn  
Phàm ngu cũng như vậy  
Do si có buộc, mở  
Hai thứ pháp trong, ngoài  
Cùng các nhân duyên kia  
Kẻ tu hành quán sát  
Đều trụ nơi vô tướng  
Tập khí không lia tâm  
Cũng không cùng với tâm

Tuy tập khí trói buộc  
Tướng tâm không sai khác  
Tâm như áo sắc trắng  
Bị tập ý thức nhiễm  
Cấu tập làm ô uế  
Khiến tâm không hiện rõ  
Ta nói như hư không  
Không hữu cũng không vô  
Tạng thức cũng như vậy  
Hữu, vô đều xa lìa  
Nếu ý thức chuyển y  
Thì tâm lìa cấu loạn  
Ta nói tâm là Phật  
Đã rõ hết thấy pháp  
Đoạn dứt ba tương tục  
Lại lìa nơi bốn cú  
Hữu, vô đều xa lìa  
Các hữu (bhava) thường như huyễn  
Bảy địa do tâm khởi  
Nên có hai tự tính  
Hai địa cùng Phật địa  
Chính là viên thành thật  
Dục, sắc, vô sắc giới  
Cùng với cõi Niết bàn  
Đều ở nơi thân này  
Đều là tâm cảnh giới  
Khi còn có sở đắc

Thì còn mê hoặc khởi  
Nếu biết tự tâm khởi  
Thì mê hoặc không sinh  
Ta lập hai thứ pháp  
Các tướng và thực chứng  
Dùng đủ thứ nguyên tắc  
Mà phương tiện lập thuyết  
Thấy các thứ danh, tướng  
Là mê hoặc, phân biệt  
Nếu lia xa danh tướng  
Là tính tịch cảnh thánh  
Do phân biệt năng, sở  
Tất có tướng vọng kế  
Nếu lia phân biệt kia  
Tự tính là chỗ thánh  
Tâm đã được giải thoát  
Là chân lý thường tồn  
Chúng tính và pháp tính  
Chân như lia phân biệt  
Đã có thanh tịnh tâm  
Thì có tạp nhiễm hiện  
Không tịnh tức không nhiễm  
Là chân tịnh của thánh  
Thế gian do duyên sinh  
Tăng trưởng thêm phân biệt  
Quán nó như huyễn mộng  
Khi ấy tức giải thoát

Các thứ ác tập khí  
Cùng với tâm hòa hiệp  
Chúng sinh thấy ngoại cảnh  
Không thấy pháp tính tâm  
Tâm tính vốn thanh tịnh  
Không sinh các mê hoặc  
Mê do ác tập khởi  
Cho nên không thấy tâm  
Mê hoặc tức là chân  
Chân không ở chỗ khác  
Không nơi hành, phi hành  
Cũng không thấy nơi khác  
Nếu quán các hữu vi  
Xa lìa tướng, sở tướng  
Vì đã lìa các tướng  
Thấy thấy đều là tâm  
An trụ nơi duy tâm  
Không phân biệt ngoại cảnh  
Trú sở duyên chân như  
Vượt quá ngoài tâm lượng  
Khi siêu đến tâm lượng  
Cũng siêu đến vô tướng  
Đã trú ở vô tướng  
Không thấy cả đại thừa  
Hành tịch, không dụng công  
Tịnh tu các đại nguyện  
Trí tối thắng vô ngã

Vô tướng nên không thấy  
Hãy quán tâm sở hành  
Lại quán trí sở hành  
Quán thấy tuệ sở hành  
Nơi tướng không mê hoặc  
Khổ đế thuộc về tâm  
Tập là cảnh của trí (jnàna)  
Diệt, đạo và Phật địa  
Đều là cảnh của tuệ  
Đắc quả và Niết bàn  
Cùng với tám thánh đạo  
Khi biết các pháp ấy  
Là trí Phật thanh tịnh  
Nhãn căn cùng sắc cảnh  
Không, minh và tác ý  
Nên khiến từ tạng thức  
Sinh nhãn thức chúng sinh  
Năng, sở thủ, thủ giả  
Mỗi thứ đều không có  
Không nhân vọng phân biệt  
Ấy là kẻ vô trí  
Danh, nghĩa không sinh nhau  
Riêng danh nghĩa cũng thế  
Do nhân, vô nhân sinh  
Đều không ngoài phân biệt  
Vọng nói trụ chân đế  
Tùy kiến giải bày nói

Một tính, năm không thành  
Xa lìa nơi để nghĩa  
Hí luận về hữu, vô  
Nên vượt các ma ấy  
Khi đã thấy vô ngã  
Không vọng cầu các cõi  
Chấp tác giả là thường  
Chú thuật hưng tranh luận  
Chân để lìa ngôn thuyết  
Mà thấy pháp tịch tịnh  
Do nương vào tạng thức  
Mà có mặt na chuyển  
Dựa vào tâm và ý  
Mà có các thức sinh  
Các pháp hư vọng lập  
Cùng tâm tính, chân như  
Định giả quán như thế  
Thông đạt tính duy tâm  
Quán ý cùng tướng, sự  
Không nghĩ thường, vô thường  
Cùng với sinh, bất sinh  
Không phân biệt hai nghĩa  
Do nơi A lại gia  
Các thức đều sinh khởi  
Trọn không nơi một nghĩa  
Mà sinh hai món tâm  
Do thấy duy tự tâm

Lìa không, lìa ngôn thuyết  
Nếu không thấy tự tâm  
Bị lưới tà kiến trói  
Các duyên không từng sinh  
Các căn không chỗ có  
Không tham, không uẩn, giới  
Tất không các hữu vi  
Vốn không các nghiệp báo  
Không tác không hữu vi  
Xưa nay không chấp trước  
Không buộc cũng không mở  
Pháp hữu, vô, vô ký  
Pháp, phi pháp, đều không  
Không thời, không Niết bàn  
Pháp tính bất khả đắc  
Không Phật không chân đế  
Không nhân cũng không quả  
Không điên đảo, Niết bàn  
Không sinh cũng không diệt  
Lại không mười hai chi  
Biên, vô biên không có  
Hết thấy kiến đều đoạn  
Ta nói là duy tâm  
Phiền não nghiệp cùng thân  
Quả sở đắc của nghiệp  
Đều như huyễn như mộng  
Nhu Càn thất bà thành



Vì trụ nơi duy tâm  
Nên thấy có đoạn thường  
Niết bàn không các uẩn  
Không ngã cũng không tướng  
Đã nhập vào duy tâm  
Chuyển y được giải thoát  
Do ác tập làm nhân  
Ngoài hiện ra đại địa  
Cùng với các chúng sinh  
Duy tâm không thấy gì  
Hình bóng, thân, tài sản  
Do tập chúng sinh hiện  
Tâm không là hữu, vô  
Tập khí khiến không rõ  
Cấu hiện ra trong tịnh  
Không phải tịnh trong cấu  
Như mây che hư không  
Tâm không hiện cũng thế  
Tính vọng chấp nói có  
Nơi duyên khởi tất không  
Vì vọng kế mê chấp  
Duyên khởi không phân biệt.  
Không sở tạo đều (là) sắc  
Có sắc không sở tạo  
Mộng, huyễn, ánh, Càn thành  
Đều không phải được tạo.  
Nếu nơi pháp duyên sinh

Nói thật cùng không thật  
Kẻ ấy tất tin theo  
Các kiến nhất cùng dị.  
Thanh văn có ba hạng:  
Nguyện sinh và biến hóa  
Và lìa tham, sân si  
Từ chính pháp sinh ra.  
Bồ tát cũng ba hạng  
Chưa có các Phật tướng  
Vì nhớ nghĩ chúng sinh  
Mà hiện hình tướng Phật  
Các loại tâm chúng hiện  
Đều từ tập khí sinh  
Các loại hình và bóng  
Như sao, mây, trời, trăng  
Nếu đại chúng thật có  
Sẽ có "sở-tạo" sinh  
Vì đại chúng vô tính  
Nên không tướng năng, sở  
Đại chúng là năng tạo  
Địa thủy là sở tạo  
Đại chúng vốn vô sinh  
Nên không sở-tạo-sắc  
Sắc giả, thật các thứ  
Cùng huyễn sở tạo sắc  
Sắc mộng, sắc Càn thành  
Sắc năng là thứ năm

Năm hạng nhất xiển đề  
Năm chủng tính cũng vậy  
Ngũ thừa cùng phi thừa  
Niết bàn có sáu loại  
Các uẩn hai mươi bốn  
Các sắc có tám món  
Phật có hai mươi bốn  
Phật tử có hai loại  
Pháp môn trăm lẻ tám  
Thanh văn có ba hạng  
Các cõi Phật chỉ một  
Một Phật cũng như vậy  
Giải thoát có ba loại  
Tâm lưu chú có bốn  
Vô ngã có sáu thứ  
Sở tri cũng có bốn  
Xa lìa nơi tác giả  
Cùng lìa các lỗi kiến  
Trong tự chứng bất động  
Là vô thượng đại thừa  
Sinh cùng với bất sinh  
Có tám thứ chín thứ  
Một niệm cùng tiệm thứ  
Chứng đắc chỉ có một  
Vô sắc giới tám thứ  
Thiền sai biệt có sáu  
Các Phật tử, Bích chi

Xuất ly có bảy hạng  
Ba cõi tất không có  
Thường vô thường cũng không  
Tác nghiệp và quả báo  
Đều như chuyện trong mộng  
Chư Phật vốn không sinh  
Vì đệ tử Thanh văn  
Tâm thường không thấy được  
Các pháp đều như huyễn  
Nên ở nơi các cõi  
Từ Đâu suất nhập thai  
Sở sinh và xuất gia  
Không từ bào thai sinh  
Vì chúng sinh lưu chuyển  
Mà nói pháp Niết bàn  
Các đế cùng các cõi  
Tùy cơ khiến giác ngộ  
Thế gian, các châu, rừng  
Vô ngã, ngoại đạo, hành  
Thiền, thừa, A lại gia  
Quả, cảnh bất tư nghi  
Các loài tinh tú, trăng  
Các vua, các loài trời  
Loài Càn thát, dạ xoa  
Đều do nghiệp ái sinh  
Biến-dị-tử khôn lường  
Cũng cùng hiệp tập khí

Đến khi chết vĩnh tận  
Lưới phiên nào đã dứt  
Tiền lúa cùng vàng bạc  
Ruộng vườn và tôi tớ  
Voi ngựa và trâu dê  
Đều không nên nuôi giữ  
Không nằm giường có lỗ  
Không bôi bùn trát đất  
Bát bằng vàng, bạc đồng  
Đều không được nắm giữ  
Úng khí (vỏ) ốc, pha lê  
Đất, đá, cùng bằng sắt  
Đầy một lượng Ma kiệt  
Tùy bát ta cho phép  
Thường mặc màu thanh tịnh  
Nhuộm các mảnh giẻ trắng  
Bằng phân trâu, bùn, lá  
Thành sắc áo ca sa  
Con dao dài bốn ngón  
Có hình nửa mặt trăng  
Dùng để cắt vải áo  
Kẻ tu hành được giữ  
Chớ học các kỹ thuật  
Lại không được mua bán  
Nếu cần, sai tịnh nhân  
Đây là pháp ta dạy  
Thường giữ gìn các căn

Khéo rõ nghĩa kinh luật  
Không giao thiệp người tục  
Ấy là bậc tu hành  
Dưới cây trong hang núi  
Nhà thô, trong mả mồ  
Hang cỏ cùng đất trống  
Kẻ tu hành nên trú  
Trong mồ và chỗ khác  
Ba y mang theo mình  
Nếu khi thiếu áo mặc  
Có kẻ cho nên nhận  
Khi ra đi khát thực  
Nhìn phía trước một tầm  
Nhiếp niệm mà xin ăn  
Cũng như ong hút mật  
Chỗ có nhiều người nhóm  
Có chúng tỳ kheo ni  
Sinh sống với thế tục  
Đều không nên khát thực  
Các vua cùng con vua  
Quan lớn, kẻ giàu sang  
Kẻ tu hành khát thực  
Đều không nên thân gần  
Nhà có kẻ sinh và chết  
Nhà bạn bè, bà con  
Chỗ tặng ni hỗn tạp  
Người tu hành không ăn

Trong chùa khói không dứt  
Thường nấu các món ăn  
Nếu vì mình mà nấu  
Người tu hành không ăn  
Hàng giả quán thế gian  
Năng tướng cùng sở tướng  
Đều xa lìa sinh diệt  
Lại xa lìa hữu vô.

## QUYỂN BẢY

### *CHƯƠNG X KỆ TỤNG - PHẦN THỨ NHÌ*

Nếu những bậc tu hành  
Không khởi các phân biệt  
Không lâu được tam muội  
Lực, thông, và tự tại  
Kẻ tu hành không nên  
Vọng chấp nhân, vi trần  
Thời, thắng tính, tác giả  
Duyên sinh ra thế gian  
Thế gian do phân biệt  
Các thứ tập khí sinh  
Kẻ tu hành hãy quán

Các hữu như mộng huyễn  
Xa lìa kiến chấp thường  
Phủ định và xác định  
Thân, tài sản, chỗ ở  
Không phân biệt ba cõi  
Không nghĩ việc ăn uống  
Chính niệm đốn thân trú  
Luôn luôn cung kính lễ  
Chư Phật và Bồ tát  
Khéo giải nghĩa kinh luật  
Pháp lý thú chân thật  
Năm pháp, hai vô ngã  
Lại tư duy tự tâm  
Pháp nội chứng thanh tịnh  
Các địa cùng Phật địa  
Hành giả tu như thế  
Ngồi đài sen, (được) quán đánh  
Du hành khắp các nẻo  
Chán ghét tất cả hữu  
Đến gò mả, chỗ tịnh  
Tu tập các quán hạnh



Có vật không nhân sinh  
Vọng nói lìa đoạn, thường  
Lại nói lìa hữu, vô  
Vọng chấp là trung đạo  
Vọng chấp vô nhân luận  
Vô nhân là đoạn kiến  
Vì không rõ ngoại vật  
Phá hoại lý trung đạo  
Sợ sa vào đoạn kiến  
Không xả pháp sở chấp  
Vừa xác định phủ định  
Vọng nói là trung đạo  
Khi đã rõ duy tâm  
Xả lìa hết ngoại pháp  
Lại lìa vọng phân biệt  
Như thế hợp trung đạo  
Duy tâm, không có cảnh  
Không cảnh, tâm không sinh  
Ta và chư Như lai  
Nói đó là trung đạo  
Dù sinh hay không sinh

Tự tính, không tự tính  
Hữu và vô đều không  
Không nên phân biệt hai  
Không thể khởi phân biệt  
Kẻ ngu nói giải thoát  
Tâm không biết trí sinh  
Sao đoạn được nhị chấp  
Vì hiểu rõ tự tâm  
Đoạn được hai sở chấp  
Hiểu rõ nên đoạn được  
Không phải không phân biệt  
Biết rõ do tâm hiện  
Phân biệt sẽ không khởi  
Vì phân biệt không khởi  
Tâm chân như chuyển y  
Nếu thấy pháp khởi ra  
Lìa các lỗi ngoại đạo  
Niết bàn của bậc trí  
Không phải là diệt hoại  
Ta và chư Phật nói  
Biết vậy sẽ thành Phật

Nếu lại thêm phân biệt  
Tức là luận ngoại đạo  
Không sinh mà hiện sinh  
Không diệt mà hiện diệt  
Biến khắp muôn ức chỗ  
Liền hiện như trăng nước  
Một thân làm nhiều thân  
Đốt lửa cùng rưới mưa  
Tùy cơ hiện trong tâm  
Cho nên nói duy tâm  
Tâm cũng là duy tâm  
Phi tâm cũng tâm khởi  
Thông đạt các sắc tướng  
Tất cả đều duy tâm  
Hình tướng Phật, thanh văn  
Cùng hiện tướng Duyên giác  
Và các hình sắc khác  
Đều nói là duy tâm  
Từ nơi vô sắc giới  
Cho đến trong địa ngục  
Vì chúng sinh hiện khắp

Đều do tâm làm nên  
Các tam muội như huyền  
Cùng với thân ý sinh  
Mười địa và tự tại  
Đều do chuyển y thành  
Kẻ ngu bị tướng chuyển  
Theo thấy nghe hay biết  
Tự phân biệt điên đảo  
Bị hý luận làm động  
Hết thấy không, vô sinh  
Ta thật không Niết bàn  
Hóa Phật ở các cõi  
Nói tam thừa, nhất thừa  
Phật có ba mươi sáu  
Mỗi loại có mười hạng  
Tùy tâm khí chúng sinh  
Mà hiện ở các cõi  
Pháp Phật ở thế gian  
Cũng như tính vọng kế  
Tuy thấy có đủ thứ  
Kỳ thực không có gì

Pháp Phật là chân Phật  
Ngoài ra đều (là) Hóa Phật  
Tùy chủng tử chúng sinh  
Thấy hiện thân của Phật  
Vì mê hoặc các tướng  
Nên khởi ra phân biệt  
Phân biệt không khác chân  
Tướng bất (?) nơi phân biệt  
Tự tính cùng thọ dụng  
Hóa thân cùng Hiện hóa  
Ba mươi sáu vị Phật  
Đều do tự tính thành  
Do giống tập huân ngoài  
Mà sinh ra phân biệt  
Không giữ cái chân thật  
Mà giữ cái vọng chấp  
Mê hoặc do nội tâm  
Cùng duyên ở ngoài cảnh  
Chỉ hai thứ ấy khởi  
Không có duyên thứ ba  
Mê hoặc nương trong ngoài

Mà có ra sinh khởi  
Sáu mươi hai, mười tám  
Nên ta nói là tâm  
Biết chỉ có căn, cảnh  
Tất lià nơi ngã chấp (àtmagràha)  
Rõ tâm không cảnh giới  
Liền lià được pháp chấp  
Do nương nơi bản thức (àlaya)  
Mà có các thức sinh  
Do nương vào nội xứ  
Mà tự hình hiện ngoài  
Kẻ ngu thường phân biệt  
Hữu vi cùng vô vi  
Đều là bất khả đắc  
Như hoa đóm, mao luân  
Như thành Càn thất bà  
Như huyễn như ảo tượng  
Không có mà thấy có  
Duyên khởi pháp cũng thế  
Ta do ba thứ tâm  
Giả lập căn, cảnh, ngã

Mà tâm, ý, thức kia  
Tự tính thật không có  
Tâm ý cùng với thức  
Vô ngã có hai thứ  
Năm pháp và tự tính  
Ấy là cảnh giới Phật  
Nhân tập khí là một  
Mà thành ra ba tướng  
Nhu lấy một màu hòa  
Tường vẽ thấy các hình  
Năm pháp hai vô ngã  
Tự tính, tâm, ý thức  
Ở trong chủng tính Phật  
Đều là bất khả đắc  
Xa lìa tâm, ý, thức  
Lại lìa nơi năm pháp  
Và lìa nơi tự tính  
Đấy là chủng tính Phật  
Nếu nghiệp thân ngũ ý  
Không tu pháp bạch tịnh  
Chủng tính tịnh của Phật

Tất lìa nơi hiện hạnh  
Thần thông lực tự tại  
Tam muội, tịnh trang nghiêm  
Các thứ ý sinh thân  
Ấy chúng tính Phật tịnh  
Chỗ nội chứng vô cầu  
Xa lìa các tướng nhân  
Bát địa và Phật địa  
do Như lai tính thành  
Viễn hành cùng Thiện thế  
(Dùramgamà, Sàdhumatì)  
Pháp vân và Phật địa  
Đều là chúng tính Phật  
Ngoài ra đều nhị thừa  
Tâm Như lai tự tại  
Nhưng vì hàng ngu phu  
Tướng tâm có sai biệt  
Mà nói bảy thứ địa  
Địa thứ bảy không khởi  
Lỗi làm thân ngữ ý  
Sở y địa thứ tám



Như mộng thấy qua sông  
Địa thứ tám thứ năm  
Hiểu rõ công xảo minh  
Các Bồ tát hay làm  
Vua trong các cõi hữu  
Kẻ trí không phân biệt  
Sinh hay là không sinh  
Không cùng với bất không  
Tự tính, vô tự tính  
Thảy chỉ là tâm lượng  
Mà thật bất khả đắc  
Vì hàng nhị thừa nói  
Đây thật, đây hư vọng  
Không phải vì Bồ tát  
Không nên nói phân biệt  
Hữu phi hữu đều không  
Cũng không tương sát na  
Pháp giả, thật cũng không  
Ngoài tâm không có được  
Hữu pháp là tục đế  
Vô tính đệ nhất nghĩa

Mê hoặc chỗ vô tính  
Ấy tức là thế tục  
Hết thấy pháp đều không  
Ta vì hàng phàm ngu  
Theo tục giả bày nói  
Nhưng đây không chân thật  
Các pháp do ngôn khởi  
Tất có nghĩa sở hành  
Khi thấy do ngôn sinh  
Thì các pháp không có  
Nhu lìa tướng không hoa  
Lìa hình cùng không bóng  
Nếu tượng thức thanh tịnh  
Thì sóng thức không sinh  
Nương pháp thân có báo  
Từ Báo khởi Hóa thân  
Đây là Căn bản Phật  
Ngoài ra Hóa Phật hiện  
Không nên vọng phân biệt  
Không cùng với bất không  
Vọng chấp hữu và vô

Lời nghĩa đều không có  
Kẻ phàm vọng phân biệt  
Đức, thật, trần làm sắc  
Một mảy trần không có  
Cho nên không cảnh giới  
Chúng sinh thấy tướng ngoài  
Đều do tự tâm hiện  
Cái bị thấy đã không  
Nên không có ngoại cảnh  
Nhu voi bị sa lầy  
Không thể nào di động  
Thanh văn trú trong định  
Chìm đắm cũng như thế  
Nếu thấy các thế gian  
Do tập khí làm nhân  
Hữu vô đều không thấy  
Pháp vô ngã, giải thoát  
Tự tính là vọng kế (parikalpita)  
Duyên khởi tức y tha (paritantra)  
Chân như là viên thành  
Trong kinh ta thường nói

Tâm, ý cùng với thức  
Phân biệt cùng biểu thị  
Tạng thức làm ba cõi  
Đều đồng nghĩa với tâm  
thọ mạng, hơi ấm, thức  
A lại gia, mạng căn (jìvitendriyà)  
Ý cùng với ý thức  
Đều đồng nghĩa "phân biệt"  
Tâm hay giữ được thân  
Ý (manas) xét đoán suy lường  
Ý thức cùng năm thức  
Rõ cảnh giới tự tâm  
Hoặc thật có ngã thể  
Khác uẩn cùng trong uẩn  
Nơi đó tìm ngã thể  
Rốt ráo không thể được  
Quán thể gian mỗi mỗi  
Các phiền não chính, phụ  
Đều do tự tâm hiện  
Liả khổ được giải thoát  
Tâm trí thanh văn đạt

Tịch tịnh trí duyên giác  
Trí tuệ của Như lai  
Sinh khởi vô cùng tận  
Thật không có sắc ngoài  
Chỉ do tự tâm hiện  
Phàm phu không hay biết  
Vọng phân biệt hữu vi  
Không biết cảnh giới ngoài  
Các thứ đều do tâm  
Kẻ ngu dùng nhân, dụ  
Lập thành bốn cú nghĩa  
Bậc trí tất hiểu rõ  
Cảnh giới tự tâm hiện  
Không dùng tôn nhân dụ  
Lập ra các cú nghĩa  
Phân biệt, bị phân biệt  
Đều là tướng vọng kế  
Y chỉ nơi vọng kế  
Mà khởi thêm phân biệt  
Xoay chuyển nương lẫn nhau  
Đều do một tập khí

Cả hai đều là khách  
Không (phải) tâm chúng sinh khởi  
Ở yên trong ba cõi  
Phân biệt tâm, tâm sở  
Tợ cảnh giới hiện ra  
Là tự tính vọng kể  
Hình bóng cùng chủng tử  
Hợp thành mười hai xứ  
Sở y, sở duyên hợp  
Nói có vật được sinh  
Cũng như bóng trong gương  
Mắt lò thấy mao luân  
Tập khí che cũng thể  
Kẻ ngu khởi vọng kiến  
Nơi cảnh tự phân biệt  
Mà khởi thêm phân biệt  
Ngoại cảnh không thể có  
Nhu ngu không biết dây  
Làm cho dây là rắn  
Không hiểu tự tâm hiện  
Vọng phân biệt cảnh ngoài

Như thế tự thể dây  
Tính nhất dị đều lia  
Chỉ vì tâm mê lầm  
Vọng khởi phân biệt dây  
Khi vọng kế phân biệt  
Tính vọng kế không còn  
Như các vật cũng vậy  
Chỉ do phân biệt sinh  
Sở kiến tuyệt phi hữu  
Từ vô thi mê hoặc  
Khởi phân biệt hữu vi  
Pháp nào khiến mê hoặc  
Nguyện Phật vì con nói  
Các pháp không tự tính  
Chỉ do tự tâm hiện  
Không hiểu rõ tự tâm  
Cho nên phân biệt sinh.  
Như kẻ ngu phân biệt  
Vọng kế thật không có  
Có những cái khác thể  
Mà kẻ ngu không biết

Những cái bậc thánh có  
Kẻ ngu không biết đến  
Nếu thánh cũng như phàm  
Thì thánh có hư vọng  
Vì tâm thánh vốn tịnh  
Nên không có mê hoặc  
Tâm phàm ngu không tịnh  
Nên có vọng phân biệt  
Như mẹ bảo con thơ:  
"Thôi con đừng khóc nữa  
Trên trời có quả rơi  
Xuống nhiều cho con bắt"  
Ta vì chúng sinh nói  
Các thứ quả tướng tượng  
Khiến chúng vui ham theo  
Pháp thật là hữu vô  
Các pháp trước không có  
Các duyên không hòa hợp  
Vốn không sinh mà sinh  
Tự tính vốn không có  
Pháp chưa sinh không sinh



Lìa duyên, không chỗ sinh  
Pháp hiện sinh cũng thế  
Lìa duyên không thể có  
Quán thật chỉ duyên khởi  
Không hữu cũng không vô  
Không hữu vô cùng sinh  
Kẻ trí không phân biệt  
Kẻ ngu phu ngoại đạo  
Vọng nói tính nhất, dị  
Không hiểu lý duyên khởi  
Thế gian như huyễn mộng  
Đại thừa ta vô thượng  
Siêu việt nơi danh ngôn  
Nghĩa ấy rất rõ ràng  
Mà kẻ ngu không biết  
Thanh văn cùng ngoại đạo  
Thuyết họ đầy xan lẫn  
Khiến nghĩa đều biến đổi  
Tất cả do vọng kế  
Các tướng cùng tự thể  
Hình trạng cùng với tên

Bốn thứ ấy duyên nhau  
Mà khởi các phân biệt  
Chấp do Phạm, Tụ tại  
Một thân (Suz. nhân) cùng nhiều thân  
Cùng nhật nguyệt vận hành  
Kẻ ấy không (phải) con ta  
Đầy đủ các Thánh kiến  
Thông đạt pháp như thật  
Khéo léo chuyển các tướng  
Đến bên kia bờ thức  
Dùng pháp giải thoát này  
Lìa hẳn nơi hữu vô  
Cùng lìa chỗ khứ, lai  
Đẩy (là) con trong pháp ta  
Nếu sắc, thức chuyển diệt  
Các nghiệp bị hư hoại  
Tức là không sinh tử  
Cũng không thường, vô thường  
Nhưng khi chúng chuyển diệt  
Tuy xả ly sắc xứ  
Nghiệp vẫn ở tạng thức

Lìa lỗi lầm hữu vô  
Sắc thức tuy chuyển diệt  
Mà nghiệp không hoại mất  
Khiến ở trong các cõi  
Sắc thức lại tương tục  
Nếu các chúng sinh kia  
Nghiệp đã khởi bị hoại  
Ấy là không sinh tử  
Lại không có Niết bàn  
Nếu nghiệp cùng sắc thức  
Đồng thời mà diệt hoại  
(Nếu) trong sinh tử có sinh  
Sắc, nghiệp sẽ không khác  
Sắc, tâm và phân biệt  
Không khác, không không khác  
Kẻ ngu nói diệt hoại  
Mà thật lìa hữu, vô  
Duyên khởi cùng vọng kế  
Xoay vắn không tướng riêng  
Như sắc với vô thường  
Xoay chuyển sinh cũng thế

Đã lìa khác, không khác  
Vọng kế không thể biết  
Như sắc tính vô thường  
Vì sao nói có không  
Khéo đặt chỗ vọng kế  
Duyên khởi tất không sinh  
Do thấy chỗ duyên khởi  
Vọng kế tức chân như  
Nếu diệt tính vọng kế  
Tức là hoại pháp nhãn  
Bèn ở trong pháp ta  
Xác định cùng phủ định  
Các hạng người như thế  
Thường hủy báng chính pháp  
Kẻ kia cùng phi pháp  
Diệt hoại pháp nhãn ta  
Bậc trí không giao thiệp  
Lại bỏ việc tỳ kheo  
Vì phá hoại vọng kế  
Nên xác định, phủ định  
Nếu theo sự phân biệt

Khởi các kiến hữu, vô  
Hộ như huyễn, mao luân  
Mộng, năng cùng Càn thành  
Hộ không học Phật pháp  
Không nên cùng ở chung  
Đã tự do hai biên (?)  
Lại còn phá người khác  
Nếu có bậc tu hành  
Quán nơi tính vọng kế  
Vắng lặng lia hữu vô  
Phật tử nên cùng ở  
Nhu thế gian có chỗ  
Sinh vàng, ngọc ma ni  
Chỗ kia không tạo tác  
Mà chúng sinh thọ dùng  
Nghiệp tính cũng như vậy  
Xa lia các thứ tính  
Nghiệp được thấy vốn không  
Mà vẫn sinh các nẻo  
Nhu chỗ thánh biết rõ  
Pháp đều không có gì

Do kẻ ngu phân biệt  
Pháp vọng kế phi không  
Vì kẻ ngu phân biệt  
Pháp ấy không có vậy  
Đã không hết thấy pháp  
Chúng sinh không tạp nhiễm  
Vì có pháp tạp nhiễm  
Bị vô minh, ái buộc  
Hay khởi thân sinh tử  
Các căn tất đầy đủ  
Nếu nói ngu phân biệt  
Pháp này đều là không  
Thì không các căn sinh  
Kẻ tu hành không chơn  
Nếu không có pháp này  
Vẫn làm nhân sinh tử  
Kẻ ngu không đợi tu  
Tự nhiên mà giải thoát  
Nếu không có pháp kia  
Phàm Thánh làm sao phân  
Lại tất không Thánh nhân

Tu hành ba giải thoát  
Các uẩn cùng nhân, pháp  
Tự, cộng tướng sáu tướng  
Các duyên và các căn  
Ta vì Thanh văn nói  
Duy tâm và không nhân  
Các địa và tự tại  
Chân như tịnh nội chứng  
Ta vì Bồ tát nói  
Đời vị lai sẽ có  
Kẻ mặc áo ca sa  
Vọng nói chỗ hữu, vô  
Hủy hoại chính pháp ta  
Pháp duyên khởi vô tính  
là lãnh vực chư Thánh  
Tính vọng kế không vật (Bhàva)  
Kẻ suy tính phân biệt  
Vị lai có kẻ ngu  
Các ngoại đạo Kiệt ma (Kanabhuj)  
Nói ra luận vô nhân (Asatkàryavàda)  
Ác kiến hoại thế gian

Vọng nói các thế gian  
Đều do vi trần sinh  
Mà trần kia không nhân  
Chín món thật vật thường  
Do thật mà sinh thật  
Do đức mà sinh đức  
Pháp tính khác với đây  
Hủy báng nói không có  
Nếu vốn không mà sinh  
Thế gian có nhân đầu  
Sinh tử không nhân đầu  
Ấy là pháp của ta  
Hết thấy vật ba cõi  
Vốn không mà sinh ra  
Thì lừa, chó sinh sùng  
Đáng lẽ không nghi ngại  
Noãn sắc thức vốn không  
Mà nay mới có sinh  
Áo, mũ, đệm các thứ  
Lẽ ra do bùn sinh  
Trong vải không có đệm



Trong cây bồ cũng không  
Trong mỗi duyên sao không  
Đều sinh ra cái đê  
Nếu mạng và thân kia  
Vốn không mà nay sinh  
Như ta đã nói trước  
Đấy là luận ngoại đạo  
Tôn ta nói trước kia  
Vì để ngăn ý ấy  
Khi ngăn ý ấy rồi  
Sau mới nói tên mình  
Sợ rằng chúng đê tử  
Mê chấp tôn hữu vô  
Nếu ta vì kẻ ấy  
Trước nói luận ngoại đạo (tithavàda)  
Ác tuệ Ca tỳ la  
Vì các đê tử nói  
Thắng tính sinh thế gian  
(Bị cầu na) chuyển biến  
Vì các duyên không có  
Không đã sinh, hiện sinh

Các duyên đã là không  
Không sinh không bất sinh  
Tôn ta lìa hữu vô  
Lại lìa các nhân duyên  
Sinh diệt và sở tướng  
Hết thấy đều xa lìa  
Thế gian như huyễn mộng  
Nhân duyên đều vô tính  
Thường quán sát như vậy  
Phân biệt tuyệt không khởi  
Nếu quán được các hữu  
Nhu ảo tượng, mao luân  
Lại như Tầm hương thành  
Thường lìa hữu lìa vô  
Nhân duyên đều xả ly  
Khiến tâm được thanh tịnh  
Nếu nói không ngoại cảnh  
Mà chỉ có tâm thôi  
Không cảnh tức không tâm  
Làm sao thành duy thức (cittamàtra)  
Nếu có cảnh sở duyên

Tâm chúng sinh khởi lên  
Không nhân tâm không sinh  
Làm sao thành duy thức  
Chân như cùng duy thức  
Là lãnh vực chúng Thánh  
Có danh ngôn không thật  
Không giải được pháp ta  
Do năng thủ sở thủ  
Mà tâm có sinh khởi  
Tâm thế gian như vậy  
Nên không là duy tâm  
Hình bóng, thân, tài, đất  
Nhu huyễn, do tâm sinh  
Tâm tuy phân làm hai  
Mà tâm không hai tướng  
Nhu dao không tự cắt  
Nhu ngón không tự sờ  
Tâm không tự thấy mình  
Việc ấy cũng như vậy  
Không có hình tượng xứ  
Tất không y tha khởi

Tính vọng kế cũng không  
Năm pháp hai tâm diệt  
Năng sinh và sở sinh  
Đều là tướng tự tâm  
Mật ý nói năng sinh  
Mà thật không tự sinh  
Các thứ cảnh hình trạng  
Nếu do tướng tượng sinh  
Hư không cùng sùng thờ  
Đáng cũng thành cảnh tướng  
Tợ cảnh do tâm khởi  
Cảnh ấy không phải vọng  
Nhưng cảnh vọng kế kia  
Lìa tâm không thể có  
Trong vô thí sinh tử  
Cảnh giới đều không có  
Tâm không có chỗ khởi  
Làm sao thành hình tượng  
Nếu vật không có (mà) sinh  
Sùng thờ đáng cũng sinh  
Không thể vô vật sinh

Mà khởi ra phân biệt  
N như bóng gương không có  
Thì trước kia cũng không  
làm sao trong vô cảnh  
Mà tâm duyên cảnh khởi  
Chân như, không, thật tế  
Niết bàn cùng pháp giới  
Hết thấy pháp không sinh  
Ấy tính đệ nhất nghĩa  
Kẻ ngu sa hữu vô  
Phân biệt các nhân duyên  
Không thể biết các hữu  
Không sinh, không tác giả  
(Do) tâm vô thi làm nhân  
Duy tâm không có vật  
Đã không cảnh vô thi  
Tâm do đâu mà sinh?  
Vô vật mà sinh được  
Thì nghèo đáng là giàu  
Vô cảnh mà sinh tâm  
Nguyện Phật vì con nói

Hết thấy đều không nhân  
Không tâm cũng không cảnh  
Tâm đã không chỗ sinh  
Lìa chỗ làm ba cõi  
Nhân các bình, áo, sùng  
Mà nói không sùng thờ  
Cho nên không được nói  
Không có pháp nhân nhau  
Không nhân có mà không  
Cái không ấy không thành  
Có đối không cũng thế  
Xoay chuyển nhân nhau khởi  
Nếu y theo vài pháp  
Mà có vài pháp khởi  
Ấy tức cái đã y  
Không nhân mà tự có  
Nếu vật có chỗ nương  
Chỗ nương cũng có nương  
Thì thành lỗi vô cùng  
Lại không có ít pháp  
Như nương các cây lá

Hiện ra các huyễn tướng  
Chúng sinh cũng như vậy  
Nương sự hiện các vật  
Nương năng lực huyễn sư  
Kẻ ngu thấy huyễn tướng  
Nương nơi các cây lá  
Không huyễn nào có được  
Nếu y chỉ nơi sự  
Pháp ấy tức liền hoại  
Sở kiến đã không hai  
Còn chút nào phân biệt  
Phân biệt không vọng kể  
Phân biệt cũng không có  
Vì phân biệt là không  
Không sinh tử Niết bàn  
Do không (cái) bị phân biệt  
Phân biệt tất không khởi  
Làm sao tâm không khởi  
Mà có được duy tâm  
Ý sai biệt vô lượng  
Đều không pháp chân thật

Không thật không giải thoát  
Lại không các thế gian  
Như kẻ ngu phân biệt  
Sở kiến ngoài đều không  
Tập khí quấy đục tâm  
Như hình ảnh hiện ra  
Các thứ pháp hữu, vô  
Hết thấy đều không sinh  
Chỉ duy tự tâm hiện  
Xa lìa nơi phân biệt  
Nói các pháp do duyên  
Cho kẻ ngu, chẳng trí  
Tự tính tâm giải thoát  
Tịnh tâm lãnh vực thánh  
Số, thắng cùng lộ hình (nanga)  
Phạm chí (Vipra) và tự tại  
Đều sa vào vô kiến  
Xa lìa nghĩa tịch tịnh  
Không sinh, không tự tính  
Ly cấu, không như huyễn  
Phật xưa và Phật nay



Vì ai nói như vậy  
Kẻ tịnh tâm tu hành  
Lìa các kiến, kế đạt  
Chư Phật vì họ nói  
Ta cũng nói như vậy  
Nếu tất cả do tâm  
Thế gian ở chỗ nào  
Nhân gì thấy đại địa  
Chúng sinh có đi lại  
N như chim bay trong không  
Tùy phân biệt mà đi  
Không nương cũng không ở  
N như đạp đất mà đi  
Chúng sinh cũng như vậy  
Do nơi vọng phân biệt  
Đạo đi nơi tự tâm  
N như chim trong hư không  
Bóng thân, tài, quốc độ  
Phật nói chỉ tâm khởi  
Xin nói bóng chỉ (là) tâm  
Nhân gì, vì sau khởi

Bóng thân, tài, quốc độ  
Đều do tập khí chuyển  
Lại nhân không như lý  
Phân biệt mà sinh ra  
Cảnh ngoài là tướng tượng  
Tâm duyên cảnh mà sinh  
Rõ cảnh chỉ là tâm  
Thì phân biệt không khởi  
Nếu thấy tính vọng kế  
Danh nghĩa không hòa hợp  
Xa lìa giác, sở giác  
Giải thoát các hữu vi  
Danh, nghĩa đều xa lìa  
Đấy là pháp chư Phật  
Nếu lìa đó cầu ngộ  
Tất không giác tự tính  
Nếu thấy được thể gian  
Lìa năng giác, sở giác  
Khi ấy tất không khởi  
Phân biệt danh, sở danh  
Do thấy được tự tâm

Danh tự vọng tác diệt  
Không thấy được tự tâm  
Tất khởi lên phân biệt  
Bốn uẩn không sắc tướng  
Số bốn không có được  
Đại chủng tính khác tên  
Làm sao cùng sinh sắc  
Do lia được các tướng  
Năng sở tạo không có  
Dị sắc riêng có tướng  
Các uẩn sao không sinh  
Nếu thấy được vô tướng  
Uẩn xứ đều xả ly  
Khi ấy tâm cũng ly  
Nên thấy pháp vô ngã  
Do căn cảnh sai khác  
Sinh ra tám loại thức  
Ở trong vô tướng kia  
Ba tướng ấy đều lia  
Ý duyên A lại gia  
Khởi chấp ngã, ngã sở

Cùng hai chấp của thức  
Biết rõ tất xa lìa  
Quán thấy lìa nhất, dị  
Ấy tức không bị động  
Lìa nơi ngã, ngã sở  
Hai thứ vọng phân biệt  
Không sinh không tăng trưởng  
Lại không lâm (?) nhãn thức  
Đã lìa năng sở tác  
Diệt rồi không sinh lại  
Thế gian không năng tác  
Lại lìa tướng năng sở  
Vọng kế cũng duy tâm  
Ra sao xin Phật nói  
Tự tâm hiện các thứ  
Phân biệt các hình tướng  
Không hiểu do tâm hiện  
Vọng cho là ngoài tâm  
Vì không có trí giác  
Nên khởi ra vô kiến  
làm sao nơi tính hữu

Mà tâm không sinh chấp  
Phân biệt không hữu, vô  
Nên nơi hữu không sinh  
Rõ sở kiến duy tâm  
Phân biệt tất không khởi  
Vì phân biệt không khởi  
Chuyển y không chỗ vương  
Đình chỉ bốn tông kia  
Gọi là nhân pháp hữu  
Đấy là phân biệt tên  
Chỗ lập đều không thành  
Nên biết nhân năng tác  
Cũng thành lập như thế  
Vì người thuyết năng tác  
Nói nhân duyên hòa hợp  
Vì ngăn lỗi chấp thường  
Nói duyên là vô thường  
Kẻ ngu nói vô thường  
Mà thật không sinh diệt  
Không thấy pháp hoại diệt  
Mà vẫn có sở tác

Trời, người, A tu la  
Quý, súc sinh, diêm la  
chúng sinh sinh trong đó  
Ta nói là lục đạo  
do nghiệp thượng, trung, hạ  
Mà thọ sinh trong đó  
Giữ gìn các thiện pháp  
Mà được thắng giải thoát  
Phật vì các tỳ kheo  
Nói các chỗ thọ sinh  
Niệm niệm đều sinh diệt  
Xin Phật vì con nói  
Sắc sắc không tạm ngừng  
Niệm niệm cũng sinh diệt  
Ta vì đệ tử nói  
Sinh diệt cũng như thế  
Phân biệt là chúng sinh  
Lìa phân biệt không có  
Ta vì nhân duyên ấy  
Nói các niệm niệm sinh  
Nếu lìa bám nơi sắc

Không sinh cũng không diệt  
Duyên sinh không duyên sinh  
Vô minh cùng chân như  
Hai pháp nên có khởi  
Không hai tức chân như  
Nếu duyên kia không duyên  
Sinh pháp có sai biệt  
Thường, vô thường, các duyên  
Có năng tác sở tác  
Đó tức đại Mâu ni  
Cùng chư Phật đã nói  
Có năng tác sở tác  
Không khác với ngoại đạo  
Ta vì Phật tử nói  
Thân là khổ ở đời  
Cùng là tập ở đời  
Diệt, đạo tất đều đủ  
Kẻ ngu vọng phân biệt  
Nên giữ ba tự tính  
Thấy có năng, sở thủ  
Thế cùng xuất thế pháp

Ta trước quán đối đãi  
Nói thủ nơi tự tính  
Nay vì ngăn các kiến  
Không nên vọng phân biệt  
Tìm lỗi là phi pháp  
Lại khiến tâm không định  
Đều do hai thủ khởi  
Không hai tức chân như  
Nếu vô minh, ái, nghiệp  
Mà sinh ra các thức  
Tà niệm lại có nhân  
Ấy tức lỗi "vô cùng"  
Không trí nói các pháp  
Có bốn thứ hoại diệt  
Vọng khởi hai phân biệt  
Pháp thật là hữu, vô  
Xa lìa bốn cú nghĩa  
Lại lìa nơi nhị kiến  
Hai thứ phân biệt khởi  
Biết rõ không sinh lại  
Trong bất sinh biết sinh



Trong sinh biết bất sinh  
Vì pháp kia đồng đẳng  
Không nên khởi phân biệt  
Nguyện Phật vì con nói  
Lý ngăn ngừa hai kiến  
Khiến con cùng các chúng  
Thường không sa hữu, vô  
Không lẫn ngoại đạo luận  
Lại xa lìa nhị thừa  
Chỗ mà Phật đã chứng  
Chỗ con Phật không lùi  
Giải thoát nhân phi nhân  
Cùng một tướng vô sinh  
Vì mê chấp dị danh  
Kẻ trí nên thường lìa  
Pháp do phân biệt sinh  
N như mao luân, huyễn ảo  
Ngoại đạo vọng phân biệt  
Thế do tự tính sinh  
Vô sinh cùng chân như  
Tính không và chân tế (bhùtakoti)

Các thứ ấy đồng nghĩa  
Không nên chấp là không  
Nhu lông có nhiều tên  
Tên Đế thích cũng thế  
Các pháp cũng như vậy  
Không nên chấp là không  
Sắc và không không khác  
Vô sinh cũng như thế  
Không nên chấp là khác  
Thành ra lỗi kiến chấp  
Vì phân biệt tổng, biệt  
Cùng với biến phân biệt  
Chấp trước các tự tướng  
Dài ngắn cùng vuông tròn  
Tổng phân biệt (samkalpa) là tâm  
Biến phân biệt (parikalpa) là ý  
Biệt phân biệt (Vikalpa) là thức  
Đều lia tướng năng sở  
Trong pháp ta khởi kiến  
Cùng vô sinh ngoại đạo  
Đều là vọng phân biệt

Lỗi lầm, đều không khác  
Nếu có người rõ được  
Pháp vô sinh ta nói  
Cùng cái vô sinh làm  
Người ấy hiểu pháp ta  
Vì muốn phá các kiến  
Vô sinh vô trú xứ  
Khiến biết hai nghĩa ấy  
Nên ta nói vô sinh  
Phật nói pháp vô sinh  
Dù là hữu hay vô  
Tức đồng với ngoại đạo  
Luận vô nhân, bất sinh  
Ta nói là Duy tâm  
Xa lìa nơi hữu vô  
Dù sinh hay bất sinh  
Kiến ấy đều nên lìa  
Vô nhân nói không sinh  
Sinh tất chấp tác giả  
Tác tức lẫn các kiến  
Vô tức tự nhiên sinh

Phật nói các phương tiện  
Chính kiến cùng đại nguyện  
Hết thấy pháp nếu không  
Thì sao thành đạo tràng  
Lìa năng thủ sở thủ  
Không sinh cũng không diệt  
Chỗ thấy pháp phi pháp  
Đều do tự tâm khởi  
Thuyết do Mâu ni nói  
Trước sau tự mâu thuẫn  
Vì sao nói các pháp  
Lại nói là không sinh  
Chúng sinh không thể biết  
Nguyện Phật vì con nói  
Được lìa lỗi ngoại đạo  
Cùng cái nhân điên đảo (Visamàhetu)  
Duy nguyện bậc Thắng thuyết  
Nói chỗ sinh và diệt  
Đều lìa nơi hữu vô  
Mà không hoại nhân quả  
Thế gian sa nhị biên

Bị các kiến mê hoặc  
Nguyện xin đấng Mắt xanh  
Nói thứ lớp các địa  
Thủ, sinh, cùng bất sinh  
Không rõ nhân tịch diệt  
Đạo tràng không chỗ được  
Ta cũng không nói gì  
Pháp sát na đều không  
Không sinh không tự tính  
Các Phật đã sạch hai  
Có hai tức thành lỗi  
Bị các kiến che lấp  
Phân biệt không phải Phật  
Tướng tượng ra sinh diệt  
Nguyện vì chúng con nói  
Tích tập các hí luận  
Do hòa hiệp mà sinh  
Tùy chúng loại hiện ra  
Sắc cảnh đều đầy đủ  
Thấy các ngoại sắc rồi  
Bèn khởi ra phân biệt

Nếu hiểu được chỗ ấy  
Tức thấy nghĩa chân thật  
Đều lìa nơi đại chúng  
Các Phật đều không thành  
Đại chúng đã duy tâm  
Nên biết không gì sinh  
Tất thuận chúng tính thánh  
Chớ phân biệt phân biệt  
Không phân biệt là trí  
Phân biệt nơi phân biệt  
Là hai, không Niết bàn  
Nếu lập tôn vô sinh  
Tất hoại cái huyễn pháp  
Nếu không nhân khởi huyễn  
Tồn giảm tự tôn mình  
Ví như bóng trong gương  
Tuy lìa tính một, khác  
Chỗ thấy không phải không  
Tướng sinh cũng như vậy  
Nhu Càn thành, vật huyễn  
Tức đối nhân duyên có

Các pháp cũng như vậy  
tuy sinh mà không sinh  
Phân biệt nơi nhân pháp  
Mà khởi hai thứ ngã  
Đây chỉ thế tục nói  
Kẻ ngu không biết rõ  
Do nguyện và tập khí  
Tự lực và tối thắng  
Thứ năm pháp thanh văn  
Mà có các La hán  
Thời gian và hoại diệt  
Thắng giải cùng đối đời  
Bốn thứ vô thường ấy  
Ngu phân biệt, không (phải) trí  
Kẻ ngu đọa nhị biên  
Vi trần, tự tính (praktri), tác (Kàrapa)  
Vi chấp tôn hữu, vô  
Không biết nhân giải thoát  
Đại chủng trái nghịch nhau  
Đâu hay khởi sắc tướng  
Chỉ là tính đại chủng

Không có sắc sở tạo  
Lửa thiêu hoại sắc tướng  
Nước đắm chìm mọi vật  
Gió thổi phăng mọi sự  
Làm sao sinh các sắc  
Sắc uẩn và thức uẩn  
Chỉ có hai không năm  
Ngoài ra chỉ tên khác  
Ta nói là cừu oán  
Tâm, tâm sở (cittacaitta) sai biệt  
Mà khởi ra hiện pháp  
Phân tích các sắc tướng  
Chỉ tâm, không vật tạo  
Xanh trắng đối đãi nhau  
Tác sở tác cũng thế  
Sở sinh và Tính không  
Lạnh nóng, tướng sở tướng  
Cùng hết thấy hữu vô...  
Tướng tượng, không có thật  
Tâm ý và sáu thức  
Cùng tương ưng lẫn nhau



Đều nương tựa thức sinh  
Không một cũng không khác  
Số, tháng và Lộ hình  
Những kẻ chấp Tụ tại  
(Tàrkika, Isvarodita)  
Đều sa vào hữu vô  
Xa lìa nghĩa tịch diệt  
Đại chúng sinh hình (samthàna)  
tướng (àkriti)  
Không sinh ra đại chúng  
Ngoại đạo nói đại chúng  
Sinh đại chúng và sắc  
Ngoài các pháp vô sinh  
Ngoại đạo chấp tác giả  
Theo nơi tôn hữu, vô  
Kẻ ngu không biết rõ  
Tướng thanh tịnh chân thật  
Cùng ở với đại trí  
Chỉ cùng tâm tương ưng  
Không hòa hiệp với ý, (vv.)  
Nếu nghiệp đều sinh sắc

Tất trái nhân các uẩn  
Chúng sinh đừng nên chấp  
Vô hữu trú vô sắc  
Nói sắc mà không có  
Thì chúng sinh cũng không  
Luận vô sắc là đoạn  
Các thức cũng không sinh  
Thức nương bốn chỗ trú  
Nói vô sắc sao được?  
Nội ngoại đã không thành  
Nên thức cũng không khởi  
Nếu thức chúng sinh (là) không  
Tự nhiên được giải thoát  
Ấy là luận ngoại đạo  
Kẻ vọng kế không biết  
Hoặc có kẻ chấp trước  
Các uẩn có trung gian  
Như sinh cõi vô sắc  
Vô sắc làm gì có  
Sắc ở trong vô sắc  
Tức không thể thấy được

Vô sắc tức trái tôn

Không xe, người đi xe (thừa, thừa giả)

Thức do tập khí sinh

Cùng các căn hòa hiệp

Tám thức trong sát na

Đều không thể nắm giữ

Nếu các sắc không khởi

Các căn không phải căn

Cho nên Thế Tôn nói

Căn, sắc, Sát nị ca (Ksanika)

Vì sao không rõ sắc

Mà có thức sinh được?

Vì sao thức không sinh

Mà có thọ sinh tử

Các căn cùng căn cảnh

Thánh giả hiểu nghĩa ấy

Kẻ ngu si vô trí

Vọng chấp thủ danh kia

Không nên chấp đệ lục

Có thủ cùng không thủ

Vì lia các lỗi lầm

Bậc thánh không định thuyết

Các ngoại đạo vô trí

Sợ hãi nơi đoạn thường

chấp hữu vi vô vi

Cùng ngã không sai khác

Hoặc chấp ngã là tâm

Hoặc là khác với ý

Tính một có thể giữ

Tính khác cũng như thế

Nếu thủ đã quyết định

Đặt tên tâm, tâm sở

Chấp thủ ấy vì sao

Không giải quyết "tính một"

Có thủ cùng tác nghiệp

Chứng đắc, nên thọ sinh

Như do lửa mà thành

Ý nghĩa giống, không giống

Như khi lửa thiêu đốt

Củi, vật đều cùng cháy

Vọng chấp ngã cũng thế

Vì sao không sở thủ

Dù sinh hay không sinh  
Tâm tính thường thanh tịnh  
Chỗ lập ngã ngoại đạo  
Sao không lấy ví dụ?  
rừng mê hoặc của thức  
Vì vọng xa chân pháp  
Vì ưa thích ngã luận  
Mà tìm cầu bỉ thử  
Chỗ của trí nội chứng  
Tướng chân ngã thanh tịnh  
Đấy tức Như lai tạng  
Ngoại đạo không biết được  
Phân tích các uẩn ra  
Năng thủ và sở thủ  
Nếu biết được tướng ấy  
Tức sinh trí chân thật  
Các kẻ ngoại đạo kia  
Ở trong vòng thức tạng  
Chấp Mạt na là ngã  
Không phải chỗ Phật nói  
Nếu rõ được chỗ này

Giải thoát thấy chân đế  
Khiến tu các phiền não  
Đoạn trừ liền thanh tịnh  
Bản tính thanh tịnh tâm  
Chỗ chúng sinh cầu được  
Nhu lai tạng vô cấu  
Xa lìa biên, vô biên  
Bổn thức ở trong uẩn  
Nhu vàng, bạc trong quặng  
Gạn lọc thành tươi sạch  
Vàng bạc đều hiện rõ  
Phật không phải người, uẩn  
Chỉ là trí vô lậu  
Biết rõ thường tịch tịnh  
Là chỗ về của ta  
Bản tính thanh tịnh tâm  
Tùy phiền não, ý thấy  
Cùng với ngã tương ưng  
Nguyện Phật vì con nói  
Tự tính thanh tịnh tâm  
Ý thấy là cái gì

nghiệp tích tụ của nó  
Tạp nhiễm nên thành hai  
Ý thấy(v.v.), ngã, phiền não  
Làm nhiễm ô tịnh tâm  
Ví như nước trong kia  
Mà có các cấu bẩn  
Như áo được lìa dơ  
Cũng như vàng lìa quặng  
Áo, vàng đều không hoại  
Tâm lìa lỗi cũng thế  
kẻ vô trí tìm cầu  
Ổng tiêu cùng loa trống  
Để tìm các tiếng hay  
Ngã trong uẩn cũng thế  
Như phụ nữ mang thai  
Tuy có, không thể thấy  
Ngã chân thật trong uẩn  
Vô trí không thấy được  
Như tinh túy trong thuốc  
Lại như lửa trong cây  
Ngã chân thật (kudgala) trong uẩn

Vô trí không thấy được  
Không tính trong các pháp  
Cùng với tính vô thường  
ngã chân thật trong uẩn  
Vô trí không thấy được  
Các địa, tự tại, thông  
Quyền, đánh, thắng, tam muội  
Nếu không có chân ngã  
Những thứ ấy đều không  
Có người phá hoại nói:  
"nếu có, chỉ ngã ra"  
Bậc trí nên đáp rằng:  
"Phân biệt ấy là ngã"  
Kẻ nói không chân ngã  
Báng pháp, chấp hữu vô  
Tỳ kheo nên yết ma  
Trục xuất chớ giao thiệp  
Thuyết chân ngã bùng thịnh  
Nhu lửa kiếp tận nổi  
Thieu rừng rậm vô ngã  
Lìa các lỗi ngoại đạo



Như tô, lạc, thạch mật  
Cùng các thứ dầu ăn  
Tất cả đều có vị  
Kẻ chưa nếm không biết  
Ở trong thân các uẩn  
Năm món tìm cầu ngã  
Kẻ ngu không hiểu được  
Trí thấy tức giải thoát  
Dụ do minh trí lập  
Còn không rõ được tâm  
Nghĩa chứa đựng trong đó  
Làm sao hiển hiện rõ  
Tướng sai biệt các pháp  
Không rõ chỉ một tâm  
Kẻ suy lường vọng chấp  
Không nhân và không khởi  
Bạc định quán nơi tâm  
Tâm không thấy được tâm  
Kiến do sở kiến sinh  
Sở kiến nhân gì khởi  
Họ ta Ca chiên diên (kàtyàyana)

Ra khỏi Tịnh cư thiên (sùddhàvāsa)

Vì chúng sinh nói pháp

Khiến nhập Niết bàn thành

Duyên nơi pháp bốn trú

Ta cùng chư Như lai

Trong ba nghìn quyển kinh

Rộng nói Niết bàn pháp

Dục giới và vô sắc

Không ở đó thành Phật

Cõi trời sắc cứu cánh (Rùpadhàtvakanisttha)

Lìa dục được Bồ đề

Cảnh giới không chuyển nhân

Nhân chuyển được cảnh giới

Kiểm bén trí bậc tu

Cắt lia phiền não kia

Vô ngã làm sao có

Các pháp huyễn hữu vi

Kẻ ngu thấy chân như

Sao nói không chân ngã

Pháp đã làm, chưa làm

Đều không nhân mà khởi

Hết thấy đều vô sinh  
Kẻ ngu không hiểu được  
Pháp năng tác không sinh  
Sở tác và các duyên  
Cả hai đều không sinh  
Làm sao chấp năng tác  
Kẻ vọng kể nói có  
Nhân trước sau đồng thời  
Dụ bình, các đệ tử  
Nói các vật sinh khởi  
Phật không là hữu vi  
Các tướng tốt đầy đủ  
Là công đức luân vương  
Đó không phải Như lai  
Phật lấy trí làm tướng  
Xa lìa các kiến chấp  
Lãnh vực tự nội chứng  
Đoạn hết thấy lỗi lầm  
Điếc mù cùng ngọn cỏ  
Già, trẻ, ôm hờn oán  
Nhất là những kẻ ấy

Không có phần phạm hạnh  
Tùy hảo ản là trời  
Tướng ản là Luân vương  
Cả hai đều phóng dật  
Chỉ hiện nơi người tu  
Sau khi ta chết rồi  
Sẽ có Tỳ da xá (Vyàsa)  
Kana (Kanàda) Lê sa bà (Rishabha)  
Kiếp tỳ la (Kapila) xuất hiện  
Một trăm năm sau ta  
Thuyết của Tỳ da xá  
Cùng luận Bà đa la (Bhàraka) v.v..  
Rồi có Bán trạch sa (Bàndava)  
Kiều vi bà (Kaurava), La ma (Ràma)  
Lại có Mao cuồng vương (Mauri)  
Nan đà (Nanda) và Cúc đa (Gupta)  
Đến Miệt lợi xa vương (Mleccha)  
Sau đó đao binh khởi  
Rồi có thời hắc ám (Kaliyuga)  
Thời ấy các thế gian  
Không tu hành chính pháp

Qua sau các thời ấy  
Thế như bánh xe lăn  
Lửa, mặt trời hòa hiệp  
Thieu đốt ở cõi dục  
Lại lập các cõi trời  
Thế gian lại thành tựu  
Các vương cùng bốn họ  
Các tiên cùng pháp hóa  
Vệ đà cùng tế tự  
Sẽ có pháp ấy thịnh  
Pháp đàm luận hí tiểu  
Trường hàng và giải thích  
Tôi nghe như vậy v.v..  
Mê hoặc nơi thế gian  
Các thứ y nhận được  
Nếu có thứ chính sắc  
Lấy bùn xanh phân trâu  
Nhuộm đi cho hủy màu  
Hết thấy các y phục  
Phải lia tướng ngoại đạo  
Hiện tướng bậc tu hành

Tướng oai nghiêm của Phật  
(y phục phải nghiêm chỉnh)  
Cần phải buộc giầy lưng  
Lọc nước rồi hãy uống  
Lần lượt mà khát thực  
Không đến chỗ phi xứ  
Sinh cõi trời thắng diệu  
Và sinh trong loài người  
Đủ các tướng quý báu  
Sinh trời và vua người  
Vua có bốn thiên hạ  
Pháp giáo trụ lâu đời  
Lên cao tột cung trời  
Do tham nên thối thất  
Thuần thiện (Ktrayuga) cùng ba thời  
Hai thời, thời cực ác  
Phật khác hiện thời thiện  
Thích ca ra đời ác  
Sau khi ta Niết bàn  
Tất đạt đa họ Thích  
Tỳ nữ (Visnu), Đại tự tại (Mahesvara)

Các ngoại đạo cũng xuất

Như vậy tôi nghe v.v..

Điều Thích sư tử nói

Đàm cổ (purāvttara) cùng tiểu ngữ (Itihàsa)

Tiên tỳ dạ sa nói

Sau khi ta Niết bàn

Tỳ nữ, Đại tỳ tại

Các thuyết kia nói rằng:

Ta làm nên thế gian

Ta tên Phật ly trần (Viraja-jina)

Họ Ca đa diễn na (Kàtyàyana)

Cha tên Thế gian chủ (Prajàpati)

Mẹ hiệu là Cự tài (Vasumati)

Ta sinh nước Chiêm bà (Campà)

Ông nội trước của ta

Do dòng mặt trăng sinh (Somavamsa)

Nên hiệu là Nguyệt tạng (Somagupta)

Xuất gia tu khổ hạnh

Diễn nói ngàn pháp môn

Thọ ký cho Đại huệ

Rồi sau đó diệt độ

Đại huệ truyền Đạt ma (Dharma)  
Đạt ma truyền Di khư lê (Mekhala)  
Di khư gặp thời ác  
Kiếp tận pháp sẽ diệt  
Ca diếp Câu lưu tôn  
Câu na hàm Mưu ni  
Cùng ta ly trần cấu  
Đều sinh thời thuần thiện  
Khi thời thiện dần giảm  
Có đạo sư tên Huệ (Mati)  
Thành tựu đại đồng mãnh  
Giác ngộ được năm pháp  
Không phải nhị, tam thời  
Cũng không thời cực ác  
Chỉ trong thời thuần thiện  
Mới hiện đẳng chính giác  
Áo tuy không rách rưới  
Nhưng vải vụn vá thành  
Như lỗ đười Không tước  
Không có ai xâm đoạt  
Hoặc hai ngón ba ngón



Cách nhau mà may thành  
Nếu làm khác như thế  
Kẻ ngu sinh tham trước  
Chỉ giữ ba chiếc áo  
Thường tắt lửa tham dục  
Tắm trong nước trí huệ  
Ngày đêm ba thời tu  
Nhu phóng tên rất mạnh  
Tên roi phóng tên khác  
Lại như hai đầu cân  
Thiện bất thiện cũng thế  
Nếu một hay sinh nhiều  
Tất có tương dị biệt  
Kẻ cho hãỵ như ruộng  
Kẻ nhận hãỵ như gió  
Nếu một hay sinh nhiều  
Hết thảy không nhân có  
Nhân sở tác bị hoại  
Ấy là thuyết vọng kế  
Nếu thuyết của vọng kế  
Thêm dụ đèn, hạt giống

Một mà sinh ra nhiều  
Chỉ tương tự, không nhiều  
Mè thì không sinh đậu  
Đậu nhỏ không (phải) giống lúa  
Sao nói một sinh nhiều  
Danh thủ (pàṇini) tạo Thanh luận (Sabhanātri)  
Quảng chủ tạo Vương luận  
vọng thuyết theo thể luận  
Sẽ sinh trong phạm tạng  
Ca đa diên (Kātyāyana) tạo kinh  
(Tiên) Thọ bì (Yajñavalka)  
Câu lưu (Bhūdhuka) tạo thiên văn  
Thời ác thế sẽ có  
Chúng sinh các thế gian  
Nhờ phước được làm ma  
Đúng pháp cai trị thế  
Giữ gìn cho cõi nước  
Thanh nghị (Vāluṛika) cùng Xích đậu (Masurākṣha)  
Trắc tích (Kauṭilya) và Mã hành (Asvalayana)  
Những đại phúc tiên ấy  
Sẽ xuất hiện đời sau

Tất đạt đa dòng Thích

Bộ đa (Bhùtanta), ngũ Kế giả (Pancacudaka)

Ngũ lực (Vàgbali) cùng Thông huệ (Medhàvin)

Cũng ra đời về sau

Ta ở nơi rừng hoang

Phạm vương đến cho ta

Trần bì (Ajina), Tam kỳ trượng (dandakàsthà)

Bác điều (Mekhalà) cùng quân trì (Cakramandala)

Bậc đại tu hành này

Sẽ thành đáng ly cấu

Nói pháp chân giải thoát

Tướng của các Mâu ni

Phạm vương cùng phạm chúng

Các trời cùng chúng trời

Cho ta áo da nai

Trở về cùng tự tại

Ta ở trong rừng cây

Tứ thiên vương để thích

Cho ta y phục đẹp

Cùng với bát khát thực

Nếu lập luận bất sinh

Nhân ấy sinh rồi sinh  
Lập vô sinh như thế  
Chỉ là thuyết hư huyền  
Do vô thi tích tập  
Vô minh nhân của tâm  
Sinh diệt nối tiếp nhau  
Phân biệt của vọng kế  
Tăng khu luận có hai  
Thắng tính cùng biến dị  
Trong thắng có sở tác  
Sở tác phải tự thành  
Thắng tính cùng với vật  
Câu na nói sai biệt  
Các món tác sở tác  
Biến dị đều không được  
Nhu thủy ngân trong sạch  
Bụi bản không thể nhiễm  
Tạng thức sạch cũng thế  
Nơi chúng sinh y chỉ  
Nhu các thứ rau hôi  
Vị muối và thai tạng

Chủng tử cũng như thế  
Tại sao mà không sinh  
Tính nhất và tính dị  
Câu bất câu cũng thế  
Không sở thủ mà có  
Không vô vi, hữu vi  
Trong ngựa không tính trâu  
Ngã trong uẩn cũng thế  
Chỗ nói vi, vô vi  
Đều không có tự tính  
Trong giáo lý tìm ngã  
Là ác kiến vọng cầu  
Không hiểu nên nói có  
Chỉ vọng thủ, không ngoài  
Ngã ở trong các uẩn  
Một, khác đều không thành  
Lỗi làm kia rõ rệt  
Kẻ vọng kế không biết  
Như gương nước và mắt  
Hiện ra các thứ hình  
Xa lìa tính một, khác

Ngã trong uẩn cũng vậy  
Hành giả tu chính định  
Kiến (darsana), đế (satya) cùng với đạo (màrga)  
Siêng tu ba thứ ấy  
Giải thoát các ác kiến  
Như ở trong khe cửa  
Thấy ánh chớp qua mau  
Pháp thiên biến cũng thế  
Không nên khởi phân biệt  
Phàm phu tâm mê hoặc  
Chấp Niết bàn có, không  
Nếu có được thánh kiến  
Như thật mà hiểu được  
Nên biết pháp biến dị  
Xa lìa nơi sinh diệt  
Lại tìm nơi hữu vô  
Cùng với tướng năng sở  
Nên biết pháp biến dị  
Xa lìa luận ngoại đạo  
Lại lìa nơi danh, tướng  
Diệt ngã kiến bên trong

Thân sung sướng cõi trời  
Thân bị khổ địa ngục  
Nếu không có trung hữu  
Các thức không thể sinh  
Nên biết trong các đường  
Các loại thân chúng sinh  
Loài sinh từ thai, trứng v.v..  
Đều do trung hữu sinh  
Lìa thánh giáo chính lý  
Diệt dục hoặc càng tăng  
Là cuồng thuyết ngoại đạo  
Kẻ trí không nên nói  
Trước nên rõ biết ngã  
Và các thủ phân biệt  
Không biết rõ phân biệt  
Như con người Thạch nữ  
Ta lìa xa nhục nhãn  
Dùng huệ nhãn thiên nhãn  
Thấy các thân chúng sinh  
Lìa các hành các uẩn  
Quán thấy trong các hành

Có sắc tốt sắc xấu  
Giải thoát, không giải thoát  
Có kẻ ở cõi trời  
kẻ thọ nhân các cõi  
Chỉ mình ta biết được  
Vượt chỗ thế gian biết  
Không phải cảnh suy lường  
Vô ngã mà tâm sinh  
Tâm ấy làm sao sinh  
Há không nói tâm sinh  
Như sông, đèn, hạt giống?  
Nếu không vô minh v.v..  
Tâm thức tất không sinh  
Lìa vô minh không thức  
Làm sao sinh tương tục  
Thuyết của kẻ vọng chấp  
Ba đời và phi thể  
Thứ năm không thể nói  
Chỗ các đức Phật biết  
Các hành, thủ, sở thủ  
Đều là nhân trí tuệ



Không nên nói trí tuệ  
Gọi tên là các hành  
Vì có nhân duyên ấy  
Tất có pháp này sinh  
Không riêng có tác giả  
Đây là pháp ta nói  
Gió không thể sinh lửa  
Nhưng khiến lửa bùng dậy  
lại do gió lửa tắt  
Làm sao dụ cho ngã?  
Chỗ nói vi, vô vi  
Đều lia nơi các thủ  
Sao kẻ ngu phân biệt  
Lấy lửa mà lập ngã  
Sức các duyên xoay vần  
Cho nên sinh ra lửa  
Nếu phân biệt như lửa  
Ngã ấy do ai sinh  
vì ý thấy làm nhân  
Các uẩn, xứ tích tụ  
Ông thương chủ vô ngã

Thường với tâm cùng khởi  
Cả hai như mặt trời  
Xa lìa năng, sở tác  
Lửa không thể thành lập  
Kẻ vọng kế không biết  
Chúng sinh, tâm, Niết bàn  
Bản tính thường thanh tịnh  
Nhiễm thói lỗi vô thi  
Không khác như hư không  
Các ngoại đạo tượng ngoại (Hastisayya)?  
Bị các kiến tạp nhiễm  
Ý thức làm che khuất  
Chấp lửa là thanh tịnh  
Nếu được như thật kiến  
Sẽ đoạn được phiền não  
Xả rừng rậm tà dụ (Drstàntagahana)  
Đến lãnh vực của Thánh  
Phân biệt thành khác nhau  
Giữa trí cùng sở tri  
Kẻ ngu vì không biết  
Nói chỗ không nên nói

Như ngu lấy gỗ khác  
Làm chiên đàn (candanàgaru), trầm thủy  
Vọng chấp cùng chân trí  
Nên biết cũng như vậy  
Ăn xong cầm bát về  
Tẩy rửa cho sạch sẽ  
Súc miệng sạch các vị  
Nên tu hành như thế  
Nếu nơi pháp môn này  
Suy nghĩ đúng như lý  
Tịnh tín lìa phân biệt  
Thành tựu định tối thắng  
Lìa chấp, ở nơi nghĩa  
Thành kim cang pháp đấng  
Phân biệt nơi hữu vô  
Cùng các lưới ác kiến  
Ba độc thấy đều lìa  
Được tay Phật quán đánh  
Ngoại đạo chấp năng tác  
Mê phương hướng không nhân  
Sợ hãi thuyết duyên khởi

Đoạn diệt, không thánh tính

Các quả báo biến khởi

Là các thức cùng ý

Ý từ tạng thức sinh

Thức nương Mạt na khởi

Tạng thức khởi các tâm

Như biển khơi sóng lớn

Do tập khí làm nhân

Tùy duyên mà sinh khởi

Sát na tương nối nhau

Chấp cảnh giới tự tâm

Các món hình cùng tướng

Ý căn và thức sinh

Do ác tập vô thi

Mà sinh tợ ngoại cảnh

Chỗ thấy chỉ là tâm

Ngoại đạo không hiểu được

Nhân kia và duyênkia

Mà sinh ra các thức

Cho nên khởi các kiến

Trôi lăn trong sinh tử

Các pháp như huyễn mộng  
Trắng đáy nước, Càn thành  
Nên biết hết thủy pháp  
Chỉ là tự phân biệt  
Chính trí nương chân như  
Mà khởi các Tam muội  
Thủ lãng nghiêm như huyễn  
Các Tam muội như thế  
Được nhập vào các địa  
Tự tại và thần thông  
Thành tựu trí như huyễn  
Được các Phật rưới đầu  
Thấy thế gian hư dối  
Khi ấy tâm chuyển ý  
Được vào hoan hỷ địa (Muditabhùmi)  
Các địa cùng Phật địa  
Đã được chuyển y rồi  
Như ma ni nhiều màu  
Lợi ích cho chúng sinh  
Tùy hiện như trăng nước  
Xa lìa kiến hữu, vô

Cùng với câu, bất câu  
Siêu việt hạnh nhị thừa  
Lại siêu đệ thất địa  
Pháp hiện chứng bên trong  
Tùng bậc mà tu tập  
Xa lìa các ngoại đạo  
Nên nói là đại thừa  
Nói pháp môn giải thoát  
Như sừng thỏ, ma ni  
Xả ly các phân biệt  
Lìa chết cùng biến dịch  
Giáo do lý mà thành  
Lý nhờ giáo mà rõ  
Nên y giáo, lý này  
Chớ lại thêm phân biệt.

**HẾT**